

# NHỮNG NGÀY KHÓI LỬA

Trung tướng Trần Quý Hai

Nhà xuất bản: **Thuận Hóa**

Năm xuất bản: **1984**

Số hóa: **Macbupda**

Tạo ebook: **Tô Hải Triều**

Phát hành ebook: <http://www.taisachhay.com>



## MỤC LỤC

NHỮNG NGÀY KHÓI LỬA .....	1
LỜI NHÀ XUẤT BẢN .....	3
I. ĐƯỜNG RA CỔ ĐỒ .....	5
II. NHỮNG NGÀY CHUẨN BỊ .....	17
III. KHÓI LỬA RỰC ĐỎ THÀNH .....	28
IV. KHI BÓNG ĐÊM TRÙM XUỐNG .....	41
V. TRỜI HỨNG SÁNG .....	54
VI. NÔNG THÔN VÙNG DÂY .....	64
VII. TRỞ LẠI CHIẾN KHU .....	91
VIII. “AI LÊN TRÊN NÚI MÀ COI” .....	115
IX. LY RƯỢU TRÊN PHÁ TAM GIANG .....	119
X. QUÉT SẠCH BÙN NHƠ .....	131
XI. ĐỘI QUÂN NGẦM TRONG THÀNH PHỐ HUẾ .....	135
XII. LUYỆN QUÂN LẬP CÔNG .....	139
XIII. BẢO TỔ LẠI NỔI LÊN .....	142
XIV. ĐẠI BÀNG VỖ CÁNH .....	163
XV. CHIẾN DỊCH MỞ ĐẦU .....	174
XVI. KHI MÙA LÚA CHÍN .....	180
XVII. TRÊN SÔNG KIẾN GIANG .....	182
XVIII. CHIẾN CÔNG NỐI TIẾP CHIẾN CÔNG .....	185
XIX. HỆ THỐNG BỐT “ĐỜ-LA-TUA” VÀ KHẨU SÚNG “BÔ-PHO” .....	192
XX. THANH HƯƠNG .....	195
XXI. Ô HỒ LƯỚI THỦNG .....	215
XXII. VÙNG GIẢI PHÓNG RỘNG MÊNH MÔNG .....	221
XXIII. XUÂN VỀ TRÊN NƯỚC BẠN .....	235
XXIV. VÀI DÒNG SUY NGHĨ .....	262

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cách đây 30 năm, tháng 7 năm 1954, hòa bình lập lại trên bán đảo Đông Dương, kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng chống thực dân Pháp của ba dân tộc.

Lịch sử lại ghi thêm một giai đoạn oai hùng trong pho sử vàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Trong cuộc chiến đấu quyết liệt đó, quân và dân Bình Trị Thiên đã cùng với cả nước đứng lên hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch theo Đảng tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính, lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thắng.

Nhớ lại, ghi lại và giữ lại những gì có được qua lịch sử đấu tranh của dân tộc nhằm ôn lại không khí hào hùng trong quá khứ của các cuộc kháng chiến vừa qua, học tập và phát huy khí thế cách mạng đó trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là một yêu cầu quan trọng và cấp bách đối với tất cả chúng ta.

Nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 – 22-12-1984), chúng tôi đề nghị Trung tướng Trần Quý Hai, một trong những đồng chí lãnh đạo lực lượng vũ trang Bình Trị Thiên hồi bấy giờ, ghi lại những hồi ức của mình về cuộc kháng chiến chống Pháp của quân và dân Bình Trị Thiên.

Nói về chiến trường Bình Trị Thiên, đúng như Trung tướng Trần Quý Hai đã viết: “Cũng ít thấy một chiến trường nào, đất hẹp, núi biển gần sát nhau, hai đầu hai ngọn đèo cao chắn lại, bị kẻ thù chiếm đóng, khủng bố, đánh phá ác liệt liên miên, mà lại có một sức sống, chiến đấu kiên cường, bền bỉ như thế!”, “Bình Trị Thiên đã trở thành biểu tượng về một chiến trường gian khổ, ác liệt, giàu tinh thần chiến đấu bất khuất. Đồng bào ca nước đã giành cho Bình Trị Thiên những tình cảm thương yêu quý mến”.

Trong vài dòng suy nghĩ cuối sách, đồng chí Trung tướng nói: “Với tập sách nhỏ này, tôi không có tham vọng kể lại toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Trị Thiên. Tôi chỉ muốn nêu lên một số chuyện về hoạt động của các lực lượng vũ trang nhân dân ở đó”.

Chưa phải ghi chép toàn bộ cuộc kháng chiến thần thánh ấy ở Bình Trị Thiên, nhưng tập hồi ký đã nêu bật: Sức mạnh của chiến tranh nhân dân là vô tận. Sức mạnh đó đã được chứng minh qua thực tế của cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây và phát huy trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chống Trung Quốc xâm lược ngày nay ở Bình Trị Thiên nói riêng và cả nước nói chung.

3000 ngày chống Pháp, là 3000 ngày gian lao vất vả, hy sinh, nhưng quân và dân Bình Trị Thiên luôn đoàn kết nhất trí, bền gan mưu lược đánh giặc đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhân dân Bình Trị Thiên rất tự hào về lực lượng vũ trang của mình. Bởi họ luôn luôn mang trong mình một phẩm chất cao quý - Anh bộ đội Cụ Hồ - tên gọi triu mến của cả nước để gọi chiến sĩ ta từ ngày quân đội ra đời đến nay. Trong hoàn cảnh nào người chiến sĩ cách mạng vẫn một lòng “Trung với Đảng, hiếu với dân... nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Trung tướng Trần Quý Hai, dù bận nhiều công việc, tuổi cao, vẫn giành thời giờ hoàn thành tập hồi ký và nhà văn Nguyễn Khắc Thứ đã giúp Nhà xuất bản tu chỉnh lại bản thảo.

Xin chân thành giới thiệu “Những ngày khói lửa” với bạn đọc.

**NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA**

## I. ĐƯỜNG RA CỐ ĐÔ

Cuối tháng 11 năm 1946, tôi đang ở Quảng Ngãi, phụ trách lớp huấn luyện cho thanh niên bốn tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, thì có điện khẩn của anh Nguyễn Chí Thanh gọi ra Huế nhận nhiệm vụ mới.

Nhận được điện, lòng tôi hơn hẳn khoan vì lớp huấn luyện bị bỏ dở. Nhưng rồi tôi nghĩ: ngoài ấy chắc cần...

Tôi đến báo cáo với anh Nguyễn Sơn, hồi ấy làm chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Liên khu V, cũng đóng ở Quảng Ngãi. Anh Sơn nói:

- Anh Thanh đã gọi, anh cứ đi. Nếu xảy ra đánh nhau thì ngoài đó quan trọng hơn trong này nhiều.

Lời nhận xét của anh Nguyễn Sơn không phải không có cơ sở. Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, Đức, Ý, Nhật đầu hàng. Theo sự phân công của Đồng minh, ở Đông Dương, quân Anh vào giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào. Phía Bắc, giao cho quân Tàu Tưởng.

Khi quân Anh đổ bộ lên, quân Pháp theo sau. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp được quân Anh giúp sức, đã nổ súng tiến công ta ở Sài Gòn, rồi đánh rộng ra vùng đồng bằng Nam bộ, các tỉnh miền Nam Trung bộ và ở Tây Nguyên. Quân dân ta ở các nơi chống trả rất quyết liệt.

Ở miền Trung Trung bộ, bọn lính Pháp, sau cuộc đảo chính của Nhật, chạy trốn sang Lào, được tập hợp và trang bị lại, cũng đánh vào miền tây Quảng Bình, Quảng Trị. Quân dân Bình Trị Thiên đã anh dũng chiến đấu, chặn đứng chúng ở Pa Lan, Sêpôn, Mụ Dạ, Banapháo...

Ở Bắc bộ hai mươi vạn quân Tàu Tưởng kéo vào mang theo lũ Việt gian bán nước Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Hải Thần. Chúng cũng muốn xâm chiếm Việt Nam với một chính quyền tay sai của chúng.

Nhưng trước sức mạnh đại đoàn kết của nhân dân ta ủng hộ chính quyền mới do Bác Hồ lãnh đạo, bọn Tàu Tưởng đành phải bỏ mộng xâm lăng, đồng ý cho thực dân Pháp thay chúng ở miền Bắc, đổi lấy một số đất mà thực dân Pháp đã chiếm trên đất Trung Hoa. Với chiến lược “hòa để tiến”, gạt bỏt kẻ thù ra khỏi nước, ta đã đồng ý cho quân Pháp ra miền Bắc thay thế quân Tàu Tưởng.

Vì lẽ đó, 750 lính Pháp ở Lào được kéo vào Huế, cộng thêm 250 kiều dân Pháp ở đây được trang bị vũ khí, tạo nên một lực lượng đáng kể. Nếu xảy ra đánh nhau thì mặt trận Huế sẽ rất quan trọng, trong lúc ở Quảng Ngãi không có bóng dáng một tên lính thực dân.

Tôi đồng ý với những nhận định của anh Sơn.

Sau đó, tôi bàn giao công việc còn lại với Thường vụ tỉnh ủy. Trước khi chia tay, anh Sơn nói với tôi:

- Anh ra công tác ngoài ấy sẽ gặp nhiều khó khăn đấy. Huế là nơi cổ đô của triều đình cũ, và cũng là thủ phủ của bọn thực dân Pháp ở Trung kỳ. Huế là nơi tập trung quân quan lại phong kiến và bọn tay sai bán nước đầu sỏ. Chúng có thể sẽ gây cho ta nhiều phiền phức nếu chiến sự xảy ra. Anh nên hết sức cẩn thận.

Câu nói của anh Sơn đã gợi trong suy nghĩ của tôi một cái gì vương vướng đối với phong trào cách mạng ở nơi mình sắp đến công tác.

Một đồng chí trong Thường vụ nói đùa:

- Bọn quan lại phong kiến, hay bọn Việt gian bán nước không đáng sợ lắm. Chỉ sợ ba cô gái Huế thôi! Anh không nhớ các cụ ta trước đây có nói “học trò trong Quảng ra thi, thấy cô gái Huế chân đi không rời” sao?

Chúng tôi cùng cười. Hồi ấy tôi mới ngoài ba mươi, mặc bộ quần áo ka ki vàng của anh Phạm Văn Đồng cho sau hội nghị Tân Trào, chân

xỏ vào đôi giày ba-ta đã cũ. Còn bộ bà ba đen, cái màn muối và mấy cuốn vở học văn hóa xếp gọn trong khăn gói, xách tay. Thế thôi.

Trên tàu, phần lớn là cán bộ, bộ đội, một số đồng bào các tỉnh phía Nam sơ tán ra, lĩnh lĩnh những quang gánh, bồ bịch. Các chuyến tàu vào, nhiều toa chở đầy bộ đội Nam tiến. Tiếng hát hùng tráng của các chiến sĩ trẻ vang vang át cả tiếng tàu chạy. Mỗi khi vào ga, tránh đoàn tàu chúng tôi, họ ló đầu ra ngoài cửa sổ, nhìn chúng tôi, mặt tươi cười, giơ tay vẫy vẫy.

Tàu vừa dừng ở ga Đà Nẵng đã có hàng chục gánh cơm của các mẹ, các chị gánh lên toa phân phát cho bộ đội. Tôi chưa phải là bộ đội, nhưng vì ngồi chung toa với anh em bộ đội nên cũng được nhận một suất cơm ăn như mọi người. Cơm gạo trắng, nấu rất dẻo, nén chặt trong lá chuối. Mỗi nắm cơm kèm theo một gói thức ăn nhỏ, cũng bọc lá như nhau nhưng bên trong thì khác: thịt lợn, tôm khô hoặc muối lạc, muối vừng... có lẽ do nhiều gia đình góp lại...

Một bác hát dạo bước vào tàu, tay cầm cái đàn bầu. Bác đã già, khoảng ngoài năm mươi, người dong dỏng cao, mặc bộ đồ bà ba đen đã bạc màu, hai mắt đục lờ chắc không thấy rõ. Một anh đội trẻ tuổi vì tính, nói đùa:

- Các mẹ, các chị chu đáo quá. Lại “bới” cả cho anh em văn nghệ nữa!

Một bà mẹ cười:

- Bác ấy hay hát trên các chuyến tàu Huế - Đà Nẵng đó!

Bác hát dạo cầm ngang cây đàn, vừa nẩy lên mấy tiếng dạo đầu thì anh chiến sĩ đã nói:

- Khoan, khoan, mời “lão nghệ sĩ” xơi với chúng tôi miếng cơm rồi sẽ hát sau.

Anh vừa nói, vừa bẻ nắm cơm đưa bác một nửa. Chúng tôi cùng chia bớt thức ăn cho bác... Ăn uống xong, tàu chạy. Bác hát dạo cất giọng.

Lúc đầu, bác ca những bản “Nam bằng”, “Nam ai”, rồi bác chuyển sang ngâm vè, bài vè “Thất thủ kinh đô”. Giọng bác khi thì lâm ly, ai oán, khi thì hùng hực khí thế căm thù. Cả toa im lặng ngồi nghe. Nhiều người đến đưa cho bác tiền.

Tôi ngồi im lặng, đưa mắt nhìn qua cửa toa. Tuy tiết mùa đông, nhưng là một ngày nắng đẹp. Nắng chói lòa tỏa xuống những lũy tre, làng mạc, cánh đồng bên đường tàu chạy. Thỉnh thoảng, trên các đường cái, từng đoàn biểu tình cầm cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ, hô vang các khẩu hiệu: “Ủng hộ Nam bộ kháng chiến”, “Phản đối thực dân Pháp xâm lược”, “Hồ Chủ tịch muôn năm”. Đó đây trên các bãi cỏ rộng, những đội dân quân tập bắn súng, ném lựu đạn múa côn quyền. Trên các cánh đồng, đàn ông, đàn bà cuốc đất, làm cỏ, tát nước rất hăng say. Thấy tàu chúng tôi đi qua họ dừng tay, nhìn chúng tôi tươi cười giơ nón, giơ tay vẫy vẫy...

Tàu đến Liên Chiểu thì dừng lại, chuẩn bị leo đèo Hải Vân. Đèo cao, tàu phải chạy hai máy. Máy trước kéo, máy sau đẩy, khói phụt đen trời. qua ba cái hầm đào thông lòng núi, khói tỏa mù mịt làm cho nhiều người ngạt thở, ho sòng sọc. Ra khỏi hầm, khói tan, khí trời lại quang đãng. Một bên là núi, một bên là biển cả mênh mông. Sóng bạc đầu nhấp nhô, cuộn cuộn. Xa khơi, những cánh buồm trắng vệt vờ, ẩn hiện những cánh cò bay về nơi ít tấp khi nắng xế chiều. Đây đã là địa phận tỉnh Thừa Thiên, nơi tôi sắp nhận công tác mới. Tôi chăm chú quan sát hai bên đường. Thấp thoáng, ven đèo, giữa những lùm cây um tùm rập rập, một con đường ngoằn ngoèo, có nhiều xe đang chạy nặng nề, chậm chạp. Vẫn cạnh tượng một bên là rừng núi vùi vùi, âm u, một bên là biển khơi thăm thẳm. Giặc muốn đánh Huế phải đổ bộ lên Đà Nẵng. Vì Đà Nẵng có cảng sâu tàu vào được, rồi kéo quân ra đây, không còn con đường nào khác. Giặc qua đây, ta dễ đánh. Đúng như binh thư cha ông ta thường nói “Một người giữ ải, muôn ngựa khó qua”. Giặc chỉ đi được bằng đường sắt hay đường bộ. Đường sắt phải chui qua ba cái hầm tối mù mịt hai bên toàn núi



dựng đứng sừng sững. Tàu leo dốc phải hai máy, tàu xuống dốc không dám chạy nhanh, sợ trật đường ray. Đường bộ, xe leo lên ải phải ì à, ì ạch, xuống ải, cũng phải kìm lại, chạy từ từ, vô ý lao xuống biển. Địa thế đèo này thuận lợi trong việc đánh phục kích giao thông...

Qua khỏi đèo Hải Vân, đến Lăng Cô, Thừa Lưu, Nước Ngọt, Cầu Hai, Nong, Truồi, đâu đâu, tôi cũng nhìn kỹ, quên cả nghe lời ca, giọng hát của người hát dạo đang chuyển sang điệu hò mái nhì, một điệu hò điệu dàng uyển chuyển của các cô gái sông Hương.

Khoảng ba bốn giờ chiều, tàu đến Huế.

Tôi đến thẳng trụ sở Việt Minh Trung bộ đóng ở ngoài cửa Thượng Tứ, phía bắc sông Hương. Tôi đưa bức điện cho người thường trực. Anh ta vào, chỉ lát sau anh Thanh bước ra.. Tôi rất mừng rỡ. Xa nhau chỉ mấy tháng tưởng chừng như mấy năm, bây giờ, tôi mới gặp lại anh. Anh gầy, nước da ngăm ngăm, hơi tai tái như hồi ở nhà tù Buôn Ma Thuật. Trong bộ áo quần bà ba nâu, dáng anh đi vẫn nhanh nhẹn như trước. Thấy tôi, anh tươi cười giơ tay cho tôi bắt:

- Anh ra sớm thế, tôi cứ tưởng vài ba ngày nữa anh mới đến!

- Dạ, nhận được điện khẩn của anh, tôi đi ngay. Tôi biết ngoài này đang chờ...

- Phải, ngoài này đang chờ và đang rất cần. Tình hình căng thẳng lắm. Rất khẩn trương - anh nhấn mạnh ba chữ “rất khẩn trương”, chiến tranh toàn quốc sắp nổ ra. Thừa Thiên - Huế sẽ là một chiến trường rất quan trọng - Xứ ủy gọi anh ra để tăng cường cán bộ cho Thừa Thiên - Huế.

Anh lôi tôi vào phòng làm việc của anh. Phòng tương đối rộng, có nhiều bàn ghế. Trên tường, giữa treo ảnh Bác Hồ lồng trong khung kính trên băng khâu hiệu giấy đỏ chữ vàng “Hồ Chí Minh muôn năm”. Ngoài ra, không còn bức tranh, bức ảnh nào khác.

Anh kéo một chiếc ghế cạnh bàn làm việc và mời tôi ngồi. Anh nói:

- Công việc của chúng ta sắp tới sẽ có nhiều khó khăn đấy. Việc gì đối với chúng ta bây giờ cũng khó cả. “Vạn sự khởi đầu nan” mà! Nhưng dù sao vẫn thuận lợi hơn trước ngày tổng kinh nghiệm. Có quyết tâm, vừa làm việc vừa rút kinh nghiệm, chắc chắn chúng ta sẽ qua được.

Bỗng anh lãng sang chuyện khác:

- Anh đã ăn gì chưa? Có đói không? Tôi cho người đi mua gì về cho anh ăn nhé!

Tôi vội vàng từ chối:

- Dạ, không đói! Tôi đã ăn trên tàu rồi. Tối, anh cho ăn luôn.

- Cũng được! Tối nay, anh ăn cơm với tôi.

Trước đây, hồi còn ở tù Buôn Ma Thuột, anh vẫn coi tôi như người nhà, như anh em ruột thịt. Chúng tôi đối với nhau rất thân mật, không khách khứa bao giờ, cho nên anh rất tin lời tôi nói.

Sau đó, anh hỏi tôi tình hình nhân dân, bộ đội, cán bộ, tình hình chính trị các đô thị, các vùng nông thôn các tỉnh miền trong. Và anh kể cho tôi nghe những vụ khiêu khích của bọn thực dân Pháp những ngày gần đây ở Hà Nội, Hải Phòng... Anh kết luận:

- Chung quy, chúng muốn đánh chiếm cả nước ta mà thôi. Cho nên chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng. Hễ có lệnh là chúng ta đánh đập đầu chúng tức khắc.

Trong lúc nói, anh nhìn thẳng vào mặt tôi, đôi mắt rực lên cương quyết. Mãi mãi sau này, tôi vẫn nhớ đôi mắt anh lúc đó.

Gần tối, tôi về nhà riêng của anh ở phía trong thành. Nhà nhỏ và hẹp, xung quanh có mảnh vườn nho nhỏ trồng cà, ớt, rau khoai. Hôm đó,

mẹ anh lên chơi. Bà đã già, ngoài sáu mươi nhưng còn rất khỏe, da dẻ hồng hào, tóc mới điểm bạc. Anh Thanh nói với mẹ:

- Hôm nay, con có khách, mẹ cho anh ấy ăn với!

- Được thôi! Có chi mô, chỉ thêm đũa, thêm bát.

Bữa cơm đã dọn sẵn. Giữa mâm, có đĩa mít luộc chấm mắm nêm, vài con cá thệ kho khô, một bát canh rau ngót nấu với tôm, đặc biệt có đĩa thịt heo thái rất mỏng để bên cạnh chén con tôm chua và đĩa khế, chuối chát xắt lát, trên rắc mấy ngọn rau thơm, rau răm và mấy quả ớt đỏ mọng.

Anh Thanh cười:

- Hôm ni ăn sang ghê!

Bà mẹ cũng cười:

- Chưa sang mô, còn sang nữa tê!

Bà xuống bếp, bưng lên một nồi cơm. Lúc mở vung, cơm trắng tinh, mùi thơm bay ra thơm phức. Bà lấy đũa xới cơm ra bát, nói nói, cười cười:

- Gạo de đây! Gạo de An Cựu đây!

Rồi bà đọc luôn:

Tôm rần bóc vỏ bỏ đuôi

Gạo de An Cựu để nuôi mẹ già!

Tiếng cười của bà vang lên, sang sảng, vô tư:

- Nói rằng, gạo de An Cựu để nuôi mẹ già! Nhưng chính tôi nuôi hần, không phải hần nuôi tôi. Hôm ni, dì hần ở An Cựu biết tôi lên chơi có đem sang cho tôi một miếng thịt và mấy lon gạo de, của nhà làm lấy, không phải mua mô. Ăn đi anh, ăn cho biết gạo de An Cựu xứ Huế,.

Gạo ni trước chỉ có vua chúa ăn chứ con nhà nghèo bọn mình đâu dám rời tới. Ăn đi anh, ăn cho biết mùi đời!

Chúng tôi vui vẻ cầm đĩa.

Mấy hôm sau, tôi nhận được quyết định của Thường vụ Xứ ủy bổ sung tôi vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên. Anh Thanh cho biết thêm, vừa rồi, có chỉ thị của Trung ương phải thành lập Ủy ban Quân - Dân - Chính của Thừa Thiên - Thuận Hóa để thống nhất chỉ đạo công cuộc kháng chiến trong tỉnh. Anh Hà Văn Lâu, đại diện cho lực lượng vũ trang làm chủ tịch, anh Hoàng Anh, đại diện cho chính quyền làm phó chủ tịch và tôi, đại diện cho nhân dân làm ủy viên thường vụ. Như thế là tôi nhận thêm một nhiệm vụ nữa về mặt chính quyền.

Những năm ở tù, anh em cứ gọi tôi là Khế. Ra tù, tôi vẫn lấy tên là Võ Văn Khế, tự thấy chả cần phải thay đổi làm gì. Nhưng đến hôm sắp công bố danh sách Ủy ban Quân - Dân - Chính, các anh Trần Hữu Dực và Hoàng Anh mới đặt cho tôi một cái tên mới là Trần Quý Hai, vì ở Liên khu V có nhà yêu nước Trần Quý Cáp nổi tiếng nên các anh muốn tôi là dòng dõi của nhà yêu nước ấy. Từ đó, các anh gọi tôi là Trần Quý Hai.

Trụ ở Ủy ban Quân - Dân - Chính Thừa Thiên - Thuận Hóa đóng tại nhà Thái Văn Toản, thượng thư bộ Lãi cũ, ở trong thành, gần cửa Thượng tứ. Nhà làm theo kiểu cũ, bề ngoài trông giống như cái đình làng mà ta thường thấy ở đồng bằng miền Trung. Nhà rộng đến bảy, tám gian, nhưng ít cửa sổ nên thiếu ánh sáng. Nhiều cột gỗ tròn, to đến một người ôm. Một số cột chính giữa có chạm trổ khá tinh vi hình con rồng, con phượng, với nhiều tư thế khác nhau. Trong nhà còn nhiều hoành phi, câu đối cũng chạm trổ hoa văn, sơn son, dát vàng sặc sỡ. Trong các gian kê la liệt những bàn ghế, sập gụ, tủ chè bằng các loại gỗ quý. Trên một chiếc bàn dài còn để bừa bãi các sách báo tiếng Việt, tiếng Pháp cùng nhiều tập sách ảnh nói về thân thể

của Bảo Đại, bị xé vút lung tung. Trước sân nhà có một bể cạn khô hết nước. Giữa bể đắp một hòn núi giả, có cầu bán nguyệt bên gốc cây sanh khô trụi lá.

Tôi và anh Hoàng Anh ở lại đây. Anh em xếp dọn lại cho chúng tôi thành các buồng ngủ, buồng làm việc khá tươm tất.

Trong thời gian này, ban ngày tôi làm việc với các anh Thanh, anh Lâu, anh Hoàng Anh, anh Trần Hữu Dực; ban đêm, tôi tranh thủ thời gian nghiên cứu thêm tình hình Thừa Thiên - Thuận Hóa, một tỉnh, một nơi mà tôi chưa hề quen thuộc. Câu nói của anh Sơn lúc chia tay ở Quảng Ngãi: “Huế là nơi tập trung quan lại phong kiến” vẫn lóang lảng trong óc tôi về phong trào cách mạng ở đây. Tôi tìm các sách báo nói về Thừa Thiên - Huế và các tỉnh có liên quan đến mảnh đất này như Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam - Đà Nẵng để đọc, để biết thêm về mọi mặt: địa lý, lịch sử, kinh tế, phong tục tập quán... Có như thế, làm việc mới tốt được. Các anh biết rõ ý tôi nên giới thiệu tôi làm quen với một ông cụ trước đây làm ở Tàng thơ viện của triều đình Bảo Đại. Qua sách báo qua các câu chuyện với ông cụ ấy, tôi đã biết rất nhiều chuyện về một số bạn bè của ông, về lịch sử của mảnh đất cố đô này.

Bình Trị Thiên ngày xưa ngày xưa là châu Ô, châu Lý. Đến thời Trịnh Nguyễn phân tranh, đất Bình Trị Thiên cắt làm đôi lấy sông Gianh làm giới hạn.

Đến thời nhà Tây Sơn, Nguyễn Huệ lấy Phú Xuân - vùng Huế bây giờ - làm đất đóng đô. Từ chỗ đó, Nguyễn Huệ xuất quân ra diệt mấy chục vạn quân Tàu sang xâm lược.

Tiếp đến thời nhà Nguyễn, Gia Long cũng lấy Thuận Hóa là vùng đất đóng đô. Những vua đầu nhà Nguyễn: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, chỉ ham mê vui sướng, xây lâu đài, cung điện nguy nga, đồ sộ chẳng nghĩ gì đến dân. Một năm, giữa lúc đang mất mùa, đói kém, Tự Đức bắt dân đi xây lăng Vạn Niên. Cực khổ quá, ba nghìn

dân phu dưới sự chỉ huy của anh em Đoàn Trung, Đoàn Trực đã nổi dậy, kéo vào cửa Ngọ Môn, bắt vua. Nhưng do sự chỉ huy không khéo léo, cuộc khởi nghĩa thất bại. Từ đó, nhân dân vùng này đã đặt mấy câu hát ru con, nói lên mối hận thù cay đắng của mình:

Vạn Niên là Vạn Niên nào

Thành xây xương lính, hào đào máu dân.

Khi đế quốc Pháp sang xâm chiếm nước ta, Tự Đức đã đầu hàng. Nhưng triều thần, có người chống lại: Binh bộ thượng thư Tôn Thất Thuyết đã cất quân đánh Pháp ngay trong kinh thành. Ông cụ kể lại rằng, trước khi đánh nhau, từ Trấn Bình đài đến Lục Bộ, quan tướng đã sai lính đến đào hào, đắp lũy, chất đầy các thùng chứa cột chuối và đổ rất nhiều đồng trái bàng và trái mù u. Có lẽ quan tướng thấy lính Tây đi giày đinh, nên để sẵn rất nhiều trái bàng, trái mù u, phòng khi rút lui, đổ ra đường, bọn Tây đạp lên sẽ trượt ngã, ta dễ chém giết. Nhưng rồi, cuộc khởi binh của Tôn Thất Thuyết bị thất bại vì quân Pháp đã biết trước và vì vũ khí ta kém. Quan tướng phải phò vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở, phát hịch Cần vương.

Ngày hôm sau, bọn Pháp đổ quân ra khắp kinh thành, gặp ai chúng cũng bắn, cũng giết. Dân chúng chết như rạ đầy đường, đầy ngõ. Từ đó hàng năm đến ngày hai mươi ba tháng năm, nhân dân thành phố Huế có tục lệ “cúng âm hồn”. Buổi tối, nhà nào cũng cúng. Khói hương nghi ngút khắp các ngã ba, ngã tư đường, trong các cửa ngõ, các vườn tược. Tục lệ “cúng âm hồn” nói lên mối căm thù sâu sắc của nhân dân thành phố Huế đối với quân thù xâm lược. Nhân dân đã đặt ra một bài vè gọi là “vè thất thủ kinh đô”(1) phổ biến khắp nơi. Thực dân Pháp ngăn cấm thế nào cũng không được.

Sau cuộc khởi nghĩa của vua Hàm Nghi đến các cuộc khởi nghĩa của vua Thành Thái, Duy Tân. Mưu đồ của Thành Thái bị dập tắt khi còn trứng nước. Vua Duy Tân, nhờ các sĩ phu yêu nước là Trần Cao Vân, Thái Phiên giúp sức, đã ra khỏi kinh thành, nhưng sau bị bại lộ.

Ông cụ kể lại rằng, lúc vua Duy Tân xuất biên, có một đoàn đi theo phò giá. Trong đoàn, có tên phản bội đã đi báo cho Tây đến bắt. Khi vua bị bắt, một người tùy tùng đã đập đầu vào đá, tự tử. Vua Duy Tân sau này bị đày sang Phi châu...

Bọn Pháp lập tức đặt ở Huế một tòa Khâm sứ trông coi cả xứ Trung kỳ. Chúng đã chia nước ta ra làm ba xứ: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ... mọi việc ở Trung kỳ đều do tòa Khâm sứ giải quyết hết, chẳng đếm xỉa gì đến nhà vua. Vua và triều đình chỉ ngồi cho có vị.

Những năm đầu thế kỷ, sách Tân thư của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu ở Trung Quốc sang ta càng ngày càng nhiều. Các sĩ phu yêu nước mang nhiều tư tưởng duy tân. Lá thư của Phan Chu Trinh gửi lên chính phủ, bài “Hải ngoại huyết thư” của Phan Bội Châu ở nước ngoài gửi về được lên xuống trao tay nhau trong các tầng lớp nhân dân. Các vụ bạo động dưới sự lãnh đạo của các nhà yêu nước Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Quảng Trị, đã làm cho bọn thực dân hết sức lo ngại.

Đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời thì phong trào đấu tranh của nhân dân ngày càng lên mạnh. Những vụ biểu tình đòi giảm thuế, giảm sưu nổ ra liên tiếp ở Thừa Thiên, Quảng Trị. Rồi những vụ học sinh trường kỹ nghệ biểu tình đòi thả cụ Phan Bội Châu. Vụ hàng nghìn người, trong đó có cả những người làm công chức cho Pháp, làm quan ở Nam Triều đã đình công, bãi chợ, nghỉ việc đi mít tinh, biểu tình để tang Phan Chu Trinh.

Đặc biệt tháng 9 năm 1938, giữa lúc Hội đồng dân biểu Trung kỳ đang họp, đại biểu Mặt trận dân chủ đang đấu tranh, hàng nghìn người, dưới sự lãnh đạo của các đảng viên Đảng Cộng sản, đã kéo tới trước Viện dân biểu đòi bọn thực dân Pháp phải xóa bỏ dự án tăng thuế để phục vụ cho cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Cuộc đấu tranh đã hoàn thành thắng lợi.

Cho đến ngày Nhật Pháp bắn nhau, Ủy ban khởi nghĩa ra đời do Đảng lãnh đạo, nhân dân Bình Trị Thiên đã vùng dậy cướp chính quyền, đập tan bộ máy thống trị gần một trăm năm của thực dân Pháp, một nghìn năm của các triều đình vua chúa phong kiến, dựng lên chế độ tươi sáng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Qua những trang, những mẩu chuyện lịch sử ấy, nỗi vương vương trong óc tôi về phong trào đấu tranh của nhân dân nơi đây dần dần biến mất. Và tôi nghĩ rằng, với một truyền thống đấu tranh như vậy, nhất định cuộc kháng chiến của chúng ta sẽ thành công, vì sự lãnh đạo tài tình khéo léo của Đảng ta như mười mấy năm qua kể từ khi Đảng ra đời...

(1) Cùng với bài về “Thất thủ Thuận An”, bài về này đã được in thành sách, Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1984.



## II. NHỮNG NGÀY CHUẨN BỊ

Khoảng giữa tháng 12-1946, trước khi xảy ra chiến sự bốn năm ngày, anh Thanh triệu tập một cuộc hội nghị quân sự. Đây là cuộc hội nghị quân sự đầu tiên của tỉnh. Cuộc họp có đầy đủ các anh: Trần Hữu Dực, Hoàng Anh, Hà Văn Lâu, Hoàng Lư, Lê Chưởng... Tôi cũng có mặt tại hội nghị ấy.

Sau khi thông báo những vụ khiêu khích gần đây của bọn Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng, Anh nói:

- Chung quy là chúng muốn đánh chiếm toàn bộ nước ta thôi! Nếu chúng ta nhân nhượng, chúng càng lấn tới. Trước sau chúng ta cũng phải đánh đuổi chúng nó đi. Điều này, Trung ương và Bác đã dự kiến cả.

Ngừng một giây, anh nói tiếp:

- Nếu xảy ra đánh nhau, nhiệm vụ của chúng ta rất nặng. Chúng ta phải tích cực chuẩn bị sẵn sàng, khi có lệnh là tiêu diệt hoàn toàn bọn địch ở đây, càng nhanh càng tốt.

Chúng tôi cũng đã biết rõ như vậy, nên chẳng nói gì. Ai nấy đều trầm lặng, trang nghiêm.

Sau đó, anh Hà Văn Lâu báo cáo về tình hình chuẩn bị chiến đấu của trung đoàn Trần Cao Vân, đơn vị chủ lực do anh phụ trách.

Trung đoàn Trần Cao Vân hồi đó có ba tiểu đoàn, quân số tương đối đầy đủ nhưng trang bị thiếu và kém. Tiểu đoàn 16 đóng ở nội và ngoại thành Huế. Tiểu đoàn 17 đóng ở khu vực Mang Cá. Tiểu đoàn 18 đóng ở khu vực đèo Hải Vân và huyện Đại Lộc. Ngoài ra còn có tiểu đoàn Tiếp phòng quân là tiểu đoàn có nhiệm vụ quan hệ với quân đội Pháp, ngăn ngừa và giải quyết những hành động vi phạm đến Hiệp định mong 6 tháng 3 do hai bên đã ký kết.

Các chiến sĩ của trung đoàn phần lớn là công nhân, nông dân, học sinh, dân nghèo thành thị. Một số anh em trước đây đã là tự vệ bí mật, là đội viên tuyên truyền xung phong khi chưa cướp chính quyền. Đó là những chiến sĩ quân tình nguyện. Anh em rất hăng hái, rất thiết tha với cách mạng.

Nhưng, cán bộ chỉ huy các cấp là vấn đề đáng chú ý: chỉ có một số ít đồng chí, từ cán bộ chính trị chuyển sang, trình độ giác ngộ cách mạng rất cao, nhưng trình độ chỉ huy quân sự thì lại rất thấp - có thể nói - chưa biết gì. Còn phần lớn là các cựu binh sĩ: khố đỏ, khố xanh, khố vàng mới tham gia cách mạng. Những người này cũng chưa biết chỉ huy chiến đấu. Trước đây, họ chỉ biết cầm súng chứ đã chỉ huy ai.

Do đó, việc huấn luyện mỗi người một kiểu: kẻ thì theo kiểu Pháp, kẻ thì theo kiểu của Nhật. Ngoài huấn luyện đội ngũ và một số kỹ thuật cơ bản, bộ đội hầu như không được học gì về chiến thuật vì không mấy ai biết.

Vũ khí nghiêm trọng hơn: rất thiếu. Cả trung đoàn không đầy 200 khẩu súng trường cũ kỹ, đủ loại: mót cơ tông Anh, đồ si noa của Pháp, chiêu hòa của Nhật, súng Nga nòng dài (thời Nga hoàng), súng thất cửu của Trung Hòa (thời Tưởng Giới Thạch) lại có cả súng khai hậu, súng bắn chim.

Có khẩu không có đạn, có khẩu chỉ có năm bảy viên. Tiểu liên, trung liên có chừng dăm bảy khẩu. Độc nhất có một khẩu sơn pháo 75 ly tước của Nhật, anh em gọi là “ông già 75”.

Ngoài ra, các đại đội đều được trang bị thêm đại đao, mã tấu và một ít lựu đạn do xưởng công binh của tỉnh sản xuất, chất lượng chưa bảo đảm lắm.

Bên cạnh trung đoàn chủ lực còn có lực lượng tự vệ chiến đấu trong tỉnh, khá hùng hậu. Anh Lê Chương phụ trách tự vệ thành phố hồi đó, cho biết: hầu hết các cơ quan, nhà máy, các đường phố đều có

tổ chức tự vệ chiến đấu và đã được tập luyện. Các đội cảm tử đã thực tập, ra vào nhiều lần các khu Pháp đóng. Một số đơn vị nhỏ đã bố trí ở ngay cạnh đồn Pháp. Nhiều đội cứu thương mặt trận cũng được thành lập, gồm các nữ sinh rất nhiệt tình, hăng hái.

Về phía địch, sau Hiệp định mùng 6 tháng 3, cho quân Pháp được thay thế quân Tàu Tưởng, giải giáp quân Nhật. Khoảng 750 lính từ Xa-ra-van và Xa-van-na-khét kéo vào Huế. Nghe các anh nói lại, lúc chúng vào, đều mặc đồng phục, đội mũ sắt, đi giày sắt, súng ống toàn những kiểu tối tân do Mỹ mới chế tạo, đạn quần khắp người. Phía sau lại có một đoàn xe rất dài, phủ bạt kín mít, chắc là chở súng đạn. Trên trời có máy bay, dưới đất có xe tăng, xe bọc thép yểm hộ. Chúng lại có cả một đội kèn đồng thổi theo bước chân của lính đi rầm rập. Chúng muốn diễu võ dương oai với nhân dân ta, làm cho nhân dân ta khiếp sợ.

Ngoài 750 lính, còn có 250 kiều dân Pháp ở đây. Khi Nhật đảo chính Pháp, ta vẫn để họ ở yên, không động chạm tới. Số người này, khi Pháp đến, cũng đã được trang bị vũ khí. Như thế, tổng số trên dưới một nghìn.

Trước khi chúng đến, chúng đòi đóng ở các đồn cũ: Phan Đình Phùng, Đội Cung, đồn Mang Cá. Ta không cho vì đó là những vị trí chiến lược quan trọng trong thành phố. Ta buộc chúng đóng trong khu vực của chúng ở trước đây - phía nam sông Hương. Chúng đành chịu. Khi đến, chúng đóng trong các nhà hết sức kiên cố phần nhiều xây bằng bê tông cốt sắt: hăng Mô-ranh, trường Khải Định, trường Pen-lơ-ranh, trường Thiên Hựu, nhà Mác bốp. Theo quân báo ta cho biết, chúng đến hôm trước thì hôm sau đã đào công sự, xây hầm ngầm - do công binh tự làm lấy và đổ đất cát vào các bao tải mang theo làm chướng ngại vật che các cửa lớn, cửa nhỏ. Như thế, chúng đã chuẩn bị đề phòng ta đánh.

Sau khi kiểm điểm tình hình giữa ta và địch, hội nghị chuyển sang bàn về cách đánh.

- Làm thế nào để tiêu diệt được địch nhanh và gọn? Nên bố trí lực lượng như thế nào cho tốt?

Hội nghị im lặng hồi lâu. Bởi vì, chưa ai có kinh nghiệm chiến đấu đã đành, mà kiến thức quân sự cũng quá ít ỏi.

Anh Thanh truyền đạt lại một ý trong chỉ thị kháng chiến của Trung ương Đảng, đại để: động viên lực lượng toàn dân kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn diện, phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác triệt để.

Lúc đó, chúng tôi chưa ai hiểu rõ chiến tranh toàn dân, toàn diện và chiến thuật du kích như thế nào. Cho nên khi bàn về hành động cụ thể đối với bọn Pháp ở khu vực chúng chiếm đóng, các anh cũng chỉ nói chung chung là phải bao vây chúng và tiêu diệt. Nhưng bao vây cách nào, và làm thế nào để tiêu diệt thì cũng chưa nói rõ. Những hình thức tấn công địch chiếm đóng trong thành phố, chưa ai hình dung ra được cụ thể.

Kể cũng dễ hiểu. Bây giờ, nói đến chiến tranh du kích, tổ chức ra sao, trang bị ra sao, các kiểu đánh ra sao, ai cũng có thể hiểu được. Hồi đó, mới có một số cán bộ chính trị được nghe nói đến chiến thuật du kích, chứ chưa có thực tế chiến đấu. Còn cán bộ quân sự, từ trung đoàn trở xuống đều là các sĩ quan, hạ sĩ quan quân khố xanh, khố đỏ, khố vàng mới vào vệ quốc quân, làm sao hiểu và vận dụng được chiến thuật du kích mới nghe nói lần đầu?

Hội nghị giải tán với các khái niệm chung chung như vậy về quân sự, về chiến tranh nhân dân.

Chiều hôm đó, tôi đi khẩn trương lại việc chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu trong thành phố. Ra khỏi nhà, tôi đi về phía cửa Thượng Tứ.

Một vài ngã ba, ngã tư đã đắp lên những ụ đất lớn, bên trong có các thân cây, các cọc sắt, chắn ngang cả đường. Hai bên đường, những cành cây to được chặt xuống, bỏ rải rác khắp bên vỉa hè. Một vài nơi, từng tốp người, trẻ có, già có, có người tóc đã bạc đang hì hục đào các hào giao thông chiến đấu. Tuy giữa mùa đông, nhưng nắng dịu, gió hiu hiu, trên trán một vài người đã thấy lấm tấm mồ hôi. Thấy tôi lững thững đi qua, một anh thanh niên nói:

- Anh ni ngó có vẻ rảnh rang quá hè! Tới đây làm một lát cuộc chơi!

Tôi vội vàng trả lời: “Tôi đang bận”, rồi rảo bước đi nhanh. Tiếng nói vẫn đuổi theo sau:

- Anh ni không phải người đây. Người Quảng “Nôm”. Rồi anh ta pha giọng quê tôi “Eng không eng, tếc đèn đi ngẫu!”. Tiếng cười rộn lên sau lưng tôi. Tôi cũng cười, không giận mà lại thấy vui vui. Đến Thượng Tứ, tôi thấy, trên đám cỏ rộng sát chân thành, rất đông thanh niên đang hăng say tập luyện quân sự. Nơi đây, một đoàn súng gỗ cầm trước ngực, áo bà ba, quần lai buộc túm đang tập bước đi đều: một, hai, một, hai - nơi kia một toán đang lăn lê, bò toài, tập ném lựu đạn, đâm lê, vũ khí cũng bằng gỗ. Xa hơn nữa, một tốp người rất đông, đứng vòng tròn, đang làm gì tôi không rõ. Tôi từ từ bước tới, len vào đám đông. Giữa sân cỏ, có hai anh thanh niên ở trần, chỉ mặc một chiếc quần lót, đang múa chân, múa tay như đang đánh nhau. Cạnh đấy, có một ông già khoảng ngoài sáu mươi, người gầy nhỏ, mặc bộ áo quần bà ba đen nói to:

- Hạ tấn xuống nữa! Đá song phi!

Tôi hỏi người đứng cạnh:

- Họ làm gì đấy!

- Họ đang tập võ Bình Định đấy!

Anh ta chỉ vào ông cụ già:

- Ông ta là thầy dạy võ nổi tiếng đấy. Trước đây ông làm đề đốc cho nhà vua.

Tôi cũng đã biết Bình Định, ở cạnh tỉnh tôi, nổi tiếng về nghề võ, nhưng tôi chưa học bao giờ, bây giờ mới thấy. Tự nhiên, trong óc tôi nảy ra một ý nghĩ: làm được cái gì mà giết được giặc thì ta cứ làm. Đó phải chăng là chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích.

Tôi đứng xem một lúc rồi đi. Trước mặt tôi là cửa Ngọ Môn, nơi cung điện của triều đình vua chúa. Trước đây, hồi còn ở Ba Tơ, anh Minh cũng đã tả cung điện này cho tôi nghe. Hôm nay, tôi cũng muốn vào một chút, xem thoáng qua, cũng chẳng mất bao nhiêu thời gian. Qua một bức thành thấp xây bằng gạch hoa văn rất đẹp dựng lên trên một hồ sen - sen đã tàn, chỉ còn hoa súng một màu tím nhạt, tôi bước tới con đường dẫn vào ba cổng lớn. Nhớ lại lời anh Minh nói: Ba cổng lớn ấy, cổng giữa rộng hơn, chỉ để vua đi, còn hai cổng hai bên là để cho văn võ đại thần, văn bên phải, võ bên trái vào triều ngự. Cái cổng lớn ấy, cửa kia chỉ có một thanh ngang chắn sát mặt đất, nhưng từ khi có Tây sang đô hộ, các thượng khách ra vào, đi ô tô nên phải phá đi, để xe cộ dễ ra vào.

Trên ba cổng ấy, có một cái lầu nằm dài suốt cả ba cổng, phần mái của cổng chính lợp bằng ngói hoàng lưu ly, còn lại lợp ngói thanh lưu ly, dưới ánh mặt trời tỏa ra một màu biêng biếc. Có phải chăng, trên ngôi lầu ấy, hơn một năm trước đây, một ngày gần cuối tháng tám, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn, Bảo Đại trước hàng vạn nhân dân đứng chật ních, đã tuyên bố thoái vị, trao ấn kiếm cho phái đoàn chính phủ ta với câu nói “Thà làm dân một nước tự do hơn làm vua một nước nô lệ”.

Nhắc đến Bảo Đại, tôi chợt nhớ đến, có lần, có người đã nói với tôi:

- Bảo Đại sau khi tuyên bố thoái vị, đã ra làm cố vấn cho chính phủ ta. Khi bọn Tàu Tưởng sang, mang theo một lũ Việt gian bán nước Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam. Do sách lược chính trị, ta để

cho Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Bộ ngoại giao. Bảo Đại lúc đó là người đứng đầu ngoại giao ủy viên hội Tam hời đó, đề nghị ta nên cử một phái đoàn thân thiện sang Trùng Khánh để thắt chặt tình thân Hoa - Việt. Do tình hình chính trị lúc đó, ta đồng tình. Bảo Đại xin đi. Trùng Khánh móm ý để Bảo Đại đi. Ta cũng đồng tình. Thế là Bảo Đại ra đi và không trở lại làm cố vấn nữa.

Tôi bước chân vào cửa Ngọ Môn. Cả ba cánh cổng đều mở rộng, kể cả cánh giữa lối vua đi. Anh Minh kể rằng: xưa kia, ba năm một lần, có quốc lễ tế Nam Giao, cánh cổng ấy mới mở để vua đi, còn quanh năm đóng im ỉm, trừ khi có các quan toàn quyền, quan khâm sứ, những người cao nhất của Pháp vào thăm. Thế mà giờ đây, cánh cổng mở rộng, bất cứ người dân nào cũng vào được. Tôi đi qua cổng, bước vào sân trước điện Thái Hòa, nơi ngày xưa vua ngự triều những ngày đại lễ.

Một cảnh tượng đập vào mắt tôi: trước sân rộng có một đám thanh niên đang tập ném lựu đạn, trong đó, có hai cô gái trạc tuổi đôi mươi. Tôi bỗng bật cười, nhớ lại lời anh Minh lúc trước: cái sân đó, xưa kia, mỗi lần thiết triều, các quan văn võ phải từ tam phẩm trở lên, nghĩa là quan cao cấp, mới được vào, áo mũ cân đai chỉnh tề, quỳ lạy nhà vua. Và có một lần, nhân ngày quốc lễ Hưng quốc khánh niệm(1), viên Khâm sứ quan Tây cai trị đứng đầu Trung kỳ, đưa giấy sang báo trước y sẽ cùng với vợ - đó là phong tục phương Tây - sang chúc tụng nhà vua. Nhận được giấy, quan Thượng thư bộ lễ lập tức sang Tòa Khâm sứ thỉnh cầu viên Khâm sứ đừng đem vợ đi, vì theo đạo lý Á đông, đàn bà ô uế không được vào “chốn trang nghiêm”. Viên Khâm sứ chỉ cười - đó là việc con con chả hệ trọng gì không nên làm mất tình thầy, nghĩa tớ, nên đi một mình. Vậy mà giờ đây lại có hai người con gái vào tập ném lựu đạn ở giữa sân rồng!

Tôi đứng xem hai người con gái ấy tập. Trong đó có một cô gái rất dễ nhớ: người thấp béo, mặt tròn, cắt tóc ngắn kiểu con gái quê tôi, mặc

chiếc áo cánh nâu vá nhiều miếng trên vai, chiếc quần vải đen đã bạc màu dưới lai túm lại, đặc biệt một bên của cô ta bị sút một chút ở chỗ răng cửa.

Cả hai cô gái, cũng như mấy anh thanh niên khác chẳng để ý đến tôi. Có lẽ họ cho tôi là khách du ngoạn đi thăm cung điện nên mặc, ai làm việc nấy.

Tôi cũng không có ý định du ngoạn. Tôi chỉ xem lướt qua thôi và muốn sang bên kia sông, nơi khu vực Pháp đón để xem bên ấy chuẩn bị ra sao.

Tôi qua cửa Ngăn, qua vườn hoa xuống bến đò Thừa Phủ.

Dọc theo vườn hoa, từng tốp thanh niên nam nữ, có những người đã ngoài bốn mươi cũng đang mải mê luyện tập đâm lê, ném lựu đạn như trong thành nội.

Hôm ấy, đẹp trời. Sông Hương lặng gió. Những làn sóng lăn tăn gợn theo gió chiều uốn lượn trên mặt nước xanh. Vài con thuyền nhỏ, đi ngược, về xuôi, mái chèo nhẹ nhàng đưa đẩy, tung lên những vảy bạc dưới ánh nắng vàng. Một giọng hò mái nhì khoan thai, thánh thót vang lên trong không gian dịu dịu.

Chiều chiều trước bến Văn Lâu

Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thăm

Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông

Thuyền ai thấp thoáng bên sông

Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non...

Tôi đã thuộc lòng câu ấy hồi anh Minh dạy chúng tôi học văn hóa ở Ba Tơ. Hôm nay, nghe lại, sao mà thấy lòng xao xuyến.

Chuyến đò ngang Thừa Phủ đưa khách bên này sông sang bên kia sông lúc ấy rất vắng - chỉ có một mình tôi. Tôi hỏi ông già đưa đò:



- Nếu xảy ra đánh nhau, đòn nào có chèo không bác! - Hỏi xong, tôi mới biết là tôi nói hớ. Đã đánh nhau thì chèo thế nào được! Chẳng qua hỏi cho có chuyện. Không ngờ, ông già trả lời:

- Chèo chớ! Nếu bộ đội qua sông thì tôi chèo. Súng đạn chúng bắn mấy, tôi cũng chèo, để cho bộ đội giết chết ba thằng chó má ấy đi!

Tiếng nói ông già chắc nịch, trầm trầm cương quyết. Đôi mắt hom hem của ông bỗng trừng lên nhìn thẳng sang bên kia sông. Nhìn đôi mắt ấy, tôi cảm thấy hình như có có một điều gì căm thù, cay đắng. Tôi định hỏi thêm thì thuyền đã gần cập bến. Tôi không hỏi nữa. Bước chân lên bờ, tôi rút ví lấy tiền ra trả. Ông già lắc đầu, nói như xua đuổi tôi:

- Anh đi đi! Cán bộ, bộ đội qua sông, tôi không lấy tiền.

Tôi đành chỉ cảm ơn người đưa đòn, rồi lặng lẽ bước đi.

(1) Cũng như ngày quốc khánh của một nước.

Tình hình bên này, nơi quân Pháp đóng, khác hẳn bên kia sông. Đường vắng ngắt, thỉnh thoảng mới thấy bóng anh vệ quốc quân cầm súng thấp thoáng sau các gốc cây. Nhưng dọc đường, treo rất nhiều khẩu hiệu viết bằng vôi, bằng mực trên các tấm gỗ, tấm cốt, tấm bìa dày. Khẩu hiệu nào cũng viết bằng hai thứ tiếng Pháp - Việt: “ĐỘC LẬP, TỰ DO HAY LÀ CHẾT”, “CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH MUÔN NĂM”, “ĐÁ ĐẢO BỌN THỰC DÂN XÂM LƯỢC!”. Khẩu hiệu đóng vào các gốc cây, bờ tường, suốt cả đường đi. Đầu các ngã ba, ngã tư, chướng ngại vật, không phải chỉ những ụ đất mà còn những thân cây rất lớn chắn ngang hằn lối vào những con đường nhỏ. Những công sở, những nhà thường dân, tường đều bị đục thủng từng lỗ. Vôi gạch ngổn ngang. Những bức hàng rào ngăn nhà này với nhà kia đều bị phá sập từng đoạn để lấy lối đi. Hai bên đường, rất nhiều hầm hố, không sâu, có lẽ chỉ để dùng che người, tránh đạn trong lúc đánh nhau. Những cành cây lớn hai bên đường bị chặt xuống, chắn ngang con đường từng

chặng một. Phố nào phố này vắng teo không thấy bóng một người già hay một em bé. Các nhà, cửa đều mở rộng, bàn ghế, giường, tủ con, tủ lớn để ngổn ngang ở gian nhà ngoài. Có lẽ, để khi cần đến họ sẽ ném luôn ra đường cho nhanh, cho tiện.

Tôi đi qua một vài đường phố. Phố nào cũng vậy... Từng đám thanh niên nam nữ hì hục đào, moi, móc... Họ làm việc im lặng, không ồn ào như phía bên kia. Ở các đầu phố, có những anh lính “sao vuông” đứng gác, trong tay nắm lựu đạn, nét mặt rắn đanh.

“Họ sẵn sàng chiến đấu rồi” Tôi thầm nghĩ. Đây là nơi sẽ xảy ra chiến trường thực sự, không còn nghi ngờ gì nữa. Lệnh sơ tán, lệnh vườn không nhà trống ở bên này sông đã được chấp hành triệt để, không như ở bên kia sông. Tôi yên lòng, rẽ về phía cầu Trường Tiền.

Thành phố đã lên đèn. Những con đường cũng đã vắng đi nhiều, khác với mấy hôm trước đây, nhưng dù sao vẫn còn đông. Những tà áo dài màu tím biếc, những tà áo xanh non phất phất, bay bay hai bên hè phố. Các cửa hàng vẫn còn mở rộng để đón khách ra vào. Tôi đi dọc theo đường phố cầu Gia Hội. Đến gần đầu cầu, tôi rẽ sang phố ngang. Một mùi thơm dậy lên trước mũi. Mùi nem chua, chà nướng gì đấy. Tôi bước thêm mấy bước nữa. Trong gian nhà nhỏ nằm bên lề đường, một lò than đang đỏ lên rùng rục, trên để cái chảo to. Bà cụ già đang múc một thứ nước bột gì đấy trắng trắng đổ vào chảo. Xèo một cái, khói bốc lên. Bà cụ liền bốc trong cái rá để trước mặt một nắm giá tươi, rải lên trên, bỏ thêm mấy con tôm, vài ngọn hành, rau răm, rồi lấy đôi đũa lật miếng bột đã chín thành hình vành trăng. À, bánh khoai! Tôi đã nghe anh Minh kể lại nhiều lần ở Ba Tơ, giữa lúc chúng tôi phải ăn cơm gạo hẩm hơi rình rình với muối trắng!

Lời tả của anh làm cho chúng tôi chảy cả nước bọt. Bây giờ, tôi đã bắt gặp đây rồi. Thấy tôi dừng lại ở cửa, bà cụ đơn đả:

- Mời anh vào xơi!

Tôi bước vào nhà. Trước cái bàn dài có ba bốn người khách đang ngồi chờ. Tôi ngồi xuống cạnh họ:

- Bà chưa đi sơ tán à!

- Chà! Sơ tán, sơ tiếc gì! Chẳng qua chính phủ sợ tên bay đạn lạc, chết oan dân mới ra lệnh rứa thôi. Chớ Tây mần răng mà sang bên ni được. Bộ đội vớt đi mô?

Một người khách góp chuyện, đùa:

- Vớt vô hàng bánh khoái của thím đó! Bánh thím ngon có tiếng mà!

Tôi cười theo. Nhưng trong óc tôi thầm nghĩ: bà con mình chủ quan quá! Quá tin vào bộ đội. Biết nói làm sao đây!

Tôi về kể lại chuyện này cho anh Thanh nghe. Anh lắc đầu:

- Không được! Phải giải thích cho dân đến nơi đến chốn. Không phải chỉ ra lệnh mà được đâu!

### III. KHÓI LỬA RỰC ĐÔ THÀNH

Giữa tháng 12 năm 1946, tình hình hết sức căng thẳng. Tin tức đến với chúng tôi hằng ngày. Ở Hà Nội chúng nổ súng nhiều nơi trong thành phố. Chúng bắn vào công an ở phố Hàng Đậu, chúng bắn vào Vệ quốc đoàn ở phố Hàm Long. Chúng cho xe bọc thép tới phá các công sự của ta ở Lò Đúc. Chúng kéo quân đến phố Yên Ninh, bắn chết rất nhiều người... Máy bay chúng bay suốt ngày trên bầu trời Hà Nội. Chúng dàn quân dọc theo đường phố đến cầu Long Biên.

Trong những ngày đó, tôi được lệnh của anh Thanh đi kiểm tra lại việc chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu ở các huyện phía Nam vì chúng tôi đã nhận được tin địch đổ bộ thêm quân trái phép vào Đà Nẵng. Các huyện đó, địch có thể đi qua để ứng cứu cho bọn chúng ở trong thành phố Huế.

Các huyện Phú Vang, Phú Lộc đã chuẩn bị rất sẵn sàng. Tất cả các nơi đều thực hiện “vườn không nhà trống”. Các đình chùa, miếu vũ, các nhà gạch to đã được đập phá triệt để. Việc đó cũng không phải dễ dàng. Một ông cụ, nhà nghèo thôi, đã dặn con:

- Phá mô thì phá, đừng phá nhà thờ họ con nghe!

Nhà thờ họ, đối với tâm hồn ông là một cái gì rất thiêng liêng không có cái gì phá vỡ nổi...

Nhưng rồi cán bộ ta giải thích:

- Bác nghĩ xem, nếu còn nhà cao, cửa rộng, bọn Tây đến, chúng nó sẽ ở. Rồi lại, lý trưởng, chánh tổng, tri phủ, tri huyện, rồi lính lệ, tây đoan - cuộc đời của bác có được như ri không?

Thế là rõ rồi. Mới hơn một năm, mà cuộc đời đã khác. Trẻ con được đi học. Cuộc sống được tự do. Ủy ban là của mình, cán bộ là của mình. Muốn ăn, muốn nói gì thì nói. Nói sai, họ cũng chỉ cười. Chả

phải sưu, chả phải thuế. Chả phải bị đập đánh gông cùm vì mấy đồng bạc thuế, sưu...

Ông cụ gật đầu:

- Muốn phá mô đó thì phá, miễn là độc lập, tự do!

Các mẹ, các chị ngày đêm xay lúa, giã gạo, chuẩn bị cho bộ đội đánh Tây... Các hũ gạo nuôi quân nhà nào cũng đầy ăm ắp. Các ụ súng chiến đấu, giao thông hào nối liền làng này sang làng khác. Các làng nằm kề bên sông chặt hết tre rào chắn ngang cả dòng nước chảy. Họ lập nên những “phòng tuyến Bạch Đằng”. Các lò rèn, suốt ngày đêm đỏ lửa, biến sắt thép thành kiếm, dao. Những cây thanh long đao của Quan Vân Trường, lưỡi tầm sét của Châu Xương trong các miếu cũ cũng được mài lại sắc bén thành vũ khí. Một không khí hùng hực chiến đấu bốc lên khắp các xóm chùa.

Tôi về báo cáo lại với anh Thanh. Anh rất mừng. Sáng ngày 18 tháng 12, giặc Pháp đưa cho chính phủ ta một bức công hàm có tính chất tối hậu thư... Chiều ngày 18 lại một bức tối hậu thư nữa. Ở chỗ chúng tôi có một cái đài, nhưng quá cũ kỹ, cứ rè rè nghe không rõ. Phải căng hết tai, hết óc ra mà nghe. Tin tức hằng ngày làm cho chúng tôi rất nóng ruột.

Trưa ngày 19, anh Thanh bỗng đến chỗ tôi ở. Anh hỏi:

- Đồng bào bên này sông đã sơ tán hết chưa?

- Dạ, nhiều lắm rồi. Mấy hôm nay họ nghe tin tức và cán bộ ta giải thích, thúc ép, họ phải đi!

- Tình hình bố trí lực lượng của ta ra sao rồi?

- Dạ, theo anh Lâu cho biết thì biết thì bộ đội ta đã bao quanh các nơi chúng đóng. Nhiều nhất ở Mô-ranh, nhà Mác-lốp, trường Thiên Hựu.

- Anh Lâu cũng đã báo cho tôi biết việc đó. Nhưng chúng ta cũng phải chú ý cả hai lực lượng: Vệ quốc đoàn và dân quân tự vệ.

- Tự vệ đã rải khắp nơi.

Anh Thanh ra về, còn nói nhỏ với tôi. Có lẽ đó là mục đích chính anh đến đây:

- Chuẩn bị tối nay nghe lời kêu gọi của Bác!

Người tôi nóng ran. “Có lẽ là mệnh lệnh chiến đấu chẳng!” - Tôi tự thầm hỏi như vậy.

Chiều hôm đó, ăn cơm xong, tôi sang nhà anh Thanh luôn. Đài của anh nghe rõ hơn. Tôi ngồi xuống giường. Lúc đầu chỉ nghe tin tức.

Khoảng gần nửa đêm, tôi bỗng nghe một giọng nói ầm ập vang lên:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng phải đứng lên...”

Nghe đến ngang đấy, anh Thanh cũng đứng lên, rời khỏi ghế.

- Chúng ta bắt đầu thôi!

Anh ra phòng làm việc.

Lát sau, điện phụt tắt. Một tiếng ầm vang lên. Ta phá sập cầu Tràng Tiền. Rồi súng nổ vang rền phía bên kia sông, nơi khu vực giặc chiếm. Tiếng súng kháng chiến của quân dân Bình Trị Thiên bắt đầu.

Anh Thanh, anh Dục, anh Hoàng Anh, tôi và một số đồng chí nữa trèo lên mặt thành gần cửa Tượng Tứ, quan sát. Nghe tiếng súng, đồng bào ở trong Thành cũng ủa ra phía bờ sông, đứng xem rất đông. Bên

kia sông, trong bóng đêm không trăng sao, đạn bay chẳng chịt đỏ rực khắp nơi. Tiếng hò reo âm ỉ xen với tiếng súng nổ thành một tiếng động rung trời chuyển đất mà chốn cố đô chưa từng nghe thấy bao giờ. Không phải chỉ bộ đội đang đánh nhau hò reo, mà hầu như tất cả nhân dân trong thành phố hò reo; phía trên, phía dưới, bên này sông, bên kia sông. Những tiếng “Xung phong! Giết! Giết!, những khẩu hiệu thét lên khi luyện tập quân sự ở thao trường giờ cũng bật lên trước cửa miệng, tưởng chừng như đang xáp chiến với giặc, tuy còn đứng rất xa. Tất cả bầu máu nóng, chí căm thù trong lòng bật lên thành tiếng nói, tiếng hô, tiếng hò reo, có khi át cả tiếng bom đạn... Trước cái tiếng động âm ỉ như giông tố ở một góc thành phố ấy, người tôi nóng rực. Tôi nghĩ thầm, đúng là chiến tranh toàn dân.

Bên kia sông, một ngọn lửa bỗng phụt lên, càng lúc càng to, càng cao, sáng rực cả một góc trời. Tiếng hò reo vang dậy:

- Kho xăng ở trường Khải Định cháy rồi! Cháy rồi!

Ngọn lửa đỏ bùng bùng chiếu sáng rực cả giòng sông Hương như mặt trời đang mọc. Lúc bấy giờ tôi mới thấy rõ bà con đang xem bên này sông đông quá. Họ cứ đứng thẳng trên bờ, dọc vườn hoa, chẳng cần núp lén gì tuy ở đấy có nhiều hầm hố và giao thông hào... Tôi nghĩ bụng bà con mình quá chủ quan, chẳng biết sợ là gì. Lỡ bên kia nó bắn sang thì sao? Nhưng rồi tôi lại nghĩ: giặc bây giờ đang lo đối phó với cuộc tấn công của ta ngay trước mặt, nghĩ đâu đến chuyện bên này...

Gần sáng, tiếng súng dịu đi... tiếng hò reo cũng giảm dần. Chúng tôi về trụ sở. Một sĩ quan của trung đoàn đến báo cáo tình hình chiến sự vừa xảy ra.

Ở Bến Ngự ta đã chiếm khách sạn Thanh Minh. Ở đầu cầu Nam Giao, ta phá hủy hai xe thiết giáp. Quân ta từ trường Đồng Khánh đánh vào trường Khải Định đốt cháy một kho xăng. Một chiếc xe xít-cút-ca của giặc chạy qua cầu ga bị ngay một quả mìn của tự vệ nổ tung, cả lính

lấn xe rơi tõm xuống nước. Bộ đội ta ở trường Kỹ nghệ đã chiếm ngã năm phá một xe thiết giáp và một xe vận tải địch. Một đơn vị địch có xe thiết giáp đi trước, ở trường Thiên Hựu kéo sang định chiếm nhà máy điện. Ta giật bom phá xe thiết giáp và giết hơn 40 địch. Bọn giặc phải tháo lui.

Tin chiến thắng ban đầu làm cho chúng tôi rất vui.

Sáng hôm đó, các đơn vị chiến đấu đêm qua rút về nghỉ nhường cho đơn vị khác đến bao vây địch.

Sau này, anh em kể lại nhiều chuyện rất cảm động. Ở Bến Ngự, có một bác khoảng gần năm mươi tuổi làm nghề kéo xe tay thuê. Lúc đó, bác đã ngủ rồi. Nghe tiếng súng nổ, bác vùng dậy, kéo xe đi, về hướng trường Khải Định nơi đang có tiếng súng nổ. Thấy đang đánh nhau, bác hạ xe xuống, núp vào sau gốc cây ngồi đợi. Khi ngọn lửa bùng lên, bác thấy phía đầu đường có hai người cõng nhau nép vào bờ tường chạy. Đoán là thương binh, bác đứng dậy, kéo chiếc xe tay chạy tới, mặc dầu đạn đang nổ toí phía trước. “Ngồi lên đây, tôi kéo đi”. Thấy hai người còn ngần ngại, bác giục: “Mau lên”. Anh bộ đội liền cúi khom xuống, nhờ bác đỡ người bạn trên lưng. Anh ấy đã mê man, máu chảy đầy người. Bác cùng anh bộ đội đỡ người ấy lên xe, và bảo anh bộ đội cùng ngồi để giữ bạn. Rồi bác nắm lấy càng xe, hỏi:

- Về mô?

- Về Bến Ngự!

Bác cầm đầu chạy giữa lúc bọn giặc đang bắn lung tung bốn phía. Về đến trạm cấp cứu, đã có hai cô nữ sinh chạy ra khiêng anh ấy vô. Bác lại nắm lấy càng xe chạy đi, chẳng chào ai cả. Bác trở về trường Khải Định. Bác lại chở một anh thương binh thứ hai. Nhưng lần này, vừa chạy được một đoạn thì chính bác bị trúng đạn, ngã xuống. Anh bộ



đội kèm theo bạn vội nâng bác lên xe và kéo bác cùng với bạn về trạm cấp cứu.

Những chuyện cấp cứu thương binh kiểu như vậy xảy ra khá nhiều nơi. Chuyện bà con giúp đỡ bộ đội thì chỗ nào cũng như nhau: khi bộ đội kéo về, tất cả bà con nơi đó kéo ra đầy đường, đầy ngõ. Người thì lôi anh này, kẻ thì lôi anh kia vào nhà mình ở. Rồi thì đủ thứ: trong vườn có quả gì chín hái sạch; cam quýt, chuối, măng cầu, dâu gia... Trong nhà có gì ăn được đưa ra tất: kẹo, bánh, xôi chè, cháo gà, cháo bồ câu, thịt heo, thịt bò... Bà con cũng đã được báo trước rồi. Họ đã sẵn sửa tất cả mọi thứ trước khi bộ đội về.

Khổ thân nhất vẫn là những anh bộ đội bị thương nhẹ. Những anh nặng đã được đưa vào các trạm cấp cứu. Thôi thì, tất cả các mẹ, các chị, các cô em gái xinh xinh đổ tới vuốt vuốt, ve ve, xuýt xuýt, xoa xoa. Nhiều người rơm rớm nước mắt. Rồi những chiếc khăn tay hồng, khăn tay tím, khăn tay xanh, buộc chồng lên vết thương anh bộ đội, tuy chỉ mới xước da chảy máu mà tưởng như trầm trọng nguy nan lắm.

:

Có người kể cho tôi nghe một câu chuyện khá vui và cũng khá tươi mát trong cuộc đời:

Một anh chiến sĩ trẻ, trong lúc đánh nhau, bị một viên đạn địch xước qua cánh tay trái mất một mảng thịt. Anh này quê ở ngoại ô thành phố. Trước khi vào bộ đội, anh học ở trường Khải Định, năm thứ ba, thứ tư gì đấy, ban cao đẳng tiểu học. Ở quê anh, nam nữ học sinh ở hai trường Đồng Khánh và Khải Định khá đông. Nữ thì học trường Đồng Khánh, nam thì học trường Khải Định. Anh yêu thầm một cô gái học ở trường Đồng Khánh nhưng anh chưa dám thổ lộ tâm tình. Thế rồi cách mạng tháng Tám thành công, anh “xếp bút nghiên theo việc kiếm cung”, vào bộ đội... Đây là trận đầu tiên trong đời chinh chiến của anh. Và anh đã bị thương. Sau trận đánh, đơn vị rút về

ngay vùng quê anh. Bà con đổ xô lại, trong đó có cả người anh trộm nhớ thăm yêu. Cô ta đến, nhìn vết thương của anh đã băng bó nước mắt rơm rớm, không nói gì. Cô về. Chiều lại đến. Trong tay cô ta cầm một miếng vải hồng xếp vuông vắn. Anh chiến sĩ trẻ đang nằm trên giường, thấy bạn, liền ngồi dậy. Cô đến trước mặt anh, đưa mảnh vải hồng, nói:

- Liên biểu anh Thuyên chiếc khăn để khi bị thương mà buộc.

Cô gái tên Liên và anh tên là Thuyên. Thuyên cầm lấy chiếc khăn, cười:

- Thế Thanh Liên muốn tôi bị thương lần nữa à!

- Không, Liên nói thế thôi! - Rồi cô tay quay lưng về ngay, chẳng chào hỏi gì cả. Thuyên ngạc nhiên nhưng rồi cũng chẳng gọi, chẳng đi theo, nằm xuống. Anh mở chiếc khăn ra xem. Anh bỗng thấy trên mảnh lụa hồng có mấy câu thơ thêu bằng chỉ tím:

Công chúa Ngọc Hân yêu Nguyễn Huệ

Phải chăng vì sự nghiệp anh hùng?

Em cũng yêu những chàng trai trẻ

Lấy lòng sự nghiệp như Quang Trung

Phía dưới bài thơ có chữ T và L viết hoa và một dấu chấm. Sau đó anh cất kỹ chiếc khăn trong túi áo trên. Một vài anh em lúc đó ở nhà thấy cô gái đến tặng anh một chiếc khăn, đòi xem, nhưng anh nhất định không cho. Anh em liền đề anh ra, lấy chiếc khăn, xem cho kỳ được. Từ đó, mấy câu thơ lan khắp đơn vị và đến tai chúng tôi.

Ngày hôm ấy, ta chỉ bao vây các nơi địch đóng, không đánh. Địch cũng chỉ tung một vài toán nhỏ ra thăm dò, bị ta chặn lại, chúng lại rút lui.

Tối đến, ta lại đánh vào các vị trí địch. Lần này tiếng súng ít hơn, nhưng tiếng hò reo, tiếng “Xung phong! Giết! Giết!” vẫn ầm ầm như đêm trước.

Ngày thứ ba cũng vậy.

Qua ngày thứ tư, Ủy ban Quân-Dân-Chính họp dưới quyền chủ tọa của anh Thanh. Hội nghị kiểm điểm lại tình hình chiến sự mấy ngày qua. Hội nghị thống nhất nhận định rằng: bộ đội và dân quân chiến đấu rất dũng cảm, nhân dân rất hăng hái và hết lòng giúp đỡ bộ đội đánh giặc cứu nước. Nhưng về lối đánh, cách đánh thì hội nghị thấy rằng chưa phù hợp. Địch cố thủ trong các vị trí kiên cố, ta đánh như vậy, có tiêu diệt chúng cũng chẳng được bao nhiêu. Cuối cùng, sau khi thảo luận, hội nghị thống nhất chia vùng chiến sự ra thành ba khu vực. Khu A, vùng nội thành bên này sông. Khu B, từ cầu Tràng Tiền đến miếu Đại Càng. Khu C từ cung An Định đến nhà ga. Đơn vị phụ trách khu vực nào có nhiệm vụ kiểm soát, bao vây địch đóng trong khu vực đó, không cho chúng ra ngoài, không cho chúng liên lạc với nhau, đồng thời ngày đêm tổ chức quấy rối làm cho chúng mất ăn, mất ngủ. Trong quá trình đó, tổ chức lại, đánh tiêu diệt từng bộ phận chúng những khi có điều kiện.

Lúc đó, chúng tôi nghĩ rằng cứ làm như vậy một thời gian, địch sẽ hết lương ăn, hết đạn dược, sinh ốm đau, mệt mỏi, tất phải ra hàng, hoặc bị ta tiêu diệt hoàn toàn.

Nhưng thực tế, không phải như thế. Lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược, thuốc men, chúng đã dự trữ khá đầy đủ để đề phòng cuộc vây hãm lâu ngày của quân ta. Chúng lại có phương tiện thông tin liên lạc với các nơi, nên mặc dầu bị quân ta bao vây, công kích liên tục, chúng vẫn cố thủ trong các nhà nhiều tầng kiên cố, bảo toàn lực lượng và chờ viên binh đến để phản công.

Thấy bao vây lâu mà không kết quả mấy, có đồng chí nêu lên sáng kiến lấy rơm trộn ớt bột hun quanh nhà, như ta hun chuột trong hang, làm cho địch chết ngạt.

Thế là ủy ban ra lệnh huy động nhân dân góp rơm, ớt để đánh Pháp. Chỉ trong một ngày hàng ngàn gánh rơm và hàng mấy trăm thùng ớt được mang đến. Tối đến, anh em dân quân đem chất đầy xung quanh khách sạn Mô-ranh nơi giặc đóng, rồi rắc ớt, châm lửa đốt. Lửa cháy rùng rùng, khói đen tỏa mù mịt như một đám cháy rừng khắp trong thành phố. Nhưng bọn địch không chết ngạt. Chúng chui cả lên gác hai đóng cửa kín bên trong lại, nên khói chỉ vào chút ít, không nguy hiểm gì đáng kể. Thế là “chiến thuật rơm ớt” cũng không ăn thua.

:

Đêm 25 tháng 12, hai chục chiến sĩ cảm tử của ta do trung đội trưởng Ngọc chỉ huy, đột kích vào nhà bưu điện, ném lựu đạn qua cửa sổ giết chết vài chục tên đang ngủ. Khi rút về sở công chính thì trời sáng. Bọn địch dùng pháo và thiết giáp phản kích. Anh em chống trả rất dũng mãnh, nhưng rồi bị hy sinh gần hết. Chỉ còn ba đồng chí thoát được, vượt sông Hương về.

Tối hôm sau, hai tiểu đội, do đại đội trưởng Hoàn chỉ huy tấn công vào nhà hàng Sáp-phăng-giông. Ta giết được một số, nhưng khi rút, đến gần nhà tên mật thám Xô-nhi thì bị quân địch chặn đánh. Quân ta đánh trả lại kịch liệt. Đến khi hết sạch đạn, ta mới chịu phá hết súng rồi hy sinh.

Để trả thù cho đồng đội, tối hôm sau, một trung đội vệ quốc quân mang bốn quả bom và nhà Mô-ranh. Một cảm tử quân của ta đã lên vào đốt một kho xăng cạnh đấy. Địch vội vàng chạy ra để cứu chữa. ta nổ bom giết hơn năm mươi tên, cướp được tám khẩu súng rồi nhanh chóng rút ra khỏi trận địa.

Sau những trận này, địch dùng pháo bắn sang phía bắc sông Hương. Chúng bắn rất nhiều vào trong Thành nội nơi các cơ quan tỉnh đóng. Nhà dân bị hư hỏng một số. Nhà tôi ở cũng bị trúng đạn, sập một góc mái nhưng không ai việc gì.

Không may cho chúng ta, “ông già 75” bị một mảnh đạn làm móp miệng nòng. Nghe tin, anh Hà Văn Lâu ức lắm. Anh cho gọi anh em ở công binh xưởng đến chữa. Nghiên cứu mãi, anh em thấy chỉ còn cách cưa chỗ móp vứt đi. Từ đó, khẩu pháo mang thêm một cái tên là “ông già cụt nòng”. Sau khi chữa xong, anh Lâu cho thử. Anh cho kéo đến bên này sông, bắn ba phát vào nhà Mô-ranh bên kia sông. Ba phát trúng hai, trượt một, giết chết được số lính và phá hỏng một khẩu pháo 57 ly.

Ban Thường vụ tỉnh ủy chủ trương tiêu diệt một số lớn giặc Pháp trước khi chúng có viện binh đến. Nhưng chúng cứ cố thủ trong các nhà kiên cố. Sau khi bàn bạc, anh Lâu quyết định cho “ông già cụt nòng” sang sông phá bót một số nhà kiên cố. Thế là, ban đêm anh em kết thuyền đưa pháo sang sông. Ông già khạc đạn, hạ sập một số nhà ở trường Dòng, nhà Mác-lốp... Anh em muốn đem đến bắn vào nhà Mô-ranh, nhưng khu vực đó đông lính, sợ chúng cướp mất, anh Lâu không cho. “Ông già” lại trở về bên này sông.

Tiếng “ho” của “ông già cụt nòng” làm cho bọn địch rất khiếp sợ. Trái lại, bà con rất thích. Chỗ nào cũng nói đến chuyện “ông già”, rất nhiều chuyện y như chuyện cổ tích.

Tiếc rằng, “ông già” rất ít đạn, nên không ra oai mãi được.

Anh em có người nảy ra sáng kiến: dùng súng thần công thay đại bác. Những khẩu súng thần công đó, xưa kia, triều đình Huế dùng để trang trí đặt ở hai dãy nhà trước cửa Ngọ Môn, sát cửa Ngăn - Cửa này chỉ dành cho vua đi mỗi khi tế Nam Giao ba năm một lần, còn thì quanh năm đóng im ỉm. Các khẩu súng này đúc từ bao giờ và để làm gì thì tôi không biết chính xác. Người thì bảo đúc từ thời Gia Long

đánh Tây Sơn, người thì bảo đúc từ thời Minh Mạng cùng lúc với xây cung điện, làm đồ trang trí. Thời nào thì thời trước đây dùng làm gì thì làm, bây giờ, thấy nó giống như khẩu đại bác, anh em muốn dùng nó để đánh giặc. Anh em nghĩ ra cách đánh, bỏ một quả đạn gang hay đạn cối vào nòng, cho vào đó một ít thuốc súng, muốn bắn xa thì cho nhiều, muốn bắn gần thì cho ít, tiếp theo đó làm một cái ngòi như ngòi pháo, cho nhú ra đít nòng. Khi bắn, người pháo thủ đốt ngòi, thuốc súng sẽ cháy và đẩy quả đạn đi.

Về lý thuyết nghe cũng đúng, anh em đem ra làm thử. Hôm thử, chúng tôi cũng có đến xem. Trong đêm tối, quả đạn lù lù đi ngoằn ngoèo trên không, anh em không nhìn cười được. Quả đạn rơi không chính xác, phần nhiều rơi xuống sông. Về sau chúng tôi không dùng nữa.

Suốt cả thời gian đó, quân ta vẫn bao vây và ngày đêm liên tục công kích, nhưng không có trận nào tiêu diệt đáng kể. Tuy vòng vây chúng ta không vững chãi lắm nhưng địch cũng không tổ chức những trận phản kích phá vây. Chúng luôn luôn cố thủ. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra trong thế giằng co. Địch không làm gì được ta và ta tiêu diệt địch cũng chẳng được bao nhiêu.

Sau hơn năm mươi ngày bị vây hãm, địch tiếp viện.

Chúng chia làm hai cánh: cánh thứ nhất, phía bắc, có một nghìn quân từ Lào, theo đường 9, đánh vào Quảng Trị. Cánh này đã bị Trung đoàn Nguyễn Thiện Thuật của Quảng Trị chặn đánh.

Cánh thứ hai, phía nam, có năm nghìn quân, được máy bay, xe tăng, đại bác yểm trợ, đổ bên lên Lăng Cô, tiến ra thành phố Huế.

Một cuộc hành binh vô cùng tàn ác đã xảy ra. Hình như bọn Pháp muốn đem tất cả súng đạn còn lại sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đổi lấy mảnh đất Đông Dương này. Trước cuộc hành quân, chúng đã cho máy bay thả xuống hàng trăm quả bom đủ loại, bom nổ, bom

cháy, bon na-pan dọc con đường chúng sẽ đi qua. Khi đại bác nổ liên hồi, tiếp đến xe tăng khắc lửa hai bên đường đi. Gập rừng, cây đổ, lá rụng toi bời. Gập làng mạc, nhà cửa, tre pheo bốc cháy, khói đen từng ụ cao, ùn ùn, dựng lên ở giữa trời xanh. Giặc đi đến đâu là biết đến đấy, dù đứng rất xa. Vào đến làng nào, thấy người, thấy heo, thấy gà, thấy trâu bò, chúng bắn hết. Đội tiền vệ của chúng là những đội com-măng-đô, lính tình nguyện của chúng, lấy đồng tiền làm lẽ sống. Bọn này chúng đã mua được ở các nước châu Phi, ở Đức, ở Anh... Hơn nữa, chúng rất sợ những lính “sao vương” của ta, những du kích, những cảm tử quân đã cho chúng những bài học đích đáng ở Sài Gòn, Chợ Lớn, ở đồng bằng Nam bộ, cũng như ở các tỉnh cực nam Trung bộ. Một lý do khác nữa là chúng muốn lấy chết chóc, bom đạn để uy hiếp tinh thần của nhân dân ta.

Đường sắt chúng ta đã hất đi nhiều đoạn. Đường quốc lộ chúng ta cũng đã đào ngang xẻ dọc. Một chiếc xe bò cũng không thể đi qua.

Ở phía nam tỉnh, ta có một tiểu đoàn nhưng quân số không đầy đủ. Cả tiểu đoàn chỉ có khoảng ba, bốn trăm người. Vũ khí cũng ít. Đại đội Quách Sĩ Kha, đại đội chủ lực, chỉ có hơn 10 khẩu súng, một ít lựu đạn, còn thì mã tấu, đại đao. Khoảng ba, bốn trăm người với vũ khí như vậy mà phải ngăn chặn 5.000 địch được trang bị đến tận răng!

Nhưng bọn địch tiến quân cũng không phải dễ dàng. Đến gần đèo Phước Tượng, mấy cảm tử quân của ta đã chôn bom, chờ sẵn. Họ đã nấp mình dưới một hốc núi mà bọn địch không thể ngờ được. Chiếc xe tăng đi đầu vừa đến, bị nổ tung. Họ ném lựu đạn giết thêm một số rồi chạy vào rừng.

Giặc đến Mũi Né cũng bị đại đội Quách Sĩ Kha từ trong rừng vận động ra đánh địch. Bị đánh bất ngờ, địch vội vã lui để lại khá nhiều xác chết.

Nhưng rồi quân giặc vẫn tiến. Chúng tiến chậm chạp, lo âu. Chúng rất sợ những quả mìn, những hố chông nơi làng mạc mà xe tăng của chúng không thể lướt qua...

Ngày 20 tháng 1, chúng đổ thêm quân vào cửa Tư Hiền và chia nhiều cánh tiến vào thành phố Huế.

Súng giặc bốn phía nổ vang trời, dậy đất. Bom từ trên trời rơi xuống. Đạn pháo từ ngoài xa dội vào. Nhân dân hoang mang chạy tán loạn. Rời thị thành về nơi nông thôn lánh nạn. Bây giờ, nông thôn cũng lửa khói toí bời, biết chạy về đâu? Người gồng gánh, trâu bò, lợn gà, ùn ùn hướng lên miền Tây, nơi núi rừng thăm thẳm.

Trước cuộc tấn công nhiều mặt của giặc, trong đánh ra, ngoài đánh vào, bộ đội ta vượt qua dòng sông Hương về phía Bắc.

Mấy hôm sau, giặc lại vượt qua Tuần ra phía Bắc. Một mặt, chúng đổ bộ ở Lại Ân để ngăn chặn quân ta. Bộ đội ta, tán loạn, chạy lên rừng tạm lánh...

:



## IV. KHI BÓNG ĐÊM TRÙM XUỐNG

Trước khi quân tiếp viện ịch vào Huế vài ngày, tôi được lệnh anh Nguyễn Chí Thanh lên Trờ kiểm tra lại việc chuẩn bị chiến khu để rời cơ quan lên đó. Lúc nhận lệnh, tôi bỗng nhớ lại bài học lịch sử anh Minh dạy cho lúc ở trong tù. Khi Tôn Thất Thuyết chuẩn bị đánh Tây, quan tướng cũng đã sai chuẩn bị sơn phòng Tân Sở, phòng khi rút lui, có chỗ tựa quân.

Tôi lên ô-tô đi Cổ Bi, rồi ngược sông Bồ lên Trờ. Vượt qua biết bao nhiều khe suối và cánh rừng rậm hoang vu, tôi đến một thung lũng bằng phẳng, ở đó có mấy căn nhà lá dài mới dựng. Một số anh em thanh niên đang chẻ tre làm sạp để nằm. Tôi gặp anh Lê Tự Đồng đã được anh Thanh phái lên đây từ trước để chuẩn bị chiến khu. Trong lúc trò chuyện, anh Lê Tự Đồng hỏi tôi về cách xây dựng chiến khu như thế nào. Tôi cũng không biết. Tôi mới hiểu một cách đơn giản, chiến khu là nơi cơ quan lãnh đạo và bộ đội ra đóng để tiến hành cuộc kháng chiến. Còn việc xây dựng nó như thế nào, phải có những điều kiện cần thiết gì, địa hình, địa thế, dân cư, nhà ở, đường sá, kho tàng... ra sao, tôi chưa hình dung được.

- Phải về hỏi lại anh Thanh!

Tôi trở về. Khi gần đến Cổ Bi thì gặp một số bà con gồng gánh đi lên, mặt mũi ai nấy bơ phờ, mệt mỏi. Tôi hỏi thì biết giặc đã vào Huế rồi. Họ đi sơ tán. Tôi định hỏi thêm, họ có biết các cơ quan tỉnh đã đi chưa, nhưng rồi tôi nghĩ, chắc họ cũng chẳng biết, nên thôi. Tôi đi thêm một đoạn nữa thì gặp một anh thanh niên có vẻ học sinh, lưng đeo khăn gói, vai vắt một tượng gạo vừa đi vừa hát như đi cắm trại. Thấy anh ta hay hay, tôi đến làm quen:

- Em đi đâu đấy?

- Em đi sơ tán.

- Em ở đâu?

- Em ở Huế.

Nghe nói ở Huế tôi đã mừng:

- Ở Huế, em ở chỗ nào?

- Em ở trong thành.

Tôi càng mừng thêm.

- Em có ở gần cửa Thượng Tứ không?

- Có, em ở ngã tư Anh Danh.

- Thế em có biết nơi cơ quan tỉnh đóng không?

- Có, ngày nào em cũng đi qua, đi lại.

- Em làm gì mà ngày nào cũng đi qua, đi lại?

- Em đi học. Nhưng vì Tây vô, em phải đi sơ tán. Về nhà người bà con ở Cổ Bi. Nghe nói Tây sắp lên Cổ Bi, em lại đi.

- Thế em có biết các cơ quan tỉnh bây giờ đi đâu không?

- Em có gặp anh Nguyễn Chí Thanh và nhiều anh nữa đi lên phía Hòa Mỹ.

Tôi hỏi lại:

- Có đúng là anh Nguyễn Chí Thanh không.

Em học sinh trả lời chắc nịch:

- Đúng, em lạ gì anh ấy. Anh ấy là Bí thư Tỉnh ủy, cả thành phố ai chả biết.

Thế là chắc chắn rồi. Nhưng tôi thầm nghĩ: Tại sao anh Thanh không lên Trờ mà lại lên Hòa Mỹ. Hòa Mỹ ta có chuẩn bị làm chiến khu đâu!

Tôi lại nghĩ: Có lẽ vì một lý do gì đó mà mình chưa biết. Nếu anh ấy lên Trò thì đã lên rồi.

:

Để cho chắc chắn hơn tôi hỏi thêm:

- Em gặp các anh ấy hôm nào?

- Ba hôm rồi. Hôm đó, Tây mới vào bên kia sông.

Thế là đúng. Ba hôm, nếu anh Thanh lên đây thì đã đến rồi.

Tôi quyết định đi Hòa Mỹ. Tôi hỏi em học sinh;

- Em có biết đường đi Hòa Mỹ không?

- Có.

Tôi gợi ý:

- Ta đi Hòa Mỹ đi.

Thấy em ngần ngại, tôi tán:

- Đi sơ tán thì chỗ mô chả được. Đi với ủy ban, với anh Thanh càng chắc chắn hơn

Tôi nói thêm:

- Anh cũng làm việc một chỗ với anh Thanh đấy!

Thế là em đồng ý.

Thấy một người gánh một gánh gạo đi sơ tán, tôi hỏi mua mười long. Bà ấy đồng ý bán. Tôi liền lấy cái quần bà ba buộc túm gấu lại, đổ gạo vào trong rồi vác lên vai cùng đi với anh thanh niên học sinh. Tôi hỏi thì biết tên em là Hồ...

Muốn lên Hòa Mỹ, phải qua làng Đất Đỏ. Còn cách Đất Đỏ khá xa, bỗng gặp một đoàn người gánh gồng đi đến, chúng tôi hỏi thì biết ở Đất Đỏ, Tây đã lên đóng rồi.

Tôi rất lo lắng. Phía trước có giặc. Phía sau có giặc. Đi đâu? Tôi sức nhớ ra đây là huyện Hương Trà. Chủ tịch huyện là anh Trần Thanh Chũ, trước đây cùng ngồi tù với tôi ở Buôn Ma Thuột. Tôi mới gặp lại anh ấy một tuần trước đây ở Huế.

Tôi hỏi Hồ:

- Em có biết Ủy ban huyện Hương Trà đóng ở đâu không?
- Hôm trước em thấy sơ tán lên Cổ Bi, nay Cổ Bi Tây đóng, chắc là về Lại Bằng thôi!
- Em có biết đường đến Lại Bằng không?

Hồ cười:

- Đây là vùng quê ngoại em, làng nào em chả biết...

Quả đúng như vậy, Hồ rất quen đường sá và nhiều người ở vùng này. Đến Lại Bằng, tôi gặp anh Chũ trong một nhà dân. Chúng tôi mừng lắm. Anh Chũ cho biết là Tây đã tràn qua đây, và đang tiến ra Quảng Trị. Anh nói thêm: Nhân dân rất xao xuyến. Một số cán bộ, đảng viên rất lo sợ chạy cả lên trên này. Còn bộ đội thì tản mát khắp nơi. Tôi góp ý với anh nên tập hợp họ lại, trấn an và động viên họ trở về để nắm lại dân, khuyến khích nhân dân cứ tin vào kháng chiến. Một mặt thu nhặt anh em bộ đội đang tản mát, tổ chức thành đội ngũ, chờ chỉ thị cấp trên. Anh Chũ cùng đồng tình với ý kiến của tôi. Chiều đó, tôi ở lại với anh Chũ. Lúc chập choạng tối, tôi bỗng thấy một tốp khoảng trên mười anh em bộ đội thất tha thất thểu vào làng. Người nào người nấy áo quần rách bươm, vẻ mặt bơ phờ, mệt mỏi. Người có súng, người không súng. Họ đi vào từng nhà, xin gạo nấu cơm ăn. Những nhà ấy đều niềm nở, gọi nhau ơ ới, rồi chạy đi chạy lại nấu cơm và dọn giường dọn chiếu cho bộ đội nằm. Có anh mệt quá, vừa nằm xuống đã thiếp đi. Tôi hỏi thì biết, anh em này thuộc tiểu đoàn mấy hôm trước đây đã bao vây và đánh địch ở phía nam sông Hương. Khi địch tràn vào phía nam, anh em vượt sông sang phía bắc.

Ngày hôm sau, giặc ra phía bắc tung lưới bao vây. Anh em vội theo đồng bào chạy tản cư... Chẳng còn ai chỉ huy ai nữa. Các anh ấy xuyên qua làng mạc, chạy lên phía rừng. Gặp đâu xin ăn đấy. Và ai cũng cho. Tôi liền bảo anh em ăn xong, cứ nghỉ ngơi cho khỏe, rồi đi với tôi.

Ba hôm sau, trời còn tờ mờ, anh Chữ đã cho người dẫn chúng tôi theo lối tắt lên Hòa Mỹ. Anh cũng nghe tin anh Thanh, anh Hoàng Anh đã lên trên đó: Anh em bộ đội đi theo tôi gần ba mươi người. Riêng Hồ không đi. Em chỉ muốn đi loanh quanh, khi tạm yên, em sẽ về nhà. Tôi không ép.

Băng qua bao nhiêu cánh rừng rậm, chúng tôi đến xóm Hòa Mỹ. Đó là một xóm nhỏ sát bìa rừng, chỉ độ vài chục nóc nhà. Tôi vừa vào xóm đã thấy anh Hà Văn Lâu ngồi với mấy người nằm dưới một mái tranh xiêu vẹo. Tôi mừng quá, reo lên: Anh Lâu! Anh Lâu cũng mừng, đứng dậy ra đón tôi, mới có mấy hôm trông anh khác quá. Đôi mắt sâu xuống có vẻ u buồn. Má hóp hẩn đi. Râu ria mọc lún phún đầy cằm. Trước đây, anh không như vậy: người béo tốt, phương phi, đôi mắt sáng, cằm bao giờ cũng cạo sạch bong.

Tôi hỏi anh về tình hình bộ đội. Anh lắc lắc đầu, buồn bã:

- Tán loạn cả, mới thu được có hơn một trăm!

Anh bỗng nói lảng:

- Đã gặp anh Thanh chưa?

- Dạ chưa, mới vào tới đây! - Tôi nói thêm: có một số anh em bộ đội nữa, nhưng họ đang tắm giặt ngoài sông chưa vào. Lát nữa họ vào sau. Tôi kể lại đám anh em bộ đội cho anh nghe. Mặt anh vẫn đượm vẻ buồn không nói gì.

- Anh Thanh có ở gần đây không?

- Gần thôi, khoảng một cây số. Cứ đi thẳng đường này sẽ đến. Anh chỉ con đường chạy qua trước mặt nhà...

Tôi theo con đường đó đi một quãng đến nhà anh Thanh ở. Anh đang ngồi viết ở một cái chõng con đặt dưới mái hiên. Thấy tôi, mắt anh tươi hẳn lên.

- Tôi đã cho người tìm anh đó. Có gặp không?

- Dạ không! - Tôi trật chiếc dép ngồi ngay bên chõng.

- Lúc đầu, tôi cũng định lên Trờ, nhưng thấy trên đó xa quá, giờ đây, chưa cần thiết. Ở đây, gần hơn, chỉ đạo nhanh chóng hơn.

Anh nói luôn:

- Hiện nay, ta có một số việc rất gấp phải làm. Một là phải củng cố nơi này làm chiến khu cho tốt. Hai là, phải chỉnh đốn lại tổ chức. Anh Lưu sắp phải ra khu bốn công tác, anh sang thay anh Lưu làm chính ủy trung đoàn.

Anh đưa mắt nhìn thẳng vào mặt tôi như đợi tôi nói một câu gì, nhưng tôi ngồi im. Anh nói tiếp.

- Phải thu hồi nhanh anh em bộ đội đang tản mát các nơi.

Anh bỗng thờ dài, giọng nhỏ nhẹ, buồn bã:

- Vừa rồi ta vấp phải một sai lầm nghiêm trọng. Chỉ tổ chức cho anh em chiến đấu mà không dự phòng khi rút lui, không tổ chức gì cả...

Anh lấy hộp thuốc lá ra quấn hút. Đôi mắt anh nhìn theo làn khói trắng. Anh đang suy nghĩ gì?

Sau đó anh Thanh bàn với tôi một số công việc nữa rồi bảo tôi ở lại ăn cơm. Bà mẹ anh Thanh cũng đã sơ tán lên đây. Bà đang đi hái rau rừng. Đến bữa cơm, bà chỉ dọn ra có hai món: rau tàu bay chấm nước ruốc và một đĩa muối mè.

Bà cười, tay sói cơm:

- Bữa ni thì chẳng có “Tôm rần bóc vỏ bỏ đuôi, gạo de An Cựu để nuôi mẹ già” mô nghe! Chỉ có “Măng giang nấu cá ngạnh nguồn, đến đây nên phải bán buồn mua vui” thôi. Nhưng măng giang cũng chưa có mà cá ngạnh nguồn cũng chưa có!

Bà lại cười to. Tiếng cười thanh thản như trước đây. Ăn cơm xong, tôi lại ra nhà anh Lâu. Tôi nói quyết định của anh Thanh vừa rồi cho anh rõ. Anh Lâu nói:

- Anh Thanh cũng đã nói cho tôi biết rồi. Bây giờ chúng ta phải bắt tay ngay vào việc, làm sao thu thập được anh em về, càng nhanh càng tốt.

Chiều hôm đó, anh Lâu và tôi ngồi nghe anh em quân báo vừa về, báo cáo lại tình hình địch mấy ngày vừa qua: Bọn địch, sau khi chiếm xong Huế, chỉ để lại một bộ phận nhỏ, bộ phận trước đây bị bao vây trong thành phố, còn toàn bộ kéo ra Quảng Trị. Ngoài đó, đã chuẩn bị sẵn. Ở thị xã, các nhà ngói, nhà cao to đều đập hết chẳng sót một cái nào. Các nhà nhỏ, nhà tranh đều chất đầy rơm củi. Anh em cảm tử đã treo bom trên cây và chôn địa lôi ở các ngã đường. Bộ đội đã bố trí xung quanh thị xã, nhiều nhất ở vùng Long Hưng, Đại Nại, do trung đoàn trưởng Hùng Việt chỉ huy. Khi lực lượng chính của chúng bắc cầu phao qua được cầu Không định vào thị xã; vừa đi vào giữa cánh đồng Long Hưng thì quân ta nằm trong các công sự sau lũy tre rìa làng lập tức nổ súng và xung phong, đánh giáp lá cà với địch giữa cánh đồng. Bọn địch chết loạn xạ phải rút lui, rồi gọi phi pháo bắn. Bộ đội ta đã theo giao thông hào rút về phía sau. Giặc vào thị xã, gặp anh em cảm tử đánh. Bom từ trên nổ xuống, địa lôi đất nổ lên. Du kích thì châm lửa đốt nhà. Các nhà tranh được chất thêm củi, rơm cháy rùng rục, khói bốc mù mịt. Anh em du kích lại ném lựu đạn, bắn tỉa, địch chết lãn chai, đổ đền, không biết bao nhiêu mà kể... Sau đó,

anh em bộ đội rút về các làng xung quanh thị xã... Trong trận, địch chết khoảng 200, số bị thương, chúng chở đầy 15 ô-tô về Huế...

Nghe nói, chúng tôi rất mừng cho đơn vị bạn đã lập được chiến công to. Anh quân báo nói tiếp:

- Cánh quân từ trên Lào về cũng bị anh em ngoài đó chặn đánh ở Lao Bảo, Khe Sanh, Đầu Mầu, Cam Lộ. To nhất là ở trận Rào Quán. Bằng cách đánh địa lôi và phục kích, đại đội 2, tiểu đoàn 13 đã diệt gọn gần một đại đội địch chẳng sót một thằng nào. Hiện nay, cánh quân này đã đến gần Cửa. Chưa biết bao giờ hai cánh quân địch mới gặp nhau.

Sau khi anh ta kể xong, tôi hỏi:

- Theo như tình hình cách anh nắm được, thì bộ đội ta ngoài ấy bây giờ thế nào?

- Dạ, các đơn vị tuy có thiệt hại nặng nề, nhưng vẫn giữ được hàng ngũ, đang rút về đóng trong các làng xung quanh thị xã.

Tôi hỏi lại:

- Có đúng thế không?

- Dạ đúng.

Tôi nhìn anh Lâu. Anh Lâu cũng nhìn tôi. Không ai nói gì.

:

Chiến khu Hòa Mỹ nép mình bên dãy Trường Sơn mênh mông, núi rừng bát ngát. Bên ngoài là một giải đất dài và hẹp, cây mọc thưa thớt. Qua khỏi giải đất đó, đến một dãy núi lồi lõm, cây cối đã bắt đầu rậm rạp, rất lắm chim muông. Hoa phong lan bốn mùa nở rộ. Dưới chân núi, một dòng khe chảy lừ đừ, nước trong vắt, trông thấy cả sỏi đá dưới lòng. Nhân dân vùng đó gọi là Khe Mài. Bên kia Khe Mài, mấy ngọn núi cao vút, cây cối um tùm nối liền với dãy Trường Sơn đằng



dặc. Đêm đêm, cộp hú, voi gầm náo động cả rừng sâu. Nhân dân gọi mấy ngọn núi đó là Động Mệ...

Lúc đầu mới lên, chúng tôi ở tạm trong xóm nhỏ ở ngoài giải đất hẹp. sau đó, để giữ bí mật, lại làm lán ở phía trong, dọc theo dòng khe, chia làm hai khu vực. Ở đầu ngọn khe, chúng tôi gọi là CK4, là nơi ở của Tỉnh ủy và bệnh viện. Anh Thanh ở khu vực này. Cách đó bốn năm cây số về phía dưới là CK7, nơi đóng quân của trung đoàn bộ và các đơn vị hậu cần.

Các đơn vị chiến đấu làm nhà ở ngoài giải đất hẹp. Nhà làm rất kín đáo, núp dưới bóng các cây cao, đi ngoài xa không thấy rõ. Chúng tôi đã đặt một vọng gác từ xa, hướng làng Đất Đỏ đi lên và rất nhiều vọng gác khác khắp bốn phía kể cả trong dãy Trường Sơn mênh mông. Các vọng gác này còn có nhiệm vụ bắn thú rừng để làm thức ăn cho đơn vị. Voi, hổ, lợn rừng ở đây rất nhiều. Có lần, anh em trong đó đã bắn được hai voi một lúc, cả chiến khu ăn đến mười ngày không hết.

Anh em bộ đội càng ngày tập hợp về càng đông. Các cơ sở địa phương đã bí mật báo cho họ biết. Nhưng càng ngày, chúng tôi càng thấy nhiều khó khăn. Lương thực, gạo đâu mà ăn? Dưới đồng bằng, bọn địch đã chiếm đóng. Chúng trấn ngang đường quốc lộ. Địa thế tỉnh này là như vậy. Tất cả ruộng đất phi nhiêu nằm bên kia đường quốc lộ. Phía bên này là miền trung du, phần lớn là khoai sắn, mà khoai sắn cũng không nhiều. Phía bên kia, tuy có nhiều lúa gạo, nhưng qua đợt tiến quân vừa rồi, địch đốt phá rất nhiều. Mặt khác, nhân dân cũng đang hoang mang lo sợ, và bộ đội ta cũng chưa dám về.

Anh em lên nhiều thì lại càng đói. Phía xa kia, trên chót vót dãy Trường Sơn có một số nương rẫy của đồng bào Vân Kiều, Tà Ôi... Anh em phải đi đến bốn năm ngày mới mua được. Mua được, nhưng chở về không được. Đường núi cheo leo, dốc ngược đứng sừng. Có

đèo về cũng chả được bao nhiêu. Con đói cứ gặm dần, gặm dần thân thể con người.

Cả ngày, anh em chỉ vào rừng, kiếm củ mài, môn rừng, chuối rừng, các thứ rau, hoa quả về ăn. Hết chỗ gần đến chỗ xa. Lúc đầu còn ăn no, sau dần dần chỉ nấu cháo... chuối cũng nấu cháo, rau cũng nấu cháo...

Cơn đói thường hay lôi theo cơn bệnh. Một phần, rừng núi âm u, trước đây ít thấy bóng người, muỗi, vắt rất nhiều. Hồi ấy, anh em làm gì có được cấp phát mùng màn, chăn chiếu, áo quần. Ai có gì mặc nấy, mang từ lúc ra đi, qua bao ngày chiến đấu nay đã rách tả tơi. Rừng già - những tháng cuối năm và những tháng đầu năm, thường hay mưa, lạnh. Đêm, không chiếu, không chăn, nằm cứ run bần bật, chỉ còn biết co quắp lại, ôm lấy nhau cho đỡ rét... Củi rừng cứ đốt thâu đêm.

Rồi những cơn sốt rét ghê người. Thuốc men không có. Có một anh y tá nào đấy đã vào rừng tìm được một bụi nghệ, đem về giã ra cho vào mấy cái chai đầy nước đun sôi để nguội, lắc lắc. Nước ra màu vàng chói: “uống đi! Ki-na-cơ-rin đó!”. Anh bệnh nhân, đôi mắt sáng lên, uống một hơi ừng ực, biết đâu rằng, chỉ mấy ngày sau, đốt mắt ấy nhắm lại, không bao giờ mở nữa, chỉ vì cơn sốt ác tính không có thuốc men cứu chữa!

Ngày nay, ít ai mà biết được những nỗi khổ ấy của người lính năm xưa!

:

Đội quân viễn chinh của Pháp, sau khi chiếm xong Quảng Trị, tiến ra Quảng Bình. Một toán hải quân đổ bộ lên chữa Nhật Lệ. Chi đội Lê Trực chặn đánh ngay ngoài bãi biển. Một cuộc chiến đấu không ngang sức, các chiến sĩ Lê Trực cứ xung phong. Nhưng vì địch đông quá, các chiến sĩ ta bắt buộc phải rút lui.

Từ đây, cả Bình Trị Thiên nằm trong tay giặc từ dòng sông Minh Lệ đến đèo Hải Vân.

Bình Trị Thiên là một dải đất dài và hẹp nằm giữa miền Trung Trung bộ, hai đầu là hai ngọn đèo cao: phía nam là đèo Hải Vân, phía bắc là đèo Ngang mà mấy trăm năm trước đây bà Huyện Thanh quan đã từng ca ngợi bằng mấy câu thơ:

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa...

Chiều dài từ đèo Ngang đến đèo Hải Vân trên ba trăm ki-lô-mét tính theo đường quốc lộ. Bề ngang, thì miền đông giáp biển, miền tây giáp dãy Trường Sơn. Từ dãy Trường Sơn ra biển nơi rộng nhất khoảng chín ki-lô-mét, nhưng cũng có nơi núi thọc ra sát biển cả như ở đèo Ngang, đèo Hải Vân.

Về đường sá, có con đường quốc lộ chạy dài từ Nam ra Bắc, chia mảnh đất này ra làm đôi: phía đông là những đồng ruộng phì nhiêu, dân cư đông đúc, phía tây là đồi núi trập trùng, dân cư thưa thớt, hầu hết là người dân tộc, rất ít người Kinh.

Ngoài đường quốc lộ số 1, trước đây, Pháp đã đắp con đường quốc lộ số 9, từ Đông Hà thuộc tỉnh Quảng Trị sang Lào. Đó là con đường chiến lược quan trọng cắt Đông Dương ra làm đôi.

Sau khi chiếm được Bình Trị Thiên, việc đầu tiên là chúng xây một hệ thống đồn bốt dày đặc dọc theo đường quốc lộ, mục đích là ngăn cách đồng bằng và chiến khu. Đồng bằng là dân, chiến khu là Đảng, là chính quyền đang tạm lánh trên ấy. Tách cá ra khỏi nước thì cá chết. Lấy gì mà ăn, mà sống, không chết đói thì cũng chết vì bệnh tật mà thôi. Một dãy đồn nối liền từ nam ra bắc, dọc theo dãy Trường Sơn: Chóp Chài, Tuần, Võ Xá, Cổ Bi, Thanh Tân, Đất Đỏ, Phước Môn, Nam Đông, Mỹ Trạch, Châu Lê Xá, Mỹ Đức, An Hòa, Sen Bàng, Minh Lệ,

Troóc làm tiền tiêu cho một dãy đồn thứ hai dọc theo đường quốc lộ. Một hàng rào chia cắt khá dày và chắc...

Cùng một lúc, chia cắt đồng bằng và chiến khu, chúng ra sức càn quét vùng đồng bằng, tiêu diệt bằng hết các lực lượng vũ trang, các cán bộ chính quyền của ta, và thiết lập một lực lượng vũ trang và một tổ chức nguy quyền của chúng. Có như vậy, chúng mới đặt được ách nô lệ lên đầu, lên cổ của nhân dân ta và bóc lột nhân dân ta đến tận xương tủy như những ngày xưa kia...

Những cuộc càn quét dã man, tàn ác bắt đầu. Đi đến đâu là chúng bắn giết, đốt phá... Khói lửa bốc mù trời những nơi chúng đi qua. Rồi những cảnh chém giết hết sức tàn khốc. Cúng muốn nói với nhân dân ta rằng: “Hãy đầu hàng đi thì sẽ sống, nếu không đầu hàng thì sẽ chết, chết hết!”. Những vụ chợ Cạn giết hàng nghìn người trong một lúc, những vụ chúng đem ba bốn trăm người xô xuống cầu Mỹ Trạch, những vụ chém giết ở Mỹ Thủy, Lâm Xuân, Thọ Linh, Lệ Xá. Khi chúng đi qua rồi, cảnh làng xóm tan hoang luôn luôn xảy ra trên mảnh đất eo hẹp này.

Sau những cuộc hành binh lớn, chúng rải đồn bốt khắp nơi nhưng giăng lưới bủa vây nhân dân ta. Từ trong mạng lưới đó, chúng lùng sục suốt đêm ngày. Chúng lùng bắt cán bộ, bắt du kích, bắt các lực lượng vũ trang của ta. Hễ bắt được người nào chúng nghi là cán bộ, là du kích, chúng chặt đầu, cắm vào cọc, chôn ở các chợ, các ngã ba, ngã tư đường, trên một dòng chữ viết bằng máu: “Việt Minh! Hãy coi chừng!”.

Một không khí vô cùng rùng rợn bao phủ lấy nông thôn. Một số cán bộ, du kích bỏ chạy lên chiến khu. Bọn Việt gian thừa cơ ngóc đầu dậy.

Người nông dân hiền lành trên mảnh đất eo hẹp này, đêm nằm, nhìn vào trong bóng tối mênh mông, thăm thẳm, vừa uất ức, vừa lo âu, thốt lên một lời cay đắng: “Trời, biết sống làm sao đây!”.



## V. TRỜI HƯNG SÁNG

Ngày 25 tháng 3 năm 1947, một tháng mười ngày sau khi quân ta rút khỏi thành phố Huế, anh Thanh triệu tập một cuộc hội nghị đặc biệt, không phải ở chiến khu, mà ở một làng - làng Nam Dương, huyện Phong Điền - một làng cát ngay sau lưng địch, cách Huế gần 20 km.

Về dự có hơn chục đồng chí trong đó có các anh Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Anh, Nguyễn Sơn, Trần Thọ, Lâm Mộng Quang, Hoàng Phương Thảo, Lạc Cò... Tôi cũng có mặt. Chúng tôi họp trong nhà một cán bộ cơ sở. Không có bàn ghế, không có cờ, ảnh, khẩu hiệu gì. Chúng tôi, người ngồi trên giường tre, người ngồi trên ghế đẩu, có người ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào cột nhà. Anh chị em du kích canh gác, bảo đảm an toàn cho hội nghị.

Mở đầu cuộc họp, anh Thanh đọc lá thư của Bác gửi cho đồng bào toàn quốc những ngày gần đây cho chúng tôi nghe(1). Đại ý trong thư, Bác khuyên chúng tôi “không nên hoang mang, phải nhẫn nại, phải cương quyết”. Bác phân tích: Địch càng rải ra nhiều nơi thì lực lượng địch càng mong manh. Ta càng sẵn cơ hội đánh du kích tiêu diệt nó dần dần để đi đến thắng lợi cuối cùng. Bác nói thêm: Địch đến đâu thì nó giết hại, tàn phá đến đó. Dân ta không khỏi cực khổ, gian nan. Nhưng có tạm thời khổ rồi mới sướng sau.

Hồi đó cũng tôi cũng đã biết, giặc chiếm Hà Nội và đánh phá các nơi ở đồng bằng Bắc bộ. Chính phủ ta đã rời lên Việt Bắc. Bác gửi bức thư cho nhân dân cả nước, không riêng gì cho mảnh đất Bình Trị Thiên này.

Sau khi đọc xong thư của Bác, anh Thanh nói:

- Lời giáo huấn của Bác đã mở đường cho chúng ta đi. Bây giờ chúng ta nên kiểm điểm lại công tác trong thời gian qua để rút ra những bài học kinh nghiệm trong thành công cũng như trong thất bại.

Với giọng nghiêm khắc, anh nói rất nhiều về khuyết điểm. Rồi anh kết luận:

- Bộ đội ta rất anh dũng, rất gan dạ. Đồng bào ta có tinh thần cách mạng rất cao, rất thiết tha với cách mạng, muốn theo Đảng, theo Chính phủ chiến đấu để giành độc lập, tự do. Điều đáng trách là chúng ta không biết cách tổ chức, huấn luyện và chỉ huy anh em đánh giặc. Chúng ta không biết cách động viên toàn dân chiến đấu.

Ngừng một lúc, anh nhìn thẳng vào chúng tôi:

- Mất đất chưa phải là mất nước. Chúng ta chỉ sợ mất lòng tin của dân... Chúng ta phải làm lại...

Chúng tôi thấy những nhận xét của anh Thanh đều đúng cả. Và chúng tôi cũng thấm thía những thiếu sót của mình.

Sau đó, anh Thanh, thay mặt Tỉnh ủy, đề ra những việc phải làm trước mắt.

Một là, phải tập hợp và củng cố lại đội ngũ trong quân đội, sau đó, đánh một vài trận để gây lòng tin trong nhân dân. Hiện nay, nhân dân đang rất hoang mang, giao động, tưởng rằng bộ đội ta đã tan rã hết rồi. Bọn địch cũng đang tuyên truyền như vậy. Chúng ta có đánh một vài trận, nhân dân mới thấy rõ là bộ đội ta vẫn còn, cách mạng vẫn còn, kháng chiến vẫn còn.

Hai là, cán bộ, nhất là đảng viên hiện nay đang lẩn tránh trên chiến khu, phải cấp tốc trở về địa phương mình, bám đất, bám dân, ra sức phát triển lực lượng, xây dựng cơ sở quần chúng, giáo dục, động viên nhân dân tin tưởng là kháng chiến vẫn còn, cách mạng vẫn còn, rồi dần dần tổ chức các tổ du kích, diệt tề trừ gian và tham gia chiến tranh du kích tiêu diệt những toán quân địch đi lẻ tẻ.

Về điểm này, anh nói rất rõ, sau lời Bác dạy, địch càng rải ra nhiều nơi thì lực lượng địch càng mỏng manh. Trước đây, nó ẩn nấp trong

các nhà kiên cố, có công sự vững chắc nên ta rất khó đánh. Sau đó, chúng nó tiếp vận, quân số tập trung rất đông, vũ khí đầy đủ, ta cũng rất khó đánh. Bây giờ nó rải mảnh mảnh đi càn quét, quân số chẳng bao nhiêu lại không dựa vào công sự vững chắc, ta dễ đánh, để tiêu diệt chúng hơn.

Về diệt tề, trừ gian, anh nói, đó cũng là một vấn đề rất quan trọng. Bọn địch ở xa đến không biết gì đến ta. Nó phải lấy bọn Việt gian, phản động làm tai, làm mắt để truy lùng cán bộ kháng chiến và ép nhân dân, làm cho nhân dân sợ. Bây giờ ta tiêu diệt chúng nó đi thì địch có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, và nhân dân sẽ không sợ hãi nữa, sẽ ủng hộ chúng ta...

Những lý lẽ của anh Thanh làm cho chúng tôi rõ thêm một số vấn đề về chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân.

Vấn đề thứ ba, anh nhấn mạnh phải tăng gia sản xuất. Anh bảo rằng: thực túc là binh cường. Về lương thực, ta phải dựa vào dân là chính. Nhưng hiện nay, các vùng vừa lúa đều bị địch kiểm soát, dân chưa cung cấp được. Chúng ta phải tạm thời lo liệu lấy, giải quyết tạm thời cái ăn. Do đó nên động viên bộ đội chưa đi chiến đấu, động viên đồng bào mới tản cư lên, chỗ đất nào làm được thì làm, tranh thủ trồng thật nhiều khoai sắn. Đây không phải là kế tạm thời trước mắt nữa mà là kế lâu dài.

Anh còn nêu lên một số vấn đề khác, như củng cố chiến khu, chăm sóc thương bệnh binh, chăm lo đời sống cho bà con đi sơ tán...

Chúng tôi lắng lắng ngồi nghe, lòng đầy tin tưởng ở tương lai.

Sau đó, tỉnh ủy ra một nghị quyết, đặc biệt nhấn mạnh tư tưởng chỉ đạo là phải nhanh chóng chuyển sang tiến công địch bằng đánh du kích, kiên quyết luôn trở lại vùng đồng bằng đang bị địch chiếm đóng, bám đất, bám dân, tin tưởng và mạnh dạn phát động phong trào chiến tranh du kích để phá tan chính sách bình định của giặc



Pháp, đưa phong trào kháng chiến ở vùng sau lưng địch của Bình Trị Thiên vượt qua những khó khăn hiểm nghèo, tiến lên giành những thắng lợi mới(\*).

(1) Lá thư đề ngày 5-3-1947 trích trong cuốn “Về vấn đề quân sự” trang 81 - 82.

(\*) Theo “Sự đoàn 325” - trang 28 - Nhà xuất bản quân đội - 1981.

:

Anh Lâu và tôi ra về, bàn với nhau đánh chỗ nào cho tốt. Anh Lâu nêu ý kiến nên đánh ngay vào trong thành phố Huế, tuy có khó khăn nhưng tiếng dội vang xa, vì đó là trung tâm chính trị của bọn địch bây giờ và nhân dân các nơi đến tạm lánh, đi về rất đông. Tôi thấy đó là một ý kiến rất hay.

Anh còn nêu thêm, nên đánh đồn Hộ Thành. Đồn này, tôi cũng đã biết, ở trong Thành nội. Trước đây, đó là nơi ở của đội quân nhà vua để bảo vệ Hoàng thành. Khi Pháp chiếm, địch cho đóng ở đây một trung đội bảo an để canh gác các cơ quan quyền mới thành lập.

Đối với địch, đây là nơi Việt Minh khó có khả năng vào được nên canh phòng cũng sơ hở. Đối với ta, đánh một vị trí ngay trong lòng địch, nằm lọt giữa Thành nội như thế sẽ có ảnh hưởng lớn về chính trị trong cả vùng.

Để đảm bảo trận đánh chắc thắng, chúng tôi sử dụng cán bộ có kinh nghiệm vào tận nơi nắm tình hình địch và vẽ sơ đồ vị trí. Chúng tôi đặt kế hoạch chiến đấu với các anh Dương Bá Bích và Huỳnh Đình Thảo là hai đồng chí chỉ huy hai mũi của trận đánh. Trong hai tiểu đoàn gần đây đã tập hợp lại được khá đông, chúng tôi chỉ chọn lấy 20 đồng chí nhanh nhẹn tháo vát, tổ chức huấn luyện trước và trang bị cho anh em toàn tiểu liên và lựu đạn.

Tôi lên báo cáo lại với anh Thanh. Anh Thanh đồng ý. Hôm xuất phát, anh Hoàng Anh, thay mặt Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh đến động viên anh em. Anh nói đại ý: trận đánh này nhằm mục đích chính trị hơn là quân sự. Chiến thắng này sẽ làm vang động toàn tỉnh, có ý nghĩa báo cáo với đồng bào rằng, lực lượng kháng chiến vẫn còn, vệ quốc quân vẫn còn, rằng bè lũ cướp nước và bán nước trước sau sẽ đền tội. Nhưng trận đánh xảy ra ngay trong thành phố Huế. Đường vào đã khó, đường ra càng khó hơn. Phải thấy hết tính chất mạo hiểm của nó để quyết tâm thật cao, mới giành được thắng lợi.

Cuối cùng anh nói:

- Tỉnh ủy tin tưởng ở các đồng chí và chờ đón thắng lợi của các đồng chí!

Anh em rất xúc động.

Tỉnh ủy cho một con bê để ăn liên hoan và mỗi người được đem theo hai cái bánh tét làm lương ăn cả đợt đi và về.

Đơn vị chia từng tổ nhỏ, hành quân về làng La Chũ ở lại làm công tác chuẩn bị. Tối hôm sau, anh em vào thành, lúc gần nửa đêm dùng thang tre, áp thành, leo vào, tên lính gác đồn Hộ Thành bị giết trước tiên bằng một mũi dao găm. Bọn lính trong đồn đang ngủ không hay biết gì. Dưới sự chỉ huy của các đồng chí Dương Bác Bích và Huỳnh Đình Thảo anh em chĩa súng vào các song cửa sổ và bắn vào các giường nằm. Hầu như không có sự chống cự đáng kể. Và tiếng la hét hoảng loạn nổi lên rồi tắt ngay trong tiếng lựu đạn nổ rền. Xong nhiệm vụ, cả đơn vị nhanh chóng rời trận địa, theo đường cũ, thả thang tre ra ngoài thành, mới nghe tiếng còi, tiếng xe rú inh ỏi ở nơi gần trận đánh. Về tới Lại Bằng, trời vừa sáng, anh em nghỉ lại trong nhà đồng bào đến tối, lại lên đường về chiến khu Hòa Mỹ.

Hôm sau, cả Thừa Thiên - Huế, đầu đầu cũng xôn xao về cái tin đồn Hộ Thành bị tiêu diệt không kịp trở tay trong lúc các cổng thành vẫn đóng kín. Người ta còn đặt ra nhiều giả thuyết ly kỳ về đường ra lối vào của Bộ đội Việt Minh y như có phép thần vậy.

Tin chiến thắng đó làm cho nhân dân rất phấn khởi, có người bảo:

- Thế mà cứ nói Việt Minh đã chết hết cả rồi! Chưa biết ai sẽ chết. Đó chẳng qua vì kế hoạch họ tạm rút lui đó thôi: Cũng như ngày xưa Lưu Bị rút khỏi thành Tâm Giã ấy!

Sau trận Hộ Thành, chúng tôi rất phấn khởi. Để phát huy thắng lợi, chúng tôi định đánh thêm một đồn nữa, đồn Đất Đỏ.

Từ khi lập hệ thống chiếm đóng, thực dân Pháp đã chú ý xây dựng vị trí trước cửa ngõ chiến khu ta để kiểm soát con đường liên lạc giữa chiến khu và đồng bằng. Chúng nó cũng biết chúng ta lên chiến khu không phải bỏ đồng bằng. Cho nên muốn kiểm soát được đồng bằng, kiểm soát được dân thì chúng phải cắt đứt sự liên hệ của ta giữa đồng bằng và chiến khu. Vì vậy, ngay sau khi chiếm đường số 1, chúng lập tức nổ súng ra đến sát núi và đóng ngay một đồn tại làng Đất Đỏ trước mặt chiến khu Hòa Mỹ. Chính cái đồn này, hôm ở Trờ về, tôi và Hồ định lên chiến khu, không qua được phải lộn trở lại...

Chúng tôi đã bàn bạc thống nhất với Thường vụ Tỉnh ủy là phải diệt bằng được đồn này. Dịch ở đây không đông lắm, chỉ có một trung đội bảo vệ và năm sáu tên Pháp. Chúng đóng trong đình làng, tường gạch mái ngói. Bên ngoài có thành đất thấp ba mặt, có ba ụ đại liên mới đắp thêm, nhô lên khỏi mặt thành. Xung quanh là ruộng bậc thang. Chúng đang bắt lý trưởng làng Đất Đỏ, lý Cảnh nộp phu, mỗi ngày 30 người để đào hào, đắp lũy, củng cố đồn trại.

Làm thế nào diệt được đồn mà ta ít tổn hại nhất? Anh Lâu và tôi bàn nhau phải nhân lúc nó bắt phu, đưa người của ta vào làm trong đồn

để nắm tình hình kho tàng, vũ khí, giờ giấc sinh hoạt canh gác của chúng trước rồi sẽ quyết định cách đánh.

Chúng tôi gọi lý Cảnh đến.

- Mấy hôm vừa rồi, ông cung cấp cho đồn bao nhiêu người một ngày?

Lý Cảnh tưởng bị chất vấn về tội làm việc cho giặc, run sợ thanh minh:

- Dạ... dạ... quả tình tôi không có bụng tiếp tay cho giặc, chỉ là do bị bắt buộc thôi, không làm không được ạ!... Tôi ăn ở với làng xóm trước nay ra rả, có bà con biết... Dạ, xin các anh soi xét...

- Bình tĩnh lại ông Cảnh. Chúng tôi không nói ông làm tay sai cho giặc. Chính là vì thấy ông là người biết điều nên chúng tôi muốn ông giúp một việc quan trọng này.

- Dạ, giúp các anh được việc chi, tôi xin hết lòng. Lý Cảnh vừa thở phào, vừa lấy khăn lau mồ hôi trán.

- Đình làng là nơi thờ cúng, chúng nó biến thành trại lính ô uế vậy, ông thấy thế nào?

- Dạ, các anh hỏi mới dám nói, tức trong bụng lắm. Tức lắm! Không phải chỉ mình tôi mà nói chung, bà con đều căm ghét, muốn giết hết tụi nó mà không biết làm rảng được.

- Vậy bây giờ chúng ta phối hợp với nhau, đánh bật chúng đi. Từ sáng mai, mỗi ngày ông cứ nhận vài chục anh em bộ đội, coi như dân làng đưa vào làm phu trong đồn. Phải bí mật và khôn khéo làm cho địch không nghi ngờ. Còn bao giờ đánh và đánh thế nào, chúng tôi đã có cách. Ông có làm được không?

- Dạ, tôi xin làm được ạ!

Đã một tuần qua, ngày nào cũng có ba chục chiến sĩ ta, mặc như thường dân theo lý Cảnh vào trong đồn Đất Đỏ làm việc.

Sáng ngày thứ tám, cũng số anh em vệ quốc quân ấy đi vào đồn, mỗi người đem theo một mo cơm và dao rựa, cuộc thuổng như mọi ngày. Có khác là trong nhiều mo cơm hôm nay, có thêm cả lựu đạn.

Năm giờ chiều là giờ lính trong đồn ăn cơm. Mấy tên Pháp ngồi ăn ở trong đình. Bọn bảo vệ thì ngồi ngoài sân như thường lệ không đề phòng gì hết. Bộ đội ta sắp sửa hành động thì xảy ra một tình huống ngoài dự kiến: một tiểu đội bảo an đi lấy gạo vừa về, có mang súng. Chúng vội xông vào ngồi ăn, súng còn để cạnh người.

:

Một phân đội của ta, do đồng chí Lạc chỉ huy, có nhiệm vụ đến phối hợp đánh từ ngoài vào. Đơn vị đã hành quân đến cách đồn một ki-lô-mét, nhưng thấy trời còn sáng quá, không có cách gì tiếp cận được, đành phải dừng lại. Đây cũng là một tình huống bất lợi nữa đã xảy ra ngoài dự kiến. Bọn lính ăn sắp xong. Có đứa đã bỏ đĩa đứng dậy. Nếu chần chừ chút nữa, chúng nó sẽ phân tán mỗi đứa một nơi thì không thực hiện được kế hoạch. Nghĩ vậy, anh em ta ở trong đồn, cứ theo kế hoạch cũ, ném lựu đạn vào các mâm cơm trong nhà, ngoài sân. Đồng thời một số đồng chí khác chạy đến phá cửa kho lấy súng. Nhưng việc phá cửa kho hơi lâu nên bọn địch đã nổ súng trước làm bộ đội ta bị thương một số. Anh em còn lại, vì không có vũ khí, phải rút chạy.

Đây là hậu quả của một kế hoạch táo bạo nhưng thiếu tỉ mỉ, cụ thể và không dự kiến trước cách đối phó với các tình huống phức tạp có thể xảy ra trong chiến đấu. Do đó, khi bọn địch vào ngồi ăn vẫn để súng bên cạnh, anh em ta đâm lúng túng, mất tinh táo để cân nhắc hành động của mình.

Chúng tôi nghe báo cáo nhiệm vụ chưa hoàn thành, rất lo lắng. Nên tổ chức đánh lại ngay hay để hôm khác? Nếu trì hoãn đến hôm khác thì chắc đánh sẽ khó hơn, vì địch sẽ tăng cường thêm lực lượng, vũ khí, công sự. Đánh lại ngay trong đêm thì bộ đội có vất vả nhưng có

thuận lợi lớn là bọn địch bị bất ngờ. Vì lúc tối, chúng thấy bên ta một số bị thương rút chạy không không thể nghĩ rằng ta có thể trở lại đánh ngay được nên chưa chuẩn bị đối phó.

Chúng tôi quyết định đánh lại trong đêm ấy. Lực lượng tác chiến là phân đội đồng chí Lạc và số anh em đã vào làm phu trong đồn mấy hôm nay còn lại. Vũ khí được tăng cường thêm một trung liên.

Bộ đội ta đang ức vì chưa diệt được đồn đã bị thương, khí thế đang hăng hái. Khi nhận được lệnh tiếp tục tấn công, anh em rất phấn khởi nên công tác tổ chức tiến hành nhanh chóng.

Hai giờ sáng, quân ta bí mật áp sát đồn. Tên lính gác đang ngủ gà ngủ gật bị diệt ngay không một tiếng kêu. Bọn địch trong đình, sau khi giải quyết hậu quả trận chiến đấu lúc chiều đều mệt mỏi, lăn ra ngủ li bì. Khi nghe trung liên nổ rầm rầm trước cửa, chúng hốt hoảng chui cả xuống bệ thờ, gầm bàn. Ba tên Pháp nhảy tót vào nắp trong khám thờ. Anh em ta liền đốt mái nhà bếp bằng tranh để uy hiếp. Ngọn lửa lượn sang mái đình, khói nóng dày đặc cuộn vào nhà. Ba tên Pháp ngồi trong khám lo sợ tưởng chết thiêu đến nơi, vội nhảy xuống, chui ra cửa, giơ tay xin hàng. Bọn bảo an, trừ vài tên nhanh chân, thoát được còn lại ra hàng tất. Bộ đội ta hạ ngay lá cờ tam tài xuống và kéo cao lá cờ đỏ sao vàng lên đỉnh cột trước sân đình.

Đồn Đất Đỏ bị diệt. Vật chướng ngại án ngữ cửa ngõ chiến khu bị gạt bỏ. Ta thu 5 súng cối 60, 2 đại liên bờ-ra-ninh, 3 tôm-xông, 11 súng trường, 6 súng ngắn, 2.000 viên đạn, 150 lựu đạn.

Hôm sau, lại có một toán biệt kích trên 10 tên đi thuyền theo đường sông từ Phò Trạch lên làng Đất Đỏ. Bộ đội ta, được dân báo, ra phục kích lấy thêm một số súng. Từ đó, chúng thôi, không đóng đồn Đất Đỏ nữa.

Với vũ khí mới thu được này, trung đoàn thành lập thêm một đại đội pháo cối và một trung đội đại liên.

Trận Đất Đỏ gây một tiếng vang lớn trong tỉnh. Ta đã tiêu diệt được một đồn tương đối lớn trong đó có cả lính Tây và thu toàn bộ vũ khí.

Chỉ trong vòng một tuần lễ, ta đã đánh thắng hai đồn Hộ Thành và Đất Đỏ. Bà con ta, nhất là nhân dân trong thành phố Huế rất thích thú, bàn tán xôn xao.

Sau đó, mỗi khi vào quán uống nước chè hay ăn gì đấy, họ hỏi nhau:

- Mấy bữa ni, bộ đội miền đánh ở mô eng?
- Có tin chi không eng?

Một phong trào quật khởi đã dấy lên trong lòng dân, mở đầu cho một giai đoạn mới, giai đoạn khôi phục và phát triển công cuộc kháng chiến của nhân dân Thừa Thiên - Huế.

## VI. NÔNG THÔN VÙNG DẬY

Sau chiến thắng Hộ Thành, Đất Đỏ, một hôm, anh Thanh bảo tôi:

- Ba huyện phía nam Thừa Thiên coi như mất chính quyền, nhân dân vẫn hướng về kháng chiến, nhưng nếu ta không nhanh chóng khôi phục lại phong trào thì rồi nhân dân cũng mất. Anh mang một tiểu đoàn vào đó vừa chiến đấu, vừa giúp cán bộ địa phương, công an làm công tác diệt tề trừ gian, xây dựng lại chính quyền, các đoàn thể quần chúng, dân quân du kích. Chắc chắn rất gian khổ ác liệt đó. Anh vào bàn với các huyện ủy, sẽ tìm ra cách làm cụ thể. Phải tin quần chúng, dựa vào quần chúng mới làm được. Nhưng quần chúng bây giờ đang bị địch khống chế. Cho nên, có đánh được giặc thì mới có phong trào cách mạng, có gạo, có vũ khí và có lực lượng bổ sung cho đơn vị. Làm sao cho các huyện nam Thừa Thiên có cơ sở vững và tiểu đoàn cũng được xây dựng mạnh.

Tôi cũng đã biết, trong ba tỉnh Bình - Trị - Thiên, thì Thừa Thiên bị vỡ mặt trận trước. Ba huyện phía nam: Phú Lộc, Phú Vang, Hương Thủy bị thiệt hại nhiều hơn. Cán bộ huyện phần lớn chạy lên núi. Cán bộ xã cũng chạy lên núi, một số chạy ra phía bắc. hầu hết các thôn xã cả ba huyện, địch đã tổ chức được hội tề, hương vệ, có phát súng...

Anh Thanh giao nhiệm vụ trực tiếp cho tôi; đó cũng là thực hiện Nghị quyết của hội nghị Tỉnh ủy vừa qua.

Không khí chuẩn bị rất khẩn trương. Tôi lấy tiểu đoàn 18 trước đây đã đóng ở Phú Lộc làm nòng cốt, bổ sung thêm một số cán bộ và đảng viên mới kết nạp. Tất cả là 64 người biên chế thành hai đại đội bộ binh và một tổ trợ chiến.

Tỉnh ủy cho một con bò. Anh em làm muối sả để mang theo, cứ mỗi cân thịt, một cân mỗi, một cân ớt, sả. Trung đoàn ưu tiên dồn cho tiểu đoàn này mỗi người một ruột tượng gạo, một đôi dép lốp. Nghe được dép lốp, anh em mừng lắm vì hồi này, chỉ anh Hà Văn Lâu và



một vài cán bộ có dép đi, còn nói chung vẫn đi chân đất. Sau khi mặt trận vỡ, anh Sáu đen ở xưởng sửa chữa ô-tô đã chuyển được một số lốp ô-tô cũ lên Hòa Mỹ, thấy lốp ô-tô ở đây cũng chẳng làm gì, anh Lâu mới bàn với anh Sáu đen đem số lốp ấy làm dép cho bộ đội. Do đó, bộ đội Thừa Thiên có dép lốp trước, rồi lan ra Quảng Trị, Quảng Bình. Về sau ở Liên khu bốn, Liên khu ba cũng phát triển kiểu dép này, đều gọi là dép Bình Trị Thiên. Nhưng anh Lâu không nhận đó là sáng kiến của mình. Anh nói dân đi củi, đi than, dân kéo xe ở Trị Thiên đã biết đeo dép từ mấy đời rồi. Chỉ khác là trước kia chưa có lốp ô-tô, họ phải dùng lốp xe kéo, xe đạp, có người còn dùng cả mo cau, lấy dây mây làm quai. Trong cuộc hành quân vào nam Thừa Thiên ấy, và mãi sau này, đôi dép cao su ngày càng trở thành người bạn thân thiết của bộ đội ta trên đường Trường Sơn vạn dặm.

Từ Hòa đến Khe Tre thuộc miền Tây huyện Hương Thủy cứ kể đường thẳng, chỉ khoảng chừng 50 ki-lô-mét. Những đường số 1, đường đồng bằng, đường ven núi đều bị địch khống chế không đi được. Chỉ còn cách đi theo đường núi. Mà đường núi thì nhiều đoạn phải vừa mở, vừa đi, và phải qua bao đèo dốc, khe suối mất bao nhiêu ngày chưa ai tính được. Và cũng chưa biết ai là người sẽ dẫn đường cho đơn vị.

Giữa lúc đó, có bác Học, người tiếp phẩm già của trung đoàn xin tình nguyện đi phục vụ đơn vị và làm người dẫn đường luôn. Tuy nói là già, nhưng tuổi bác vào khoảng năm mươi, người cao lớn, khỏe mạnh, hay nói, hay cười, anh em ai cũng thích. Bác có một lý lịch khá đặc biệt. Trước đây nhà nghèo, bác làm nghề trộm trâu, bị bắt giam ở lao Thừa Phủ. Tại đây bác được gặp một số tù chính trị. Từ chỗ mến phục tư cách người cộng sản, dần dần bác yêu quý công việc của họ làm. Cách mạng Tháng Tám thành công, bác được ra tù và xin vào Vệ quốc đoàn luôn. Đơn vị phân công bác làm việc gì, bác sẵn sàng nhận không kể gì khó khăn, nguy hiểm. Được tin bác Học xin đi theo đơn vị, anh em rất hoan nghênh.

:

Tiểu đoàn ra đi vào giữa tháng Tư, trời đã bắt đầu nóng nực. Nhưng trong rừng, nhiều nơi không có ánh sáng mặt trời, khí hậu vẫn còn ẩm ướt, nhất là sau những trận mưa giông, lũ sên, vắt núp dưới những đám lá khô, ngửi thấy hơi người, vùng dậy la liệt tấn công như chớp. Bộ đội ta hồi ấy chưa được phát quần áo giày mũ, phần đông mặc quần dài, nên vắt tha hồ mà hút máu. Cứ đi một đoạn, chúng tôi phải ngồi trên những móm đá khô, trật dép bắt vắt. Sau này, trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, đi đường rừng, bộ đội được phát các thứ thuốc chống vắt, lại có giày vải và tất cao cổ. Hồi ấy, chỉ biết mỗi thứ chống được vắt là xà phòng. Nhưng xà phòng không phải ai cũng có nên đành phải để cho vắt “đòi tiền mãi lộ”.

Đường đi lại lắm dốc, lắm đèo. Có những dốc cao vọt vọt đi cả buổi mới đến đỉnh. Có những dốc dựng thẳng đứng, lên dốc gót chân người trước chạm trán người sau, xuống dốc, mũi chân người sau chạm đầu người trước. Đường lại rất hoang vắng, có khi đi năm bảy ngày chẳng gặp một bản làng, một người dân nào. Tối đến, tiểu đoàn phải dựng lán để ngủ. “Màn trời chiếu đất” là cảnh sống của người chiến sĩ. Màn bằng lá chuối, chiếu cũng bằng lá chuối. Chuối trong rừng rất nhiều. Gặp một trận mưa đêm, tất cả ướt như chuột lột.

Lúc ra đi, ai cũng nghĩ chỉ năm bảy hôm là đến nơi, không ngờ hơn mười ngày sau mới đến. Có thể nói rằng, chúng tôi có vinh dự làm việc “xẻ dọc Trường Sơn” từ dạo ấy.

Đến Khe Tre, đơn vị gặp các đồng chí huyện Hương Thủy. Anh em gặp nhau rất mừng vì đã đến địa bàn hoạt động sau một cuộc hành quân vất vả không ai bị rơi rớt dọc đường. Cán bộ địa phương mừng vì có bộ đội về hoạt động, sẽ tạo được điều kiện thuận lợi cho việc khôi phục phong trào.

Cơ quan cả hai huyện Phú Lộc, Phú Vang cũng ở gần Khe Tre. Tiểu đoàn đóng phái ngoài một đoạn ở khe Mụ Khâm.

Đơn vị vẫn gặp khó khăn về lương thực. Trong cuộc hành quân vừa rồi vì kéo dài những ngày về sau, bộ đội phải giảm khẩu phần ăn đến mức tối thiểu. Dọc đường, cứ nghỉ năm, mười phút, anh em tranh thủ đi tìm rau tàu bay, môn thực, măng, dâu da, ếch nhái... để đến bữa nấu ăn. Đến địa điểm tưởng rằng mức sinh hoạt khá hơn, nhưng vẫn thế. Huyện không có lương thực dự trữ. Muốn dựa vào dân thì vùng này địch kiểm soát rất chặt chẽ. Nhân dân muốn tiếp tế cho bộ đội cũng rất khó. Địch thường hay phục kích các ngả đường. Muốn dựa vào đồng bào dân tộc thì họ ở rải rác và rất xa. Có người đề nghị vào nhờ Liên khu năm giúp đỡ. Nhiều người tán thành. Đồng chí Nguyễn Húng trước đây từng ở với tôi trong nhà tù Buôn Ma Thuột được cử đi cùng với 20 dân công. Đến Quảng Nam, được giúp một số gạo. Trong đó, cũng đang gặp khó khăn về lương thực. Nhưng từ Quảng Nam về lại Hương Thủy, đường sá cũng rất xa xôi, lắm đèo nhiều suối, anh em phải đi mất mười mấy ngày.. Cũng phải ăn ở dọc đường, nên khi về, còn lại chẳng bao nhiêu, chỉ để dành cho người ốm. Những người lành thì vẫn sẵn, khoai và các loại rau cỏ rừng...

Trong khó khăn, gian khổ, con người càng thương yêu nhau. Cán bộ, chiến sĩ coi nhau như anh em ruột thịt, cùng nằm chung một sạp, ăn chung một mâm. Nói thế cho dễ hiểu, chứ làm gì có mâm! Mà cần gì đến mâm! Nếu ăn sẵn khoai thì mỗi người cầm vài củ. Hôm nào, may lắm được ăn ngô, thì mỗi người lưng một bát - bằng gáo dừa hay mo cau - rồi tùy ý “độc lập tác chiến”. Anh nuôi đã trộn sẵn muối với ngô, khoai, sẵn rồi. Mắm tôm - người miền trong gọi là ruốc, đối với bộ đội lúc đó là món ăn cao cấp. Một hôm tôi đến đồn công an Hương Thủy, gặp anh em từ đồng bằng lên, mang theo một ít mắm tôm. Các anh bào mỏng sẵn nấu thành một thứ cháo sền sệt rồi cho vào một ít mắm tôm và ớt. Anh Tú, đồn trưởng công an mời tôi ăn một bát. Tôi thấy ngon lạ lùng, có cảm giác như chưa bao giờ được ăn một bát cháo ngon như thế!

:

Ngay hôm tiểu đoàn mới đến, anh Phan Sung, Bí thư huyện ủy đã cho tôi biết tình hình dưới đồng bằng. Chính quyền không còn. Quần chúng bị địch khống chế. Thanh niên bị địch bắt vào dân vệ và đã phát súng. Cán bộ không về hoạt động được. Không những địch khống chế dân, chúng còn kiểm soát chặt chẽ các con đường từ đồng bằng lên núi. Ba ngày chúng đặt súng trên các trạm gác gần đường, thấy người qua lại là bắn. Ban đêm, chúng cho lính đi tuần và phục kích những nơi cán bộ, bộ đội ta qua lại.

Anh cho tôi biết kế hoạch xây dựng lại cơ sở Đảng, chính quyền và quần chúng trong huyện theo Nghị quyết của tỉnh ủy đã đề ra. Thái độ của anh kiên quyết, nhất là việc phân công cán bộ Đảng về vùng sâu, bám chặt cơ sở xây dựng phong trào. Sau đó anh đề nghị bộ đội đánh vài trận để nhân dân tin tưởng, góp phần khôi phục phong trào.

Tôi suy nghĩ rất nhiều về công tác trong huyện, về cách đánh. Nhưng phải đánh làm sao chắc thắng, có như vậy mới gây được lòng tin trong nhân dân.

Cán bộ trong tiểu đoàn họp lại cùng nhau bàn bạc. Anh em thấy rằng với khả năng hiện có, chỉ có thể đánh bọn đi tuần, bọn đi phục kích lẻ tẻ.

Sau khi bàn đã thống nhất, đơn vị cử người đi nắm tình hình địch. Đồng bào cho biết bọn lính Pháp ở đồn Phú Bài, tối tối thường hay đi tuần đến cầu Truồi rồi trở ra. Lực lượng chúng thường có khoảng 20 - 30 tên. Nghiên cứu thăm dò được rồi chúng tôi quyết định phục kích đánh bọn này.

Quân số lúc đó, tuy gọi là tiểu đoàn nhưng chỉ có 64 người. Sau cuộc hành quân và ăn uống quá kham khổ, anh em bị đau ốm nhiều, nhất là bệnh sốt rét dày vò. Ở rừng, muỗi như trấu, chỉ giơ tay quơ một cái là vơ được mấy con. Hồi đó làm gì có mùng màn. Nhớ lại, một lần có đồng chí cán bộ trung đội tốt nghiệp trường quân chính Nhượng

Bạn (Nghệ Tĩnh) mới bổ sung vào đơn vị mang theo một chiếc màn the. Thế mà cả tiểu đoàn rủ nhau đến xem, mỗi người đều sờ một tí, rồi tắc lưỡi khen mãi. Đồng chí cán bộ ta thấy tiểu đoàn đơn vị ta thiếu thốn quá, không đành giữ màn nằm riêng, đưa tặng trạm xá để anh em bệnh binh dùng chung.

Lúc ấy cả tiểu đoàn chỉ có mười người còn khỏe. Nhưng nghe nói đi đánh, ai cũng đòi đi. Tôi không cho. Anh em cứ nằng nặc không chịu. Tôi phải giải thích, cuộc kháng chiến còn dài, giặc còn đó, đi đâu mà vội. Cứ tĩnh dưỡng cho khỏe đã rồi hay.

Bộ đội hành quân. Tôi cũng đi theo để chiến đấu với anh em. Biết tôi làm chính ủy trung đoàn, anh em không cho. Tôi cười nói: chính ủy trung đoàn cũng là bộ đội. Đã là bộ đội thì phải đánh giặc! Các đồng chí cấm thế nào được tôi? Anh em đuối lý, đành chịu phải để tôi đi.

Đây là trận đánh đầu tiên ở miền nam Thừa Thiên và cũng là trận đầu tiên tôi được trực tiếp chỉ huy chiến đấu với anh em trong một đơn vị nhỏ.

Đơn vị ra đến đường quốc lộ số 1 vừa chập choạng tối. Cách đầu Trườn vài ki-lô-mét đã thấy một cái chòi canh bên cạnh đường. Hai anh nông dân đứng canh, thấy chúng tôi, định đánh mõ báo hiệu. Một đồng chí nhanh chân chạy tới, chụp lấy dùi mõ, hỏi:

- Anh định đánh mõ báo cho Tây phải không?

Anh ta sợ quá, nói lắp bắp:

- Mấy ông ấy dặn... Hễ thấy người lạ... phải đánh mõ không... họ bỏ tù!

- Mấy ông nào? Ta hay Tây?

- Dạ, vừa Tây, vừa ta... ở đồn Phú Bài mới đi qua đây một lúc thôi.

- Mấy người?

- Dạ, hơn hai chục.
- Chừng bao lâu nữa, chúng nó về?
- Dạ, tôi không biết chắc. Nhưng, thường họ đi thì chút nữa sẽ trở về đồn.

Anh em tạm trói hai anh nông dân lại, đưa ra sau vị trí phục kích.

Nằm đợi đến hơn nửa giờ, không thấy gì. Máy cộ thêm thuốc lá, tự động rúc vào lùm cây ngồi hút. Khi thấy có tiếng nói xì xồ và tiếng giày đinh lộp cộp, anh em mới bò về vị trí chiến đấu thì địch cũng vừa đi qua. Tôi vội ra hiệu đánh. Anh em ném theo ba quả lựu đạn và bắn một loạt tôm-xông. Bọn địch hoảng hốt chạy tán loạn. Trời tối đen như mực nên không biết chúng có bị thương vong gì không. Khi ta ra đường xem, chỉ nhặt được hai khẩu súng trường và vài băng đạn.

Đơn vị rút về. Tôi vừa đi, vừa suy nghĩ nguyên nhân tại sao chưa tiêu diệt được địch. Vừa lúc đó thì có đồng chí lên báo cáo trung đội phó Phạm Hữu Chiến để rơi mất băng đạn tôm-xông. Đây là băng đạn lấy được trong trận Đất đỏ. Vũ khí của tiểu đoàn cũng chỉ có khẩu tôm-xông và hai băng đạn ấy là quý giá. Không có đạn thì súng tốt cũng thành vô dụng. Điều đó, ai cũng rõ. Chính tôi đã nhiều lần cảm động nhìn thấy chiến sĩ của mình nâng niu, lau chùi một viên đạn súng trường và cất gói cẩn thận trong túi áo. Bây giờ nên xử trí như thế nào cho đúng? Anh em vừa mới đi chiến đấu về, vừa mệt, vừa đói, nếu lại đi tìm ngay thì quá vất vả, nhưng nếu bỏ qua thì quá tiếc và ảnh hưởng đến việc duy trì kỷ luật của đơn vị. Tôi quyết định đồng chí Chiến phải trở lại tìm băng đạn trong đêm ấy, vì chỉ có anh ta là người biết rõ nhất những chỗ cần tìm. Cả đơn vị rất lo, nghĩ rằng khó có thể tìm lại được băng đạn trong đêm tối. Bác Học xung phong đi tìm với Chiến. Bác Học có biệt tài rất nhớ đường. Có lẽ, trước kia hay đi ăn trộm trâu trong đêm tối, nên bác thành thói

quen. Quả nhiên, đến gần sáng bác Học và Chiến đã tìm được băng đạn và đã trở về đơn vị. Nghe báo cáo, tôi rất mừng.

Rút kinh nghiệm trận đánh vừa rồi, tiểu đoàn tổ chức đánh tiếp một trận nữa. Đánh đồn Chóp Chài.

Đồn Chóp Chài ở gần Nong và án ngữ trên con đường từ chiến khu về đồng bằng. Ở đây có một trung đội vừa Tây, vừa bảo vệ. Hằng ngày, chúng cho lính đi càn các vùng chung quanh và bắt trâu bò của đồng bào để cung cấp cho quân đội chúng. Ban đêm chúng thường phục kích trên con đường đồng bằng - chiến khu. Đồng bào rất căm tức, không biết tìm cách gì để giành lại trâu bò bị cướp. Nếu để chậm, chúng nó sẽ chuyển trâu bò đi nơi khác như chúng đã thường làm. Ban chỉ huy tiểu đoàn chúng tôi bàn với nhau phải tranh thủ đánh đồn Chóp Chài ngay để kịp thời giải phóng số trâu bò của đồng bào vừa bị chúng bắt. Anh em cũng thấy sức bộ đội ta lúc đó diệt đồn thì khó, nhưng phá chuồng đuổi trâu bò về cho dân thì có thể làm được. Kế hoạch là giết tên lính gác bằng đại đao rồi mở chuồng đuổi trâu bò ra. Nếu địch không chống cự thì không cần nổ súng. Phải dành đạn để đánh các trận sau.

Khoảng gần nửa đêm, đơn vị xuất phát. Kết quả diễn ra gần như dự kiến. Trong trận này, bác Học đóng một vai rất đặc lực. Trong đêm tối, bác vẫn thấy rõ nhưng nơi địch nhốt trâu bò, và biết cách tháo chuồng lừa trâu ra rất nhẹ nhàng, nhanh chóng. Bọn địch không hay biết gì cả. Phần lớn trâu bò tìm về với chủ cũ trong đêm ấy. Một số con đi lung tung vào rừng, hôm sau đồng bào cũng đi tìm về được. Bà con rất phấn khởi.

Sau các trận Truồi, Chóp Chài, ban chỉ huy tiểu đoàn nghiên cứu đánh thêm một số trận khác. Ý định của chúng tôi là làm sao cho có

những trận đánh để cho nhân dân thấy rõ bộ đội ta còn, kháng chiến vẫn còn. Và bọn địch cũng phải chùn bước.

Sau những trận chiến thắng, bà con tự động đem gạo ủng hộ bộ đội nhất là những gia đình có trâu bò được thả về. Số gạo đó, dành cho anh em đau ốm ăn. Nhờ tổ chức được cơ sở, huyện ủy cả ba huyện còn tìm cách mua cho đơn vị một số thuốc. Do đó, sức khỏe anh em bệnh binh ngày càng tăng. Lực lượng có thể tham gia chiến đấu ngày càng nhiều.

Chúng tôi chú ý đến bọn địch ở đồn Tuần. Mấy hôm liền, chúng cứ cho lính đi về Võ Xá, một làng ven đồi. Trên đường chúng nó thường đi, đưa nọ cách đưa kia từ 5 đến mười mét. Làm thế nào để chúng tập trung lại một nơi để diệt được nhiều mà ít tổn đạn? Anh em liền nghĩ ra một mẹo. Đơn vị hầu hết là lính trẻ, phần lớn là nông dân. Nhưng cũng có một vài đồng chí ở thành phố, trong đó có cả học sinh - Tuấn là một trong số anh em ấy. Tuấn mới khoảng 18, 19 tuổi, người mập mạp, trắng trẻo rất dễ thương. Tuấn rất thích hát tuy hát không hay lắm. Những lúc rảnh rỗi, anh em hay đi vào chơi trong các xóm. Đây là vùng tiền chiến khu, nên bọn địch chưa dám hoạt động gì lớn lắm. Vào chơi nhà ai, Tuấn cũng dễ bắt chuyện với bà con, nhất là các cô gái trẻ. Các cô gái trẻ xem chừng cũng rất thích Tuấn, trong đó có Hồng. Hồng chỉ trạc tuổi Tuấn, mười tám đôi mươi, vóc người thon thon, dáng đi nhanh nhẹn có đôi chút thướt tha, Hồng đi buôn ở chợ Tuần, nhưng sau khi chiến sự nổ ra Hồng không đi buôn nữa. Mỗi quan hệ có vẻ khăng khít giữa Tuấn và Hồng được anh em chú ý và đến tai chúng tôi. Tôi nghĩ, đời chinh chiến, vui vui đôi chút cũng chẳng sao, miễn đừng làm việc gì phạm đến đạo đức, ảnh hưởng đến tình quân dân và uy tín của quân đội.

Tôi nghĩ đến việc vận động Hồng tham gia vào trận đánh. Công việc của Hồng hết sức đơn giản. Cô chỉ gánh một gánh bưởi già đi bán ở chợ Tuần. Giữa đường thấy địch, làm ra vẻ sợ sệt, đặt gánh bưởi giữa



đường, rồi bỏ chạy. Giữa ngày hè, nắng gắt, bọn địch thấy buổi thế nào cũng tập trung lại ăn và đó là thời cơ ta nổ súng.

Chúng tôi gọi Tuấn đến và giao cho Tuấn nhiệm vụ đi thuyết phục Hồng. Lúc đầu Hồng sợ, nhưng sau khi biết lúc chạy lui, đã có bộ đội phục sẵn ở đấy, nên không sợ nữa. Trong thâm tâm, cô Hồng cũng muốn đi tham gia chiến đấu với anh chàng trai trẻ ấy, không biết Hồng đã thầm yêu trộm nhớ hay không? Nhân chuyện này, tôi sực nhớ đến mấy câu thơ thêu trên chiếc khăn tay màu hồng của cô gái đã tặng cho người trinh sát trong đêm đầu chinh chiến. Tôi đem câu chuyện đó kể lại cho anh em nghe. Tuấn cũng đem câu chuyện đó kể lại cho Hồng nghe. Hồng có vẻ thích.

Theo đúng kế hoạch, đợi cho bọn địch đi càn về, anh em ra chôn hai quả mìn và nguy trang rất khéo cho địch khởi công thấy và phục kích ở các bụi cây rậm rạp ở hai bên đường. Khi bọn địch đi lại, cùng lúc Hồng đi ngược chiều đến, theo hiệu lệnh ngầm của Tuấn núp ở phía trước mặt. Đến chỗ chôn mìn cùng vừa lúc bọn địch xuất hiện. Hồng đặt gánh buri xuống, rồi bỏ chạy lui. Giữa lúc đi càn về, bọn địch vừa mệt vừa khát, thấy buri liền xúm lại. Một thằng Tây cao to, thấy Hồng chạy liền gọi to, bằng tiếng Việt lơ lớ:

- Ê, con gái! Xít-tốp... (1)

Hai quả mìn nổ tung. Thằng Tây đồn trưởng bị tung lên. Đầu, mình, chân, tay, mỗi thứ một nơi. Mấy thằng Tây khác và một số bảo vệ cũng bị đổ ngòn ngang khắp mặt đường. Số còn lại, hoảng hốt chạy tán loạn đều bị quân ta phục kích, tiêu diệt hết. Chúng tôi được rất nhiều súng đạn. Nhờ số súng đạn đó, chúng tôi xây dựng thêm một đại đội nữa cho tiểu đoàn với số anh em ở địa phương mới xin nhập ngũ. Thế là tiểu đoàn đã có ba đại đội.

Trận đánh đó có tiếng vang rất lớn khắp trong vùng. Bà con nô nức đi xem bọn Tây chết.

Tiếng lành đồn xa...

(1) Dừng lại.

:

Chúng tôi nghiên cứu cách đánh một trận khác.

Hồi ấy, sau khi chiếm xong Bình Trị Thiên, địch phải dùng con đường quốc lộ số 1 để tiếp tế vũ khí, đạn dược, lương thực cho mặt trận này và mặt trận Trung Lào theo con đường số 9 từ Đông Hà sang. Những vũ khí, đạn dược ấy phần nhiều từ bên Pháp chở đến, đổ lên cảng Đà Nẵng. Cả miền Trung, chỉ có cảng Đà Nẵng là cảng tàu bè lớn có thể vào được. Muốn đến Bình Trị Thiên và trung hạ Lào phải qua một con đường độc nhất, đường quốc lộ số 1. Đường sắt chúng sửa chữa chưa xong. Đường quốc lộ từ Đà Nẵng ra Huế phải qua đèo Hải Vân, nhiều đoạn chạy nép theo sườn núi, mới đến vùng đồng bằng. Đoạn đường này, bọn địch rất lo ngại. Lo ngại nhất vẫn là đoạn đèo Hải Vân, bên núi, bên biển, cây cối um tùm, lau lách rậm rạp rất dễ bị phục kích. Chúng tôi quyết định đánh một trận trên đoạn đường này. Nhưng không chọn đèo Hải Vân, vì chúng hay chú ý và đề phòng cẩn thận, mà chọn vùng Đá Bạc. Vùng Đá Bạc cũng nép bên sườn núi, nhưng hai bên cây cối không um tùm rậm rạp như đèo Hải Vân, mà chỉ lúp xúp, thưa thớt trước khi nối liền với dãy Trường Sơn dang dặc. Do đó, qua khỏi đèo Hải Vân, giặc ít chú ý hơn. Ở đèo Đá Bạc, đường hẹp, lại cua nhiều vòng hiểm trở, nên xe địch phải đi chậm lại, dễ đánh hơn.

Một trung đội gồm mười bốn người khỏe nhanh chóng được thành lập. Đơn vị đến đó lúc 10 giờ đêm. Sau khi chôn hai quả mìn, nguy trang cẩn thận, anh em tìm chỗ trái lá cây nằm nghỉ. Sáng hôm sau, khoảng 9 giờ, có tiếng động cơ rú đằng xa. Ai nấy về vị trí chiến đấu của mình. Một đoàn xe bốn chiếc chạy từ từ đến. Cho chiếc đầu chạy lọt, đến chiếc thứ hai, anh em giật mìn. Mìn bị đứt dây, không nổ. Đang tiếc thì chiếc cuối cùng chạy đến quả mìn thứ hai... Một tiếng

nổ dữ dội. Chiếc xe bị tung lên, hất về một bên. Bốn năm tên Pháp chết ngay trong xe. Đơn vị ào ra đường, tước luôn mấy khẩu tiểu liên, súng lục, và gỡ quả mìn chưa nổ, nhanh chóng chạy vào rừng. Một hồi lâu, mới nghe tiếng súng và đạn bay vào núi rào rào. Nhưng anh em đã chạy xa rồi, không lo gì nữa và bắt đầu thấy đói bụng. Chiều hôm trước, vì không còn gạo, anh em phải bung ngô mang theo để ăn đường. Nhưng khi sờ đến gói ngô bung thì không còn nữa. Hóa ra là ngô gói lá chuối buộc vào lưng, trong quá trình vận động, lá chuối bị rách, ngô rơi hết lúc nào không biết, đành phải nhịn đói trở về nơi đóng quân. Từ đó, tiểu đoàn rút kinh nghiệm, đi đánh nhau, không gói ngô bung trong lá chuối nữa.

Sau mấy trận chiến thắng liên tiếp, đơn vị chuẩn bị về đồng bằng. Đó mới chính là nơi bộ đội cần đến và phải đến. Mấy lâu nay, đơn vị hoạt động phía trên đường quốc lộ cũng chỉ để dọn đường, gây lòng tin với nhân dân trước và làm cho địch sợ, rồi mới về sau.

Nhưng trước khi về, chúng tôi phải chuẩn bị chỗ cư trú trước, lỡ khi ở dưới đó, có gặp gì khó khăn, cũng đã có nơi trụ lại.

Anh em đều thấy, khe Mụ Khâm, nơi trú chân hiện nay, chưa phải là chỗ đóng quân tốt. Từ đường một lên đây chỉ khoảng mười ki-lô-mét, lại có đường ô-tô chạy lên. Đó là đường số 14. Giặc rất có thể tấn công lên khi chúng thấy cần thiết. Hơn nữa, tuy lực lượng của ta không nhiều, nhưng tập trung một chỗ, việc tiếp tế rất khó khăn.

Tiểu đoàn tìm một căn cứ địa thứ hai: động Truồi:

“Núi Truồi ai đắp mà cao

Sông Gianh ai bó, ai đào mà sâu?”

Động Truồi ở trên độ cao nghìn mét, có cây cối um tùm và có khe nước chảy từ trên cao đổ xuống, quanh năm lúc nào cũng trong leo lẻo. Cả ba mặt tây, tây bắc, tây nam nối liền với núi rừng trùng điệp. Còn ba mặt đông, đông bắc, đông nam nhìn thấy đồng bằng thấu ra

biển cả. Dưới chân động Truồi, có sông Truồi uốn cong hình bán nguyệt. Dọc hai bên bờ sông, có nhà dân ở rải rác. Khoảng giữa núi và sông, có những thung lũng không rộng lắm, nhưng đất tốt, phần lớn chưa khai phá. Ở đó, có từng mảnh nhỏ trồng lúa, khoai, ngô... Bộ đội ta có thể tăng gia trồng trọt để cải thiện thêm sinh hoạt hằng ngày.

Chúng tôi đã dự tính, nếu địch tấn công lên khe Mụ Khâm thì ta có thể chuyển sang động Truồi một cách dễ dàng, mà vẫn giữ được hoạt động bình thường.

Chuẩn bị xong xuôi, một bộ phận trong lực lượng của tiểu đoàn xuống đồng bằng.

:

Nên về xã nào trước? Chúng tôi và huyện ủy Phú Lộc đã bàn với nhau rất kỹ.

Sau khi địch dùng một lực lượng rất lớn gồm cả hải, lục, không quân đánh chiếm Bình Trị Thiên làm thiệt hại khá nặng lực lượng vũ trang của ta, đẩy một số cán bộ và quân đội của ta lên núi, chúng bắt đầu thực hiện chính sách bình định. Chúng dùng những đội quân tương đối lớn càn quét vùng đồng bằng, nơi đông người, nhiều của nhất của ba tỉnh. Với chiến lược “vết dầu loang”, càn đến đâu chúng “cắm chốt” đến đấy thành hình mạng nhện. Trong mạng nhện đó, ngày đêm, chúng vây ráp để bắt số cán bộ, bộ đội của ta và thành lập ngục quyền của chúng. Có thành lập được ngục quyền, chúng mới có công cụ để đàn áp, bóc lột nhân dân ta như trước đây.

Bên cạnh, chúng cố thành lập một đội quân ngục để “dùng người Việt đánh người Việt”, vì lực lượng đội quân viễn chinh chúng không thể nào rải khắp trên đất nước mệnh mông này.

Ngục quyền của chúng ở nông thôn hồi ấy có ba loại. Loại thứ nhất là những tên tay sai đắc lực toàn tâm toàn ý phục vụ cho chúng. Loại

này trước cách mạng là những tên có nợ máu với nhân dân, khi cách mạng thành công ta còn khoan hồng chưa trừng trị. Ngoài ra, còn một số con cái địa chủ, bọn quan lại trước đây đã làm cho Pháp hoặc Nam Triều, thấy có đi theo bọn giặc mới đề đầu cỡi cổ được nhân dân, đem lại giàu sang phú quý.

Loại thứ hai là những người địch dùng vũ lực bắt ép phải làm. Không làm thì chúng bắn giết hoặc đi tù đầy vì có cảm tình với cách mạng.

Loại thứ ba là những người, do bọn địch cần đi quét lại nhiều lần, khủng bố dã man, tàn khốc, nên một số trong nhân dân muốn họ ra gánh vác công việc để được sống yên ổn làm ăn.

Ngụy quân cũng có ba loại như vậy.

Sau khi nghiên cứu các xã trong huyện, huyện ủy và chúng tôi đều thống nhất nên đưa bộ đội vào Bàn Môn trước.

Bàn Môn là một xã nằm gần căn cứ địa nhất. Nếu gặp điều gì khó khăn quá, có thể rút qua đường quốc lộ về căn cứ địa cũng nhanh. Bàn Môn cũng có ngụy quyền, nhưng hội tề ở đó phần lớn thuộc về loại hai bị bắt buộc phải làm. Ngụy quân, bọn dân vệ hương dũng đại đa số cũng vào loại hai, miễn cưỡng cầm súng. Các đồn địch đóng khá xa, khoảng bảy, tám ki-lô-mét. Đường giao thông bị phá hoại nhiều, chúng chưa sửa lại hết.

Một lý do nữa Bàn Môn lại là quê của đồng chí Lê Đình Sum, một cán bộ được tiểu đoàn giao cho trách nhiệm đưa đơn vị về đồng bằng, thông thạo địa hình, địa vật, quen biết nhân dân; đó cũng là một điều kiện thuận lợi giúp cho đơn vị hoạt động...

Tối hôm đó, đồng chí Lê Đình Sum và đồng chí Quách Sĩ Kha dẫn một tổ về nghiên cứu trước. Quá nửa đêm, hai người mới về đến làng. Đồng chí Sum đi trước một mình xem xét, theo đúng động tác quân sự, khi cúi, khi bò, khi núp lén. Vừa về đến gần cổng làng, bỗng nghe

có tiếng la “Việt Minh! Việt Minh”. Sum vội núp vào một mô đất. Tiếp theo, một tiếng nổ “oang”. Lửa phụt lên và những mảnh đạn bay ra tung tóe. May không việc gì... Sum nghe tiếng chân chạy rầm rập vào xóm. Một hồi lâu, anh theo một lối nhỏ khác đi vào. Trong xóm vẫn yên tĩnh. Sum trở ra gọi anh em vào. Anh không ghé nhà, vì sợ lộ bí mật. Anh dẫn anh em vào một xóm cuối làng.

Trời bỗng trở mưa. Sum dẫn anh em vào hai cái nhà liền sân ở đầu xóm. Sum biết hai gia đình này là những người nông dân nghèo, tốt bụng. Nhà không có cửa đóng then cài, chỉ có bức sáo tre treo buông phía trước. Anh em vén sáo lách vào. Săn rơm ngoài hiên, mỗi người vơ một nắm rải xuống đất lạng lẽ nằm ngủ.

Gà gáy. Chị chủ nhà thức dậy nấu ăn, thấy có người nằm ngủ giữa nhà, hoảng hốt:

- Ui chao, ai mô ri(1)

Kha ôn tồn đáp:

- Chúng tôi là bộ đội Việt Minh trên núi về khi đêm. Sợ bà con mất giấc ngủ nên không dám đánh thức. Gia đình cho ở nhờ vài hôm.

- Ui chao, ở chi được. Hắn đi lòng thấy thì chết!

- Ở mà giấu kín thì cũng không ai biết được đâu chị ạ, đi bây giờ chúng thấy càng nguy hiểm.

- Nhà trống trải, giấu ở mô?

Kha nhìn lên tra nỏi:

- Lên đó ngồi cũng được thôi.

- Ăn uống ra rãng?

- Chị đừng lo, có chi ăn nấy. Miễn ở được là tốt. Xin chị mừng tro ra để khi đi giải thôi.

(1) Tiếng địa phương: ai thế này?

:

Vợ chồng chủ nhà nghe nói, vừa bực, vừa sợ, nhưng cũng vừa thương. Trước khi lên tra, Kha dặn chủ nhà:

- Trong nhà ai cứ làm việc nấy như mọi ngày. Đứng tỏ ra có chi khác thường hết, nghe!

Gần trưa, chị chủ nhà cũng đưa cơm nước lên cho anh em ăn tử tế. Đến gần tối, anh em xuống nhà. Kha vui vẻ nói:

- Anh chị xem, can gì đâu! Tây mà không có chỉ điểm thì mù tịt chứ biết chi.

Sum xuống sau cùng. Nhận ra người quen, vợ chồng chủ nhà cũng nói:

- O! Anh Sum à!

Sum cười chào lại. Đêm qua, trong bóng tối, họ không biết có Sum trong đoàn.

Sum hỏi tình hình trong xã. Đúng như lời nhận xét của huyện ủy.

Tối hôm đó, thấy bộ đội về, súng đạn đeo đầy người, bà con rất mừng rỡ. Một cụ già nói:

- Chao ôi, bấy tui chờ các eng mãi! Bữa trước, nghe tin các eng đánh ở Đèo Đá, giết chết mấy thằng Tây, bấy tui mừng vô kể. Các eng kể lại cho bấy tui nghe đi!

Sum kể lại diễn biến trận đánh vừa qua, và kể luôn cả trận Võ Xá với chị gánh bươi gan dạ.

Bà con nghe tỏ vẻ rất thích.

Ngay đêm đó, có hai thanh niên trong xóm đến gặp Sum:

- Mấy đứa muốn đến gặp các anh lắm, nhưng vì đêm trước có lỡ  
quăng lựu đạn lúc các anh về nên sợ.

Hai thanh niên rút trong túi ra hai quả lựu đạn mỏ vịt:

- Mấy đứa bảo bọn em đưa các anh hai quả. Các anh cần, bọn em lấy  
thêm sau:

- Các em làm chi có nhiều lựu đạn thế? - Sum ngờ vực hỏi lại.

- Dạ, bọn em mới bị bắt vô hương vệ. Chúng nó dặn: thấy bộ đội hay  
cán bộ Việt Minh về thì phải ném lựu đạn rồi mới được rút.

Sum cũng đã nắm được tình hình đó. Một số thanh niên ở đây vào  
hương vệ cũng chỉ vì bị bắt buộc. Sum mới quy định với họ một số  
mật hiệu để khi bộ đội về được an toàn, bí mật.

Hôm sau, Sum cho người về dẫn tiểu đoàn xuống. Thấy bộ đội về  
đông, bà con trong xóm đem đến cho rất nhiều thứ: gạo nếp, đường,  
sữa, thuốc lá... Anh em không nhận, nhưng bà con năn nỉ mãi mới  
nhận.

Sau khi bộ đội về đông đủ, Sum cho gọi bọn hội tề, hương vệ đến.  
Đứa nào đứa nấy mặt tái xanh, tái xám, xin tha tội và hứa sẽ không  
làm cho địch nữa.

Tâm lý bọn địch trong lúc này cũng rất phức tạp.

Bọn Tây chỉ nghĩ rằng: Từ khi chúng chiếm được phần lớn vùng  
đồng bằng ba tỉnh đến nay chưa đầy bốn tháng. Chúng đã thành lập  
được phần nào ngụy quyền, ngụy quân, nhưng chỉ mới bước đầu,  
thành phần rất phức tạp, chưa hoàn toàn tin tưởng là tuyệt đối trung  
thành với chúng.

Lũ tay sai phản động, sau khi thấy ta đánh mấy trận Hộ Thành, Đất  
Đỏ, phục kích chúng trên các đoạn đường Truồi, Nong, Đèo Đá, cũng  
đâm ra lo sợ. Chúng cũng biết, bộ đội ta không nhiều nhưng vẫn còn,



vẫn tiếp tục kháng chiến, vẫn tìm cách diệt chúng. Biết đâu số phận không may sẽ ụp xuống đầu nên chúng cũng chùn bước.

Những người bị chúng dọa nạt bắt ép ra làm việc cho chúng thì nay thấy còn bộ đội, còn kháng chiến, nên cũng ít sợ, muốn thôi. Còn những người, do một số nhân dân muốn đưa ra làm để được yên thân, nay thì nhất quyết xin thôi, không muốn mang tiếng là Việt gian theo giặc...

Tiếng súng của bộ đội trong thời gian vừa qua không những đã nổ vào đầu giặc mà còn nổ vào trong tim trong óc bọn địch.

Nhân dân thì tuyệt đại đa số vui mừng, phấn khởi. Bộ đội còn, cách mạng còn thì đời sống của họ còn hoàn toàn tự do, hạnh phúc...

Vùng Bàn Môn lại sáng hẳn lên sau những ngày xẩm tối. Bọn địch sẽ làm gì đây? Chưa biết? Nhưng đã có bộ đội đây rồi! Có gì quân dân cùng sống chết với kẻ thù...

Ban ngày, những anh bộ đội rảnh rang, ra đồng cày cấy với bà con thôn xóm. Tối đến, những nhà có bộ đội ở chật ních người. Các ông già bà cả ngồi nghe kể chuyện đánh Tây. Thanh niên nam nữ và các em bé thơ ngây học hát. Giọng hát của Tuấn, anh bộ đội trẻ đã từng khuyến khích cô Hồng với gánh bưởi đi đánh giặc, nay lại vang lên. Tuy giọng hát không hay nhưng với dáng người lạnh lẹn, khuôn mặt vui tươi của anh đã làm xiêu lòng bao cô thôn nữ!... Các lớp bình dân học vụ lại bắt đầu. Khắp các ngã đường đèn sáng trưng. Các đội dân quân mới tập hợp, ngày ngày lại “Xung phong! Giết! Giết!”

Ai về thôn xóm mà xem,

Qua cơn nắng hạn, đến phen mưa rào!:

Cơ sở đã tương đối vững vàng, tiểu đoàn kéo đi nơi khác. Bọn địch chưa dám hành động gì.

Thủy Cam có nhiều gia đình theo đạo Thiên chúa... Sau ngày mặt trận vỡ, có hai cán bộ của tiểu đoàn đi qua Sơn Quả, một vùng công giáo toàn tòng, bị bọn phản động ở đó bắt nạt cho Pháp.

Được biết đơn vị sẽ kéo về Thủy Cam, một số anh em tỏ vẻ lo ngại, một số căm thù khi nhớ lại số phận của hai đồng chí mình trước đây.

Chúng tôi phải giải thích cặn kẽ chính sách tôn giáo cho anh em rõ. Trừ một số ít phản động, đội lột thầy tu còn tuyệt đại số con chiên đều là nhân dân lao động, yêu nước, yêu độc lập tự do. Nhưng một số ít cha cố phản động lại thay mặt chúa phán rằng: Việt Minh là những người phá đạo, cấm đạo. Và con chiên vì quá tin chúa nên cả nghe những kẻ thay mặt chúa dẫn dắt linh hồn của mình. Nhiệm vụ của chúng ta là phải tuyên truyền giải thích chính sách tôn giáo của Chính phủ cho bà con theo đạo được rõ, để phá tan âm mưu thâm độc chia rẽ lương giáo của địch.

Khi đến đóng quân, ta cử người đến thăm cha xứ và những tu sĩ trong nhà thờ. Cha Hiệp tiếp chúng tôi rất vui vẻ. Trong lúc mời uống trà, cha nói rằng, cha chỉ lo việc thờ chúa chứ cha không lo việc thờ Tây. Anh em cùng cười. Sau đó, cha ngỏ ý muốn mời cả tiểu đoàn dự một bữa cơm thân mật. Anh em từ chối lấy cớ là làm như vậy sẽ gây sự phiền hà và tốn kém cho nhà thờ. Ta chỉ yêu cầu cha giảng giải cho con chiên hiểu rõ chính sách tôn giáo của Chính phủ và lòng bộ đội quý mến con chiên cũng như bao nhiêu dân lành khác. Và nhờ cha khuyên con chiên tích cực tham gia cách mạng bằng những công việc thiết thực như đi bộ đội, đi dân công, tham gia các đoàn thể. Cha Hiệp niềm nở hứa sẽ làm những việc ấy. Ít lâu sau, cha sai các nữ tu sĩ vô Huế mang cho chúng tôi khá nhiều thuốc Tây chữa bệnh cho bộ đội.

Thủy Cam là một vùng buôn bán khá sầm uất. Các chợ có nhiều hàng do con buôn mang từ Đà Nẵng ra, từ Huế vào, đặc biệt khá nhiều tôm cá. “Dừa Mỹ Á, cá Tam Giang”. Nhưng có việc gây khó khăn cho

chúng tôi, ở đây không tiêu bạc cុ Hồ mà chỉ tiêu bạc Đông Dương. Ngay từ khi xâm chiếm lại nước ta, bọn Pháp đã ra lệnh như vậy. Không những chúng ra lệnh, mà trong các cuộc càn quét, thấy ai trong người có bạc cុ Hồ là chúng nó bắn giết coi như có cảm tình với Việt Minh, cộng sản. Đó cũng là một cách chúng đấu tranh kinh tế với ta. Do đó, nhân dân ta có cảm tình với cách mạng nhưng không dám công khai tiêu bạc cុ Hồ:

Bạc Đông Dương kẻ thương người ghét

Bạc cុ Hồ kẻ nhét, người thu

Ai về nhả với chiến khu

Lòng em vẫn sáng tỏ như trăng thu đêm rằm.

Ban chỉ huy họp bàn với các đồng chí trong chi ủy địa phương, làm cách nào để cho nhân dân tiêu bạc cុ Hồ lại:

Có người đề nghị:

- Ủy ban kháng chiến huyện nên ra một công lệnh bắt nhân dân phải tiêu bạc cុ Hồ. Bộ đội chọn ngày phiên chợ, tổ chức một cuộc võ trang tuyên truyền, giương cao cờ đỏ sao vàng tiến vào chợ, bắn mấy loạt súng chỉ thiên ra oai, rồi công bố lệnh Ủy ban cho đồng bào rõ. Sau đó, anh em cứ tung bạc cុ Hồ ra mua hàng. Chẳng ai dám phản đối nữa. Vì không tiêu bạc cុ Hồ là không tuân lệnh Ủy ban, chống lại cách mạng. Làm vài lần như vậy, nhân dân sẽ quen. Việc tiêu bạc cុ Hồ coi như chẳng có chuyện gì phải bàn nữa.

Nghe ý kiến ấy, anh em cùng cười. Một đồng chí nói:

- Làm như vậy không khác gì bọn địch, khủng bố nhân dân chứ không phải vận động cách mạng. Mình là chính nghĩa, phải lấy sự tự giác ủng hộ của dân làm chỗ dựa chứ không phải dùng biện pháp dọa nạt.

Tất cả đồng tình với ý kiến ấy.

Sau khi trao đổi với cấp ủy địa phương, chúng tôi thống nhất với nhau mấy biện pháp kết hợp. Cán bộ địa phương đi giải thích từng nhà về việc nên tiêu bạc cụ hồ, đó là tham gia kháng chiến về mặt kinh tế, đó là yêu nước, yêu cách mạng. Công an đi vào trong các chợ tìm bắt những tên phản động cố tình phá hoại chính sách kinh tế của ta. Bộ đội và dân quân du kích phải bao vây các đồn bốt, không cho địch ra vào, nhất là những ngày phiên chợ để chúng khỏi cướp bóc, dọa nạt nhân dân.

Anh em dân quân nghe nói được cùng bộ đội đi bao vây đồn bốt, rất thích. Nhiều cô du kích cũng xin đi theo. Đi với bộ đội họ không còn lo lắng gì nữa. Tất nhiên là anh em đồng ý. Tổ của Tuấn, anh chàng thanh niên hay hát ấy được các cô thích đi theo nhất. Ở đó, đã xảy ra một câu chuyện vui. Tối đầu tiên, đi bao vây đồn, có một cô cứ đi kè kè bên Tuấn. Khi đào công sự, cô cũng đào cạnh bên. Trời tảng sáng, có mấy tên lính ngự đi ra phía cổng đồn, có lẽ để đi chợ. Hôm đó chợ phiên. Tuấn giao súng cho cô ta bắn. Cô ta ngấm thế nào không biết mà đạn bay lên mây. Anh em cười ồ. Bọn trong đồn, nghe tiếng súng, bắn ra loạn xạ. Đạn bay vèo vèo. Cô ta hoảng, bỏ cả hầm của mình, nhảy xuống hầm của Tuấn. Lần đầu tiên bị đánh, bọn địch trong đồn không biết ở ngoài lực lượng ta bao nhiêu, nên không dám ra. Đến trưa, anh em rút về, và đem cái tài thiện xạ của cô gái nọ nói toang cho mọi người biết. Thế là cô ta đổi, rồi khóc và thề không đi nữa. Cũng may, lời thề “như cá trê chui ống”, được Tuấn dỗ, cô lại đi.

Dần dần, anh em du kích quen, tự đi bao vây đồn, không cần bộ đội đi theo nữa. Bọn lính có lẽ lực lượng ít, không dám phản kích, chỉ nằm ru rú trong đồn bắn ra...

Từ đó, trong các chợ bà con mua bán bằng tiền cụ Hồ không e dè, nhét nhét, thu thu nữa. Các đồng chí trong các huyện Hương Thủy, Phú Vang, Phú Lộc đã tranh thủ thời cơ này mua được khá nhiều lương thực, thực phẩm, thuốc men gửi lên chiến khu. Anh em bộ đội

cũng đã mua được nhiều vải may áo quần không đến nỗi rách rưới như trước.

Phong trào du kích càng ngày càng lên mạnh. Việc bao vây đồn bốt là trách nhiệm hằng ngày của du kích, dân quân.

Một buổi chiều, đồng chí Kha và tôi đang ngồi bàn việc thì một đồng chí vào báo là có một anh thanh niên xin gặp. Tôi hỏi anh ta xin gặp có việc gì, đồng chí ấy trả lời:

- Dạ, không biết. Anh ta chỉ nói là muốn gặp ban chỉ huy để báo cáo một việc riêng.

Tôi bảo ra mời anh ta vào. Anh ta khoảng 19, 20, nước da trắng trẻo, dáng học sinh con nhà khá giả. Tôi kéo một cái ghế mời anh ngồi. Nhưng anh nhìn Kha, rồi lại nhìn quanh, vẫn đứng im, mặt tỏ vẻ lưỡng lự. Tôi hiểu ý, đứng dậy:

- Anh ra ngoài này với tôi.

Tôi dẫn anh thanh niên ra một góc sân, hơi xa nhà, ngồi ở dưới một gốc cây bưởi. Khi thấy không có ai có thể nghe được lời nói của mình, anh ta ngập ngừng:

- Dạ, thưa ông...

Tôi ngắt lời:

- Em có thể gọi tôi bằng anh cũng được. Tôi chẳng lớn hơn em bao nhiêu.

- Dạ, thưa... Anh! Em có người chú tên là Thăng, ở đồn Patidăng gần ngoài Truồi muốn xin gặp các anh không biết có được không?

- Chú em làm gì ngoài đồn?

- Dạ, chú em làm đồn trưởng. Đạo Tây mới về, thấy chú em có chút chữ nghĩa, chúng gọi đến phát quần áo, phát súng rồi bắt làm đồn trưởng luôn.

Tôi ngẫm nghĩ “Tai sao Tây lại có thể giao phó chức đồn trưởng cho một người chỉ biết chữ nghĩa. Chắc là phải có cái gì nữa, nó mới tin cậy giao cho chức đồn trưởng chứ”. Nhưng rồi tôi cũng không hỏi dò anh thanh niên, sợ anh ta lo ngại. Tôi nói:

- Được, em tin cho chú em trưa mai lên đây. Đi một mình và không được mang theo súng đạn nghe!

Anh thanh niên nói:

- Nhưng chú em sợ lúc đi ra, du kích bắn.

- Không lo, anh sẽ dặn anh em du kích. Lúc đi ra, chú em nhờ cầm một cái khăn mu xoa trắng trong tay nghe!

Anh thanh niên, lộ vẻ vui mừng, chào tôi ra về.

Tôi đem việc ấy nói với anh Kha. Anh bàn với tôi nên hỏi các đồng chí trong cấp ủy địa phương xem thử tên Thăng như thế nào. Tôi giao việc ấy cho Kha. Một hồi lâu, Kha về cho tôi biết Thăng trước đây có làm lính lệ của bọn quan lại Nam Triều. Thăng đã có đồ sơ học nên lồm bồm nói được tiếng Tây. Thăng muốn nhờ chút học lực ít ỏi của mình, lên chức cai, chức đội, một thứ võ quan Nam Triều, để được hàm bát phẩm, cửu phẩm, vẻ vang với làng nước. Trong thời gian làm việc, Thăng cũng chẳng có tai tiếng gì.

- Chính nó là lính và biết đôi chút tiếng Tây, nên bọn Tây mới giao cho làm đồn trưởng. Chứ cái loại lính lệ là loại lính đi ở, điều đóm cho nhà quan biết đánh chác gì - Kha nói thêm.

Chúng tôi cũng muốn trực tiếp với Thăng để biết thêm Thăng là người như thế nào.

Trưa hôm sau, tôi đang ngồi uống nước, bỗng ông chủ nhà đến phát nhẹ vào lưng tôi:

- Nè, trốn mau! Thăng Thăng đến. Có lẽ hấn dẫn Tây đi lùng đó!

Tôi nhìn ra thấy một người đàn ông khoảng gần bốn mươi, người thấp béo, mặc quần trắng, áo bà ba đen, đội mũ phớt màu nâu, một mình dắt xe đạp vào sân, ở ghi đông xe đạp của buộc một cái mu xoa trắng. Vừa trông thấy tôi, anh ta lễ phép cất mũ chào rồi đi tìm chỗ dựng xe.

- Anh Thăng phải không? - Tôi hỏi.

- Dạ... dạ... tôi được cháu nó báo các anh cho gặp.

- Mời anh ngồi. - Tôi kéo chiếc ghế đầu.

Tôi lấy bình nước chè xanh, rót ra một chén để trước mặt Thăng:

- Anh uống tạm chén nước.

- Dạ, không dám.

Thăng đưa mắt nhìn quanh. Tôi hiểu ý nói nhỏ:

- Anh cứ yên tâm. Chúng tôi cũng biết giữ bí mật quân sự lắm chứ. Không có ai nghe được đâu, anh đừng ngại.

- Dạ, thưa anh... - Giọng Thăng rất nhỏ như thì thầm, chỉ đủ cho tôi nghe lọt. Thăng trình bày hoàn cảnh của mình bị bắt làm đồn trưởng như thế nào, lời lẽ chân thành:

- Dạ, tôi không muốn một chút nào, nhưng không làm không được. Không làm, chúng nó bảo theo Việt Minh, chúng nó bảo bắt bỏ tù.

Thăng nói tiếp:

- Tôi cũng định chỉ làm lấy lệ một thời gian rồi xin thôi. Chúng nó thấy làm không được, chúng nó sẽ thay người khác... Không ngờ, gần đây, anh em du kích...

:

Tôi hiểu rồi. Thăng sợ anh em bắn tĩa. Tôi mỉm cười:

- Anh định về với chúng tôi phải không?

Thăng vội vã:

- Dạ! Dạ! Xin các anh cho tôi về với gia đình, vợ con...

Tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ: dùng Thăng làm địch vận được đấy! Tôi nói:

- Anh muốn về cũng được, nhưng chúng tôi muốn nhờ anh một việc...

Thăng tỏ vẻ lo lắng:

- Dạ, việc chi ạ!

- Anh thấy trong bạn bè anh, có ai muốn về nữa thì rủ về cho vui, vả lại, - tôi nói tiếp - họ không muốn về anh cũng nên khuyên họ về. Sung sướng gì cái nghề làm tay sai cho giặc, công rắn cắn gà nhà.

Mặt Thăng đỏ dần:

- Dạ, tôi cũng nghĩ như vậy, nên tôi muốn về.

Tôi nhắc lại:

- Về một mình cũng được, nhưng chưa hay lắm Nên khuyên rủ nhiều người cùng về... Về với xóm làng, với anh em, có vui cùng vui, có buồn cùng buồn.

- Dạ... dạ! - Thăng cứ điểm từng tiếng “dạ... dạ” khi nghe tôi nói:

- Tôi nhận cho anh về, nhưng bây giờ anh cứ ở lại trong đồn. Anh là người của chúng tôi. Anh làm việc cho chúng tôi. Anh cung cấp vũ khí, thuốc men cho chúng tôi. Bọn Tây làm gì, anh báo cho chúng tôi biết, anh rủ thêm nhiều người về với chúng tôi. Như vậy là anh đã tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến, làm như vậy hay hơn là về tay không.

- Tôi chỉ sợ tôi không làm được... - Thăng ngập ngừng.



- Sao lại không làm được? Anh không nhớ câu “Đường đi khó không phải vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi, e sông” à!

Tôi nói tiếp:

- Chúng tôi cũng là con người như anh thôi. Sao chúng tôi làm được. Đó là vì chúng tôi quyết tâm. Chúng tôi yêu nước...

- Dạ, dạ, tôi xin cố gắng...

Thăng ra về, nét mặt vui mừng hí hửng, tôi bắt tay Thăng thật chặt:

- Bây giờ anh là bạn của chúng tôi! Đừng phụ lòng chúng tôi...

Ít lâu sau, Thăng báo cho biết đã vận động được Khoa, đồn trưởng đồn bảo an ở Nong, Khoa đề nghị với tiểu đoàn mở một trận đánh đồn giả, bắn vài loạt súng để có cớ dẫn lính ra hàng và nộp vũ khí cho bộ đội. Để cho khỏi nghi ngờ, Thăng lấy tính mạng ra bảo đảm với chúng tôi.

Đơn vị cử người điều tra rất kỹ. Anh em cũng đã bí mật gặp Khoa. Thấy Khoa thành thật, nhưng chúng tôi cũng rất cảnh giác, đề phòng. Trong những ngày chuẩn bị mở trận đánh đồn giả, ta đã bám sát địch, xem có hiện tượng gì đáng nghi ngờ không. Không thấy gì. Tối hôm đó, đơn vị cho một tiểu đội đi công kích đồn, và một lực lượng khác đi bao quanh phòng có chuyện gì bất trắc. Mới bắn mấy loạt súng chỉ thiên, trong đồn đã có tiếng la “Chúng tôi xin hàng! Chúng tôi xin hàng!”. Sau đó cổng đồn mở rộng: hơn ba chục hàng binh do Khoa dẫn đầu mang súng ra nộp vài đi theo bộ đội. Còn bao nhiêu súng đạn trong đồn anh em vào lấy hết.

Ngay đêm đó, ta cho người dẫn đoàn “hàng binh” lên chiến khu để sau này bổ sung vào đội vận tải và sản xuất của tiểu đoàn.

Đưa lên chiến khu một thời gian, ta lại cho một số “trốn” về nhà làm cơ sở tiếp tế cho bộ đội.

Qua thực tế trên thấy rõ ràng không phải tất cả những người cầm súng giặc là theo giặc. Từ đó chúng tôi đặt công tác địch vận thành một nhiệm vụ quan trọng. Chúng tôi đã bàn với huyện ủy ban huyện, nơi nào có vị trí địch đóng, cơ sở của ta ở đó phải tìm cách bắt nhân mối trong binh lính địch. Khi đã có nhân mối đủ tin cậy thì cơ sở giới thiệu cho cơ quan quân sự hay đơn vị bộ đội của ta đóng gần nhất. Tùy theo tình hình địch và điều kiện nhân mối, chúng ta có kế hoạch cụ thể cho họ hoạt động. Thông thường thì họ có thể cung cấp tin tức, lấy vũ khí của địch cho ta, hoặc tìm cách hạn chế những hành động cướp phá trong các cuộc càn quét. Nếu họ lôi kéo được nhiều binh lính địch trong đồn thì có thể tổ chức những cuộc đào ngũ tập thể, mang theo vũ khí, hoặc làm những cuộc binh biến, hoặc phối hợp với bộ đội ta chiến đấu nội công, ngoại kích.

Các huyện ủy cũng đã thống nhất thi hành chủ trương đó. Vì vậy, nhiều đồn lính bảo an đã có nhân mối của ta. Nhiều làng xã ở gần các vị trí của địch đều bố trí người của ta làm địch vận. Công tác địch vận chẳng những đối với lính ngụy mà còn đối với lính Âu - Phi. Chính những hàng binh Âu - Phi đã giúp chúng ta nhiều lần trong các trận đánh sau này...

## VII. TRỞ LẠI CHIẾN KHU

Sau năm tháng vừa chiến đấu, vừa xây dựng, tiểu đoàn từ 64 người, lên đến trên 300 người, chia thành ba đại đội bộ binh, một trung đội trợ chiến. Các đại đội đều có chi bộ Đảng. Vũ khí tương đối đầy đủ. Mỗi đại đội có một đến hai trung liên. Các căn cứ đóng quân của ta như khe Mụ Khâm, Động Truồi đã được ổn định. Công việc tiếp tế chưa phải đã được đầy đủ, nhưng bộ đội, cán bộ lên xuống đồng bằng không khó khăn như trước.

Nhiều thôn xã trong ba huyện đã xây dựng lại cơ sở Đảng và chính quyền. Các đoàn thể quần chúng, dân quân du kích đã hoạt động. Phong trào kháng chiến của nhân dân đang phát triển, khí thế chiến thắng ngày một lên cao.

Giữa lúc đó, anh Nguyễn Chí Thanh gọi tôi về Hòa Mỹ.

Sau khi trao đổi phương hướng hoạt động sắp tới với các huyện ủy ba huyện và bàn giao mọi việc của tiểu đoàn cho các anh Nguyễn Sanh Thi, Dương Bá Bích, tôi lên đường vào giữa tháng 9 năm 1947.

Tuy ở đây chỉ có năm tháng, nhưng năm tháng màn trời chiếu đất, cùng vui, cùng buồn, cùng gian khổ với đồng chí, đồng bào ba huyện, khi chia tay, lòng tôi không khỏi bồi ngùi, quyến luyến. Anh em đưa tôi lên đến gần đường quốc lộ, bắt tay nhau, hẹn ngày gặp lại.

Khác hẳn lần đi vào, phải lặn lội giữa rừng sâu núi thẳm, leo đèo, lội suối, lần này đi ra, tôi dọc theo phía ngoài sườn núi Trường Sơn, có liên lạc dẫn đường, đến những nơi kẻ địch có thể phục kích, đã có anh em dân quân cảnh giới. Khoảng vài ngày tôi đến Hòa Mỹ.

Một cảnh tượng quá bất ngờ hiện ra trước mắt tôi. Trước đây, Hòa Mỹ chỉ làm một xóm nhỏ, với vài chục nóc nhà tranh lúp xúp bên cạnh rừng già heo hút, nay đã mọc lên một dãy nhà san sát, tuy cũng mái tranh vách đất, nhưng sạch sẽ, khang trang. Những cửa hàng tạp

hóa, bán giấy viết thư, phong bì, kim chỉ các loại vải, các loại khăn mu soa, đủ các thứ thuốc hút: Gô loan, Bát tô, kể cả các loại thuốc thơm đắt tiền nhất: Cô táp, Gôn rinh... Hầu hết các thứ hàng ở Huế đều có mặt tại đây, mỗi thứ một ít. Xen kẽ với các cửa hàng, tạp hóa là các quán giải khát, các quán ăn. Những con gà luộc chín vàng rộm. Những chùm ớt đỏ. Những bó hành xanh treo lơ lửng trên những nồi cháo còn bốc hơi nghi ngút. Những đĩa xôi đậu xanh, xôi lạc, xôi gấc để cạnh nhưng chén chè đậu ván, chè bông lau... Đủ các thứ bánh: bánh su sê, bánh tét, bánh gai, bánh ít... Khách khứa khá đông. Cán bộ dưới đồng bằng lên. Người dân tộc Vân Kiều, Tà Ôi từ trên núi mang thuốc lá, trầm hương, măng, mộc nhĩ về bán. Bà con các làng xung quanh đến mua hàng. Một số bộ đội, thương binh về nghỉ ngơi, điều trị... Trong đám khách khứa đó, hiện ra những tà áo xanh, áo tím, áo vàng và những khuôn mặt tươi vui, dịu dàng, đắm thắm của các cô gái Huế sau các quây hàng.

Mới có năm tháng, một khu thị trấn nhỏ đã mọc lên cạnh rừng già này. Tôi đi thông thả qua dãy phố, lòng vui vui. Gần hết dãy phố, tôi bỗng ngửi thấy một mùi thơm, mùi thơm bánh mớ, và bên tai những tiếng xèo xèo. Bước thêm vài bước nữa, tôi nhìn vào: “À, bánh khoái!”. Đúng là bà già trước đây, gần cầu Gia Hội, tôi đã vào ăn một lần, giữa thành phố Huế.

- Mời anh vô xơi!

Vẫn giọng mời chào đon đả dạo ấy!

Tôi bước vào. Trước mặt một cái bàn đơn sơ bằng mấy thanh tre buộc lại, vài ba chục người khác đang ngồi ăn. Tôi ngồi xuống một chiếc đôn tre.

- Thím cũng tản cư lên đây à thím?

Bà già quan sát nhìn tôi, như muốn nhìn xem có phải khách quen không.

- Không tản cư lên đây thì đi mô?
- Thế sao ngày đó thím nói thím không đi? Tây làm rằng mà sang bên ni được!
- Ờ, té ra ngày đó anh ở Huế... ngày đó tôi cũng tưởng bộ đội miềng đánh nó được. Ai ngờ... - bà ngừng lại.
- Ai ngờ, rằng thím?
- Ai ngờ, hắn đổ bộ đông quá chứ rằng! Có cả xe tăng, tàu bay, đại bác... Bộ đội ta đánh không được, tàng hình...

Tôi không hiểu: hỏi lại.

- Tàng hình là rằng thím!
- Tàng hình là biến hóa như Tề thiên đại thánh ấy! Bộ đội ta liền biến hóa thành người dân, sau đó đánh luôn đồn Hộ Thành...

:

Chuyện cũ nhắc lại, tôi hỏi:

- Sau đó, ra rằng thím!
- Úi chào... rất lắm chuyện. Bà con cả thành phố dậy lên.. Chỗ mô, người ta cũng xô xao hấn lên. Người ta nói “Tránh voi chẳng xấu mặt nào”. Bộ đội miềng chỉ tránh một thời gian rồi lại xuất đầu lộ diện...
- Rứa bọn tây ra rằng thím!
- Chà, bọn hấn khủng bố dân, bắt bớ hàng loạt nhưng chẳng ai sợ.

Một ông khách ngồi ở bàn góp chuyện:

- Không sợ rằng thím chạy lên đây...
- À tôi khác... Bộ đội miềng đi mô thì tôi theo nấy. Tôi có một thằng con đi bộ đội. Hấn đi thì tôi cũng đi. Tại gia tòng phụ, cải giá tòng

phu, phu tử thì tòng tử... chồng tôi chết lâu rồi, tôi chỉ có một thằng con đó.

Tôi nhìn quanh. Đúng là trong nhà chỉ có một chiếc chõng con, trên chõng chiếc chiếu cũ và để chiếc khăn xếp gọn đã bạc màu.

- Thím đi có một mình à!

- Không đi một mình thì đi với ai... À quên, đi với bà con trong phố chứ! Cái nhà đầu cùng và cái nhà sát nách đây là người quen trong phố cả đấy.

- Tôi muốn nói là người trong nhà thím kia!

- Trong nhà tôi thì có ai! Chồng chết sớm, chỉ có một thằng con trai.

- Lớn chưa thím!

- Lớn chi... mới 17, 18 tuổi. Nó nhất định đòi đi bộ đội, tôi đành phải cho nó đi. Nó đi từ hồi mới giành chính quyền. Gần hai năm rồi...

Một người khách khác góp chuyện:

- Thím kiếm cho cậu ấy một mụ vợ đi để đỡ đàn cho thím, nơi đất khách quê người, phòng khi trái gió trở trời...

Nét mặt bà cụ trở nên trầm lặng:

- Tôi cũng đình như rứa... Có con nhỏ, ở đầu phố ấy, cũng là người quen ở Huế tản cư lên đây, nhưng không biết hấn chó chịu không?

Tôi liền hỏi:

- Anh con trai thím hiện nay ở mô?

- Ở dưới đồng bằng tê. Hãy đang đi theo anh em đánh chác dưới đó.

- Thím có biết, anh ấy ở đơn vị nào không?

- Nghe nói như hấn ở tiểu đoàn 16.

Một ông khách nói luôn:

- Rứa là thím lộ bí mật quân sự rồi nghe!

Câu nói đó nằm ngoài ý định của tôi. Tôi hỏi như vậy cũng muốn biết chắc chắn thêm người con trai của bà cụ có ở trong đơn vị do tôi phụ trách không mà thôi. Biết có hỏi thêm, bà cụ cũng không nói nữa, tôi mua mấy chiếc bánh ăn, rồi đi ra. Tôi định bụng sẽ gặp lại bà cụ một lần nữa để hỏi thêm tình hình ở Huế cho kỹ...

:

Theo con đường mòn quen thuộc, tôi vào chiến khu. Tôi gặp ngay anh Hà Văn Lâu ở một cái lán nhỏ bên đường. Anh gầy và xanh, khác trước nhiều. Thấy tôi, anh rất mừng rỡ. Anh hỏi tôi tình hình tiểu đoàn. Tôi báo cáo lại với anh cặn kẽ, tuy trước đây thỉnh thoảng tôi vẫn viết thư báo cáo những việc đã xảy ra trong đơn vị.

Nghe xong, anh cho tôi biết thêm tình hình của trung đoàn. Cán bộ, chiến sĩ sau khi mặt trận vỡ, tản mát đi các nơi tới nay cũng đã tìm về đơn vị. Quân số của trung đoàn gồm hai tiểu đoàn 16 17 nay đã được 1.000. Sau một thời gian củng cố và học tập, hai tiểu đoàn đó đã về hoạt động ở đồng bằng ba huyện Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà thuộc bắc Thừa Thiên. Họ cũng đã tổ chức được nhiều trận chống càn gây được tiếng vang khá lớn. Họ giúp cán bộ, đảng viên ở các địa phương trở về đồng bằng xây dựng lại cơ sở kể từ sau Hội nghị Tỉnh ủy hồi tháng ba...

Biết thêm tình hình, lòng tôi rất phấn chấn. Chính sau Hội nghị ấy, trên hai nghìn cán bộ, đảng viên đã trở về len lỏi trong dân, bí mật hoặc công khai xây dựng cơ sở. Có nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh. Ở ba huyện phía nam nơi tôi vừa chia tay cũng vậy. Nơi nào có bộ đội về nơi đó hoạt động dễ dàng hơn. Nơi nào không có, cán bộ, đảng viên tự vũ trang tự đảm nhiệm mọi công việc. Nhờ thế mà phong trào ngày một phát triển, ngày một lên cao.

Cuối cùng, anh Lâu cho biết: có tin đích xác Quản Hậu đã đầu hàng.

Quản Hậu trước đây làm Chánh quản chỉ huy một đội lính khố xanh bảo vệ Hoàng thành. Sau khi ta giành chính quyền, Quản Hậu xin vào Vệ quốc quân. Thấy hấn cai quản một đội quân khá lớn và cái tai tiếng trong nhân dân thành phố Huế, ta cũng muốn tranh thủ hấn để sử dụng đội quân của hấn. Ta cho hấn làm chức trung đoàn trưởng trung đoàn. Nhưng đó chỉ làm tạm thời lúc đầu, về sau mọi việc của trung đoàn đều do Hà Văn Lâu phụ trách. Sau ngày mặt trận Huế vỡ, chẳng thấy bóng hấn đâu. Ta mấy lần cho người về tìm cũng chẳng thấy. Bây giờ mới biết hấn đã đầu hàng giặc.

Nghe tin, tôi cũng chẳng thương, chẳng tiếc mà vừa buồn, vừa giận.

Anh Lâu kết luận:

- Những thằng như hấn, không trước rồi sau cũng theo giặc thôi! Cho hấn đi đi cho rảnh mắt!

Tôi vào CK7 để gặp Thường vụ Tỉnh ủy và anh Nguyễn Chí Thanh. Vừa vào nhà, đã thấy bà mẹ anh Thanh đang nhào một thứ bột gì trắng trắng trong chiếc mũ sắt, dưới mái hiên. Trong nhà, dưới rừng rậm, thường hay tối, nên bà làm gì cũng làm dưới mái hiên. Tôi cất lời chào:

- Thưa bác ạ!

Bà ngược đôi mắt leo neho, nhìn lên:

- À, anh Hai mấy lâu ni đi mô mà vắng cái mặt?

- Dạ, cháu vô trong miệt, Phú Vang, Phú Lộc ạ!

Tôi nói tiếp:

- Bác đang làm chi đó!

- À, nhào bột sẵn để nấu thành cháo bánh canh - Bà nói như phân trần:



- Đã gần một tuần ni rồi không có gạo. Họ đem tới cho một ít thì hăn không nhận. Hăn nới đưa sang bên bệnh viện cho anh em thương bệnh binh. Tôi định ra Hòa Mỹ mua, ngoài nó có bán gạo. Hăn cũng không cho. Hăn nói người ta ăn chi thì mình ăn nấy. Người ta ăn được thì mình ăn được. Anh coi, như rứa có kỳ quặc không chớ!

Tôi cười, không nói gì. Tôi biết tính anh Thanh từ hồi ở tù Buôn Ma Thuột. Là một con người rất chan hòa với quần chúng, có sượng cùng sượng, có khổ cùng khổ, nên chúng tôi rất quý trọng anh. Trong lúc mọi người đang thiếu thốn, phải ăn sắn, ăn khoai trừ bữa thì anh không muốn ăn gạo là lẽ tất nhiên, tuy đó là tiền của mình mua lấy.

- Mấy bữa ni, toàn sắn là sắn, hết luộc, xắt lát, đến mài làm bánh bột lọc, bánh ú, bánh lá, bánh nậm, đủ các thứ bánh... Hôm ni nấu cháo bánh canh. Người ta nấu cháo bánh canh với tôm, với cá tràu, với cá cơm, cá phát lát, mình thì nấu cháo bánh canh với... muối!

Bà nhấn mạnh chữ “muối” rồi cười khanh khách, một cách thanh thản, vô tư!

Tôi mở cái túi xách lấy ra một gói giấy đã chuẩn bị trước, khi ra đi để làm quà cho bà.

- Cháu đem về biếu bác...

- Chi rứa? Vừa hỏi bà vừa mở gói giấy:

- Chà, tôm khô, cá ngừ, cá thu... Tôm cá phá Tam Giang hả? Bổng bà cười:

- Tôm cá ni mà ăn với sắn thì quá tiếc... Thôi, để dành, khi mô có gạo ăn!

Anh Thanh đi đâu mới về. Thấy tôi, anh tủm tỉm cười:

- Bữa ni có máu mặt rồi đó. Về dưới nó, ăn sượng lắm hả! Tôi cũng cười, theo anh vào nhà.

- Gặp anh Lâu rồi chứ!

- Dạ gặp rồi!

- Thôi, việc trung đoàn tôi không hỏi nữa. Có chi chưa biết thì hỏi anh Lâu thêm. Tôi chỉ phổ biến cho anh biết một số tình hình mới.

Qua anh Thanh, tôi được biết hiện nay ở ngoài Bắc, sau khi giặc tạm chiếm đồng bằng, phong trào chiến tranh du kích phát triển rất mạnh. Ta gặp khó khăn một thời gian, nay đã tạm yên ổn rồi. Đường liên lạc của ta nay đã thông suốt từ Bắc chí Nam. Thanh Nghệ Tĩnh vẫn là vùng tự do, giặc chưa chiếm được. Liên khu ủy, Ủy ban điều hành ngoài đó và chỉ đạo chúng ta thường xuyên.

Quảng Bình giặc mới chiếm một ít. Từ sông Minh Lệ trở ra là vùng tự do của ta. Tiểu đoàn Lê Trực cũng đã về lại đồng bằng và đang hoạt động mạnh ngay trong vùng địch tạm chiếm.

Quảng Trị cũng vậy. Sau thời gian ngắn lên chiến khu, các tiểu đoàn của trung đoàn Nguyễn Thiện Thuật cũng đã lộn về đồng bằng đánh nhiều trận khá lớn làm cho địch rất hoang mang và nhân dân rất phấn khởi. Phong trào chiến tranh du kích cũng phát triển rất mạnh. Hiện nay, nhiều vùng ở Triệu Hải, giặc chưa kiểm soát được.

- Nhớ lại những ngày sau khi mặt trận vỡ, bộ đội ta hầu như tan rã, chính quyền địa phương mất hết, cán bộ, đảng viên chạy lên núi, thế mà, chỉ mới năm sáu tháng thôi, phong trào kháng chiến cả ba tỉnh ta lên như vậy, quả thật rất đáng mừng...

Ngừng một lát, anh Thanh nói tiếp:

- Nhưng không phải là chúng ta đã hết khó khăn. Chúng ta phải biết rằng, thời gian vừa qua, giặc đang củng cố. Chúng ra sức thành lập nguy quyền cấp trên, tổ chức quân nguy thay thế cho quân lê dương chiếm đóng các nơi, đồng thời rút quân lê dương ra thành lập những đội quân ứng chiến để đối đầu với chúng ta. Chúng sẽ càn quét ở

đồng bằng với quy mô lớn và tấn công lên các chiến khu. Theo tin tức tình báo cho biết gần đây tên tướng Lơ-bơ-rít, chỉ huy quân đội Pháp ở miền Trung Đông Dương ra Huế. Hắn lệnh cho bọn tay chân ở đây: Phải dập tắt những “đồng lửa” du kích! Hắn nói “Nguồn gốc đại hóa chính là những căn cứ Việt Minh trên rừng núi”. Qua sự chuẩn bị của chúng ta, những ngày gần đây, chúng có thể phán đoán điều đó.

Ở ngoài Bắc cũng vậy. Vừa rồi chúng huy động một lực lượng khá mạnh tấn công lên Việt Bắc. Ta đang chặn đánh.

Nghe anh Thanh nói đến đây, tôi đã thấy tình hình rất khẩn trương. Có lẽ vì lý do đó anh gọi tôi về đây...

- Trước mắt chúng ta phải tích cực chuẩn bị để đối phó với tình hình sắp tới. Cái khó khăn nhất của chúng ta hiện nay là lương thực và súng đạn. Lương thực thì chúng ta dựa vào dân là chính, nhưng chúng ta phải tự túc lấy một phần. Các nơi có bộ đội đóng, nhất là các đơn vị đóng ven núi, ở các chiến khu Hòn Linh, Bọc Lỡ, Hòa Mỹ, Khe Tre phải trồng thật nhiều khoai sắn, rau xanh... Các đơn vị đi qua nếu cần, cứ nhổ ăn rồi lại vùi xuống đất ít hôm sắn, ít dây khoai để bù lại... việc đó, chúng tôi cũng đã làm.

- Còn về súng đạn...

Điều này chúng tôi cũng đã thấy rất rõ. Trong trung đoàn, một khẩu súng trường chỉ có năm bảy viên đạn, bộ đội địa phương, dân quân du kích lại càng ít hơn. Mỗi một chiến sĩ đều cùm rúm, giữ gìn và giấu đút từng viên đạn trong túi áo, sợ hư hỏng, sợ rơi mất, sợ cấp trên thấy, lấy bớt. Chúng tôi đã nghĩ hết cách vẫn không tìm ra lối thoát, nếu không lấy được đạn địch để đánh địch. Nhưng làm thế nào để lấy? Chúng tôi đã tổ chức các em nhỏ ở gần các vị trí địch, tìm cách mua, đổi hay đánh cắp đạn của binh lính địch. Cách làm đó, có kết quả tốt nhưng không nhiều. Đánh địch để lấy đạn của địch không phải việc dễ. Thông thường đánh du kích hay chống càn thì đạn tiêu

hao nhiều hơn là đạn thu lại được. Chúng tôi nghiên cứu thấy chỉ có được các vị trí của địch mới được nhiều đạn, nhưng diệt vị trí địch thì diệt như thế nào, trong lúc các vũ khí công đồn ta chưa có. Quanh đi, quần lại, chúng tôi vẫn lúng túng không biết làm như thế nào. Điều này chúng tôi cũng đã nhiều lần báo cáo với anh Thanh rõ... Nghe anh nói, tôi ngồi im lặng đợi chờ...

:

- Còn về súng đạn... trong lúc các anh đi vắng, ở nhà, cũng đã xây dựng một công binh xưởng, ở gần đây thôi, tôi vừa ở trên đó về đây. Xưởng cũng đã sản xuất ra được một số vũ khí, lựu đạn... nhưng còn ít lắm, không ăn thua gì. Mai anh nên lên trên đó xem xét, góp thêm ý kiến với họ...

- Dạ!

- Hiện nay, cái chính vẫn phải là lấy của địch đánh địch. Đó là vấn đề cần kíp nhất hiện nay. Anh và anh Lâu phải hết sức nghiên cứu và nhanh chóng tìm cách giải quyết việc này trước khi địch phản công lại chúng ta...

Anh nói sang vấn đề khác:

- Công tác Đảng hiện nay cũng cần phải hết sức chú ý. Tôi có ý định cử các anh Bành, anh Bùi Ngọc Hoàn, anh Lê Đình Ly, Dương Bá Bích và anh vào trong Đảng ủy trung đoàn. Ở các tiểu đoàn, đại đội, các cấp ủy do các anh quyết định lấy...

Từ giã anh Thanh, tôi trở ra CK4 gặp anh Hà Văn Lâu. Tôi nói lại ý kiến của anh Thanh cho anh Lâu rõ. Anh Lâu nói:

- Việc đó, tôi đã suy nghĩ kỹ rồi. Phải đánh đồn, chứ không còn cách nào khác?

- Nên đánh đồn nào?

- Đồn Cầu Nhì. Tôi đã nghiên cứu kỹ rồi. Đồn đó hiện nay dễ ăn hơn cả. Lại có nhiều súng đạn.

- Đánh cách nào?

- Tôi đã có cách, ta sẽ không tốn một viên đạn nào mà vẫn hạ được đồn này.

Tôi định nói với anh Lâu cho biết cụ thể hơn thì một đồng chí vào mời hai chúng tôi xuống ăn cơm tối. Anh Lâu đứng dậy vui vẻ hỏi tôi:

- Anh đã đọc “Tam quốc chí” chưa? Chúng ta sẽ hạ đồn Cầu Nhì như Khổng Minh hạ đồn Kinh Châu ấy. Không tốn một mũi tên hòn đạn này. Nếu có tốn chẳng nữa thì cũng sẽ rất ít. Ăn xong, tôi sẽ nói cho anh nghe...

Gọi là ăn cơm, nhưng thực tế là chúng tôi ăn sắn với rau tàu bay chấm nước ruốc. Anh em nhà bếp đã có sáng kiến, băm vụn sắn ra như gạo rồi đen hấp. Do đó, khi xới vào chén chẳng khác gì cơm. Mới nhìn tôi đã tưởng lầm là cơm gạo nếp. Đó chẳng qua là để lừa đôi mắt cho ngon miệng thôi, thực chất sắn vẫn là sắn.

Ăn xong, tôi và anh ra nhà ngoài uống nước. Anh nói cho tôi nghe kế hoạch của anh. Tôi rất mừng và vững tin chắc thắng.

Theo lời anh Thanh dặn, tôi vào thăm công binh xưởng. Khi quang qua nhà anh, tôi tạt vào. Đồng chí cần vụ cho biết anh Thanh đã về đồng bằng từ sáng sớm. Anh thường hay đi như vậy. Các đồng chí trong Thường vụ thường hay kể cho tôi nghe tác phong làm việc của anh Thanh.

Một hôm tình cờ, anh gặp đồng chí Bí thư huyện ủy Phong Điền ở Hòa Mỹ. Anh hỏi ngay:

- Cậu lên có việc gì?

- Báo cáo anh, Tây mới càn mấy xã.

Anh Thanh hiểu ngay là đồng chí cán bộ này muốn lên chiến khu nghỉ “xả hơi” ít hôm, sau trận càn, chứ chẳng có việc gì quan trọng, anh nói luôn:

- Cậu muốn báo cáo việc đó thì mình hẹn tối mai, mình sẽ làm việc với cách cậu tại dưới xã ấy cho cụ thể. Cậu cứ về trước đi, tối mai chúng ta gặp nhau.

Chiều hôm sau, anh Thanh đúng hẹn, xuống đồng bằng làm việc với huyện ủy Phong Điền.

Đối với các cán bộ lãnh đạo tỉnh, huyện, anh Thanh thường yêu cầu nghiêm khắc, nhưng đối với cán bộ và đảng viên thường, mà bị “mất tinh thần” sau các trận càn, thì anh phải đối xử khác. Những cán bộ, đảng viên này, nếu đã chạy lên chiến khu thì đều được mời vào “nhà khách” của tỉnh, được ăn ở tử tế một thời gian, cho học tập tình hình, và nhiệm vụ rồi để các đồng chí ấy tự xác định trách nhiệm xin về lại cơ sở công tác. Tôi thấy cách lãnh đạo như vậy rất hay. Nhờ vậy, mà cán bộ huyện, xã sau ngày mặt trận vỡ, bị dạt lên núi đều lần lượt trở về với cơ sở.

:

Rời nhà anh Thanh, đi theo dòng khe, độ ba ki-lô-mét, tôi đến xưởng quân giới. Sau khi mặt trận vỡ, các xưởng vũ khí ở Huế chuyển lên Trái, nay tập trung lại thành một lấy tên là xưởng Phạm Hồng Thái do đồng chí Phạm Thanh Lục phụ trách.

Trông thấy tôi, đồng chí Lục, đồng chí Sáu đen vội chạy ra:

- Trời, anh Hai! Về bao giờ? Trông anh gầy quá làm cho chúng tôi cứ ngờ ngợ...

- Các anh cũng thế cả thôi. Ăn đói chứ gì? Chị Quế độ này có nói tay không?

Tôi bắt tay cả hai anh, vui vẻ.

- Báo cáo, chị ấy rất quan tâm đến anh em, nhưng gạo đồng bằng đưa lên rất ít, chúng tôi cố gắng tự túc một phần.

- Bằng cách gì? - Tôi hỏi.

- Chúng tôi phải bỏ ít thời gian kiếm thêm rau rừng, lá tàu bay, môn thực là chủ yếu...

Sáu đen nói thêm:

- Nhưng được cái ở đây chúng tôi rất sẵn cá và thú rừng.

- Các anh làm sao mà bắt được?

- Dạ, thú rừng thì đào hầm, căng bẫy, còn cá thì ngăn bót khe lại, rồi đặt nò, đặt chuôm. Tối đi đặt sáng ra đồ, có khi được hàng thúng...

Tôi sức nhớ ra:

- Các anh nên đem về biểu anh Thanh một ít, anh ấy ăn uống kham khổ quá.

Đồng chí Lục vội nói:

- Chúng tôi đem đến mấy lần, nhưng anh ấy không nhận. Anh ấy bảo đưa sang cho bệnh viện.

- Đưa cho bà cụ ấy...

- Bác ấy cũng không nhận...

Rồi các anh ấy dẫn tôi vào xưởng.

Xưởng gồm có ba cái lán dài dựng thành hình chữ U, giữa rừng già, quanh năm không có ánh mặt trời.

Các lán đều lợp bằng lá mây xung quanh che tranh rất kín. Giữa rừng sâu, không khí quanh năm ẩm thấp phải che như vậy cho bớt lạnh. Lán giữa dùng làm kho để các vũ khí vừa sản xuất ra hay vừa chữa lại. Lán bên phải, dài hơn là nơi anh em công nhân làm việc. Trong lán để nhiều máy móc: máy đục, máy khoan, máy bào... Những máy

đó đưa từ Huế lên ngay ngày đầu chuẩn bị kháng chiến, nhưng không dùng được vì không có điện. Anh em phải làm bằng tay. Ba cái lò rèn, suốt ngày đêm đỏ rừng rực, mọi thứ đều làm quanh đây. Anh em thay phiên nhau cùng làm. Ở đây làm việc không giờ giấc, mà làm theo trách nhiệm. Ngoài hai bữa cơm, anh em muốn làm lúc nào thì làm. Có người vừa bỏ bữa xuống đã ra cầm lấy búa, hoàn thành các việc mình đang còn làm dang dở. Họ làm như làm việc nhà. Có đồng chí sốt nằm run bần bật, nhưng hết sốt rồi là cầm lấy cái dũa, cái kìm, cái cưa, sửa cái này, cái khác. Giữa rừng lắm muỗi, ăn uống lại quá kham khổ, anh em bị sốt liên miên. Bệnh sốt rét không trừ ai và cũng không quy định một giờ giấc nào... Cho nên, hễ cơn sốt qua rồi, họ lại bắt tay vào việc. Ai cũng vậy, cũng chả ai khuyên ai. Ai làm việc nấy, và cứ thế mà làm cho tròn công việc của mình. Hễ thấy người ngất ngất là sang lán nhà ngủ, leo lên chiếc sạp dài bằng nứa, vơ tất cả chăn chiếu đắp lại và bắt đầu run... Cuộc đời của công nhân hồi đó là như vậy, nhưng cũng chẳng ai phàn nàn, oán trách. Mọi người như vậy cả, oán trách ai?

Tôi theo anh Lục, anh Sáu đen vào xưởng. Anh em công nhân khoảng gần ba mươi người đang làm việc. Người nào cũng mặc quần đùi, áo lót. Có nhiều áo quần đã vá. Không khí luôn luôn ẩm vì có mấy cái lò... Anh Sáu đen giới thiệu tôi với anh em. Tôi đi bắt tay từng người. Ở đây có đủ tất cả các lứa tuổi. Có người ngoài năm mươi, bốn mươi và nhiều người từ ba mươi trở xuống. Họ trước đây là những người thợ tiện, thợ nguội tình nguyện đi theo cách mạng từ những ngày đầu.

:

Tôi nói chung với tất cả anh em:

- Bộ đội chúng ta đang rất cần súng đạn...

Một bác thợ già trả lời ngay:



- Chúng tôi cũng biết như vậy, cho nên chúng tôi làm suốt đêm, suốt ngày...

Rồi bác đưa cho tôi xem một quả lựu đạn vừa mới làm xong.

Tôi hỏi:

- Chất lượng có khá không?

- Bác trả lời:

- Báo cáo tốt ạ! Các đơn vị đã nhận về đánh chác, đều hoan nghênh.

Anh Sáu đen nói thêm:

- Chúng tôi đã sản xuất loại cối 60 ly theo mẫu của Liên khu IV mà ta gọi là móc-ta... Anh sang xem.

Anh Sáu đen và anh Lục dẫn tôi vào lán giữa. Ở đó, để các vũ khí đã chữa xong, xếp theo từng loại. Súng trường, súng máy, mìn định hướng... và chỉ cho tôi những khâu cối, anh nói:

- Chúng tôi vừa làm xong, chưa thử. Hôm nào thử, mời các anh đến xem...

Tôi nhận lời.

Khi qua cái sân rộng khá sạch sẽ vì anh em quét dọn luôn, anh Sáu đen chỉ vào một đồng rất to gồm dao, cuốc, nôi niêu hổng... nói với tôi:

- Nguyên liệu thiếu quá anh ạ. Chúng tôi đã cho anh em về đi khắp các nơi để tìm kiếm, vẫn không đủ, nhất là thuốc súng. Nếu các anh có những quả bom, quả pháo không nổ nhớ gói về cho chúng tôi để lấy thuốc, đừng bỏ phí, rồi lại trở về với bộ đội thôi.

Chúng tôi cười, Tôi hứa sẽ về phát động trong các đơn vị bộ đội một phong trào thu nhặt sắt thép cho xưởng. Trước mắt sẽ đem đến

những đoạn đường ray, những tà vẹt trên các đoạn đường sắt bị phá hoại để anh em kịp thời sản xuất vũ khí.

Chúng tôi đến lán ở để thăm anh em đang ốm.

Trước cửa lán, cạnh bếp, có hai người đàn bà đang ngồi bóc sắn. Thấy chúng tôi, họ ngược mắt nhìn lên. Một người già, một người trẻ. Cô gái trẻ môi trên bị sút một miếng chỗ răng cửa. Tôi ngờ ngợ, hình như tôi đã gặp một lần nào. À nhớ ra rồi, tôi đã thấy cô ta tập ném lựu đạn giữa sân rỗng trong Đại nội. Tôi nhìn kỹ: người béo tròn, thâm thấp... đúng, không sai. Tôi nói đùa, giả tiếng Huế:

- O không ở dưới Huế, lên chi đây?

Cô ta nhìn tôi hỏi lại giọng bè bè vì sút môi, nói không rõ:

- Răng, eng biết tui ở Huế!

- Tui đã chộ o tập quăng lựu đạn trong Thành nội.

Cô nói, giọng tỏ vẻ bức tức:

- Chà, lựu đạn gỗ, quăng chết ai! Hồi bọn Tây mới vô, không có lựu đạn mà quăng tui tức lắm.

- O tức cho nên o mới vô đây tìm lựu đạn thật chứ chi?

Tôi quay lại nói đùa với anh Sáu đen:

- Coi chừng, không o nó ăn cắp lựu đạn đó!

Chúng tôi cùng cười. Sáu đen nói:

- O nó có người chú ruột làm ở đây. Lúc sơ tán, o nói với chú xin đi theo, sợ ở nhà, chúng nó biết o làm du kích, chúng nó bắt... O cứ đòi làm thợ, chúng tôi không cho, bắt làm nhà bếp, o khóc.

- Nấu ăn cho anh em ăn để anh em làm cũng là kháng chiến chứ sao?

Cô nói, vẫn với giọng bức tức:

- Chà! Kháng chiến, Kháng chiến! tui chỉ muốn có lựu đạn quăng ba thằng Tây cho chúng nó chết nhăn răng!

Chúng tôi cười, vào trong lán.

:

Thấy mấy anh em đang trùm chăn, trùm chiếu kín mít, run cầm cập, lòng tôi se lại. Tôi cúi xuống lấy nửa người đè lên chăn, chiếu cho anh em đỡ run, nước mắt cứ muốn tràn ra, vì sao mà anh em phải khổ như thế này? Phải chăng vì cách mạng, vì độc lập tự do...

Ra về tôi cứ bùi ngùi trong dạ.

Đi qua bệnh viện, tôi rẽ vào. Tôi muốn thăm một số anh em bị thương nặng của đơn vị chuyển về đó. Tôi gặp y sĩ Ái Phương đang đứng bên một chiếc băng ca chỗ bệnh nhân vừa đến.

Y sĩ Ái Phương là một trí thức đã tham gia cách mạng trước ngày cướp chính quyền. Tôi đã gặp Ái Phương vài lần chỗ anh Thanh, nên chúng tôi quen biết. Sau khi bắt tay, tôi nói:

- Anh cứ làm việc đi! Anh cho phép tôi vào thăm anh em một tý.

- Vâng, xin lỗi anh, tôi đang bận, chốc nữa, xin gặp anh...

Anh quay sang nói với cô y tá đứng cạnh:

- Đồng chí đây là chính ủy trung đoàn đấy! Cô dẫn đồng chí đi thăm anh em. Và bảo cô Bích Liên ra đây với tôi...

Tôi theo cô y tá dẫn đường.

Trước khi đi vào ba huyện phía Nam, tôi cũng đã đến bệnh viện này một lần. Vẫn như cũ. Nhà của thương bệnh binh cũng như nhà ở của nhân viên quân y đều lợp bằng tranh, xung quanh buộc lá nứa, sơ sài, che gió mưa một cách tạm bợ. Sập nằm làm bằng những cành cây to bằng ngón chân. Để bệnh nhân nằm đỡ đau lưng, anh em lót dưới

chiếu một lớp lá dày. Các nhà đều làm dưới những cây to, giữa rừng sâu máy bay địch không thể phát hiện được.

Anh em kể lại rằng, buổi đầu, lúc mới dựng, đêm nào cọp cũng đến rảo quanh nhà, rú inh ỏi. Anh em sợ quá, run bắn người, không sốt mà run. Thỉnh thoảng, giữa ban ngày, một vài con voi to tướng, đen sì, vung vẩy chiếc vòi, dùng dình đến “thăm”. Anh em cứ tái mét mặt. Đã thiếu máu lại thiếu máu thêm. Cho nên, những ngày đầu anh em cứ phải cắt người canh gác, hễ thấy “khách voi” đến, anh em lại lấy thùng sắt, cuốc, xẻng ra gõ ầm ỉ để “khách voi” sợ bỏ đi. Ban đêm, anh em đốt lửa rần rật quanh nhà cho cọp sợ. Ở giữa rừng sâu, cách địch rất xa, tàu bay đèn không có, nên anh em không ngại.

Đời sống của thương bệnh binh cũng như anh chị em phục vụ rất thiếu thốn. Gạo quá hiếm, anh em toàn ăn sắn, ăn khoai, môn, chuối, rau rừng... Cháo cũng chỉ nấu bằng những thứ ấy. Áo quần thì không đủ mặc. Khi trời sáng, mỗi lần ra khe tắm, anh em giặt quần áo. Tắm xong, anh em cứ trần truồng như vậy chờ áo quần khô, mới mặc lại. Lâu ngày thành lệ, anh em có nơi tắm riêng, dọc bờ suối, cây có chỗ hở, nắng lọt xuống, áo quần chóng khô. Những nơi ấy, chị em phụ nữ phục vụ trong bệnh viện không bao giờ đi qua. Có anh thương binh tinh nghịch đã viết nên một tấm gỗ cắm đầu đường “Cấm phụ nữ!”.

Đêm xuống, trong rừng rất lạnh. Anh em đốt lửa ngồi quây quần xung quanh, có khi ngồi suốt đêm, vì càng về khuya càng lạnh. Thiếu cơm, thiếu áo, lại thiếu ngủ, người anh em cứ quắt lại.

Khổ nhất vẫn là chữa bệnh. Thuốc men không có, y cụ không có. Có những thương binh phải cưa tay, cưa chân, phải cưa bằng cái cưa thợ mộc. Không có thuốc mê, anh em phải ngiễn răng lại chịu đựng. Bệnh nhân đau quá khóc. Y sĩ, y tá phục vụ cũng khóc như đứng trước một đám tang.

Nhà cửa vẫn như cũ, nhưng sinh hoạt dần dần được cải thiện. Sau khi bộ đội ta về đồng bằng, phong trào kháng chiến lên cao, bà con

giúp đỡ lúa gạo khá nhiều. Đường liên lạc giữa đồng bằng và chiến khu được mở rộng, việc chuyên chở có phần dễ dàng hơn. Thêm vào đó, việc tiêu bạc cụ Hồ cũng làm cho ta có thể mua thuốc men, vải vóc, chăn chiếu... Bây giờ, tuy vẫn sản khoai là chính, nhưng thỉnh thoảng có cơm, có cháo, những người đau nặng có sữa, có đường dù ít thôi, nhưng vẫn là có. Anh em đã có áo quần mặc, của nhà nước cho, của gia đình cho. Mùa hè đã có quần áo lót, áo cổ vuông, mùa đông có áo trấn thủ... Và bây giờ, vì thấy đông người, cạp voi cũng sợ, không dám đến “thăm viếng” nữa.

Gặp tôi anh em vui mừng, tôi cũng vui mừng. Anh em hỏi tít tít về tình hình đồng đội mình. Về những trận đánh đã xảy ra, trăm thứ chuyện, trăm câu hỏi, tôi không thể nào trả lời hết. Thì giờ có hạn...

Được một lúc, y sĩ Ái Phương đến tìm tôi. Anh dẫn tôi đến phòng mổ, nơi anh đang làm việc. Trong lúc chờ đợi các y tá, nhân viên chuẩn bị cho ca mổ, anh tranh thủ đi tìm tôi nói chuyện một lát, vì anh biết tôi rất bận và anh cũng thế.

Phòng mổ sáng sủa hơn các chỗ khác, bên trên có căng một tấm màn trắng. Trên chiếc bàn gỗ, một bệnh nhân đang nằm. Trong phòng, mấy cô y tá đi đi lại lại.

Các cô đều rất trẻ, dáng nhẹ nhàng, uyển chuyển như các cô gái thành phố.

Y sĩ Ái Phương nói với tôi:

- Các cô này dân Huế chính tông. Trước đây là nữ xinh các trường Đồng Khánh, Gian-đa, khi cách mạng thành công xin đi học lớp y tá do tỉnh mở. Mặt trận võ các cô lên đây.

Anh nhìn các cô với đôi mắt trù mẩn.

- Toàn là con nhà khá giả cả đấy! Trước ở nhà thì ăn sung, mặc sướng, thế mà bây giờ lên đây cũng ăn rau, ăn sắn như ai.

Anh cười, tôi cười theo. Tôi cũng biết, trước đây con gái phải là con nhà giàu có mới đi học được. Con nhà nghèo thì đừng có mong...

Một cô y tá đưa đến trước mặt y sĩ Ái Phương một bộ đồ sáng loáng. Ái Phương cầm lấy một cái kéo còn mới toanh đưa cho tôi xem.

- Anh xem có thích không?

- Anh mua ở đâu mà quý thế!

- Mua đâu, lấy của địch đấy!

Anh kể, vì thiếu dụng cụ quá mới báo cáo với anh Thanh. Anh Thanh liên hệ với Thành ủy Huế, Thành ủy giao cho các đồng chí làm công tác mật trong thành phố tìm cách mua cho được. Các đồng chí này đến tìm một đồng chí nữ y tá của ta gài lại trong bệnh viện tìm cách lấy của chúng, chứ ở ngoài thì mua đâu ra. Người có cũng không dám bán, vì bọn địch đã ra lệnh: những thứ đó không được bán, vì Việt Minh không có thể nào họ cũng mua.

Các đồng chí làm công tác bí mật và chị y tá ấy bàn mưu tính kế. Một buổi tối, chị y tá ấy trực, anh em ta mới tìm cách đột nhập vào bệnh viện, trói chị lại và lấy bộ đồ mới toanh đưa lên chiến khu...

Nghe chuyện tôi rất thích...

Tôi đã biết từ lâu trong thành phố Huế, chúng ta tổ chức một đội quân ngầm. Đội quân lấy tên là đại đội 123. Họ xuất quỷ nhập thần như thể chuyện trinh thám vậy. Những việc như, bệnh viện cần bộ đồ mổ, họ lấy cho bộ đồ mổ; nhà máy in cần máy, cần chữ, họ lấy cho máy, cho chữ. Hoặc giết những tên mật thám, những tên tay sai phản động trong thành phố Huế đều do họ làm hết. Tôi cũng biết thêm họ còn tổ chức một hội rất bí mật, Hội "Công chức cứu quốc". Hội viên có những người làm công chức hành chính lẫn quân sự vì hoàn cảnh nào đó đang còn làm cho giặc, nhưng bụng dạ thì theo ta. Chính một

số người trong hội này đã cung cấp cho ta những tin tức của địch khá chính xác.

Từ già bệnh viện ra về, tôi vừa đi vừa nghĩ đến đội quân ấy, nghĩ đến bộ đồ mổ, đến các bệnh nhân cùng anh chị em phục vụ quân y.

Về đến nhà, tôi được biết anh Lâu đã lên đường đi nghiên cứu một lần nữa đồn Cầu Nhì, nơi ta sắp đánh.

Đồn Cầu Nhì, nằm bên đường quốc lộ số 1, cách thành phố Huế ba mươi ki-lô-mét về hướng tây bắc. Chúng xây dựng đồn này ngay từ hồi đầu mới xâm chiếm, cốt để bảo vệ một đoạn đường quốc lộ và ngăn chặn con đường của ta từ đồng bằng lên chiến khu.

Đồn nằm trên một ngọn đồi thoai thoải, xung quanh có cây cối lúp xúp, chúng đã phát đi để nhìn bốn phía cho rõ. Nhà ở xây gạch, lợp tôn rải ba phía. Ở giữa một cái sân có dựng cột cờ treo lá cờ ba sắc, gió mưa đã phai màu, xơ xác. Quanh đồn chúng rào khá kỹ. Phía trong là một dãy hào giao thông, đến một lớp rào dây thép gai hình mắt cáo, một lớp dây thép gai bùng nhùng, một lớp rào bằng cọc tre với cột sắt bên ngoài, lại một đường giao thông rộng và sâu bao bọc. Rào như vậy, một con chuột cũng khó qua lọt.

Trong đồn có khoảng ba bốn chục lính ngự và ba thằng Tây. Bọn này trước đây hay đi lòng sục các làng xung quanh để bắt gà, bắt heo về ăn. Có khi chúng bắt cả phụ nữ về đồn, ít lâu rồi lại thả ra. Nhưng mấy tháng gần đây, do ta đánh các đồn Đất Đỏ, Truồi, Đèo Đá... chúng sợ, ít đi ra ngoài. Thỉnh thoảng, có quân ở ngoài đến, chúng mới dám đi.

:

Một buổi chiều, khoảng hai giờ, có một toán quân đến. Toán quân không nhiều, độ 15, 20 người, đi đầu là một tên Pháp cao lêu đêu, mang quần hàm thiếu úy. Tất cả đều mang súng ống đầy đủ: tiểu liên, tôm-xông, súng trường gắn lưỡi lê, lựu đạn... Chúng đi có vẻ mệt

mỏi. Đứa thì phì phèo thuốc lá. Đứa nhồm nhoàm nhai bánh kẹo. Đứa thì tay xách mấy con gà kêu oang oác. Đứa thì vác trên vai một buồng chuối nhựa còn chảy chưa khô... Rõ ràng, chúng vừa vào cướp bóc một xóm nào đó rồi mới tới đây.

Tới trước cửa đồn, tên thiếu úy hô lính đứng lại. Toán lính liền dừng lại. Tên thiếu úy đi tới cổng, nói với tên lính gác, bằng tiếng Việt lơ lớ, chưa sõi:

- Ông đồn có nhà không? Tôi muốn gặp. Đi tuần qua, mệt lắm, muốn vô nghỉ 10 phút, được chứ!

Chẳng đợi tên lính gác trả lời, “hắn” đẩy cổng, vô luôn. Cả toán lính vô theo. Và nhanh như chớp, họ chia làm mấy mũi lao đến các nhà ở, các phòng làm việc, nổ súng bắn ngay vào bọn lính có mặt trong đồn. Sự việc xảy ra quá nhanh. Những tên còn sống vội vàng quỳ xuống lạy như tể sao. Một tổ đi sục sạo xung quanh, còn bao nhiêu vào trong các nhà, các kho lấy tất cả súng đạn, và bắt bọn còn sống mang đi. Một người chạy tới cột, hạ lá cờ tam tài xuống xé tan từng mảnh. Tiếc quá ta không mang cờ của ta đi.

Khoảng nửa giờ sau, trong đồn im lặng như tờ. Và trên đường lên chiến khu, một toán người đi, vai nặng ành ạch, cười reo ầm ĩ...

Toán quân đó là ai? Đó là những chiến sĩ của tiểu đoàn 16, do tiểu đoàn trưởng Bùi Ngọc Hoàng chỉ huy. Viên thiếu úy đó là ai? Là Kê-men, một hàng binh theo ta trong trận Đất Đỏ.

Kê-men là người Đức. Trong chiến tranh thế giới thứ hai, theo luật quân sự bắt buộc, kê-men vào quân đội Hít-le và vượt phòng tuyến Ma-gi-nô vào đánh Pháp. Pháp đầu hàng, kê-men ở trong đội quân chiếm đóng. Bị quân du kích Pháp chặn đánh nhiều lần, nhưng Kê-men không chết, cũng không bị thương. Gần cuối cuộc chiến tranh, Hồng quân Liên Xô đại thắng, vượt nghìn vạn ki-lô-mét tiến sang Đức. Quê của Kê-men ở một miền Đông Đức được quân Liên Xô



chiếm đóng. Giữa lúc đó thì Anh, Mỹ nhảy vào vòng chiến. Quân Pháp do Dờ Gôn chỉ huy, từ hải ngoại về giải phóng quê hương. Kê-men cũng như bọn lính Đức khác bị Pháp bắt làm tù binh. Chiến tranh kết thúc, bọn Pháp muốn xâm chiếm Đông Dương, thành lập đội quân viễn chinh, chúng bắt tù binh, cho vào đội lính lê dương của chúng. Chúng lừa lọc dọa nạt Kê-men, bảo rằng quê Kê-men hiện nay do quân đội Liên Xô chiếm đóng. Mà Liên Xô là cộng sản. Nếu Kê-men về là lính của Hít-le, cộng sản Liên Xô sẽ giết chết. Kê-men sợ và chỉ còn một con đường: vào đội lính lê dương sang Việt Nam. Nghe bọn Pháp nói, Kê-men cho rằng sang Việt Nam cũng chỉ đi làm một cuộc du ngoại ít lâu rồi về. Không ngờ chạm trán với Việt Minh gay go quá. Và Kê-men đã bị bắt xin hàng, hàng để khỏi chết tuy hy vọng đó hết sức mỏng manh. Kê-men đã từng nghe bọn chỉ huy Pháp nói Việt Minh rất tàn ác. Bắt được kẻ thù, nhất là binh lính Pháp sẽ chặt đầu, xẻo tai.

Nhưng, sau khi bị bắt, Kê-men thấy Việt Minh không có gì tàn ác cả. Không đánh đập, tra khảo vì hỏi gì Kê-men nói hết và nói đúng. Đó là việc của nước Pháp Kê-men chỉ là một lính đánh thuê, chứ có phải là việc của tổ quốc Kê-men đâu mà Kê-men phải giấu. Sau khi bị bắt, họ vẫn cho ăn uống tử tế. Họ ăn gì, Kê-men ăn nấy. Những củ khoai, củ sắn, Kê-men ít được ăn, nên ăn cũng thấy ngon. Vả lại người Âu châu có ăn gạo đâu, ăn khoai tây là chính. Đây cũng là khoai, khoai Việt Nam, củ nhỏ hơn nhưng ngọt. Chỉ thiếu thịt, thiếu cá. Sau hôm bị bắt, Kê-men được ăn một bữa thịt lên đến tận cổ. Hôm đó, đơn vị bấy được một con lợn lòi, ăn không hết.

Từ đây, Kê-men bỗng nuôi một nguồn hy vọng. Nghe bọn chỉ huy hay bạn bè trước đây nói Việt Minh là cộng sản, Liên Xô cũng là cộng sản. Vậy thì Kê-men có thể trở về quê hương với mẹ già, em gái ở miền Đông Đức xa xôi. Nhiều lần trong lúc hỏi cung, Kê-men khai hết và hỏi lại: Việt Minh có phải là cộng sản không thì ông sĩ quan phụ trách hỏi cung chỉ cười không đáp. Cuối cùng, Kê-men nói thật nguyện

vọng thiết tha của mình, ông sĩ quan mới gật đầu. Kê-men mừng rỡ và hứa với ông sĩ quan xin làm mọi việc nếu họ cần đến, miễn là sau này được trở về quê hương.

Và Kê-men đã đóng đúng vai kịch của mình trong trận chiến thắng chớp nhoáng này...

Nghe tin ta đã chiến thắng trở về, mang rất nhiều súng đạn, anh Lâu và tôi mừng hết chỗ nói.

Anh Lâu nói đùa:

- Chờ chúng nó lên đây, chúng ta sẽ trả lại cho chúng nó.

## VIII. “AI LÊN TRÊN NÚI MÀ COI”

Địch chia làm ba mũi tấn công lên chiến khu: Ổ Ổ ra, Phò Trạch đến, Cầu Nhì lên, cùng hợp điểm ở Hòa Mỹ. Lực lượng của địch gồm tiểu đoàn bộ binh Âu Phi, hai tiểu đoàn bộ binh ngụy hai tiểu đoàn pháo, một tiểu đoàn thiết giáp 13 xe và 10 máy bay.

Chúng ta đã chuẩn bị sẵn sàng. Phương án tác chiến đã dự kiến từ lâu.

Giặc tấn công lên chiến khu có thể đi nhiều đường nhưng chỉ vào một hướng đông nam và nam. Còn những hướng khác, tây - tây bắc, núi rừng trùng trùng điệp điệp, giặc không thể tổ chức những cuộc hành quân lớn được.

Hướng đông - đông nam, giặc có thể qua sông Ô Lâu, chỗ nước cạn, người đi bộ có thể lội qua được. Giặc có thể tới xóm Hòa Mỹ. Từ Hòa Mỹ vào CK4 và CK7, giặc phải đi qua một quãng rừng độ hai ki-lô-mét và trèo lên dãy núi cao 170 mét. Ở đây chỉ có một con đường độc đạo, hai bên thành núi có nơi dựng đứng. Ở đây, chỉ cần bố trí một đơn vị nhỏ, có thể ngăn chặn được một đoàn quân lớn.

Do địa hình như vậy, cho nên dự kiến nếu địch tấn công lên đây, ta chỉ để ba đại đội của hai tiểu đoàn 16, 17, 2 đại đội biệt động, còn bao nhiêu cho về đồng bằng hết, lợi dụng chỗ hỏ của địch để “kiếm ăn”. Chúng tôi cũng đã lệnh cho tiểu đoàn 18 nam Thừa Thiên nếu giặc tấn công lên chiến khu Hòa Mỹ thì tranh thủ diệt một vài đồn để mở rộng phạm vi hoạt động của mình.

Công việc sơ tán được triển khai ngay. Chúng tôi cũng đã báo cho nhân dân ngoài xóm Hòa Mỹ và các vùng xung quanh biết để chuẩn bị nơi trú ẩn và cất giấu tài sản trong rừng sâu. Các cơ quan, bệnh viện, công binh xưởng cũng vậy, chúng tôi còn căn dặn phải tìm những nơi có hang hố để đề phòng phi pháo, vì địch có thể bắn vu vơ. Ăn uống cũng phải chuẩn bị dài ngày.

Đường dây liên lạc ta đã tổ chức từ lâu. Giặc muốn tấn công chiến khu, nhất thiết phải tập trung quân, một vài đồn không thể làm nổi. Các nơi địch có thể tập trung, dân quân phải thường xuyên canh gác. Ta lại tổ chức các trạm thông tin liên lạc từ các nơi đó lên chiến khu, lúc nào cũng có dân quân thường trực. Nếu địch tập trung quân nơi nào thì nơi đó phải báo ngay cho trạm liên lạc này chuyển trạm liên lạc khác, bất cứ ngày đêm phải báo ngay lên cho cấp trên.

Tất cả mọi việc ta đã chuẩn bị sẵn sàng, chỉ chờ giặc đến.

Đêm 8-3-1948 lúc gần sáng, ta nhận được tin các nơi báo là địch đã tập trung quân khá nhiều ở các đồn dọc đường số 1 và hướng tây nam. Lập tức, chúng tôi ra lệnh báo động cho đồng bào và các cơ quan biết. Họ thắt lưng đi sơ tán ngay lúc đó. Khoảng gần sáng, đi kiểm tra lại, xóm Hòa Mỹ không còn một bóng người. Đồ đạc cũng đã được thu dọn sạch sành sanh. Bà con đã chuẩn bị cả rồi.

Khoảng bảy, tám giờ, lúc tan hết sương mai, ba chiếc máy bay của địch lao đến, ầm ầm trút bom đạn xuống xóm Hòa Mỹ và xuống khu rừng, dãy núi ở phía ngoài. Hết tốp này đến tốp khác chúng thay phiên nhau bắn phá gần hai tiếng đồng hồ. Chiến sĩ của ta đã có công sự vững chắc không ai bị thương vụng. Ta bố trí hai đại đội trên hai con đường vào CK4 và CK7, ba đại đội còn lại làm lực lượng cơ động. Anh Hà Văn Lâu và tôi trực tiếp chỉ huy.

Hết máy bay đến pháo. Chúng bắn không biết bao nhiêu mà kể, vang rền như sấm động. Đứng trên cao nhìn xuống, chúng tôi thấy một đoàn máy bay đến thả dù ước chừng một đại đội lính, tiếp theo là một đoàn xe xích sắt tiến vào. Nhưng đến rìa rừng, chúng phải dừng lại. Làm thế nào mà băng qua được núi rừng mênh mông kia?

Sau đoàn xe xích sắt là những toán lê dương tiến có vẻ rất thận trọng. Trung liên, đại liên của chúng xả đạn vào trước mặt và hai bên rìa đường. Ta vẫn im lặng để cho chúng nó tiến... Khi chúng đến gần cửa ngõ vào rừng, chúng tôi liền hạ lệnh nổ súng một loạt. Bọn lính

địch ở dưới đổ như sung rụng. Bọn đi sau hoảng hốt chạy lùi. Ta không dám bắn nhiều, sợ hết đạn, nên chỉ bắn tĩa từng phát một. Một số anh em bắn không chính xác. Anh Lâu nói với tôi:

- Chúng ta phải tổ chức huấn luyện thêm xạ kích cho anh em...

Địch lại tấn công. Chúng ta lại bắn. Địch lại lùi, lại cho phi pháo bắn phá. Anh em ta lại núp vào công sự... cứ thế, kéo dài suốt cả ngày.

Gần tối, địch rút về xóm Hòa Mỹ. Nhà cửa trong xóm đã bị bom đạn thiêu cháy. Chúng vừa căng lều vừa hối hả đào công sự.

Chúng tôi cho người bám địch, theo dõi. Chúng rải quân rất dài, bố trí khá vững chắc tận mé rừng. Muốn tập kích chúng cũng khó.

Tối hôm đó, anh Thanh ra gặp chúng tôi. Tôi và anh Lâu báo cáo lại tình hình chiến sự trong ngày để anh rõ.

Ngày hôm sau vẫn diễn ra cảnh giằng co như vậy. Giặc vào rừng bị ta chặn lại. Chúng lại rút lui, cho phi pháo bắn phá. Chiến sự kéo dài. Ngày ngày chúng tôi ở trên cao trông xuống thấy bọn lính đi đi, lại lại, uể oải, mệt nhọc như những con thú đói đi tìm mồi mà không có. Tối đến chúng lại rút về xóm Hòa Mỹ. Anh em trinh sát phát hiện ra là chúng dựng lều, đào công sự nhưng không ngủ ở đó mà chui rúc vào các bụi bờ, lùm cây, nằm im hơi lặng tiếng như con chuột sợ mèo vồ lúc nào không biết. Chúng tôi liền ra lệnh cho anh em nã cối vào chúng, nhưng đạn ít quá tiêu diệt chẳng được bao nhiêu. Đêm đêm, ta cho từng toán nhỏ đến quấy rối, tập kích, làm cho chúng mất ăn, mất ngủ.

Qua ngày thứ sáu, địch bỗng tung ra một lực lượng khá lớn tấn công ta. Vì thiếu đạn, anh em phải rút. Chúng định vào CK7. Nhưng đến lưng núi thì gặp bộ đội ta do đại đội trưởng Đặng chỉ huy phục kích ở đấy đánh cho một trận kịch liệt. Giặc chết nhiều, phải rút chạy ra ngoài...

Từ đó, cho đến mười ngày sau, giặc cứ quanh quẩn ngoài rìa rừng, bắn phá vu vơ. Ngày nào, máy bay cũng đến ném bom, nhưng bom chúng cũng có hạn và ném xuống một vùng rừng núi mênh mông không thấy mục tiêu cụ thể thì cũng không có kết quả gì. Ngay trong những ngày đó, giặc thường hay cho thuyền bè, ca nô theo các dòng sông lên tiếp tế bị dân quân các xã ven sông phục kích bắn phá. Anh em đánh hôi nhưng vớ bở. Có nhiều thuyền bè bị dân quân bắn chìm xuống sông. Tối đến, anh em ra mò lặn tìm chiến lợi phẩm, thu được nhiều súng đạn.

Đến ngày thứ 19 thì giặc rút.

19 ngày tấn công chiến khu, giặc đã thất bại. Nhân dân Thừa Thiên - Huế truyền nhau hai câu thơ mà đám trẻ con thường hát:

Ai lên trên núi mà coi

Đầu Tây lặn lốc, núi đồi đầy thây...

Giặc đi rồi. Bà con quay về dựng lại nhà ở. Xóm Hòa Mỹ lại tấp nập vui vẻ như trước đây. Chúng tôi kiểm điểm lại, có thiệt hại nhưng không đáng kể.

## IX. LY RƯỢU TRÊN PHÁ TAM GIANG

Hai ngày sau khi Tây rút khỏi Hòa Mỹ, anh Lâu và tôi đang ngồi làm việc, đồng chí ở trạm liên lạc vào đưa chúng tôi một lá thư:

- Báo cáo các anh, có đồng chí ở tiểu đoàn 18 xin vào gặp.

Tôi cầm lá thư, mở ra đọc cho anh Lâu nghe:

“Xin các anh cho chúng tôi mượn một hàng binh người Âu. Cá đìa đầm Cầu Hai ngon lắm, mời các anh về xơi. Mọi việc, đồng chí Quốc cán bộ địch vận của chúng tôi xin báo cáo cụ thể để các anh rõ. Kính, Quách Sĩ Kha”.

Nghe xong, anh Lâu nói:

- Mượn một hàng binh người Âu? Chắc là muốn đóng lại vở kịch của chúng ta chứ gì! Không được đâu, giặc đâu có ngu ngờ như thế. Chúng nó cũng chỉ bị lừa một lần thôi...

Anh Lâu lấy bức thư trong tay tôi xem lại:

- Cá đìa ở đầm Cầu Hai ngon lắm! Đúng, cá đìa ở đầm Cầu Hai, cá đối đầm Chuồng, cá rô Thanh Toàn ngon có tiếng. Chắc các cậu ấy định xơi một cái đồn nào đấy ở đầm Cầu Hai chứ gì?

Anh quay lại nói với đồng chí liên lạc:

- Ra dẫn đồng chí ấy vào đây.

Một hồi lâu, anh cán bộ địch vận vào, đứng nghiêm chào. Anh Lâu chỉ vào cái ghế trước mặt. Anh cán bộ ngồi xuống:

- Báo cáo các anh, vừa rồi chúng tôi đã bắt được nhân mối ở đồn Mỹ Lợi.

Anh Lâu nói:

- Mỹ Lợi ở phá Cầu Hai chứ gì? Khoai rất ngon, dứa cũng nhiều...

- Dạ, đúng. Từ ngày Tây đổ quân lên Phú Lộc, chúng nó có đóng ở đây một cái đồn có hai đại đội lính Âu Phi. Đồn khá kiên cố, đường vào đường ra đều phải vượt phá Cầu Hai mất bốn tiếng đồng hồ...

Anh Lâu nhìn tôi, nói như muốn giải thích cho tôi hiểu vì anh biết tôi rất xa lạ vùng này:

- Phá Cầu Hai nối liền với phá Tam Giang.

Nhân dân thường gọi chung là phá Thuận An, dài tới 70 ki-lô-mét, rộng hàng 3-4 ki-lô-mét có nơi 10 ki-lô-mét mỗi lần nước triều lên, nước biển tràn vào, sóng bạc đầu cứ nổi lên cuồn cuộn chả khác gì biển cả. Ở đây có nhiều sóng thần nên bà con rất sợ. Ngày xưa, cha ông ta có câu:

Thương em, anh cũng muốn vô

Sợ truông Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang...

Tôi liền hỏi:

- Đường vào, đường ra, phải vượt qua phá bốn tiếng đồng hồ kia à! Nếu gặp tàu bè của địch thì làm sao?

- Dạ, điều đó chúng tôi cũng đã nghiên cứu. Do đường đi như vậy, nên bọn địch rất chủ quan. Chúng cho rằng chúng ta không thể nào vào được nên bố phòng canh gác rất sơ sài.

:

Tôi nói:

- Chúng nó chủ quan, nhưng chúng ta không được chủ quan...

- Dạ, báo cáo các anh, chúng tôi không chủ quan, vì chúng tôi đã bắt được nhân mối.

Anh cán bộ địch vận kể:



- Ở đồn Mỹ Lợi có một anh tên là anh Ba Xó, rất có uy tín với lính trong đồn.

- Anh ta làm gì? - Anh Lâu hỏi.

- Dạ, anh ta làm cấp dưỡng.

- Làm cấp dưỡng sao lại có uy tín với lính trong đồn được?

- Dạ, anh ấy làm cấp dưỡng nhưng là con người chừng chạc, lại có kỹ thuật nấu ăn khá, bọn chỉ huy rất thích, giao cho giữ chìa khóa hầm rượu. Vì thế, bọn lính rất nể. Họ thấy thân với Ba Xó chỉ có lợi. Thỉnh thoảng lại được tí nhậu nhẹt! Tôi đã gặp mấy lần với tư cách người nhà của Ba Xó đều thấy như thế.

- Anh làm thế nào mà bắt được liên lạc với Ba Xó?

- Dạ, gia đình anh Ba Xó ở ngay thôn chúng tôi đóng quân.

Chúng tôi thuyết phục được vợ Ba Xó nên khuyên nhủ chồng về, chúng tôi bảo đảm. Do đó, Ba Xó theo chúng ta. Ba Xó cũng cho biết là rủ được một số anh em cùng về. Ba Xó yêu cầu chúng ta đem quân đón đánh. Ba Xó cùng anh em trong đồn làm nội ứng...

Tôi hỏi lại:

- Nếu thế thì cần gì phải có hàng binh người Âu?

- Dạ hàng binh người Âu lại ở một nơi khác.

Anh cán bộ địch vận móc trong túi ra một bức thư đưa cho chúng tôi. Tôi đọc xong đưa cho anh Lâu. Bức thư đó là của các phụ lão công giáo làng Hà Thanh gửi cho trung đoàn 101, nhờ huyện ủy Phú Lộc chuyển. Trong thư các cụ tố cáo tội ác của cha Nhanh làm trung úy đồn trưởng và bọn lính trong đồn ức hiếp, cướp bóc giáo dân rất dã man, biến nhà thờ làm nơi ăn chơi uế tạp. Các cụ yêu cầu trung đoàn cho bộ đội về đánh để giải phóng cho dân.

Đợi chúng tôi đọc xong, anh cán bộ địch vận nói:

- Đồn này, chúng tôi không sao bắt được nhân mối. Cho nên, các anh muốn mượn một anh hàng binh người Âu về để lừa chúng nó

- Lừa bằng cách nào? - Anh Lâu hỏi lại.

- Dạ, bọn Pháp đã có lệnh cho trưởng đồn trưởng Thanh Hà phải bắt một cán bộ du kích để giải về Huế. Hình như chúng đang định làm cái trò chiến tranh tâm lý gì đó. Bọn trong đồn đi lùng sục mấy lần rồi mà chưa bắt được. Bây giờ chúng tôi giả đóng bọn biệt kích, bắt trói một anh dân quân du kích đưa đến, bảo lấy xe đưa đi Huế...

Anh Lâu cười: - À, khổ nhục kế của Chu Du chứ gì, nhưng đừng quên rằng chúng nó cũng đa nghi như tào Tháo đấy!

Anh Lâu và tôi cùng thảo luận với nhau. Chúng tôi thấy rằng cả hai trường hợp đều phiêu lưu quá. Nhưng chúng tôi cũng không bác bỏ. Và quyết định về tận nơi xem sao.

Hôm sau, chúng tôi về tiểu đoàn 18 với anh cán bộ địch vận, cùng đi có cả Kê-men, lỡ khi cần dùng đến.

Chúng tôi gặp anh Quách Sĩ Kha và ban chỉ huy tiểu đoàn. Anh Kha cho biết anh đã gặp Ba Xó vài lần và bảo đảm Ba Xó là một nhân mối hoàn toàn đáng tin cậy. Cả ban chỉ huy tiểu đoàn đều thống nhất như vậy. Tôi nói thêm:

- Tàu bè hay ca nô của địch có hay tuần tiển trên phá không?

Các anh trả lời, rất ít vì chúng cho rằng chúng ta không thể vượt qua phá được. Ca nô của chúng chỉ đi tiếp tế cho các đồn ban ngày, ban đêm không đi.

Chúng tôi yên lòng để cho đơn vị xuất phát.

Tiểu đoàn đã chuẩn bị đầu vào đấy. Hai mươi lăm thuyền đánh cá của bà con ngư dân tập trung dưới bến Mũi Né để đưa bộ đội vượt phá. Tất cả có 300 người...

Đêm hôm đó, trăng mờ. Sương mờ phơn phớt phủ trên mặt phá mênh mông. Thuyền bè của ta cứ chồm lên, chồm xuống trên các sóng bạc đầu. Đêm càng mở, sóng bạc đầu càng thấy rõ. Sóng hết lớp này đến lớp kia, như muốn nuốt chửng đoàn thuyền chìm xuống tận đáy. Một số anh em không quen sông nước, nôn ọe luôn. Bà con chuyên nghề đánh cá khuyên chúng tôi bịt hai lỗ tai, mắt nhìn xuống lòng thuyền đừng nhìn ra ngoài, sẽ không việc gì. Riêng tôi, đã từng chịu sóng gió nên không việc gì. Ngồi trên thuyền vượt phá, tự nhiên, tôi nhớ đến trận Xích Bích, quân Ngô phá trăm vạn quân Tào trong “Tam quốc chí”. Sóng nước Xích Bích sao bằng sóng nước trên phá Tam Giang này. Tô Đông Pha đã làm bài phú Xích Bích, vậy ai sẽ làm phú phá Tam Giang.

Đoàn thuyền đi rất lâu, có thể đến bốn, năm tiếng đồng hồ. Xa xa đã có ánh đèn mờ mờ trong sương. Thuyền cập bến. Trên bờ đã nghe có tiếng thì thầm:

- Thuyền của bộ đội phải không?

Trên thuyền cũng có tiếng thì thầm:

- Phải! Sẵn sàng cả chưa?

Lúc chúng tôi đi, có một số cán bộ địa phương đi theo. Những người này nhảy lên bờ trước. Chỉ lát sau, những người trên bờ đã lặng lẽ đưa bộ đội về nhà, không một tiếng ồn ào, náo động. Cả thôn xóm đều vắng lặng như tờ. Nhà nào nhà nấy đều dọn cho chúng tôi ăn. Bữa ăn đặc biệt toàn xôi với cá. Cá sòng, cá nhám, cá thu, cá ngừ... Ăn xong lại uống nước dừa. Đúng như câu bà con thường nói: Dừa Mỹ Á, cá Tam Giang... Mỹ Á và Mỹ Lợi là láng giềng gần gũi.

Cả ngày hôm sau anh em vẫn ở nguyên trong nhà, không một ai bước ra sân, súng đạn luôn luôn sẵn sàng. Mọi việc ăn uống, sinh hoạt, kể cả đại tiểu tiện đều được đồng bào thu xếp chu đáo ở ngay trong nhà. Nếu ở ngoài nhìn vào thì cái làng Mỹ Lợi này đêm qua

chẳng có gì khác với mọi đêm trước, cũng như ngày hôm sau chẳng có gì đáng chú ý hơn những ngày qua.

Địch đóng ở làng Mỹ Lợi đã hơn một năm. Chúng thi hành chính sách mị dân tung tiền Đông Dương ra mua tất cả hải sản, nông sản với giá đắt, lại đưa về bán nhiều thứ vải vóc, đường sữa, dầu hỏa với giá rẻ. Hàng ngày, bọn tề hội, các tên mật vụ, chỉ điểm, đều đặn đến báo cáo tình hình trong ngày với đồn trưởng. Chúng tưởng như thế là đã nắm chắc lòng dân rồi, hay ít nhất cũng đã tạo được cho dân chúng quen với cuộc sống yên ổn trước mắt mà không dám có quan hệ với Việt Minh cộng sản để gây những sự lôi thôi rắc rối cho bản thân và gia đình. Ấy thế mà 300 vệ quốc quân đến ở ngay trong làng cả ngày cả đêm, cách đồn chỉ vài trăm mét cứ êm ru. Xung quanh đồn, anh chị em dân quân vẫn bí mật canh gác, theo dõi hành động của địch và từng giờ đến báo cáo tình hình với bộ đội ta. Thật đúng như câu thơ dân dã của một nhà thơ xứ Huế, lâu ngày cứ tưởng là ca dao:

Đễ trăm lần không dân cũng chịu

Khó vạn lần, dân liệu cũng xong. (\*)

Trước khi xuất quân đánh đồn, anh Quách Sĩ Kha cũng đã gặp Ba Xó lần nữa ở nơi đã hẹn trước để kiểm tra lại kế hoạch cho chắc chắn, khỏi bị động nếu có tình huống bất trắc xảy ra. Lúc gặp có cả anh Hà Văn Lâu.

Mọi việc đều diễn ra như dự kiến. Mười một giờ đêm hôm ấy, anh Kha và một cán bộ đại đội đến thăm các vọng gác của địch lần cuối. Khi biết chắc là người của mình cả rồi, anh em mới trở về cho đơn vị xuất phát.

Lúc này, ở trong đồn, trừ số binh sĩ đã theo cách mạng đang hồi hộp chờ đợi, còn tất cả lính Pháp, lính khố đỏ đều ngủ say.

(\*) Thơ Thanh Tịnh.

:

Cuộc chiến đấu rất đơn giản. Các mũi vào đồn, súng chĩa vào các nhà ngủ và đồng loạt bóp cò. Hầu hết bọn địch đều chết ngay tại chỗ. Những tên liều mạng nhảy bừa qua cửa sổ, vẫn không thoát được. Riêng khu nhà hai tầng bọn lính Pháp ở, có một số ít chạy trốn lên gác, bắn xuống mấy loạt. Ta dùng trung liên quạt lại. Chúng im luôn.

Tiếng súng chưa dứt hẳn, dân quân và đồng bào địa phương đã ủa vào giúp bộ đội thu dọn chiến trường. Rất nhiều súng đạn, máy thông tin và các thứ quân trang, quân dụng khuôn vác không hết. Ba Xó không quên mang mấy thùng rượu quý gồm đủ các loại sâm banh, Rum, a-nít, Pi-péc-mang, mấy hòm thuốc lá Bát-tô, Cô-táp, Gôn-rinh, để sau này liên hoan mừng chiến thắng. Ba giờ sáng, bộ đội rút.

Quang cảnh đêm nay khác hẳn đêm trước. Hàng chục cây đuốc sáng rực cả bờ sông. Hình như cỏ cây hoa lá đều không ngủ. Tiếng gà gáy sáng sớm hơn mọi đêm. Các em bé lăng xăng bên các anh bộ đội. Đồng bào, bộ đội cứ râm ran cười nói không dứt. Bà con mang đến cho bộ đội nào gạo, nào nếp, nào cá khô, dừa, nhiều nhất là cá khô, để tiễn đưa anh em về nơi đóng quân. Ngoài số thuyền đêm trước đã sơ tán ngoài biển trở về, đơn vị còn mượn thêm hàng chục thuyền khác của đồng bào ở đây mới chuyên chở hết mọi thứ... Trước khi thuyền rời bến, anh Quách Sĩ Kha còn phổ biến cho đồng bào các đối phó với địch nên chúng trở lại.

Đoàn thuyền ra giữa phá thì trời sắp sáng. Vùng đông đã ửng hồng. Chủ động đề phòng gặp địch trên sông, anh em chuẩn bị súng đạn sẵn sàng chiến đấu. Một số thuyền đánh cá đi làm sớm, gặp bộ đội, vui mừng thăm hỏi ríu rít. Có người ghé thuyền mình vào thuyền bộ đội trút hết cả mẻ cá vừa đánh được ủng hộ anh em.

Mặt trời nhô lên khỏi mặt nước. Cả nước và trời nhuộm một màu đỏ rực. Những lớp sóng bạc đầu tung lên như ngọn lửa. Mặt anh em

cũng ủng hộ vì mặt trời, vì chiến thắng vừa qua. Anh Quách Sĩ Kha đứng trước mũi thuyền, nói với tôi:

- Anh Hai xem, khí thế quân ta có khác gì quân thời Trần đại thắng Trần Bạch Đằng trở về không? Những lúc này mà không biết làm thơ, thật đáng tiếc.

Ba Xó ngồi cùng thuyền. Từ khi xảy ra trận đánh, Ba Xó luôn bám sát Kha, vì anh ta quan hệ với Kha nên thành quen thuộc. Bám sát Kha, Ba Xó còn được cái lợi là anh em bộ đội khỏi nhầm. Bây giờ thấy Kha cao hứng như vậy Ba Xó liền hỏi:

- Anh Kha có muốn uống rượu không?

Chẳng đợi Kha trả lời, Ba Xó lấy trong thùng rượu một chai sâm banh và rút luôn trong túi ra cái mở nút. Ba Xó luôn luôn có cái mở nút đó trong túi để phục vụ cho quan và lính trong đồn. Nút bật lên cao, bọt rượu trắng xóa, phụt xì xì. Ba Xó đưa luôn chai rượu cho Kha. Kha đưa tôi, nhưng tôi không uống. Tôi cười nói với Kha:

- Không biết làm thơ, thì uống rượu làm gì. Anh mà uống thì phải đọc thơ cho chúng tôi nghe. Không làm thì đọc thơ của người khác cũng được. - Tôi biết Kha trước đây là một học sinh có trình độ khá. Kha cười theo tôi, cầm chai rượu uống một ngụm rồi cất giọng vang vang át cả sóng vỗ vào mạn thuyền:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu...

Rồi anh giải thích cho anh em trong thuyền nghe hai câu thơ đó. Anh em nghe chuyện lịch sử chiến đấu của cha ông, thích thú say xưa...

Hôm trước ra đi từ mũi Né, hôm nay anh em về bến Đại Thành. Bà con thôn xóm tưởng Tây đến càn đua nhau chạy. Kha phải kêu to:

- Bộ đội đi đánh đồn Mỹ Lợi về đây, không phải Tây đâu, đừng chạy!

Bà con nghe nói dừng lại thây đúng là “bộ đội miền”, họ ủa tới, giúp bộ đội khuôn vác chiến lợi phẩm lên bờ.

- Nhiều quá! Nhiều quá! Sướng ghê!

Họ hối hả đưa vào trong làng.

Trưa hôm đó, một đoàn ca nô giặc ầm ì lướt sóng trên phá Tam Giang. Chúng nó muốn tìm bộ đội. Nhưng bóng chim, tằm cá biết nơi mô mà tìm! Chúng chỉ bắn vu vơ vào các xóm làng xung quanh phá rồi biến vào biển khơi. Chúng ta đã hoàn toàn chiến thắng.

:

Sau chiến thắng Mỹ Lợi, chúng tôi nghĩ ngay đến lá thư của các cụ phụ lão ở Hà Thanh. Nhưng một chuyện đã xảy đến với chúng tôi. Huyện ủy Phú Lộc cho một con bò và xã cho một con heo để tổ chức liên hoan. Chúng tôi nghe nói Ba Xó nấu ăn ngon, giao cho anh ta phụ trách bữa liên hoan đó. Trong lúc ăn, Ba Xó thấy Kê-men ngồi ăn liền hỏi Kha:

- Có phải ông Tây này đánh đồn Cầu Nhì không?

- Sao anh biết?

- Trong đồn Mỹ Lợi, từ sĩ quan đến binh lính đều xôn xao về tin này. Bọn cấp trên đã thông báo cho các đồn biết và ra lệnh cấm không được mở cửa đồn cho đơn vị nào khác vào nếu không có giấy giới thiệu của PFCA nghĩa là của Bộ tư lệnh lực lượng quân Pháp miền Trung Trung bộ đóng ở Huế.

Như vậy thì “khổ nhục kế” của tiểu đoàn cũng khó thành. Nhưng ban chỉ huy tiểu đoàn cũng quyết tâm làm. Việc kiếm một cái giấy giả như vậy không khó khăn lắm. Trung đoàn chỉ liên hệ với Thành ủy Huế. Thành ủy sẽ giao cho đội công tác mật, tất sẽ kiếm ra. Nhưng phải tổ chức thế nào cho thật khéo mới lừa nổi quân địch một khi chúng nó đã bị lừa một lần rồi.

Thế rồi, sự việc đã xảy ra.

Đồn Hà Thanh nằm trong khu vực nhà thờ có nhà hai tầng xây rất kiên cố, có nhà ở riêng của linh mục, của các thầy dòng, các bà xơ và một hệ thống nhà kho, nhà bếp, nhà ăn, khu chăn nuôi khá rộng rãi. Xung quanh có tường thấp. Từ khi chúng lập đồn, trên mặt tường giăng thêm một lớp dây thép gai dày.

Hơn 50 tên lính ngự, đều là thanh niên công giáo vô nghề nghiệp, lưu manh, trộm cắp từ nhiều nơi tập hợp về. Chúng đọc kinh trong nhà thờ, đeo tượng chúa ở cổ, nhưng chẳng tin gì chúa mà chỉ theo cuộc sống bừa bãi, sa đọa. Cha Thanh là người địa phương tự nguyện làm tay sai cho giặc, được móc lon trung úy và giữ chức đồn trưởng. Lực lượng của chúng trong đồn tuy không nhiều nhưng đều là bọn cuồng tín, ác ôn.

Một buổi sáng, một viên quan một Pháp, cùng với 30 ngự binh dắt theo một anh dân quân bị trói chặt hai khuỷu tay ra sau lưng, xuống đò sang Hà Thanh.

Lên bến đi được một đoạn, nghe có tiếng máy bay.

Một số lính ngự vội nằm sấp xuống đường. Tên chỉ huy người Việt liền nói:

- Máy bay của ta đấy, Việt Minh làm gì có máy bay mà phải nằm!

Số lính ngự vội đứng dậy, nhìn nhau cười.

Đến cổng đồn, viên quan một người Pháp chỉ vào anh dân quân bị trói nói với tên lính gác bằng tiếng Việt, giọng bập bẹ:

- Cần một tên Việt Minh như thế này thôi mà các anh lòng mãi không bắt được. Vô báo với quan đồn cho ô-tô đưa nó lên tỉnh ngay. Vừa nói y vừa đưa giấy giới thiệu. Tên lính gác nhận giấy, nhưng không cho vào, bảo đứng ngoài, chờ lệnh của ông đồn trưởng.



15 rồi 20 phút không thấy đồn trưởng ra. Những tên lính ngục tử về sốt ruột. Viên quan một nói:

- Ráng đợi ông đồn một chút, thế nào ông cũng cho mời vào uống nước.

Giữa lúc đó có mấy tên bảo vệ từ phía chợ chạy về, vừa chạy, vừa la giọng hốt hoảng:

- Việt Minh! Việt Minh đang vô trong xóm...

Lập tức, viên chỉ huy người Việt xông lại phía tên lính gác, quát to:

- Anh tính sao, để cho Việt Minh đến thịt hết chúng tôi, thịt hết các anh à? Hay là các anh với chúng tôi hợp nhau lại chống Việt Minh? Thế nào? Nói đi...

Tên đồn trưởng trong nhà nghe thấy, biết là có việc chẳng lành, vội vàng xách cặp lên trốn ra cổng sau với mấy tên thân cận. Binh sĩ trong đồn nháo nhác cả lên. Lúc đó, viên chỉ huy người Việt nói như ra lệnh:

- Không thể chần chừ được nữa. Chúng ta hãy vào hết trong sân, lợi dụng công sự có sẵn chống lại quân Việt Minh.

Y quay sang nói với viên quan một người Pháp:

- Mời ngài thiếu úy chỉ huy cho.

Viên quan một xô cổng vào, đứng giữa sân, rút súng lục cầm tay hô:

- Tôi thay đồn trưởng chỉ huy trận chiến đấu này. Tất cả tập hợp!

Bọn lính trong đồn như rắn mất đầu buộc phải đứng vào hàng như mọi người.

Theo loạt tiểu liên mở đầu của tiểu đoàn trưởng Bùi Nọc Hoàng (viên chỉ huy người Việt là tiểu đoàn trưởng Hoàng) 30 cây súng khác lập tức nhả đạn. Tất cả bọn lính trong đồn đều ngã gục không

tên nào kịp đối phó. Các thầy dòng, các bà xơ ở trong nhà chạy ra mặt tái xanh, tái xám cứ chắp tay xin tha chết. Ta bắt mở cửa nhà thờ, nhà kho, nhà ở, thu hết vũ khí, quân trang, quân dụng... Mọi thứ tài sản thuộc nhà thờ như áo lễ, tượng thánh, chuông, khánh, cờ đèn, đồ dùng cá nhân của các thầy dòng, bà xơ, của những người phục vụ ta không đụng đến. Trước khi rút lui, bộ đội giải thích cho các thầy dòng, bà xơ và một số giáo dân ở gần đó biết rõ tội ác của tên Thanh và bọn thanh niên lưu manh theo hắn làm tay sai cho giặc, ta phải diệt chúng để bảo vệ đồng bào địa phương được tự do làm ăn, tự do thờ chúa và tham gia công cuộc kháng chiến cứu nước.

Khi đơn vị đi qua xóm, bà con giáo dân ra đứng đầy đường đầy ngõ, nhìn anh bộ đội với khuôn mặt tươi vui, mừng rỡ, nhưng không nói gì. Sau này, khi tên Thanh trở về Hà Thanh, bà con giáo dân ở đây phản đối mạnh, không ở được, phải chuyển đi nơi khác...

Đội quân đi tấn công của Bùi Ngọc Hoàng và đội quân đi phục kích do Lê Đình Lý chỉ huy họp nhau lại, qua sông, trở về căn cứ.

Thêm một chiến thắng nữa trên bờ phá Tam Giang mênh mông bát ngát.

## X. QUÉT SẠCH BÙN NHƠ

Sau hai trận đó, anh Lâu và tôi trở lại Hòa Mỹ. Tôi vào báo cáo anh Thanh rõ kết quả hai trận đánh vừa qua.

Anh gật đầu bảo:

- Các đồng chí giải quyết như vậy là tốt. Bọn địch muốn xâm chiếm nước ta, tất chúng phải chiếm đất. Muốn giữ được đất, chúng phải xây dựng đồn bốt, lập hội tề, để đàn áp, bóc lột dân. Ta muốn giải phóng đất, giải phóng dân, ta phải phá đồn bốt, phá tề. Chúng ta không thể chờ đợi khi nào có đủ vũ khí công kiên mới phá đồn địch. Chúng ta phải giải quyết theo lối đánh của ta, hợp với khả năng trang bị của ta. Các đồng chí hãy dùng lối đánh kỳ tập, phối hợp với địch vận, lấy ít thắng nhiều, như thế là mưu trí, linh hoạt rất đáng hoan nghênh.

Sau đó, anh cho biết, vừa qua Trung ương thấy rằng cả ba tỉnh Bình Trị Thiên, do hoàn cảnh địa lý thành một chiến trường, nên Trung ương đã quyết định thành lập Phân khu ủy Bình Trị Thiên và chỉ định anh làm Bí thư Phân khu ủy. Và Phân khu ủy đã họp, có đại diện của Liên khu ủy Liên khu IV vào dự, và quyết định một kế hoạch quan trọng, tổng phá tề trong cả ba tỉnh Bình Trị Thiên.

Hội nghị nhận định rằng, giặc muốn chiếm nước ta, ngoài việc chiếm đất, chúng phải chiếm cho được dân. Chúng cũng thừa biết rằng nhân dân ta không bao giờ chịu mất nước, chịu làm nô lệ. Cho nên, chúng chỉ có một cách là khủng bố, đàn áp. Muốn khủng bố, đàn áp, chúng phải thành lập nguy quyền từ trên xuống dưới. Cho nên, mấy lâu này, chúng đi đến đâu là đóng đồn bốt và lập hội tề đến đấy. Chúng ta cũng đã nhiều lần phá tề, nhưng quan điểm về vấn đề này, trong cán bộ ta vẫn chưa thống nhất.

Có đồng chí cho rằng, phải kiên quyết phá bằng hết, vì đó là chính quyền phản động của địch. Hội tề nào mọc lên, diệt ngay!

Nhưng có đồng chí lại nói không nên diệt tất cả bọn tề vì địch đang còn mạnh. Chúng đi đến đâu không có tề thì bắn giết, đốt phá, hãm hiếp, bắt dân phải lập tề. Như thế, dân rất khổ.

Một số đồng chí lại nghĩ, phải ngăn cản đến cùng việc lập tề. Chừng nào, giặc khủng bố quá, dân không chịu nổi, thì cho lập tề, nhưng tề đó ít lợi cho giặc, ít hại cho ta. Đó là loại “ấm ớ hội tề”.

Do quan niệm khác nhau như vậy, nên mỗi nơi giải quyết một khác.

Có nơi, cán bộ cơ sở thoát ly lên chiến khu hoặc lánh sang xã khác, thỉnh thoảng về xã, phá tề một đêm rồi lại đi. Nhân dân không được giải thích, nên hoang mang, khi địch về khủng bố sinh ra oán trách.

Có nơi, cán bộ thấy địch mạnh quá, không dám tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, cứ nấp dưới hóng hội tề, nằm im không hoạt động.

Sau khi nêu lên những hiện tượng trên, anh Thanh nói:

- Cả hai cách ấy đều không đúng. Diệt tề hay không diệt tề đều có ảnh hưởng đến toàn bộ công tác trong vùng địch hậu. Tình hình ấy không phải chỉ là cá biệt, mà là phổ biến trong cả ba tỉnh. Sống chết địch phải lập tề, sống chết ta phải phá. Sự việc sẽ xảy ra như vậy, cho đến khi nào, địch phải cuốn gói ta mới thôi.

Anh nói tiếp:

- Trước đây, thường cán bộ địa phương và công an làm công tác phá tề. Bộ đội có phối hợp thì cũng chỉ dùng những đơn vị nhỏ bố trí cho công an hoặc dân quân đột nhập bắt và giải tán hội tề. Cũng có nơi, ta về bắt hội tề đi, rồi bảo gia đình họ chủ động lên báo với đồn để chúng nó khỏi tra khảo lôi thôi. Nhưng chỉ được mấy hôm, địch lại mở cuộc càn và bắt người khác ra làm hội tề cho chúng.

:

Anh kể rằng vừa qua anh về một huyện để bàn vấn đề này, có một đồng chí huyện ủy phát biểu ý kiến:

- Đối với bọn tề, nên cho đi cải tạo lâu dài thì hơn, chứ bắt đi giáo dục một vài hôm rồi cho về thì chẳng qua như “đấm tay xuống nước”.

Để chứng minh lời nói ấy, đồng chí đã kể lại câu chuyện ở huyện mình. Có lần gặp bọn tề mới bị bắt, trong số đó có tên quen mặt đồng chí ấy hỏi ngay:

- Anh làm hội tề lần này là lần thứ mấy?

- Lần thứ hai ạ!

- Tại sao lần trước bị bắt, anh đã cam đoan không làm việc lại cho địch nữa, nay lại ra làm?

- Dạ, chúng nó dí súng vào lưng, bắt đến trụ sở, không làm không được...

Anh Thanh kết luận:

- Tình hình phức tạp như vậy đó, cho nên lần này Phân khu ủy quyết định mở thành một chiến dịch trong cả ba tỉnh và giao trách nhiệm cho quân đội tỉnh nào phải làm trong tỉnh ấy cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ mới thôi.

Như vậy là trung đoàn chúng tôi có trách nhiệm tham gia chiến dịch diệt tề trong toàn tỉnh Thừa Thiên.

Tôi về nói lại với anh Lâu và chúng tôi thảo luận kế hoạch thực hiện quyết định của Phân khu ủy.

Sau khi thống nhất ý kiến, chúng tôi phân tán cả ba tiểu đoàn về trong sáu huyện cùng với dân quân du kích bao vây các đồn, vũ trang tuyên truyền, phụ lực với cán bộ địa phương bắt diệt bọn tề trong toàn tỉnh.

Kết quả chiến dịch này không phải là “đắm tay xuống nước” mà làm cho hệ thống nguy quyền địch ở cơ sở vỡ từng mảng lớn. Đó là một sự đảo lộn tình thế làm cho địch rất lo sợ. Khi một khu vực hàng mấy huyện liền không còn hội tề nữa thì tự nhiên thấy hệ thống đồn bốt của địch rơi ngay vào giữa vòng vây của nhân dân, có nhiều nguy cơ bị tiêu diệt.

Tất nhiên, bọn địch sẽ tìm cách này hay cách khác để dựng lại hội tề mới. Nhưng đối với chúng, bây giờ, việc đó không phải dễ, vì trên một vùng nông thôn rộng lớn, đâu cũng có chính quyền cách mạng, có dân quân, du kích hoạt động.

Một kết quả hết sức khả quan. Trước chiến dịch có đến 93% các xã có hội tề, sau chiến dịch chỉ còn 7%. Những cuộc đấu tranh đòi được bồi thường thiệt hại bởi sự bắn phá bừa bãi của chúng được tổ chức nhiều nơi trong vùng chúng kiểm soát. Những đồn lẻ của địch bị tiêu diệt. Những cuộc hành quân của địch luôn bị uy hiếp bởi hoạt động của du kích tại chỗ. Phong trào kháng chiến ngày càng mạnh, lực lượng cách mạng ngày càng lớn làm cho Pháp hang mang.

Trước tình hình đó, địch bắt buộc phải thay đổi kế hoạch. Chúng điều chỉnh lại hệ thống chiếm đóng, rút bỏ các đồn lẻ, trước hết là các đồn ven núi, đồn ven đường giao thông và những nơi đông dân cư. Đồng thời chúng tổ chức lực lượng ứng chiến cho những vị trí quan trọng. Chúng chỉ thị cho tất cả những lực lượng của chúng không được tự tiện đi tiếp viện cho nơi bị đánh nếu không có lệnh và không đi can thiệp ngoài kế hoạch. Những nơi có Việt Minh hoạt động, phải có lực lượng lớn mới được ra ngoài đồn...

Tất cả những hoạt động của địch lúc này đều nhằm bảo toàn lực lượng, bảo vệ giao thông và giữ vững vùng thành thị.

## XI. ĐỘI QUÂN NGẦM TRONG THÀNH PHỐ HUẾ

Thời gian này, các đồng chí trong thành phố Huế cũng thường lên báo cáo với chúng tôi những công việc đã làm để tham gia chiến dịch tổng phá tề toàn tỉnh.

Ngay từ sau khi mặt trận vỡ, theo chỉ thị của Tổng quân ủy, chúng tôi đã tổ chức những đội quân bí mật hoạt động trong thành thị, nhất là trong thành phố Huế, nơi bọn địch đặt các cơ quan đầu não của chúng ở miền Trung nước ta.

Anh Thanh đã giao cho công an, thành đội và trung đoàn chúng tôi thành lập các đội quân ngầm đó. Công an đã lập được các đội công an xung phong. Thành đội thì có các đội tự vệ cảm tử. Trung đoàn chúng tôi có các đội biệt động lấy tên là đại đội 123, do anh Hà Văn Lâu trực tiếp chỉ đạo.

Các tổ chức này chia thành từng tổ nhỏ, sống giữa lòng thành phố được nhân dân che chở. Ban ngày, anh em giấu vũ khí, đi làm ăn, người kéo xe, người làm thợ, người bán kem... Ban đêm, họ gặp nhau trao đổi tình hình và bàn kế hoạch hoạt động.

Bọn Pháp, sau khi đã chiếm đóng ba tỉnh Bình Trị Thiên, vội vàng đưa ra cái gọi là “Hội đồng chấp chính lâm thời” do Trần Văn Lý nguyên là Tuần vũ Phú Yên làm chủ tịch. Chúng lo tập trung vào công việc bình định nông thôn là nơi phong trào cách mạng đang sôi sục. Chúng có vẻ yên tâm với tình hình thành thị, cho rằng Việt Minh khó có chỗ đứng chân được.

Thực tế đã xảy ra khác với ý nghĩ của chúng. Những vụ phá hoại, trừ gian, diệt tề bắt đầu mở ra trong thành phố. Tuy mới là quy mô nhỏ, nhưng có sức cổ vũ mạnh mẽ đối với nhân dân và làm cho địch hoảng sợ. Những toán lính com-măng-đô, tối tối thường hay đi tuần tra ngoài thành phố. Lúc đầu chúng đi từng trung đội có khi từng tiểu đội, không thấy xảy ra chuyện gì. Về sau, năm ba thằng, chúng

cũng cứ đi. Đó là cơ hội tốt cho các đội quân ngầm của chúng ta làm ăn. Một vài tên com-măng-đô đi lẻ tẻ bị giết, bị bắt cóc, có khi cả tiểu đội Âu Phi đi tuần cũng bị phục kích, phải vứt cả súng chạy bán sống bán chết.

Vậy là ngay cái việc đi tuần quanh thành phố cũng không dễ dàng như chúng muốn. Chúng biết rõ việc Việt Minh hoạt động được trong thành phố là nhờ nhân dân ủng hộ. Một lần chúng tổ chức một cuộc mít tinh ở sân vận động chợ Xép, bắt nhân dân đến nghe “Thượng cấp hiểu dụ về mối hiểm họa của Việt Minh trong thành phố”. Ta quyết phá cuộc mít tinh đó.

Sáng hôm đó, một chiến sĩ biệt động - em Bồng, mới 15 tuổi áo quần rách rưới, gánh đôi giỏ đến cắt cỏ quanh sân vận động. Lúc nhân dân bị bắt đã đến đông, cuộc mít tinh sắp bắt đầu, Bồng cầm liềm đi vào giả vờ đứng nghe. Một quả lựu đạn tung ngay vào trước mắt bọn cảnh sát ngụy đứng gác. Bà con trông thấy la lên ầm ầm như vỡ chợ: Việt Minh! Việt Minh! Rồi xô nhau chạy.

Quả lựu đạn không nổ, vì ta không bỏ thuốc súng đã giúp cho Bồng hoàn thành nhiệm vụ phá vỡ cuộc mít tinh tuyên truyền lừa bịp của địch.

Một buổi sáng khác, “Hội đồng chấp chính lâm thời” Trung Việt kéo tới phòng họp định bàn cách đối phó với Việt Minh trong thành phố thì có tin báo nhân dân các đường phố xô vào đứng nhìn lên cột cờ trước cửa Ngọ Môn. Nơi đó, cờ quẻ ly đã được thay thế bằng lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ. Trần Văn Lý tức tối, đập bàn quát tháo, bắt lính ra hạ lá cờ xuống. Hai tên cảnh sát vội chạy đến cột cờ, vừa mò vào, đã bị mìn nổ chết ngay. Cuối cùng, cũng cũng hạ được lá cờ xuống. Nhưng lá cờ ấy đã đủ thì giờ báo cho đồng bào xa gần biết lực lượng kháng chiến Thừa Thiên - Huế đang lớn mạnh, không chỉ ở nông thôn, rừng núi, mà ở ngay trong thành phố, giữa sào huyệt của kẻ thù.



Để truy lùng sáu vết Việt Minh, địch tổ chức bao vây các khu phố và khám xét từng gia đình nhân dân. Lợi dụng lý do đó, chúng cướp bóc, vơ vét tài sản của bà con rất nhiều. Các đồng chí trong các đội biệt động liền tìm cách trừng trị bọn ác ôn.

Em Đoàn Văn Sáu được giao nhiệm vụ xử tội tên lý trưởng phường Bao Vinh.

Lúc nhập nhoạng tối, Sáu mặc áo đen dài như các thanh niên theo đạo thiên chúa trong vùng, giấu súng ngắn trong áo, đi thẳng vào nhà tên lý trưởng. Cả nhà hấn đang ăn cơm.

Sáu lên tiếng:

- Thầy Lý có thư của cha xứ đây, mời thầy ra nhận!

Nghe nói có thư của cha xứ, tên lý trưởng vội vàng bỏ đĩa ra lấy. Vừa cầm lá thư trong tay thì một viên đạn súng lục nổ ngay giữa ngực hấn. Hấn ngã vật xuống, tay còn nắm lá thư. Phong thư đó chính là cáo trạng tội bán nước của hấn. Cả nhà hấn kinh hoàng không dám kêu cứu. Bà con xung quanh nghe súng nổ ở nhà tên ác ôn cũng lò đi như không nghe thấy gì. Trong lúc đó, Đoàn Văn Sáu đã nhanh chóng lẩn vào bóng đêm về cơ sở giấu súng, lên giường nằm ngủ.

Bao nhiêu việc đã xảy ra như vậy làm cho nhân dân rất tin yêu và bọn địch rất khiếp sợ. Đại đội 123 do Lê Xuân Phương làm đại đội trưởng, nổi tiếng cả thành phố, không những nhân dân biết mà bọn địch đều biết. Có lần, một em liên lạc của đại đội 123 đi công tác bị bọn “Việt binh đoàn” bắt. Biết em là người của đại đội 123, chúng liền thay đổi thái độ, đối xử tử tế và để em đi không dám giam giữ.

Một số sĩ quan ngụy cũng tìm cách bắt liên lạc với ta, xin “nhận nhiệm vụ, góp phần kháng chiến”. Nhiều nhân viên trong các cơ quan đầu não của địch cũng bí mật tham gia Hội “Công chức cứu quốc” và đã cung cấp cho ta một số tài liệu quan trọng về tình hình địch.

Trong chiến dịch tổng phá tề toàn tỉnh, chỉ trong một đêm, các lực lượng biệt động, các đội cảm tử thành, các đội công an xung phong đã cùng nhau phối hợp, quét sạch bọn tề, diệt ác ôn trong thành phố, thu gần một thùng đầy triệu đồng và thẻ đồng đem cho công binh xưởng. Những tên tề, điệp, ác ôn đều được đưa lên chiến khu. Một số ít tề có tội ác với nhân dân sau khi học tập một thời gian, được trở về với gia đình và hứa không bao giờ làm tay sai cho giặc nữa.

Đội quân ngầm của ta đúng là cá nằm trong nước, được nhân dân đùm bọc và che chở. Sự hoạt động của nó rất linh hoạt và phong phú. “Lai vô ảnh, khứ vô hình”, đúng như lời Bác dạy. Nó vừa nắm địch, vừa đánh địch và phá hoại địch. Nó vạch rõ tội ác của địch cho nhân dân thấy và giác ngộ nhân dân tham gia công cuộc kháng chiến. Nó giúp cho cán bộ tại chỗ xây dựng lực lượng kháng chiến ngay trong lòng địch, giúp mua, hoặc lấy của địch những thứ mà chúng ta cần dùng như thuốc men, giấy bút, các dụng cụ y tế, các dụng cụ nhà in...

Sự hoạt động của đội quân ngầm đã làm cho quân địch xâm lược thấy rõ ràng, trên đất nước ta, không có chỗ nào là nơi an toàn đối với chúng.

## XII. LUYỆN QUÂN LẬP CÔNG

Tình hình đã có chuyển biến mới. Phong trào kháng chiến của Thừa Thiên đã lên đều khắp các huyện. Hoạt động giữa ta và địch đang diễn ra trên thế càn quét, tranh chấp nhau từng giờ, từng phút.

Tình hình đó đòi hỏi cơ quan lãnh đạo của tỉnh phải theo dõi chặt chẽ và thông tin kịp thời cho các địa phương những gì đã xảy ra. Do đó, cơ quan lãnh đạo phải ở một nơi trung tâm. Chiến khu Hòa Mỹ ở về phía cực bắc của Thừa Thiên. Ở đó, nắm tình hình ở Huế thường bị chậm và việc đi lại đối với phía nam gặp nhiều khó khăn. Tỉnh ủy quyết định dời chiến khu vào Dương Hòa.

Dương Hòa cách Huế chỉ vài chục ki-lô-mét. Cán bộ lên xuống Huế dễ dàng. Tin tức Huế lên rất nhanh. Đó cũng là nơi trung tâm của tỉnh. Ra các huyện phía bắc, vào các huyện phía nam, cân đường và thuận lợi. Dương Hòa nằm ven dãy Trường Sơn, núi rừng trùng điệp, lúc giặc tấn công có thể rút vào rừng. Dương Hòa còn nằm giữa hai nhánh của dòng sông Hương gọi là Tả Trạch, Hữu Trạch, thuyền bè có thể qua lại được, tạo nhiều thuận lợi cho giao thông tiếp tế... Đó là một địa bàn tốt cho việc chỉ đạo của ta.

Chúng tôi dời về Dương Hòa.

Các cơ quan của tỉnh đóng ở xóm Lương Miêu, ven rừng. Dân cư tương đối đông đúc. Bộ đội đóng ở Dương Hòa, vào tận các làng Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... Dương Hòa, Lương Miêu thường bị pháo ở đồn Trước bắn lên. Nhưng các làng vua nhà Nguyễn chúng ít bắn, nên bộ đội ở thoải mái.

Ở đây, trung đoàn mở cuộc vận động “luyện quân đội, lập chiến công” gọi tắt là “luyện quân lập công” theo chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh. Mục đích của cuộc vận động này là đưa trình độ tác chiến của bộ đội từ du kích chiến lên vận động chiến. Tình thế đã thay đổi đòi hỏi

chúng ta phải có một chiến thuật khác để tiêu diệt được địch nhiều hơn.

Sau một thời gian luyện tập, trình độ chiến thuật, kỹ thuật của bộ đội, năng lực tổ chức, chỉ huy của cán bộ đã tiến một bước rõ rệt. Chúng tôi quyết định đưa bộ đội về đồng bằng để thực hiện nay trên chiến trường những điểm đã được học tập vừa qua. Chủ trương của trung đoàn lúc này là không đánh vị trí địch, vì như vậy là không thể hiện được mục đích vận động chiến. Vả lại, nếu đánh vị trí lớn thì ta không đủ sức, còn đánh vị trí nhỏ thì không xứng đáng với ý nghĩa kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám đúng ngay trong thời gian này. Cuối cùng, trung đoàn quyết định tổ chức một cuộc vũ trang tuyên truyền với quy mô lớn để biểu dương lực lượng, đồng thời kéo địch ra ngoài vị trí mà đánh.

Về chiến trường, chúng tôi đã nghiên cứu kỹ.

Qua một thời gian hoạt động ở đồng bằng, chúng tôi thấy bọn địch ở vùng Dưỡng Mong thuộc huyện Phú Vang là bọn ác ôn khét tiếng. Chúng rất liều mạng. Mỗi khi thấy bộ đội ta xuất hiện, lập tức chúng tập trung lực lượng ở các vị trí quanh vùng để bao vây tiêu diệt. Bộ đội ta cũng chưa đánh chúng nó trận nào ra trò. Phen này chúng tôi quyết định diệt chúng bằng vận động chiến khi chúng ra khỏi đồn.

Chúng tôi chọn bốn đại đội trong hai tiểu đoàn 319 227 (2 tiểu đoàn 16 và 17 cũ) quần áo chỉnh tề, súng đạn đầy đủ, tối 18 tháng 8, hành quân xuống dưới đường số 1 và giấu quân trong các làng có cơ sở của ta. Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa lên các đơn vị lần lượt giương cờ tiến về phía Dưỡng Mong. Sự xuất hiện bất ngờ và công khai làm cho bọn địch rất ngạc nhiên và lúng túng. Tuy nhiên, chúng vẫn không thay đổi cách hoạt động đã quen thuộc theo quy luật từ trước. Chúng tập trung lực lượng của các vị trí và chia nhiều bộ phận phục kích nhiều nơi khác nhau để ngăn chặn và tiêu diệt bộ đội ta.

Gần trưa, đại đội đi đầu về đến Dưỡng Mong. Xã này có một nhà thờ công giáo. Một thầy tu mặc áo đen niêm nở ra đón bộ đội vào xơi nước. Sau khi bố trí bộ đội xong, anh Phùng Duy Phiên và mấy cán bộ nữa vào nhà thờ. Các anh đang nói chuyện với các thầy tu, thầy dòng, thì nghe súng nổ ở phía trước. Đại đội đi đầu của ta đã gặp địch. Trận đánh diễn ra rất nhanh. Anh Phùng Duy Phiên chạy đến nơi thì chỉ thấy gần chục xác chết của bọn bảo vệ nằm giữa đồng. Nhân dân cũng đến xem rất đông.

Đơn vị đang thu dọn chiến trường thì lại nghe tiếng súng nổ ở phía sau một đơn vị của địch phục kích dưới máng nước chặn đánh đại đội đi sau của ta. Chúng bắn mấy loạt súng trường, súng máy rồi rút về bót, nhưng bộ đội ta truy kích kịp, diệt và bắt sống gần hết.

Đoàn của ta lại tiếp tục hành quân. Đến cuối xã Dưỡng Mong bộ đội ta lại gặp hai trung đội địch phục kích ở giữa đồng. Chúng ta đánh trả. Một đại đội của ta nhanh chóng vận động lên phối hợp đánh tạt sườn quân địch. Chúng chết quá nửa trong đó có hai tên đồn trưởng. Số còn lại vất súng chạy thực mạng.

Sau chiến thắng, bộ đội được đồng bào đón về nghỉ ngơi. Cán bộ địa phương đã báo trước, nên nhà nào cũng chuẩn bị cơm nước sẵn sàng. Bà con tíu tít xung quanh anh bộ đội hỏi chuyện đánh Tây... Tối hôm đó, anh em trở về chiến khu mang theo trên 80 khẩu súng chiến lợi phẩm và rất nhiều gạo, nếp, heo, gà của bà con ủng hộ.

Những bài học quân sự về vận động chiến vừa qua trên thao trường đã đem lại những kết quả mỹ mãn trên chiến trường. Một thắng lợi rất lớn của quân ta trên bước đường trưởng thành.

Anh Lâu nói với tôi:

- Nếu ta luyện quân lập công sớm một chút thì ở Hòa Mỹ, giặc không đủ đất để chôn!

### XIII. BẢO TỔ LẠI NỔI LÊN

Trước những chiến thắng liên tiếp của quân ta và phong trào nhân dân kháng chiến ngày càng lên cao ở khắp nơi, giặc pháp phải thay đổi chủ trương và phương hướng hoạt động.

Đầu năm 1948, tướng Lơ-bờ-rít, chỉ huy quân đội Pháp ở miền Trung Đông Dương ra Huế, họp bàn với những tên tay chân của hắn ở Bình Trị Thiên.

Chúng chia Bình Trị Thiên ra từng ô gọi là tiểu khu, phân khu. Chúng tấn công hệ thống đồn bốt vừa để bảo vệ các vùng trọng yếu, hình thành thế bao vây chia cắt ta, vừa làm chỗ dựa cho bọn tề, ngụy hoạt động lòng sục, phá cơ sở cách mạng, vây bắt cán bộ, khống chế, o ép nhân dân. Chúng lấy những đội quân tinh nhuệ tổ chức thành những đội ứng chiến tương đương một tiểu đoàn, hay nhỏ hơn một chút mệnh danh là những đội “cứu hỏa” bố trí trên khắp các địa bàn, sẵn sàng pháo kích khi bị ta tấn công và đánh vào những nơi nghi có quân ta hoạt động. Những đội quân này kết hợp với quân chiếm đóng đi bình định từng vùng. Đi đến đâu, chúng đốt phá, bắn giết hết sức man rợ. Chúng muốn đem máu và lửa khủng bố làm cho nhân dân ta sợ kháng chiến, sợ bộ đội, buộc lòng phải chấp nhận cuộc sống an phận tui nhục dưới chế độ do chúng đặt ra. Sau những trận tàn sát khủng bố, chúng lại nặn ra những bọn tề, điệp làm tay sai cho chúng để giám sát, o ép nhân dân và phát hiện những hoạt động của ta.

Trước những cảnh khủng bố dã man như vậy, một số bà con ta đâm ra hoang mang dao động. Một số cơ sở Đảng, tổ chức quần chúng, nhân dân du kích mới được xây dựng, còn yếu, bị địch đánh phá gắt gao, nhiều nơi bị tê liệt, tan rã. Một số cán bộ địa phương, dân quân du kích bỏ chạy lên chiến khu hoặc đi nơi khác. Cán bộ trên chiến khu về đồng bằng thường bị địch phát hiện, không hoạt động được.

Bình Trị Thiên gặp phải một thời kỳ hết sức khó khăn.

Giữa lúc đó, Bộ tổng Tư lệnh có chủ trương đưa các đại đội chủ lực về đồng bằng, vừa giúp dân đánh giặc, bảo vệ sản xuất, vừa xây dựng cơ sở. Mỗi trung đoàn chỉ giữ lại một tiểu đoàn làm đơn vị hoạt động tập trung nhằm đánh vào các mục tiêu tương đối lớn. Chủ trương đó gọi tắt là “đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung”.

Giữa mùa thu năm 1948, Bộ Tư lệnh Liên khu IV triệu tập Hội nghị quân sự lần thứ tư để bàn về việc thực hiện chủ trương nói trên. Trong hội nghị, đồng chí Trần Văn Quang, Chính trị Ủy viên Liên khu đọc báo cáo nhận định những thắng lợi cơ bản của quân dân Bình Trị Thiên trong thời gian qua, đồng thời nêu rõ những mặt còn thiếu sót. Cuối cùng, đồng chí kêu gọi:

- Chúng ta hãy chấp hành thật tốt chủ trương của Bộ Tổng tư lệnh để đưa cuộc kháng chiến tiến lên giành những thắng lợi mới.

Theo chủ trương đó, các đại đội độc lập phải tiến sâu vào vùng sau lưng địch vừa chiến đấu, vừa công tác. Khi địch chưa đến thì tích cực tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ nhân dân, gây cơ sở và hướng dẫn nhân dân đánh giặc, giúp dân sản xuất, lập làng chiến đấu. Mỗi người dân phải là một chiến sĩ, trực tiếp tham gia vào công cuộc đánh giặc, cứu nước, không phải chỉ có ủng hộ bộ đội, mà phải xây dựng và giúp đỡ dân quân du kích, phát triển bộ đội địa phương, làm cho những lực lượng vũ trang này trở thành công cụ chủ yếu đánh giặc giữ làng. Mỗi đại đội độc lập phải xây dựng cho được một trung đội du kích trở thành bộ đội địa phương. Bộ đội địa phương lớn mạnh, lại bổ sung cho các đơn vị chủ lực khi cần. Đại đội độc lập cùng với cán bộ địa phương phá tề, trừ gian, xây dựng chính quyền cơ sở, bảo vệ Đảng, bảo vệ các tổ chức quần chúng.

Khi địch đến thì đại đội độc lập và dân quân du kích kiên quyết tiêu hao và tiêu diệt những bộ phận nhỏ của địch. Đồng thời hướng dẫn

cho nhân dân cất giấu tài sản, tham gia vào việc đánh địch, tránh địch.

Nhiệm vụ của các đại đội độc lập là như vậy. Còn nhiệm vụ của các tiểu đoàn tập trung là nhằm vào những cánh quân tương đối yếu của địch để tiêu diệt.

Nhìn chung, phương thức hoạt động ấy đã phát huy chức năng của bộ đội ta trong điều kiện cụ thể lúc bấy giờ là một đội quân vừa chiến đấu, vừa công tác. Bọn địch dùng lực lượng quân sự để chiếm đóng, kìm kẹp nhân dân, ta cũng phải dùng lực lượng quân sự để phá thế chiếm đóng, kìm kẹp của địch. Đồng thời phải ra sức phát triển cơ sở cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang để đưa cuộc kháng chiến tiến lên.

Sau hội nghị, chúng tôi đã nắm được ý nghĩa, mục đích và yêu cầu nêu trong chủ trương của Bộ Tổng tư lệnh.

Ra về, chúng tôi đi vào thành công các lực lượng theo nhiệm vụ mới.

Trung đoàn chúng tôi, trung đoàn 101 - quyết định đưa các đại đội của hai tiểu đoàn 227 và 328 về hoạt động độc lập ở các huyện của Thừa Thiên. Còn tiểu đoàn 319 và đại đội biên pháo dùng làm đơn vị tập trung.

Ở Quảng Trị, trung đoàn 95 dùng các đại đội của hai tiểu đoàn 301, 302 làm đại đội độc lập, tiểu đoàn 310 hoạt động tập trung trên đường số 9.

Ở Quảng Bình, Tiểu đoàn 274 cũng phân bố các đại đội về các huyện làm nhiệm vụ đại đội độc lập...

Chủ trương đúng, được các đơn vị hưởng ứng nhiệt liệt. Nhưng bước vào thực hiện, anh em gặp không ít khó khăn. Nhân dân nói chung là tốt, nhưng đang bị địch khống chế. Không phải nơi nào bộ đội ta cũng đi về được. Có đơn vị đi ba lần lên xuống đồng bằng mà chưa



tìm ra được chỗ đứng chân. Có nơi, bộ đội phải đào hầm bí mật để ở, chỉ ban đêm mới lên bắt liên lạc với cơ sở, đi tuyên truyền vận động đồng bào. Gần sáng lại về hầm. Cả tháng như thế, đến khi được lên khỏi hầm, người cứ trắng bạch ra như xác chết trôi. Lại có nơi, anh em suốt ngày nằm ngoài bãi cát, nắng cháy, người cứ đen thui như “lính Ma-rốc”.

Tuy vậy, cũng có nơi như các xã Phong Chương, Quảng Thái tuy ở trong vùng địch kiểm soát, nhưng đồng bào sẵn sàng che giấu bộ đội ngay từ đầu, lo ăn, lo ở rất chu đáo.

:

Vùng Phong Chương này là nơi chủ lực ta ít về nên địch rất chủ quan. Trước đây có một vài lần bị đánh lẻ tẻ, địch cho rằng đó cũng chỉ là hoạt động của du kích hay bộ đội địa phương nên chúng không lo lắm. Ngay sau khi ta về đóng ở Phong Chương, bọn tề điệp đã bí mật báo cho bọn chỉ huy ở đồn Thế Chi Đông biết. Chúng liền tổ chức một trận lớn để bắt vớ Việt Minh, chúng cũng cho rằng đây là du kích hay bộ đội địa phương mà thôi. Ta cũng đã được bà con báo cho biết là bọn địch đang chuẩn bị để đánh chúng ta.

Đêm thứ hai sau khi về đóng quân, ta bí mật đem quân sang Thế Chi Đông bố trí sẵn. Sáng hôm sau, tên Hiệt đồn trưởng, dẫn cả trung đội đi về Phong Chương. Ra khỏi đồn một đoạn, bất ngờ nghe súng nổ, nhìn ra thấy toàn Vệ quốc quân, mặc xi-ta đồng màu, súng cầm lưỡi lê sáng loáng, chúng sợ hết hồn, giơ tay xin hàng tất. Anh em ta chỉ tước súng, giải thích chính sách, rồi cho về cả. Khi nghe đại đội trưởng Huỳnh Đình Thảo báo cáo, tôi liền nói:

- Các cậu thật quá hóa đại rồi. Quân số chúng nó đang thiếu nghiêm trọng. Ta cũng đang thiếu người làm ở các cơ sở sản xuất. Thế mà các cậu lại tha cho chúng về cả. Mấy chục khẩu súng đối với ta cũng vậy, nhưng đối với chúng nó quan trọng gì. Chúng nó thiếu lính chứ không thiếu súng đạn.

Bọn lính chạy về, ngay ngày hôm sau, một toán quân khác đến. Toán quân này là “đội quân áo đen” khét tiếng tàn bạo ở Thừa Thiên. Nhân dân gọi chúng là “đội quân áo đen” vì chúng mặc áo quần toàn màu đen, đầu cũng đội mũ bê rê đen. Đơn vị này tuy gọi là đại đội nhưng quân số được tăng cường nên rất đông, phần lớn là thanh niên công giáo phản động và bọn lưu manh trộm cướp do Quản Hậu chỉ huy. Quản Hậu trước đây, sau ngày tổng khởi nghĩa đã làm trung đoàn trưởng danh nghĩa cho trung đoàn Trần Cao Vân, khi mặt trận vỡ, đã đầu hàng giặc. Biết nó rất ghét cộng sản, bọn giặc giao cho nó chỉ huy đại đội rất tin cậy này. Quản Hậu đã từng giơ nắm tay ra trước mặt bọn đàn em, khoác lác:

- Tất cả bí mật của Việt Minh ta đã nắm chắc trong tay! Bọn địch đã sử dụng đơn vị này, coi như một đơn vị ứng chiến mạnh ở ba huyện miền bắc Thừa Thiên, đóng gần vùng Phong Chương, Quảng Thái.

Nghe tin bộ đội ta xuất hiện ở Phong Chương bọn địch liền phái ngay đại đội con cưng này đến để tiêu diệt chúng ta. Chúng ta đã được cơ sở cho biết nên đã phục kích sẵn ở Lai Hà. Lực lượng của ta gồm có hai đại đội 120 phối hợp với một trung đội bộ đội địa phương mới thành lập do Tổng Hồ Trinh chỉ huy.

Sáng đến, đội quân áo đen vừa lọt vào trận địa của ta, bị ngay loạt lựu đạn nổ như sấm, đúng giữa đội hình của chúng. Một số địch ngã gục. Quản Hậu hò hét bọn lính xông lên bắt sống Việt Minh. Chúng muốn bắt sống một số cán bộ, chiến sĩ Vệ quốc quân để đem về tuyên truyền. Giữa lúc đó, đại đội 120 đã vận động vây bọn địch và đánh tạt vào sườn chúng. Đạn bay vèo vèo, bọn địch chết loạn xạ. Quản Hậu sợ quá, co chân chạy trước. Thế là bọn giặc áo đen nháo nhác đạp lên nhau, chạy thục mạng. Ta truy kích theo, vừa tiêu diệt, vừa bắt sống gần hết. Ta thu toàn bộ vũ khí.

Từ đó, đội quân áo đen mất tăm. Bà con ba huyện miền bắc Thừa Thiên đâu đâu cũng bàn tán về trận đó. Họ nói đến trung đội của

Tổng Hồ Trinh nhiều hơn, vì đây là trung đội bộ đội địa phương toàn con em của họ. Họ đã từng nâng lên là “đại đội Tổng Hồ Trinh”. Đại đội Tổng Hồ Trinh trở thành nổi tiếng. Bọn địch nghe nói đến đại đội Tổng Hồ Trinh cũng hốt.

Không riêng gì đại đội 120 mà các đại đội độc lập khác đều có những hoạt động như vậy. Có những đại đội lúc mới về, gặp rất nhiều khó khăn. Nhân dân vùng đó bị địch khủng bố dữ dội quá không dám nhận cho anh em ở, mặc dầu rất thương anh em. Thế là đại đội phân tán nhỏ lẻ thậm chí, phân tán đến tổ ba người đi sâu vào các làng mạc, ngày thì núp lén các bờ bụi hoặc đào hầm bí mật để ở, đêm đến mới vào trong thôn xóm. Có tổ đã có sáng kiến, việc đầu tiên là giết hết chó trong làng, để khi vào ra không có chó sủa, không ai biết, rồi len lỏi vào từng nhà, động viên, tuyên truyền, khuyến khích họ. Phần lớn, tìm vào các nhà nghèo, vì đối với họ, anh em đem quyền lợi thực tế của cách mạng đưa lại cho họ, giải thích họ dễ nghe hơn. Rồi từ đó, anh em xin gạo để ăn và động viên một số thanh niên vào du kích. Lời nói thường hay đi đôi với việc làm, anh em phục kích bắt vài tên lính lẻ tẻ ra khỏi đồn,. Một số lính ngự cũng rất chủ quan, thường hay đi lẻ tẻ vào các làng xung quanh đồn để cướp bóc, bắt heo, bắt gà. Bị một vài lần như vậy, bọn lính trong các đồn đều sợ không dám di sục sạo thường xuyên nữa. Bà con thôn xóm cũng yên ổn hơn... Sau đó, anh em tìm diệt hội tề, Việt gian phản động để bịt tai mắt chúng lại. Do đó, bà con bớt sợ và anh em đi lại dễ dàng hơn.

Hết việc này qua việc khác, dần dần trong nông thôn bọn hội tề, Việt gian không dám lộng hành như trước, vì chúng sợ không biết có một bàn tay bí mật nào đấy sẽ giết chúng, bất cứ lúc nào. Bọn lính trong các đồn cũng không dám ra ngoài, chưa biết một viên đạn trong bụi bờ nào đấy sẽ kết liễu đời chúng.

Ngược lại, một số anh em trai tráng, hoặc đàn ông ngoài ba bốn mươi còn khỏe mạnh, qua bao nhiêu lần bị địch khủng bố, tàn sát

những người thân, mang trong lòng một mối hận thù với chúng, nay được anh em bộ đội làm chỗ dựa, động viên, khuyến khích và thấy kẻ thù cũng đã chùn bước, nên sẵn lòng tham gia dân quân du kích cùng bộ đội chiến đấu. Các đội dân quân ấy càng ngày càng lớn dần. Rồi từ những vụ bắt tĩa một vài thằng đi lẻ tẻ cướp súng đạn, bộ đội và dân quân tiến tới phục kích những toán đông hơn, lấy súng địch đánh địch trở thành việc phổ biến trong nhân dân.

:

Hồi ấy, chúng tôi nghe nhiều chuyện cướp súng giặc khá vui. Có một xã ở gần đồn địch. Trong xã có một cái chợ. Đến ngày phiên, bà con các thôn xóm xung quanh đi chợ buôn bán khá đông. Bọn bảo vệ trong đồn cũng hay đi chợ để mua bán, cướp bóc. Từ đồn vào chợ phải đi trên một đường cái rất rộng rãi. Bên cạnh các đường, cách chợ một quãng, có một cái miếu nằm dưới một lùm cây tương đối rậm. Bọn địch chưa bị phục kích lần nào, nên chẳng lo lắng gì cứ nghênh ngang đi chợ. Hôm đó có ba đứa, mang súng đạn đầy đủ vừa đi vừa nói nói, cười cười rôm rả. Khi bước vào đường cái thì phía đằng xa có tiếng gọi:

- Oi các eng ơi, chờ bọn em đi với!

Đàng xa, có một tốp con gái khoảng trên mười người gồng gánh đi tới. Toàn là các cô gái trẻ xinh xắn ăn mặc đẹp mắt. Cô đi đầu, béo núc ních, mặt tươi rói nói:

- Các eng đi chợ mua chi rứa!

- Có chi mua nấy. Các o bán chi tôi cũng mua. Mua hết! Một tên bảo vệ nhe bộ răng vàng, cười hềnh hếch đi sát vào bên cô gái. Cô gái đi né ra một chút

-Nè, đi chi đi lạ rứa. Đường rộng không đi cứ xán vô người ta.

Tên bảo vệ giơ tay vỗ vào mông người con gái, miệng cười hềnh hếch.

- Lạ chi mà lạ, trước lạ sau quen.

Hành động của tên bảo vệ làm cho đoàn chị em phật ý. Một cô nói:

- Các eng phải đứng đắn một chút chứ! Chả trách mà bọn con nít cứ nói:

Cắc bup, cắc bup, xòa

Mấy thằng bảo vệ bắt gà, bắt heo...

Cắc bup, cắc bup, xèo

Mấy thằng bảo vệ bắt heo, bắt gà

Mấy tên bảo vệ tỏ vẻ bức bối, nhưng một cô khác nói ngay:

- Đó là bọn con nít nói những người khác kia, chứ các eng đây trông bộ đứng đắn cả.

Câu nói làm cho bọn lính dịu lại. Tên bảo vệ răng vàng cũng đi đứng chững chạc hơn. Hắn gạ chuyện hỏi cô gái đi đầu:

- O ở mô?

- Em ở Nam Phổ.

- À, con gái Nam Phổ ở lỗ trèo cau, phải không o?

- À, quê em rất nhiều cau, con gái không trèo thì ai trèo cho.

- Rứa khi các o trèo các o ở lỗ thiệt à!

- Có ở lỗ hay không, các eng cứ lên quê hắn, đứng dưới mà coi...

Cả bọn cười râm ran... lần này, không phải bọn bảo vệ xán vào các cô, mà các cô hai ba người một bám vào một thằng bảo vệ, vừa đi, vừa nói cười rôm rả.

- Các eng ở một mình như vậy mà không buồn à!
- Buồn chứ, nhưng biết mần răng được!
- Cho các em đến ở với cho vui...

Các côn càng đi sát hơn vào mấy thằng bảo vệ.

- Ui cha cha! Rứa thì còn chi sướng bằng!
- Nhưng các em sợ ông đồn không cho?
- Răng lại không cho... các eng có khu gia binh.

Họ sắp đến cái miếu dưới lùm cây rậm.

- Rứa thì sướng quá còn chi bằng!

Cô béo ních đi đầu cười, rồi nói to:

- Này bay ơi! Ôm hê!

Bọn con gái cũng reo vui một loạt: “ôm hê”, “ôm hê”, rồi người nào người nấy quăng quang gánh, hai ba người ôm chặt lấy một thằng bảo vệ, giật khẩu súng trên vai, cười rúc rích lôi chúng vào miếu. Bọn bảo vệ thưởng các cô đùa nghịch, nên cũng cười hề hề mặc cho các cô kéo. Khi vào trong miếu, cô béo ních đi đầu đã cầm ngang súng, chĩa vào bọn chúng mặt nghiêm nghị:

- Chúng tao là Việt Minh đây! Muốn sống thì đứng yên, không chúng tao giết chết...

Trong lúc đó thì các cô đã bẻ quặt tay chúng ra đằng sau, rút sợi dây đã mang sẵn giấu ở trong lưng trói nghiêng chúng lại. Bây giờ mặt đứa nào đứa nấy mới tái xanh tái xám, van lạy xin tha chết. Chúng cũng biết rằng không chống cự nổi vì họ đã ôm chặt lấy mình, có vùng vẫy cũng chỉ mất mạng mà thôi. Sau khi trói xong, các cô nhét khăn mặt vào mồm chúng, ném vào gốc miếu rồi ngang nhiên cầm súng đi về...

Câu chuyện ấy đã trở thành câu chuyện đầu miệng của đồng bào trong tỉnh. Anh em bộ đội thường gọi đùa là “chiến thuật ôm hè”.

Có rất nhiều “chiến thuật” như vậy. Có những tên lính Âu Phi vào chợ bị bà con lấy đòn gánh đập chết lấy súng... Có những đoàn xe tiếp tế của chúng bị dân quân chôn bom giật nổ, cướp súng...

Ở một giải đất, mà phía trên là núi, phía dưới là biển, hai đầu hai ngọn đèo bị địch bịt kín lại, công binh xưởng còn nghèo nàn lạc hậu, chỉ còn một cách lấy súng của địch đánh địch mà thôi. Khi đã có súng trong tay, anh em du kích bắt đầu phát huy tác dụng. Lúc đầu, bắn tĩa những tên lính đi lẻ tẻ. Bọn chúng sợ hãi không dám đi lại tự do. Về sau, anh em bao vây đồn.

Từ sau khi đánh chiếm ba tỉnh Bình Trị Thiên, địch đóng đồn khắp nơi. Không kể thành phố, thị xã, thị trấn, ở Thừa Thiên có 70 đồn, Quảng Trị 69 đồn, Quảng Bình 38 đồn. Chúng đóng đồn cốt để chiếm đất, kiểm soát và khống chế dân. Đồn cốt còn là chỗ dựa cho bọn nguy quyền huyện, xã hoạt động và là nơi ẩn náu của chúng khi thấy có nguy cơ bị cách mạng trừng phạt.

Đồn cốt địch thường xuyên là mối đe dọa trực tiếp đến đời sống hằng ngày của đồng bào ta. Bọn lính Âu Phi, nguy từ trong các đồn này ra đã gây nên bao nhiêu tai họa thảm khốc cho dân chúng. Lúc đầu, chúng còn đi lẻ tẻ, bị chúng ta bắn, chúng không dám đi ra tự do, co lại trong đồn. Ta bao vây đồn. Cách bao vây mỗi nơi một khác, tùy theo lực lượng của ta và của địch. Có những đồn nhờ ở xa các vị trí khác, quân số không đông, mà lực lượng của ta tương đối mạnh thì ta bao vây chặt. Dân quân thay phiên nhau túc trực suốt ngày đêm. Có nơi anh em đắp hẳn một cái lô cốt bằng đất có lỗ châu mai trông thẳng vào đồn địch, lúc nào cũng có các cô nữ dân quân thấp thoáng bên trong. Nhưng, các tay súng bắn tĩa thì đào hầm nấp ở chỗ khác, hễ thấy bóng địch là bắn. Lối bao vây như vậy làm cho bọn địch trong đồn lao đao, khốn đốn trong sinh hoạt hằng ngày, nhất là vấn

đề nước nấu ăn, tắm giặt. Vì không phải đồn nào cũng có giếng nước cạnh nhà bếp hoặc ở trong đồn. Có những nơi, địch phải đi gánh nước xa. Nhưng, hễ gánh thùng đi ra, y như không về vì biên đạn của du kích. Thế cùng, bọn địch phải phát cờ trắng gọi loa:

- Xin các ông, các bà du kích cho phép tui tui đi gánh nước!

- Ừ, cho đi, nhưng không được mang súng.

Bọn địch phải tuân lệnh.

Về sau, đâu phải chỉ thiếu nước! Đồn bị bao vây lâu ngày, thiếu gạo. Không lẽ ngửa tay xin các ông, các bà du kích? Hay đi ăn cướp của dân? Việc tiếp tế phải nhờ các đồn khác qua xe cơ giới, ca-nô, tàu, thuyền bè. Nhưng cầu đường thường xuyên bị du kích phá hoại. Ca-nô, thuyền bè lại bị phục kích. Muốn đi, giặc phải mở những cuộc hành binh lớn. Trong các cuộc hành binh lớn, anh em lại phục kích đánh. Không đánh được thì anh em tránh đi. Giặc đi anh em lại về, và cuộc bao vây lại tiếp diễn.

Cùng với việc bao vây đồn bằng quân sự, các địa phương cũng đã biết chọn người ăn nói khéo, hướng dẫn cách mang quả bánh vào đồn bán để tuyên truyền, vận động binh lính địch. Những đồn có lính là người địa phương, ta cũng cho vợ con họ đến gặp, dùng tình cảm thuyết phục người thân nhận rõ phải trái trở về với cách mạng, với nhân dân.

Có một câu ca địch vận rất hay, mà ai cũng nhớ:

Trong đồn anh nhớ em không

Ngoài đồn em nhớ, em mong anh về.

Do kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận, hệ thống đồn bốt của địch bị rạn nứt khá lớn. Các đồn bị bao vây như thế sẽ không còn làm chỗ dựa cho bọn tề ngụy được nữa, cũng không làm nhiệm vụ



chiếm đất, kiểm soát dân được nữa. Một số đồn trong tình trạng ấy buộc phải rút chạy hoặc ra đầu hàng, hoặc bị ta đánh chiếm.

Tuy nhiên, việc bao vây đồn cũng phải có điều kiện, phải tùy tương quan lực lượng địch ta cụ thể từng nơi, từng lúc. Không phải ta muốn bao vây đồn nào cũng được, thời gian nào cũng được. Có đồn ta chỉ vây một thời gian chưa diệt được địch, chúng nó đã tìm cách giải tỏa bằng những cuộc hành binh lớn, đánh phá dữ dội cơ sở kháng chiến quanh vùng, làm cho lực lượng du kích bị tiêu hao hoặc bắt đi nơi khác. Hội tề phản động lại mọc lên. Ta lại phải tiến hành đợt đấu tranh mới: diệt tề, trừ gian, canh gác, vây đồn... Cuộc đấu tranh như vậy có vùng diễn đi, diễn lại rất nhiều lần.

:

Đi đôi với việc bao vây đồn và các cuộc hành binh giải tỏa của địch, xuất hiện thêm một hình thức kháng chiến khác: làng chiến đấu. Hình thức này bắt đầu xuất hiện ở Quảng Bình, dần dần phát triển đến Quảng Trị và Thừa Thiên.

Từ năm 1947, Quảng Bình đã nổi tiếng về làng Cự Nẫm. Năm 1949, tôi đi công tác ở Liên khu IV về, ghé thăm làng này. Đây là một làng trung du, ven núi, nằm trên đường số 2 thuộc huyện Bố Trạch, có địa hình mấp mô với nhiều điểm cao, nhiều con đường độc đáo rất thuận lợi cho việc bố phòng. Dân không đông lắm. Lực lượng du kích ở đây cũng tương tự như các nơi khác trong tỉnh, nhưng ý chí chiến đấu và bất hợp tác với địch rất cao. Khi giặc Pháp mới chiếm thị xã và các huyện miền Nam Quảng Bình, anh chị em du kích Cự Nẫm đã họp bàn kế hoạch bố phòng bảo vệ xóm làng. Các con đường địch có thể tiến vào làng đều được bố trí chông, mìn và đào đắp công sự chiến đấu.

Sau khi cố gắng xây dựng lên được bộ máy ngụy quyền ở đồng bằng, giặc Pháp tổ chức một cuộc càn lên Cự Nẫm. Nhân dân được tin, người già, trẻ con đều sơ tán vào núi. Du kích ở lại, bố trí chông, mìn

ở trước các làng ngõ và các tổ súng trường đã sẵn sàng ở các vị trí chiến đấu. Địch chưa tới làng, một số tên bị bắn gục hoặc sa hầm chông, chúng nó phải khiêng nhau, vừa tháo chạy vừa kêu khóc ầm ĩ. Các đợt tấn công của địch tiếp theo cũng bị đánh bật trở lại. một cô dân quân tên là Lê không may bị sa vào tay giặc, chúng bắt cô dẫn đường vào làng, cô không nghe. Trước mọi thủ đoạn dụ dỗ, tra tấn của giặc, cô chỉ một mực nguyên rửa quân cướp nước và bán nước. Cuối cùng cô đã anh dũng hy sinh trước mũi súng của giặc. Cái chết của cô dân quân ấy càng cổ vũ tinh thần yêu nước của đồng bào và lực lượng vũ trang Cụ Năm. Bà con hăng hái củng cố lại trận địa, rào làng, bổ sung thêm đội ngũ chiến đấu, sắm thêm vũ khí, tăng cường tập luyện.

Sau đó, nhiều lần giặc Pháp tấn công lên Cụ Năm đều phải ôm hận trở về.

Bên cạnh Cụ Năm là Cảnh Dương cũng nổi tiếng một thời.

Làng Cảnh Dương, ven biển, nằm trên đường số 1, giáp ranh giữa vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh và vùng bị chiếm Bình Trị Thiên. Đồng bào ở đây làm nghề đánh cá. Cuộc sống tương đối sung túc. Trong làng có nhiều nhà gạch lợp ngói chắc chắn. Nhà nọ tiếp nhà kia trông như một khu phố nhỏ. Chính nhờ biết dựa vào những nhà gạch san sát đó và một hậu phương tự do phía bắc, đội du kích Cảnh Dương đã đánh bật được nhiều đợt tấn công ồ ạt của giặc Pháp. Sau mỗi trận thắng lợi, anh chị em lại rút kinh nghiệm, củng cố trận địa hoàn chỉnh hơn, với những công sự vững chắc, có hệ thống hào giao thông bảo đảm cho lực lượng chiến đấu cơ động được nhanh chóng và an toàn.

Chính nhờ tinh thần chiến đấu anh dũng và biết lợi dụng địa hình địa vật, với vũ khí sẵn có và biết cách tổ chức chặt chẽ, nhân dân Cảnh Dương đã từng đẩy lui những cuộc tấn công hai ba tiểu đoàn của

địch, giữ vững quyền làm chủ trên mảnh đất quê hương trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp.

Có nhiều làng cũng đã xây dựng được như Cảnh Dương, Cự Nẫm, nhưng chỉ có thể đứng một thời gian rồi bị địch phá. Trong cuộc chiến tranh chống Pháp của Bình Trị Thiên, nhiều làng chiến đấu phải lập đi lập lại nhiều lần. Sở dĩ Cảnh Dương, Cự Nẫm nổi tiếng và kiên trì chiến đấu lâu dài được là vì nó xuất hiện sớm và có các điều kiện để bảo đảm thắng lợi như địa hình thích hợp, xa căn cứ địch, nối liền với vùng tự do... Vì vậy, lập làng chiến đấu là phải căn cứ vào tình hình cụ thể, điều kiện cụ thể của mỗi làng. Số lượng và chất lượng dân quân du kích và nhân dân trong làng là yếu tố chủ yếu. Nhưng điều kiện địa hình và khả năng đánh phá của địch cũng rất quan trọng. Đó là một bài học thực tiễn đã rút ra từ quá trình lập làng chiến đấu ở Bình Trị Thiên, nhiều nơi đã nghiên cứu và áp dụng.

Ngoài ra, các vùng sau lưng địch, nếu không lập được làng chiến đấu, nhiều nơi có các hình thức đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp để chống địch càn quét, khủng bố cướp bóc. Những làng này cũng có chi bộ Đảng, có chính quyền, có lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng. Đồng thời có cả hội tề hai mặt, do người của ta đưa ra làm. Nếu là người của địch thì ta thuyết phục họ, buộc họ phải nhận những điều kiện của ta để bảo đảm đấu tranh thắng lợi là sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ nhân dân, không bị địch chia rẽ, không để một phần tử xấu nào lọt vào, phá hoại, chỉ điểm cho giặc.

Trong lúc chưa đủ điều kiện tiêu diệt địch, nhiều nơi đã lợi dụng hội tề hai mặt để hạn chế đến mức tối đa âm mưu của địch dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Nhưng việc lợi dụng hội tề và hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp chỉ là tạm thời để tạo điều kiện đi đến xóa bỏ hội tề, xây dựng lực lượng kháng chiến lớn mạnh.

:

Từ khi thực hiện chủ trương đưa các đại đội độc lập về đồng bằng, nông thôn ba tỉnh Bình Trị Thiên thay đổi trông thấy. Nhiều đồn địch bắt buộc phải rút, như Chợ Cạn, Thủy Căn, Hồ Xá. Ở Thừa Thiên, địch phải rút 16 đồn, Quảng Trị 8 đồn, ở Quảng Bình 6 đồn. Có nhiều đồn tổ chức binh biến ra hàng như Cổ Hiền, Đập Huyện. Cũng có nhiều đồn lẻ tẻ bị ta triệt hạ. Có rất nhiều đồn cốt khác, địch không dám ra khỏi đồn. Nhiều làng chiến đấu đủ các kiểu mọc lên, tạo lên những căn cứ khá rộng nằm sâu trong lòng địch. Nhiều làng hội tề bị giải tán, chính quyền thành lập, dân quân du kích trưởng thành. Nhiều xã thành lập được trung đội dân quân và có nhiều huyện đã tổ chức được các đại đội bộ đội địa phương, tích cực hoạt động gây cho địch nhiều khó khăn.

Địch vẫn ra sức khủng bố. Chúng tổ chức những cuộc hành binh lớn đánh phá vào các làng mạc của ta. Nhưng đồng bào ta bây giờ không còn như trước nữa. Các đồn địch đều có dân quân canh gác. Giặc tập trung quân ở đâu, đồng bào ta đều biết trước, cất giấu của cải, chuẩn bị đi đánh giặc. Dân quân chuẩn bị hầm chông, bom mìn để chặn giặc. Giặc đi hướng đông, bà con ta tránh về hướng tây. Giặc đi hướng nam bà con tránh hướng bắc. Giặc đi nhiều mặt, bà con ta cũng luôn lối được những chỗ hỏ đã đi qua, vì đã có dân quân chặn giặc, mở đường. Tất nhiên, cũng có lúc, bà con ta bị thiệt hại, nhưng chẳng bao nhiêu. Giặc vào làng đốt phá đi rồi, bà con ta về làm lại. Có nơi giặc đốt phá nhiều quá, bà con không làm nhà chắc chắn nữa, chỉ che tranh tre ở tạm. Khi nghe tin giặc sắp càn, bà con rút tranh, rút cột ném mỗi cái một nơi vào ao hồ, ruộng nước. Khi giặc rút, bà con ta nhặt về dựng lên miễn sao có chỗ ở, chỗ ăn, và giúp đỡ dân quân, bộ đội.

Một lần, chúng tôi hành quân qua làng Sen Bàng, trời sắp sáng, tôi bảo mấy đồng chí cùng đi:

- Vào đâu đây nghỉ, nấu ăn đã.

Một đồng chí nói:

- Vùng này công giáo toàn tòng, lại gần đồn địch, gần nhà thờ, sợ không được an toàn.

- Cứ vào liên hệ xem. Không ở được thì ăn xong ta đi ngay. Chúng tôi vào gõ cửa một đồng bào nghèo, mái tranh, vách đất, xin thối cơm. Chủ nhà đồng ý ngay. Anh em mượn nồi nấu luôn. Bác chủ nhà cầm nắm lạt, vừa đi ra, vừa nói:

- Mấy chú cứ nấu ăn, tôi ra ngõ gác, có chi báo mấy chủ biết.

Tôi nhìn vào trong nhà thấy có bức ảnh Đức mẹ trong khung gỗ treo ở giữa nhà cũng như ở các gia đình công giáo khác. Một hồi chuông nhà thờ buổi sáng ngân nga rất gần. Tôi nhìn ra ngõ thấy bác chủ nhà tay vừa buộc hàng rào, nhưng mắt luôn nhìn về phía đồn địch. Chứng ba mươi phút sau, bác hốt hoảng chạy vô, nói vội:

- Các chú chạy đi. Theo bờ tre cho kín. Tây trên đồn về. Chắc có lý trưởng đi báo.

Cơm mới cạn, chúng tôi đổ cả vào khăn mặt mang đi. Ra khỏi nhà chừng mười phút thì địch vào làng. Chúng tôi lên một quả đồi cây thấp nhìn xuống, thấy ngọn lửa bốc cao và nghe tiếng súng nổ. Một lúc sau, tôi cho hai chiến sĩ trở lại xem thì thấy ngôi nhà mình vừa nấu cơm đã bị giặc đốt. Bác chủ nhà đang thu dọn đồ đạc trên nền tro nóng bỏng. Thấy hai anh bộ đội lúc nãy trở lại, nét mặt lo lắng, bác hỏi ngay:

- Mấy chú có ai bị chi không?

- Không. Anh em chỉ áy náy vì thối niêu cơm mà để bác phải thiệt hại.

Bác chủ nhà thản nhiên nói:

- Can chi chú. Tây đốt nhà ở đây như cơm bữa. Nhà tui làm đi làm lại có đến năm sáu lần rồi. Chỉ mong các chú đánh thắng mau mau là mừng thôi!

Lòng dân là như vậy. Không kể người lương hay công giáo, phật giáo đều mong chúng ta đánh thắng giặc giành lại độc lập, tự do.

Tôi nhớ lại trong cuộc họp đại biểu phật giáo yêu nước ở Đình Môn có một vị hòa thượng đã kêu gọi các phật tử tham gia kháng chiến. Vị hòa thượng ấy kể một câu chuyện cổ tích trong phật giáo. Có một nhà sư đã giành đao của bọn cướp để giết chết bọn cướp. Sau khi câu chuyện ấy xảy ra, đức Phật có nói: “Dĩ sát, diệt sát” là điều chân chính nên làm. “Hiện nay, giặc Pháp đang dùng cách bắn giết để cướp nước ta. Giết chúng nó hoặc giúp bộ đội, đồng bào giết chúng nó để giành độc lập, tự do cho tổ quốc, hòa bình, hạnh phúc cho nhân dân là điều cần thiết đối với tất cả phật tử chúng ta...”.

Qua thực tế, chúng tôi thấy chủ trương của Bộ Tổng tư lệnh đưa các đại đội độc lập về đồng bằng rất thích hợp và tạo cho quân dân Bình Trị Thiên trong cơn bão táp vẫn tiến lên giành những thắng lợi lớn.

:

Cùng với việc tổ chức cho các đại đội độc lập về đồng bằng, ta cũng chuẩn bị cho các tiểu đoàn tập trung đánh một vài trận lớn để hỗ trợ các đại đội độc lập làm nhiệm vụ.

Hồi ấy, đoạn đường sắt Đà Nẵng - Huế dịch đã chữa xong. Hằng ngày, có những đoàn tàu quân sự của địch chuyên chở lính, vũ khí, đạn dược, lương thực và tiếp tế cho mặt trận Bình Trị Thiên và Trung Lào. Những thứ hàng hóa đó từ bên nước Pháp chở sang và chỉ đổ lên được bến cảng Đà Nẵng vì cả miền Trung Việt Nam chỉ có bến cảng ấy, các tàu lớn có thể ra vào được.

Chúng tôi quyết định đánh một chuyến tàu. Chúng tôi nghiên cứu thấy nên đánh ở Hói Mít nằm giữa Lăng Cô và Thừa Lưu là tốt nhất, vì ở đó giấu quân trong các đồi núi dễ và bọn địch ít chú ý. Chúng đề phòng trên đèo Hải Vân nhiều hơn.

Chúng tôi giao cho đồng chí Lê Đình Lý nhiệm vụ chuẩn bị chiến trường. Trong việc này, chủ yếu là chuẩn bị gạo cho bộ đội ăn đủ mười ngày. Chỉ thế cũng đủ vất vả lắm rồi, vì phải xuống dưới đường số 1 vận động dân giúp đỡ. Đồng bào nghe nói quyên gạo cho bộ đội thì sẵn sàng ủng hộ. Anh chị em thanh niên, cứ tối đến, gửi gạo bí mật vượt qua đường số 1 và đường sắt đưa lên núi cất giấu. Một hôm ta xóa dấu chân trên đường không sạch, bọn địch biết, bố trí phục kích. Một số anh chị em bị hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Nhưng đồng bào không hề nao núng, đêm đêm vẫn gửi gạo theo con đường khác lên núi. Có một cô gái nghe tin chị mình bị bắn chết trên đường số 1, lăn ra kêu khóc thảm thiết. Nhưng liền tối hôm sau, cô ta xin thay chị gửi gạo lên núi. Nghe chuyện này, anh em ai cũng xúc động.

Gạo muối đã đủ rồi, bộ đội mới rời Đình Môn, hành quân lên vùng núi Lăng Cô. Ban ngày, một số đồng chí được phân công theo dõi để nắm lại quy luật vận chuyển các đoàn tàu quân sự. Ban đêm cả trung đoàn trưởng và cán bộ tiểu đoàn xuống đi dọc đường sắt nghiên cứu bố trí trận địa.

Trận này do anh Trần Sâm, trung đoàn trưởng trung đoàn 101 trực chỉ huy. Lực lượng gồm có tiểu đoàn 319 và trung đội liên pháo. Vũ khí có súng trường, lựu đạn, 2 đại liên, 7 trung liên, một ba-dô-ca, hai quả bom 50 ki-lô-gam.

Một giờ rưỡi chiều ngày 12-1-1949, chiếc Đơ-rê-din như một chiếc toa nhỏ chạy trên đường sắt, chở một tiểu đội dò đường từ từ lăn tới. Đứng trên xe, chúng nó còn la đùa nhau “mìn Việt Minh” rồi cười ha hả.

Lát sau, đoàn tàu quân sự khoảng 10 toa, xình xịch chạy đến. Hai quả bom nổ tung. Đoàn tàu trật bánh phải dừng lại. Bộ đội ta nhảy lên đánh chiếm các toa. Bị đánh bất ngờ, chỉ một số ít địch kháng cự loạt

choạc ta diệt ngay, còn tất cả bị bắt sống. Ta nhanh chóng thu vũ khí trên tàu và bắt bọn tù binh cùng khiêng vào núi.

Hơn một giờ sau, có hai trung đội bảo an ở đồn Lăng Cô và Thừa Lưu đến ứng cứu, bị đại đội chặn viện của ta đánh quyết liệt. Chúng phải rút về.

Hôm sau địch cấm dân ở dưới đường số 1 không được lên núi trong 7 ngày để chúng mở can lòng bộ đội Việt Minh. Nhưng ta đã rút về căn cứ từ đêm trước.

Đó là trận đánh giao thông lớn nhất từ trước đến nay. Nhân dân nghe tin rất vui mừng càng thêm tin tưởng kháng chiến. Địch thì càng khiếp sợ. Tên giám đốc hòa xa Đông Dương đã phải kêu: “nếu quân sự tỏ ra bất lực trong việc bảo vệ đoạn đường này thì buộc lòng ta phải bỏ”.

Sau trận này, ta đánh luôn trận thị xã Đông Hà, tuy không thắng hoàn toàn, nhưng tiếng vang rất lớn.

Đông Hà là một thị trấn có tính chiến lược rất quan trọng của địch, không những ở ba tỉnh Bình Trị Thiên mà ở cả miền Trung Đông Dương. Nó nằm giữa ngã ba hai con đường quốc lộ. Quốc lộ số 1 nối liền Bắc Nam và quốc lộ số 9 qua Lào. Tất cả mọi thứ giặc tiếp tế cho Trung Lào đều phải đi trên con đường này.

Do vị trí chiến lược quan trọng đó, giặc đóng ở đây trên 400 tên vừa Pháp vừa bảo an, 130 xe cơ giới. Công sự phòng ngự hết sức kiên cố.

Lực lượng ta đánh trận này có hai phân đội của trung đoàn 95 và một số anh em hàng binh người Âu, dưới sự chỉ huy trực tiếp của anh Hà Văn Lâu, phân khu trưởng và anh Lê Nam Thắng trung đoàn trưởng trung đoàn 95.



Ngay giữa ban ngày, lúc ba giờ chiều, mấy người bạn Âu châu chúng ta cải trang thành lính Pháp, dàng hoàng đi vào Đông Hà và bất thần nổ súng, giết ngay 30 tên địch, phá hủy một số xe. Nghe súng nổ, các phân đội của trung đoàn 95 cũng giả lính ngụy, nhanh chóng tấn công phối hợp. Nhưng các mũi bộ đội ta xung phong đều bị hỏa lực của địch bắn chặn không thể tiến được. Trung đoàn đành phải nghe lệnh cho rút ra. Anh em đã chấp hành lệnh “quá” tích cực, nghĩa là không những rút ra hết an toàn, mà còn lái theo ra cả một chiếc xe AM khá tốt. Sau đó chiếc xe ấy cũng bị pháo của địch bắn phá hủy.

Trận này làm cho các thị xã, các thị trấn và cả thành phố Huế hết sức xôn xao. Người ta bàn tán:

- Đến như Đông Hà là một nơi địch trang bị đến tận răng, một con chim bay không lọt, thế mà Việt Minh ra vào như đi chơi, thử hỏi các nơi khác sẽ ra sao?

Sau đó, nghe nói, tướng Lơ-bơ-rít chỉ huy quân đội Pháp ở miền Trung Đông Dương ra Đông Hà nghiên cứu lại tình hình và đặt kế hoạch bố phòng vị trí chiến lược này.

Kế đó, ta đánh Ưu Đàm - Mỹ Chánh, một trận phối hợp giữa ba lực lượng: tiểu đoàn tập trung, đại đội độc lập và dân quân du kích.

Dân quân du kích và đại đội độc lập bao vây đồn Ưu Đàm khá lâu. Lính ở trong đồn hết lương ăn. Tên đồn trưởng đi Huế lĩnh lương về không vào đồn được, phải nằm ở Mỹ Chánh một tuần. Ta nắm được tình hình đó, liền điều động một bộ phận của trung đoàn 95 và một bộ phận của trung đoàn 101, do đồng chí Lê Bá Vân, trung đoàn phó trung đoàn 95 chỉ huy, áp sát đồn Ưu đàm chờ quân giải tỏa đến để tiêu diệt. Quả thật, bọn Pháp phải đưa quân ứng chiến đến giải vây. Lực lượng địch có ba đại đội, đem theo cả xe bọc thép lội nước (amphibie) từ Huế ra. Ta đã quen thuộc địa hình nên hoàn toàn chủ động. Các chiến sĩ ta đã dũng cảm dùng lựu đạn phá hủy mấy xe bọc thép rồi nhảy lên xe quay súng 12 ly 7 của địch bắn vào đội hình

địch. Một đại đội của địch bị tiêu diệt, hai đại đội khác bị đánh tan, một số bị bắt sống, trong đó có thiếu tá Đờ-quăng-tê, chỉ huy phân khu Bình Trị Thiên.

Trong một lần lấy cung, khi ta hỏi cảm tưởng của y về trận đánh, tên thiếu tá Đờ-quăng-tê trả lời:

- Chúng tôi thua các ông không phải vì vũ khí hay vì tài năng chỉ huy của các ông mà vì sự dũng cảm của binh sĩ các ông. Chúng tôi nghĩ rằng, với sự dũng cảm đó, có lẽ, các ông sẽ thắng trong cuộc chiến tranh này.

Đồng chí cán bộ của ta, trước đây đã đổ tú tài nói bằng tiếng Pháp với hắn:

- Ông không nên dùng chữ “có lẽ” mà ông nên dùng chữ “lẽ tất nhiên” thì đúng hơn!

Đồng chí cán bộ đã nói đúng.

Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhờ chủ trương chỉ đạo chiến tranh đúng đắn của Bộ Tổng tư lệnh và sự chỉ đạo sát sao, dũng cảm, thông minh, sáng tạo của các cấp ủy Đảng trong ba tỉnh, quân dân Bình Trị Thiên đã vượt qua muôn vàn khó khăn để giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, vững vàng tiến lên.

## XIV. ĐẠI BÀNG VỖ CÁNH

Có một nhà văn nào đấy đã ví vùng đất Bình Trị Thiên như một con chim đại bàng vỗ cánh bay ra Thái Bình Dương. Hai cánh chim là hai ngọn đèo: đèo Ngang và đèo Hải Vân. Mỏ chim là mũi Lài, ở gần Vĩnh Linh. Đuôi chim là vùng núi đèo Bảo. Tôi chưa hề có ý nghĩ quan sát xem câu ví ấy có đúng hay không. Nhưng từ đầu năm 1949, quân dân Bình Trị Thiên chúng tôi cũng giống như con chim đại bàng vỗ cánh sắp bay cao và bay xa.

Sau hơn ba năm chiến tranh, quân viễn chinh Pháp trên chiến trường Đông Dương bị tổn thất nặng nề. Chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của địch hoàn toàn phá sản. Phong trào kháng chiến của nhân dân Việt Nam trong cả nước đang ngày càng lên cao. Chiến tranh du kích phát triển mạnh khắp nơi, nhất là ở đồng bằng Bắc Bộ và miền Trung Việt Nam.

Một số tướng tá Pháp phải kêu lên: “Thời gian gấp rút, phải hành động mau mới cứu vãn được tình thế”.

Cao ủy Bô-la-éc bị triệu hồi về nước. Tướng Đơ-lát Đơ-tát-xi-nhi được cử sang thay. Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương là tướng Bơ-lê-đô cũng bị rút về. Tướng Các-pang-chi-ê, một viên tướng có tên tuổi trong cuộc giải phóng nước Pháp sang thay thế. Cùng đi theo, có cả tướng bốn sao Rơ-ve, Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, sang Việt Nam xem xét tình hình và đặt kế hoạch mới.

Rơ-ve họp tướng tá quân đội viễn chinh ở Sài Gòn và đưa ra ba điểm lớn cả về chính trị lẫn quân sự:

- Tăng cường cho chiến trường Việt Nam 2 vạn quân và ưu tiên số 1 cho chiến trường Bắc bộ. Vì quân Pháp coi Bắc bộ là chiến trường chính, chiến trường quyết định.

- Phát triển quân nguy, sử dụng vào việc chiếm đóng để tập trung. Âu Phi là lực lượng cơ động.

- Sử dụng lá bài độc lập giả hiệu của Bảo Đại vừa được dựng lên để che đậy bộ mặt thực dân phản động của chúng và lôi kéo, tập hợp lực lượng Việt gian phản động.

Trong lúc đó, Trung ương Đảng ta cũng họp Hội nghị của cán bộ Trung ương lần thứ 6.

Hội nghị nhận định: Tương quan lực lượng giữa ta và địch thay đổi có lợi cho ta và chủ trương “Động viên mọi lực lượng tinh thần và vật chất của toàn dân vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc, giành kỳ được độc lập và dân chủ thực sự”.

Hội nghị đề ra khẩu hiệu gọn trong mấy chữ “tất cả để chiến thắng”. Về quân sự, Hội nghị ra Nghị quyết nhấn mạnh việc xây dựng bộ đội chủ lực, coi đó là trọng tâm công tác trong lúc này và nêu rõ: Tập trung cán bộ, tập trung vũ khí và phương tiện thông tin liên lạc cho các đơn vị đánh vận động. Biên chế, huấn luyện, trang bị đều phải nhằm mục đích thực hiện vận động chiến mà tiến hành.

Cuối năm 1949, trên chiến trường Bắc bộ thành lập các đại đoàn chủ lực 308, 304.

Khi nghe tin các đơn vị bạn ở miền Bắc được xây dựng thành đại đoàn, chúng tôi nghĩ bụng, thế nào các đơn vị ở Bình Trị Thiên cũng được xây dựng thành đại đoàn như các đơn vị bạn. Nhưng khoảng tháng 9 năm 1949, chúng tôi nhận được quyết định của Bộ Tổng tư lệnh thành lập “Mặt trận Bình Trị Thiên”.

Trong quyết định, Bộ Tổng tư lệnh giao nhiệm vụ cho chúng tôi: “Đẩy mạnh tác chiến tập trung ở các hướng chiến lược đường 9, miền Trung Đông Dương. Dùng chủ lực tác chiến để phối hợp với

chiến trường Bắc bộ và khi có điều kiện sẽ tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch tiến tới giải phóng Bình Trị Thiên đồng thời với Bắc Bộ”.

Trong quyết định, Bộ Tổng tư lệnh còn nêu rõ:

“Việc tiến tới thành lập đại đoàn cần thận trọng, căn cứ vào điều kiện cấp cường, sự trưởng thành của bộ đội địa phương, những khó khăn sau này của địch...”.

Và nhấn mạnh thêm:

“Phải tích cực xây dựng mọi mặt theo phương hướng của một đại đoàn chủ lực, khi có điều kiện, Bộ sẽ tăng cường thêm trang bị để có thể tập trung nhanh chóng thành sư đoàn 325”.

Như vậy, chúng tôi đã thấy rõ phương hướng trước sau cũng sẽ thành sư đoàn.

Tiếp theo các chỉ thị đó, Bộ Tổng tư lệnh ra quyết định thành lập Bộ chỉ huy Mặt trận Bình Trị Thiên do đồng chí Hà Văn Lâu làm tư lệnh trưởng và tôi làm chính ủy.

Bộ chỉ huy mặt trận được sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tổng tư lệnh.

Một buổi chiều cuối thu, khi nắng vàng còn rơi rớt trên núi rừng trùng điệp của dãy Trường Sơn hùng vĩ, một đoàn thuyền độc mộc lướt trên dòng sông Thạch Hãn, sóng vỗ mạn thuyền không át nổi giọng hát hò đưa:

Đò em lên xuống Ba Lòng

Chở người cán bộ qua vùng chiến khu...

Ba Lòng, chiến khu của Quảng Trị, nơi bộ chỉ huy mặt trận Bình Trị Thiên sẽ đóng.

Đây là một thung lũng dài và khá rộng, ruộng đất phì nhiêu, nằm trên sông Thạch Hãn, hai bên là núi rừng bát ngát. Xuôi dòng sông,

sẽ đến Trám, xóm làng trù phú đông vui. Từ Trám có thể đi các ngã đường về đồng bằng, ra Đông Hà, vô Quảng Trị. Ngược dòng sông sẽ đến các nương đồi của bà con dân tộc Tà ôi, Pa cô. Qua Ba Lòng, vượt dốc Làng Hạ sẽ gặp Cù, đến đường 9, thẳng hướng tây, sang đến Trung Lào.

Từ khi mặt trận vỡ, Ba Lòng đã trở thành một chiến khu, mà có một cán bộ già đã ngẫm lại câu sấm của Trạng Trình ba trăm năm về trước “Hoàn sơn nhất đại, vạn đại dung thân...”. Đường vào Ba Lòng rất khó: chỉ theo dòng sông nhiều ghềnh, lắm thác bằng những con thuyền độc mộc thì tương đối dễ dàng. Còn những con đường khác, qua lắm dốc nhiều đèo rất hiểm trở khó đi. Đất đai ở đây đã được canh tác từ lâu. Sắn, khoai, vừng, đậu, mùa nào cũng có. Hầu hết các cơ quan đầu não của tỉnh Quảng Trị, các bệnh viện, trường học đều mở nơi đây. Giặc cũng lên đây vài lần nhưng lần nào cũng đi nhiều về ít mà chẳng bắt được ai. Làm sao bắt được chim trong rừng sâu, cá dưới vực thẳm? Bộ chỉ huy mặt trận đóng ở đây vì nó là trung tâm của cả ba tỉnh Bình Trị Thiên. Lễ thành lập mặt trận cũng tổ chức tại nơi đây.

Đại biểu các trung đoàn chủ lực, các đơn vị bộ đội địa phương, đại biểu dân, chính, Đảng của ba tỉnh, theo các hướng lục tục kéo về. Từ trước đến nay, chưa lúc nào có một cuộc họp đầy đủ cả ba tỉnh đông vui như vậy. Có cả đại biểu của Liên khu IV vào dự. Có các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của ba tỉnh. Đồng chí Nguyễn Sơn, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, đồng chí Nguyễn Quang Xá, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị, đồng chí Thanh Quảng, bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình... Tất cả những đồng chí về dự đều có đủ thẩm quyền giải quyết những vấn đề lớn của hội nghị.

Hội nghị phải giải quyết một vấn đề hết sức quan trọng: “Làm thế nào để xây dựng được một lực lượng vũ trang thật mạnh đáp ứng

được nhu cầu chiến tranh hiện nay trên chiến trường Bình Trị Thiên cũng như chiến trường cả nước”.

Muốn giải quyết vấn đề đó, phải bàn đến ba việc chính: quân số, vũ khí và lương thực.

Về quân số, hội nghị đã nhận định:

Qua ba năm quần nhau với địch, nhất là sau khi thi hành chủ trương của Bộ Tổng tư lệnh về việc đưa các đại đội độc lập về đồng bằng xây dựng cơ sở và các tiểu đoàn tập trung đánh các trận tương đối lớn để tiêu hao sinh lực địch, phong trào kháng chiến ở nông thôn lớn rất mạnh. Hầu hết các địa phương đều có chính quyền của ta. Các tổ chức Đảng, các tổ chức quần chúng đã được thành lập, lực lượng vũ trang cũng đã tổ chức xong. Mỗi xã ít nhất cũng có một trung đội dân quân du kích, mỗi huyện đã có một đại đội bộ đội địa phương và mỗi tỉnh ít nhất cũng được gần một tiểu đoàn có thể chiến đấu và bảo vệ địa phương của mình. Các làng xã chiến đấu đã hình thành một căn cứ địa, nối làng nọ đến làng kia ở miền núi, cũng như đồng bằng và ven biển.

Về phía địch, nhiều thôn xóm không còn hội tề nữa. Nhiều đồn địch bị ta bao vây, lính trong đồn không dám tự do ra vào, đi lùnh sục cướp bóc nhân dân như trước. Mỗi lần, giặc muốn hành binh, phải tập trung thành những đội quân lớn, không thể đi bằng những toán quân nhỏ.

Đã đến lúc có thể rút các đại đội độc lập và tiểu đoàn tập trung về, xây dựng lại thành các trung đoàn chủ lực. Nhưng qua bao nhiêu năm chiến đấu, quân số đã hao hụt khá nhiều. Hơn nữa, trước đây, có tỉnh như Quảng Bình chỉ có một tiểu đoàn, chưa có đủ một trung đoàn... Bây giờ phải thành lập trung đoàn. Vậy quân số lấy ở đâu? Trước đây, Bình Trị Thiên dân số cũng rất ít. Qua mấy năm chiến tranh, giặc bắt phu, bắt lính. Thanh niên trai tráng đã vơi đi một ít. Lực lượng địa phương của ta phát triển, dân quân du kích, bộ đội địa

phương cũng cần thu hút một số lớn thanh niên. Lực lượng này không thể thiếu được. Vậy thì lấy ở đâu? Hội nghị bàn đến vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh, cùng chung một Liên khu - Liên khu IV. Thanh Nghệ Tĩnh và Bình Trị Thiên ở trong thế răng và môi. Môi hở thì răng lạnh. Nếu Bình Trị Thiên suy yếu thì Thanh Nghệ Tĩnh sống cũng không yên. Thanh Nghệ Tĩnh lại là một vùng tự do, người đông, là một hậu phương vững chắc cho Bình Trị Thiên. Việc bổ sung quân số cho tiền tuyến, hậu phương có thể đảm nhiệm một phần khi cần thiết.

Hội nghị quyết định tán thành và đại diện Liên khu ủy cũng cho biết Thanh Nghệ Tĩnh đã tuyên bố sẵn sàng phục vụ cho Bình Trị Thiên như phục vụ cho bản thân quê hương mình.

Việc thứ hai là trang bị vũ khí.

Đã bao năm rồi, Bình Trị Thiên vẫn tự lo lấy vũ khí để đánh giặc. Đất nước ta đang nằm trong thế bao vây của phe tư bản chủ nghĩa, sự viện trợ của anh em bạn bè năm châu bốn biển còn gặp khó khăn. Các chiến trường khác cũng phải tự lo lấy bản thân không có đâu để giúp cho người anh em ruột thịt. Nhà máy chế tạo vũ khí của ta chưa có. Chỉ còn một cách lấy của địch đánh địch. Bao năm rồi, Bình Trị Thiên vẫn làm như vậy. Nhưng rồi đây, chiến tranh sẽ phát triển lên cao. Hạ đồn địch không thể bằng súng trường, súng máy. Vậy lấy ở đâu?

Các cán bộ dân, chính, đảng nhìn vào các cán bộ quân sự ngồi rải rác trong hội trường. Các cán bộ quân sự nét mặt trầm ngâm. Im lặng, một cán bộ quân sự - nay tôi không nhớ rõ là ai đã đứng lên phát biểu ý kiến:

- Vấn đề này, xin hội nghị để cho chúng tôi nghiên cứu!

Không còn cách nào khác, hội nghị đồng ý thông qua.

:



Đến vấn đề lương thực. “Thực túc binh cường”, hội nghị thảo luận rất sôi nổi vì đây là vấn đề mấu chốt. Không có ăn thì làm sao mà đánh giặc. Đói một vài ngày còn chịu được., chứ đói cả năm, cả tháng thì làm sao?

Thanh Nghệ Tĩnh là hậu phương vững chắc. Dân số thì đông, nhưng đất đai canh tác không nhiều. Rất nhiều vùng đất đã bạc màu lại thiếu phân, thiếu nước, chỉ làm một vụ lúa, thậm chí không trồng được lúa chỉ trồng khoai lang; có nơi cũng không trồng được khoai lang, phải bỏ đất hoang. Đất Nghệ Tĩnh xưa kia cha ông ta đã nói “chó ăn đá, gà ăn muối”. Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã thực tế nói lên vùng đất quê hương mình:

Quê tôi nghèo, đất cằn trơ sỏi đá

Nhân dân nhiều vùng phải ăn một phần cơm, bốn năm phần khoai sắn, hoặc mỗi năm ăn khoai, ngô, sắn đến tám chín tháng với cà, dưa, muối trắng. Thậm chí có những bữa ăn ngô, khoai vẫn không no bụng.

Nếu có gạo lúa chẳng nữa thì việc chuyên chở không phải dễ dàng. Ngay sau khi giặc chiếm đóng Bình Trị Thiên, chúng đã dựng lên một hệ thống đồn bốt dày đặc để ngăn ranh giới giữa Bình Trị Thiên và vùng tự do, từ bờ biển cho đến chân núi Trường Sơn.

Ngày ấy, những đoàn cán bộ ra Bắc, vào Nam đều phải đi theo các con đường mòn giữa núi rừng Trường Sơn hùng vĩ. Đường phải vượt qua hàng trăm khe suối, và phải trèo qua những dốc những đèo, mà tên gọi của nó, do nhân dân đặt ra cũng đủ nói lên những nỗi khó khăn, vất vả: Niên U, Ba Rền, U Pò, Cao Mại... Liên U là năm cái dốc liền nhau, như những cái u con bò, cao vọt vọt, đứng dưới nhìn lên chẳng thấy chớp vì cây rừng che khuất, leo mãi, leo mãi, hàng nửa ngày mới tới nơi. Trái lại, Ba Rền là ba cái dốc không cao, cứ thoải thoải, thoải thoải, vươn lên, đi lê lết suốt một ngày từ sáng đến tối mới qua hết một rền như vậy. U Bò, là một ngọn núi cao dựng đứng

muốn đi lên là phải bò. Cao Mại, tiếng Hà Tĩnh, Quảng Bình thường hay nói nặng, nên chữ “mãi” thành chữ “mại”. Nghĩa là, leo qua ngọn núi ấy chỉ thấy cứ cao mãi, tưởng chừng như đi thẳng lên mây...

Quãng đường lắm dốc nhiều đèo, nhiều suối như vậy, muốn đi từ Quảng Bình ra Hà Tĩnh cũng phải mất 15 - 20 ngày; chưa kể những khi mưa ngàn, nước lũ, khe suối không qua được, phải chờ đợi chưa biết bao lâu. Nhưng sức người có hạn. Mỗi người chỉ gánh được 30 - 40 ki-lô-gam là cùng. Kể cả ngày vào và ngày ra, thì số gạo chỉ vừa đủ ăn cho người gánh, có thừa cũng chả bao nhiêu. Cho nên, có những đoàn gánh gạo, dọc đường lại phải ăn khoai, ăn sắn, ăn rau rừng để dành gạo nuôi quân.

Do đó, cần thấy rằng việc tiếp tế của hậu phương Thanh Nghệ Tĩnh không phải là một nguồn dồi dào đáng tin cậy được, mà vẫn do bản thân mình là chính. Nhưng Bình Trị Thiên cũng rất nghèo. Đất đai cũng có những canh đồng phì nhiêu như Quảng Ninh. Lê Thủy, Triệu Phong, Hải Lăng, Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc. Những cánh đồng đó, diện tích ít, sản xuất không đủ cho dân ăn. Ở phía bắc, dọc theo ven biển, hết đại trường sa đến tiểu trường sa, mênh mông cát trắng. Ở miền Nam thì lại toàn đầm phá, sóng biển nhấp nhô. Các huyện ở trung du, miền núi phần lớn đất sỏi khô cằn. Bài thơ của Xuân Hoàng nói về quê anh cũng đủ thấy:

Muối khe Gát

Vất Ba Rền

Sên Chà An

Cọp Trọ Rớ

Ai đi qua Quảng Bình hẳn lừng danh huyện Bố

Huyện khắc khổ, dân nghèo đất đỏ

Dưới chân Ba Rền thăm thăm mịt mờ xanh

Đất Bõ Trạch sản nhiều gạo ít

Nâu Ba Rền củ tốt hơn khoai

Sông Dinh nước cạn bãi bồi

Ruộng trơ xương lúa, mùa vui mùa cần...

Ruộng đất, thóc lúa của Bình Trị Thiên là như vậy. Nhưng nào giặc để cho yên. Chiến tranh thóc lúa (guere de riz) - thực dân Pháp đặt ra ngay từ đầu. Chiếm được thóc lúa, Việt Minh sẽ chết đói. Như vậy là thắng được một nửa, chưa nói là thắng hoàn toàn. Trong chiến lược của địch ở Bình Trị Thiên, chiếm thóc lúa là một trong những vấn đề mấu chốt. Hàng năm, đến mùa lúa chín, giặc tập trung quân đi cướp phá. Ở những vùng chúng chiếm đóng, thì chúng để đồng bào ta gặt về nhà, bắt khai báo sản lượng rồi chúng lấy dần. Nhưng rồi, tuần nào cũng có người lên đồn báo “đêm qua Việt Minh về cướp hết thóc”. Thực ra, dân đã gác cho bộ đội ta về lấy. Thế là chúng tập trung hết lúa về đồn. Đến những năm gần đây, phong trào quần chúng lên mạnh, chúng không thể bắt dân đem lúa về đồn được nữa. Vậy là, đến kỳ lúa chín, chúng tập trung quân mở những đợt càn liên tiếp ở các vùng có nhiều ruộng như Phong Điền, Quảng Điền, Triệu Phong, Hải Lăng, Quảng Ninh, Lệ Thủy. Chúng bắt dân gặt lúa đến đâu đưa về đồn đến đấy. Những nơi không cướp được lúa, chúng cho các loại xe cơ giới chạy bừa lên các cánh đồng lúa chín. Ban đêm, chúng câu đại bác ra các ruộng lúa để ngăn cản nhân dân và du kích đi gặt.

Từ đó, đến mùa lúa chín, việc đi càn quét trở thành quy luật của chúng. Và đến mùa lúa chín, bộ đội, dân quân du kích chiến đấu để bảo vệ mùa cũng là nhiệm vụ chính của ta, đã trở thành quy luật.

Vì thế, việc nhân dân Bình Trị Thiên tự cung cấp lương thực cho bộ đội mình không phải là chuyện dễ dàng, nhất là khi bộ đội đã tập trung thành mặt trận, sau này là đại đoàn, quân số đông hơn.

Hội nghị đã thảo luận rất sôi nổi về vấn đề này. Nhưng rồi các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, các cán bộ dân, chính, đảng của ba tỉnh hứa sẽ đem hết sức mình để làm nhiệm vụ đó.

Hội nghị hân hoan giải tán với một quyết tâm thực hiện đúng khẩu hiệu của Đảng đề ra: “Tất cả để chiến thắng”.

Sau đó, chúng tôi triệu tập một cuộc hội nghị quân sự riêng gồm các ban chỉ huy trung đoàn, tiểu đoàn bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, để bàn việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Tổng tư lệnh.

Nhiệm vụ của Bộ Tổng tư lệnh đã giao cho chúng tôi hồi ấy là:

- Thực hiện kế hoạch quân sự của Bộ Tổng tư lệnh.
- Trực tiếp chỉ huy chiến đấu các lực lượng chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân thuộc mặt trận.
- Phụ trách về quản trị và xây dựng các lực lượng chính quy của mặt trận.
- Phối hợp với Bộ tư lệnh địa phương và Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu IV trong việc lãnh đạo và xây dựng bộ đội địa phương, phát triển dân quân chuẩn bị chiến trường và bảo vệ địa phương. Trước mắt, chúng tôi phải củng cố một trung đoàn chủ lực mạnh, kiện toàn hai trung đoàn khác và thành lập một tiểu đoàn quân tình nguyện giúp nước bạn.

Trong chỉ thị, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng nói cụ thể: “Tích cực kiện toàn trung đoàn 95 thành trung đoàn chủ lực mạnh, các trung đoàn khác phải kiện toàn các tiểu đoàn chủ lực, chuẩn bị để khi có điều kiện, Bộ sẽ tăng cường trang bị để có thể tập trung nhanh chóng thành đại đoàn chủ lực”. Do yêu cầu đó, ngoài trung đoàn 95 của Quảng Trị, chúng tôi bổ sung thêm cho Quảng Bình một tiểu đoàn

nữa. Trước đây Quảng Bình chỉ có một tiểu đoàn và đặt tên là trung đoàn 18. Như thế là mặt trận chúng tôi có ba trung đoàn: 101 của Thừa Thiên, 95 của Quảng Trị và 18 của Quảng Bình. Chúng tôi sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ cấp trên giao cho.

## XV. CHIẾN DỊCH MỞ ĐẦU

Khoảng tháng 11, anh Hà Văn Lâu đi họp Bộ Tổng Tư lệnh về, báo cho tôi biết Trung ương vừa ra chỉ thị đẩy mạnh thi đua nhằm mục đích “tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công”. Nghe nói, tôi bàng hoàng một lúc vì chưa hình dung nổi tổng phản công như thế nào? Mặc dầu chúng tôi đã cố gắng nhưng các lực lượng vũ trang ở Bình Trị Thiên mới chỉ đánh được địch trong các cuộc càn quét, tập kích khi chúng mới dừng chân và phục kích trên các đường giao thông. Nếu đánh vào các vị trí chiếm đóng của địch thì chúng tôi phải dùng hình thức kỳ tập hay địch vận, chưa dùng sức mạnh tấn công được, vì chưa có đủ vũ khí tấn công. Thế mà bây giờ đã chuẩn bị tổng phản công thì làm thế nào đây? Làm thế nào để tiêu diệt gọn một tiểu đoàn địch trong vị trí? Làm thế nào tấn công vào các căn cứ của chúng ở Huế, Quảng Trị, Đông Hà?

Tôi và anh Lâu bàn với nhau tới ba bốn buổi vẫn thấy còn quá nhiều khó khăn. Cuối cùng, chúng tôi xác định với nhau muốn tổng phản công, trước hết phải có lực lượng, có vũ khí tấn công. Vậy ngay bây giờ phải ra sức xây dựng các lực lượng vũ trang thuộc mặt trận và tìm mọi cách bổ sung thêm vũ khí đánh công kiên. Đồng thời các trại sản xuất phải tích cực trồng thêm khoai sắn, lúa bắp để bộ đội có ăn và dành một phần lương thực dự trữ. Khi có lệnh tổng phản công, nếu ta chưa đủ sức đánh vào các căn cứ địch trong đô thị thì cũng phải cắt đứt được đường số 9, chốt giữ chặt đèo Ngang và đèo Hải Vân, giam chân địch lại đây để phối hợp với chiến trường chính ngoài Bắc phản công thắng lợi. Chiến trường chính giải phóng rồi thì chúng ta sẽ được tăng viện lực lượng, vũ khí, lúc ấy Bình Trị Thiên mới có thể tiến hành tổng phản công được.

Vấn đề đặt ra cho chúng tôi lúc đó là với khả năng của mình, làm thế nào giữ được địch lại, không cho chúng ra tăng viện chiến trường chính.

Ít lâu sau, chúng tôi nhận được điện của Bộ Tổng Tư lệnh giao nhiệm vụ phải đẩy mạnh hoạt động để phối hợp với chiến trường chính. Khi anh Lâu về cũng đã cho đã cho chúng tôi biết ngoài Bắc sắp mở chiến dịch Lê Lợi đánh vào Hòa Bình và các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên... Vì vậy, phải đẩy mạnh hoạt động để phân tán lực lượng địch, giam chân và tiêu diệt một bộ phận của chúng tại đây, dồn chúng vào thế bị động lúng túng, không cho kéo quân ra Bắc. Đó là một nhiệm vụ không thể thiếu được. Nhưng đẩy mạnh hoạt động bằng cách nào? Tổ chức từng trận đánh một thì sẽ không đạt yêu cầu. Anh Hà Văn Lâu và tôi thống nhất phải tổ chức một chiến dịch với nhiều hình thức tác chiến khác nhau, có nhiều trận đánh lớn, nhỏ xen kẽ nhau của các lực lượng vũ trang trên địa bàn ba tỉnh. Lúc này, chúng tôi chưa hiểu đầy đủ khái niệm về chiến dịch, nhưng cũng biết đại khái rằng: chiến dịch là gồm nhiều trận đánh diễn ra trong một không gian, thời gian nhất định, có kế hoạch, có chỉ huy thống nhất nhằm đạt những yêu cầu, mục đích nhất định do lãnh đạo đề ra.

Chúng tôi đặt tên là chiến dịch Lê Lai. Ngoài Bắc là chiến dịch Lê Lợi, trong này, chiến dịch Lê Lai, một vị tướng trung thành đã cứu Lê Lợi thoát khỏi vòng vây của quân Minh.

Chúng tôi triệu tập hội nghị cán bộ bàn cách mở chiến dịch. Có một số đồng chí không đồng ý, rằng bộ đội ta đang thời du kích mà mở chiến dịch với cả ba thứ quân và nhiều trận đánh trên địa bàn rộng, không khéo lại trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. Chúng tôi cũng chưa có thực tế để giải thích vì đã mở chiến dịch bao giờ đâu! Chúng tôi chỉ nêu ra mấy yêu cầu cần thiết:

- Nhiệm vụ của mặt trận là phải phối hợp với chiến trường chính bằng cách tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch. Nếu không thu hút được địch từ chiến trường chính vào thì ít nhất cũng phải giữ chân chúng lại, đừng để chúng rút đi tăng viện cho chiến trường chính.

Nếu chúng ta chỉ dùng một số trận đánh riêng lẻ thì không thể đáp ứng được yêu cầu và hoàn thành nhiệm vụ.

- Chủ lực của mặt trận đang chuẩn bị thành lập đại đoàn, phải nâng dần quy mô hoạt động tác chiến của các đơn vị lên để phù hợp với nhiệm vụ sắp tới.

Cuối cùng, mọi người cũng nhất trí với cách đặt vấn đề và yêu cầu trên.

Chúng tôi xác định nhiệm vụ cụ thể của chiến dịch là:

- Tổ chức một số trận đánh trên đường quốc lộ số 1, tiêu diệt một số bộ phận sinh lực địch, cắt đứt giao thông vận chuyển của địch. Các nơi khác, tổ chức những trận phục kích, tập kích, chống càn, đánh xe tàu, vây đồn diệt viện để phối hợp.

- Giúp đỡ bộ đội địa phương và dân quân du kích, kết hợp tiêu hao, tiêu diệt với xây dựng cơ sở, mở rộng và củng cố căn cứ du kích vùng đồng bằng, chủ yếu là những nơi đông người nhiều của ở sau lưng địch.

Kế hoạch tác chiến trong chiến dịch của bộ đội chủ lực được nêu rõ: Tập trung trung đoàn 95 (thiếu một tiểu đoàn) và trung đoàn 18 vào Nam Quảng Bình, hướng chính của chiến dịch. Tổ chức bao vây, tấn công đồn Vạn Xuân, tạo thời cơ phục kích tiêu diệt quân đến cứu trên đường số 1.

Trung đoàn 101 vẫn ở lại Thừa thiên, tăng cường hoạt động để phối hợp.

Kế hoạch ấy, chúng tôi đã bàn bạc với các Tỉnh ủy của ba tỉnh. Tất cả đều nhất trí. Mỗi tỉnh đều có kế hoạch riêng của mình. Một mặt đẩy mạnh mọi hoạt động với lực lượng trong tỉnh để phối hợp với chiến dịch. Mặt khác, tích cực giải quyết vấn đề hậu cần, tiếp tế lương thực để bảo đảm chiến dịch thắng lợi.



Chúng tôi điện báo cáo, xin ý kiến của Bộ Tổng tư lệnh, được Bộ đồng ý.

:

Đầu tháng 12, mở màn chiến dịch Lê Lai.

Trên các hướng chính, các đơn vị của trung đoàn 95 đã liên tiếp tập kích, phục kích ở Bắc Quảng Trị và Nam Quảng Bình có nhiều trận khá như trận Thanh Lê diệt và bắt gần 70 tên địch, trận Dốc Miếu diệt 2 trung đội ngụy, trận Bồ Bản diệt 90 tên, trận chợ Gio đột nhập giữa ban ngày, diệt gọn một trung đội lê dương đang chè chén say sưa, làm cho đồng bào rất phấn khởi.

Trung đoàn 18, vừa mới vượt U Bò, Ba Rền vào Nam Quảng Bình được tin địch đi càn ở Lệ Kỳ, liền cử một phân đội vận động đến diệt gọn một trung đội địch.

Trên hướng phối hợp, trung đoàn 101 cũng đã đánh được một số trận địch đi lũng ở Bồn Trì, Bồn Phổ.

Ngày 18-12, hai trung đoàn 95 và 18 bước vào thực hiện trận đánh then chốt của chiến dịch.

Giữa mùa đông rét như cắt, các chiến sĩ trung đoàn 18 và bộ đội địa phương huyện Lệ Thủy bao vây đồn Vạn Xuân và phục kích chặn viện ở Tràng Thiệp. Trung đoàn 95 giấu quân ở Thạch Xá Hạ, ven đường số 1, cách thị xã Đồng Hới 25 ki-lô-mét về phía nam, chuẩn bị trận phục kích lớn ở đây.

Đúng như dự kiến của ta, ngày 24 tháng 12, địch tập trung quân ứng chiến về Đồng Hới để giải vây cho đồn Vạn Xuân. Sáng ngày 25, đoàn xe chở lính Âu Phi từ Đồng Hới chạy vào. Đến Thanh Xá Hạ, một quả bom nổ tung lật nhào chiếc xe bọc thép đi đầu. Một quả mìn nổ tiếp làm cho cả đoàn xe dừng lại, chiếc bị cháy, chiếc bị đổ ngổn ngang. Bộ đội ta xung phong, bắn vào đội hình địch, diệt gần 200 tên lính Âu

Phi. Tên thiếu tá Lơ-bờ-ruýt chỉ huy tiểu đoàn Âu Phi và hai trung úy Pháp bị bắt sống.

Đến trưa, 5 xe chở lính Âu Phi và bảo an từ Hòa Luật Nam vội vàng chạy ra tiếp cứu cho đồng bọn, vừa đến Trảng Thiệp bị đơn vị của trung đoàn 18 phục kích, gần 100 tên bị chết. ta thu được trên 70 súng các loại.

Ngày hôm sau, bọn lính trong đồn Vạn Xuân cũng hoảng sợ, tháo chạy luôn.

Sau chiến dịch Lê Lai, các trung đoàn 95, 18 phân tán về các xã ở nam Quảng Bình và bắc Quảng Trị giúp bộ đội địa phương và dân quân du kích hoạt động diệt thêm một số đồn lẻ, mở rộng vùng căn cứ của ta.

Bộ đội của trung đoàn 101 cùng với bộ đội địa phương và dân quân Thừa Thiên cũng liên tiếp đánh nhiều trận giao thông ở Phú Lộc, Huế, Hải Lăng, nam Quảng Trị.

Trung đoàn 103 của Liên khu IV từ Hà Tĩnh vào Bắc Quảng Bình, không nằm trong lực lượng vũ trang của Bình Trị Thiên cũng đã tập kích thắng lợi đồn Đơn Sa và đánh một số trận phục kích gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong một tháng của chiến dịch Lê Lai, cả ba tỉnh Bình Trị Thiên đã đánh gần 100 trận lớn nhỏ, diệt trên 1500 tên địch, bắt sống gần 150 tên, thu và phá hủy nhiều vũ khí của địch. Chưa bao giờ trên chiến trường này, ta tiêu diệt được một số lớn quân ứng chiến đến như vậy, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó khắp cả ba tỉnh.

Bộ đội chủ lực đã giúp cho dân quân du kích và bộ đội địa phương hoạt động đều khắp hơn. Anh chị em dân quân và bộ đội địa phương bao vây, bức rút đồn Thủy Cần, dùng địch vận hạ các lô-cốt Phú Ốc,

Mỹ Chánh. Chính phong trào đó đã thúc đẩy ngụy binh đồn Cổ Hiền ở Quảng Bình nổi dậy giết sĩ quan Pháp và bọn chỉ huy đồn, mang toàn bộ vũ khí về với cách mạng.

Lần đầu tiên, trên chiến trường Bình Trị Thiên, ta đã thực hiện được một chiến dịch với ba thứ quân trên một phạm vi rộng. Các lực lượng lớn mạnh thêm một bước. Các trung đoàn chủ lực có đà phát triển thành những đơn vị cơ động, chiến dịch tập trung. Cán bộ chỉ huy các cấp lại được thêm những bài học kinh nghiệm trong thực tế chiến đấu với quy mô lớn và rộng của ba thứ quân.

Mặt trận Bình Trị Thiên đã hoàn thành nhiệm vụ phối hợp với chiến trường chính. Ở chiến trường chính, chiến dịch Lê Lợi đã toàn thắng.

Bọn quan, lính Pháp bị bắt trong chiến dịch được đưa về Bộ chỉ huy mặt trận, thiếu tá Lor-bơ-ruýt xin gặp cấp chỉ huy của ta. Một cán bộ địch vận được cử đến gặp nó. Câu đầu tiên của viên thiếu tá viên chinh là:

- Đói quá! Cho tôi ăn.

Anh nuôi ta liền đưa đến cho hắn một rổ sắn luộc và một bát nước ruốc (mắm tôm). Tưởng hắn không biết ăn mắm tôm. Không ngờ viên thiếu tá đó vừa ăn ngấu nghiến vừa nói bằng tiếng Việt lơ lớ:

- Sắn... mắm tôm... tốt lắm... cảm ơn!

Hắn ăn hết cả rá sắn. Anh em phì cười.

## XVI. KHI MÙA LÚA CHÍN

Giữa mùa xuân 1950, sau chiến dịch Lê Lai một thời gian, chúng tôi hết gạo, bộ đội không có ăn. Anh Lâu và tôi bàn với nhau rất kỹ. Chỉ còn một cách là phân tán bộ đội về các nơi nhờ dân nuôi, có gì ăn nấy.

Lúa đã bắt đầu chín. Các nơi đến yêu cầu chúng tôi phái bộ đội về giúp dân gặt hái. Huyện ủy Triệu Phong đến gặp ban chỉ huy trung đoàn 95. Ban chỉ huy trả lời:

- Bộ đội chúng tôi sẵn sàng làm nhiệm vụ, nhưng đề nghị các đồng chí chuẩn bị cho năm tạ gạo, chúng tôi mới tập trung quân được...

Đồng chí Bí thư huyện ủy gặt đầu:

- Vâng! Mời các đồng chí về ngay. Chúng tôi đã được tin địch tập trung quân ở thị xã Quảng Trị đi càn, cướp lúa. Nếu các đồng chí không về, bộ đội địa phương chúng tôi không chống cự nổi. Chúng sẽ cướp phá hết. Mặc dầu dân chưa có ăn, chúng tôi cũng hết sức cố gắng.

Ngay tối hôm đó, đồng chí Bí thư huyện ủy về, triệu tập Bí thư các xã có ruộng lúa sắp gặt lại nói:

- Chúng ta phải có ngay năm tạ gạo cho bộ đội ăn để chống càn cho dân gặt. Cách giải quyết nhanh nhất bây giờ là dựa vào dân.

Các đồng chí bí thư xã vội vã ra về.

Một lúc sau, trong bóng đêm trùm xuống, anh chị em thanh niên đổ xô ra đồng, tuốt những chẹn lúa đã chín vàng, dù đại bác trong các đồn lân cận có thể rót đạn xuống bất cứ lúc nào. Ở nhà, các cụ, các mẹ đã đã bắc nồi rang lên bếp lửa. Lúa tuốt được chừng nào đem về ngay chừng nấy, bỏ lên nồi rang rồi bỏ vào cối giã.

Khoảng giữa khuya, năm đại đội của trung đoàn kéo về, nhận ngay bảy tạ gạo mới, thơm phức. Anh em kéo ra vùng Hà My, Đò Kênh, bố trí dọc hai bên đường từ thị xã Quảng Trị về Cửa Việt.

Sáng hôm sau, khi mặt trời lên cao, một tiểu đoàn Âu Phi và một tiểu đoàn bảo vệ từ thị xã kéo về Triệu Phong. Tên chỉ huy tiểu đoàn bảo vệ huênh hoang tuyên bố với bà con trong thị xã:

- Lần này không phải chỉ tìm bắt du kích mà bắt cả bọn đàn bà con gái ra gặt lúa đưa về thị xã, không để một hạt lúa rơi vào tay Việt Minh cộng sản.

Đến Hà My, bọn địch gặp ngay bộ đội ta phục kích, nổ súng. Tên chỉ huy tiểu đoàn chết ngay từ viên đạn đầu. Bọn Tây và ngụy cũng bị chết rất nhiều... Bọn viện binh từ trong thị xã kéo ra cũng bị đánh tan tác. Chiều đến, bọn địch rút về để lại rất nhiều xác chết trên ruộng lúa. Giặc phải bỏ cuộc càn.

Ở các nơi, các đơn vị đã có ăn, tập trung lại, cùng nhân dân bảo vệ vụ mùa thắng lợi.

## XVII. TRÊN SÔNG KIẾN GIANG

Đầu tháng 5, trung đoàn 18 về vùng Quảng Ninh, Lệ Thủy. Trung đoàn đóng hai bên bờ sông Kiến Giang cách đường quốc lộ khoảng chừng 4 - 5 ki-lô-mét. Xung quanh có những đồn lớn. Phía tây nam có đồn Mỹ Trạch, phía đông bắc có đồn Hòa Luật Nam, phía bắc, đồn Thượng Phong. Vùng này quân ta ít về, cơ sở cách mạng còn non yếu. Tiểu đoàn 436 lại mới từ Liên khu IV vào chưa quen thuộc chiến trường. Trong lúc đó, do những thất bại lớn về quân sự trong năm gần đây, địch tăng viện thêm quân cho mặt trận Bình Trị Thiên. Chúng đã điều động tiểu đoàn thứ 6 Spa-hi là đơn vị Âu Phi có tiếng liều mạng ở chiến trường Bắc bộ vào, phối hợp với các đội quân ứng chiến để tiêu diệt một phần lực lượng của ta. Kế hoạch đó ta chưa phát hiện được. Do sơ hở của ta, địch đã biết trung đoàn 18 về đóng quân ở vùng Uẩn Áo. Đúng đêm 19 tháng 5, quân dân ta đang vui mừng kỷ niệm ngày sinh nhật của Hồ Chủ tịch, quân Pháp bí mật kéo về đồn Hòa Luật Nam chuẩn bị cuộc càn.

Trung đoàn được tin giặc đã xuất quân, tưởng rằng đây chỉ là bọn ứng chiến từ thị xã ra phối hợp với quân các đồn mở cuộc càn phá mùa như thường lệ mà thôi, nên lệnh cho tiểu đoàn 436 về Xuân Bồ chống càn, còn tiểu đoàn 274 bố trí bên kia sông chặn viện ở đồn Thượng Phong ra.

Ta vừa bố trí xong thì tiểu đoàn Spa-hi cùng với đại đội ứng chiến từ đồn Mỹ Trạch chia làm hai mũi vào Xuân Bồ. Đại đội 40 của tiểu đoàn 436 chốt ở phía trước, nổ súng chiến đấu quyết liệt hơn một tiếng đồng hồ, đánh bật hai đợt xung phong của địch có trọng pháo yểm hộ.

Đến 10 giờ, địch tăng thêm tiểu đoàn ứng chiến từ đồn Thượng Phong sang, tổ chức đợt tấn công mới dữ dội hơn. Mặc dầu lực lượng chênh lệch, quân ta vẫn chiến đấu rất dũng cảm. qua mấy lần xung phong, ta bắt được mấy tù binh. Ta khai thác ngay tại trận địa. Biết

được ý đồ và lực lượng của địch, trung đoàn điều động ngay tiểu đoàn 274 vượt sông sang tăng cường cho tiểu đoàn 436. Các chiến sĩ ta được lệnh lao ngay ra bờ sông. Những chiến sĩ biết bơi, giơ cao súng, bơi ào ào qua sông. Một số khác không biết bơi, đứng tần ngần, phía trước đã có mấy chiếc thuyền lao vút đến. Đó là những tuyến dân đánh cá đậu sẵn bên sông, thấy bộ đội ta cần qua sông, nên chèo vội đến giúp đỡ. Trên trời, một chiếc máy bay bà già vùn vùn bay quan sát. Thấy bộ đội ta vượt sông, nó báo lại cho trọng pháo các đồn xung quanh câu tới. Lát sau lại có ba chiếc máy bay oanh tạc xề xề lao đến, thả bom đạn xuống giữa dòng sông. Mặt nước sông Kiến Giang sôi lên sùng sục. Từng cột nước bốc cao như những ngọn sóng thần. Chiến sĩ ta vùn vùn bơi qua phía bên kia bờ. Thuyền vẫn lao vun vút. Một số chiến sĩ bị trúng bom đạn, thả mình trôi theo dòng nước. Vài chiếc thuyền chìm xuống đáy sông.

Bên kia Xuân Bồ, địch mở đợt tấn công cuối cùng đã vào được trong làng. Cùng lúc, bộ đội ta đã đến bờ, chẳng chờ lệnh, xông thẳng vào làng. Một trận ác chiến xảy ra khắp các vườn nhà, các ngõ xóm. Khói lửa mù mịt phủ kín các lũy tre xanh. Khoảng ba giờ chiều, địch bị đánh bật ra khỏi xóm, chạy về phía bờ sông. Bộ đội đuổi theo. Trên cánh đồng hẹp giữa làng ra bờ sông, địch cắm đầu, cắm cổ chạy trước, chiến sĩ ta đuổi theo sau. Nhưng chúng phát hiện một số lớn chiến sĩ ta hết đạn, không bắn theo. Chúng dừng lại, quay lui định phản công. Các chiến sĩ súng đã lắp lựu lê ào ạt thét lên “xung phong”, “xung phong!” lao thẳng vào địch đánh giáp lá cà. Chiến sĩ Lâm Úy đã dùng lựu lê đâm chết 11 lính Âu Phi, không may lựu lê bị gãy. Thấy tên sĩ quan người Pháp đứng trên bờ sông, anh vút súng, lao người tới ôm lấy nó. Tên sĩ quan to lớn hơn anh nhiều. Anh lại bị kiệt sức. Hắn định xô anh ra nhưng anh đã ôm chặt lấy hắn, cắn vào cổ họng. Cả anh lẫn hắn ngã xuống sông. Ngày hôm sau, đồng bào vớt xác anh lên, rằng anh còn cắn sâu vào cổ giặc.

Đây là một trong những trận chiến đấu oai hùng nhất của quân dân Bình Trị Thiên đánh tan hai tiểu đoàn ứng chiến tinh nhuệ của địch. Từ thế bị động bất ngờ lúc đầu, trung đoàn đã nhanh chóng nắm vững tình hình và sử dụng đúng lực lượng, được đồng bào hết lòng giúp đỡ, đã giành lại thế chủ động, diệt 500 gặc Pháp, bảo vệ được nhân dân, bảo vệ được xóm làng.

Sau trận Xuân Bồ, hoạt động của địch dần dần co lại. Chúng rút bỏ đồn Mỹ Trạch. Vùng tự do của Quảng Bình được mở rộng. Từ phía tây sông Kiến Giang lên sát ven núi, hoàn toàn không còn đồn bốt địch và cũng không có những trận càn quét như trước. Đồng bào, bộ đội đi lại, làm ăn nhộn nhịp. Các cơ quan, đoàn thể của tỉnh về đóng ở vùng Châu Lê Xá. Cán bộ đi công tác từ trong ra, từ ngoài vào đến đây được nghỉ ngơi yên ổn như một hậu phương của mặt trận.

Từ bấy, đồng bào Quảng Bình có câu ca:

Hoan hô chiến sĩ Xuân Bồ

Năm trăm gặc Pháp không mồ chôn thây.

Và liệt sĩ Lâm Úy được chính phủ tuyên dương là Anh hùng quân đội.



## XVIII. CHIẾN CÔNG NỐI TIẾP CHIẾN CÔNG

Gần cuối tháng 5, chúng tôi nhận được bức điện tối mật của Bộ Tổng tư lệnh: “Tích cực hoạt động phối hợp chiến trường chính”.

Chúng tôi đã biết ngoài Bắc sắp mở chiến dịch Lê Hồng Phong, trong này sẽ mở chiến dịch Phan Đình Phùng.

Việc chuẩn bị chiến dịch lớn này không còn lúng túng, bỡ ngỡ như lần trước. Chúng tôi chỉ có những băn khoăn, nên đánh địch cách nào và ở đâu để giành thắng lợi to lớn nhất.

Sau khi thảo luận với các ban chỉ huy trung đoàn, chúng tôi thống nhất cách đánh vẫn là “vây đồn, diệt viện”, lôi địch ra khỏi công sự mà đánh là bờ ản nhất. Địa điểm quyết chiến vây đồn chọn là đồn Sen Hạ và diệt viện ở vùng Chấp Lễ - Hạ Cờ.

Tại sao ta chọn đồn Sen Hạ.

Từ khi giặc chiếm đóng Bình Trị Thiên, chúng luôn luôn lo củng cố con đường quốc lộ số 1 vì đây là con đường giao thông huyết mạch của chúng để chuyên chở quân lính, vũ khí, đạn dược từ cảng Đà Nẵng ra phía Bắc và lên Trung Lào. Con đường sắt chúng mới chữa được đoạn từ Đà Nẵng ra Đông Hà, phía ngoài chưa chữa được. Ngoài ra không còn một con đường nào khác xe cơ giới có thể đi thẳng được. Vì thế, chúng dựng rất nhiều đồn bốt hai bên đường quốc lộ để bảo vệ an toàn giao thông. Sen Hạ là một đồn trong hệ thống đó, nằm bên đường quốc lộ giữa ranh giới Quảng Trị và Quảng Bình. Nếu ta bao vây đồn, bắt buộc địch phải tiếp cứu, không thể để cho mạch máu ngừng chảy được.

Tại sao lại chọn địa điểm diệt viện ở vùng Chấp Lễ - Hạ Cờ?

Qua nhiều kinh nghiệm xương máu, trên đường hành quân, giặc chú ý đến các vùng ta có thể giấu quân được như làng mạc, rừng núi, những nơi cây cối rậm rạp âm u... Quãng đường Chấp Lễ - Hạ Cờ là

một vùng rất quang đãng. Phía tây bên này đường quốc lộ là những đồi trọc rất trống trải, chỉ có đôi chỗ bụi cây lúp xúp, lúa thừa. Phía đông, bên kia đường lại là một bãi cát dài, không có một bóng cây cao, thỉnh thoảng mới có vài đám cỏ dại. Rõ ràng, nơi đây không thể nào giấu quân được. Đứng đằng xa cũng có thể quan sát được một cách dễ dàng. Bất ngờ hơn, ta không tấn công chúng khi đi, mà tấn công chúng khi về. Chúng tôi đã suy đoán, vây đồn Sen Hạ, nhất định chúng phải ứng cứu. quân ứng cứu có thể từ phía bắc, từ Đồng Hới vào. Nhưng quân cơ động của địch ở phía bắc không nhiều. Nếu ta đánh tan được chúng, thì bắt buộc địch phải cho quân cơ động từ phía nam, Huế, Quảng Trị, Đông Hà ra. Bọn này đã ra thì bắt buộc phải trở về, vì chúng không thể bỏ vắng lâu địa bàn Thừa Thiên, Huế, Quảng Trị, Đông Hà rất quan trọng về chiến lược. Và lúc về, chúng không có con đường nào khác là phải chạy qua đoạn đường này. Khi đi, đã không nghi ngờ gì và yên ổn đi qua, thì khi về, không có lý gì bắt chúng phải nghi ngờ nếu không có điều gì lộ bí mật của ta. Việc giữ bí mật chúng tôi tin chắc chắn là được. Chiến thuật lần này là “độn thổ”. Đây là một sở trường của bộ đội ta qua bao nhiêu năm lăn lộn trong vùng địch hậu, nhất là thời gian làm nhiệm vụ đại đội độc lập...

Kế hoạch tác chiến, chúng tôi chia làm hai bước:

Bước thứ nhất, tập trung hai trung đoàn 95 và 18 bao vây đồn Sen Hạ, tạo thời cơ để bộ đội ta phục kích, tiêu diệt quân ứng chiến địch ở phía bắc.

Bước thứ hai, tập trung cả ba trung đoàn vào vùng Chấp Lễ - Hạ Cờ để tiêu diệt khi chúng từ trong Nam ra và trở về, Sở dĩ ta tập trung đông như vậy vì chúng tôi phán đoán rằng địch trong này ra phải rất đông mới dám đi, một khi đồn Sen Hạ bị bao vây mà bọn ứng cứu phía bắc không cứu được.

Tất cả anh em đều thống nhất như vậy. Sau đó chúng tôi báo cáo với các Tỉnh ủy ba tỉnh Bình Trị Thiên để giúp đỡ, tham gia chiến dịch về mặt hậu cần. Tất nhiên là các đồng chí sẵn sàng làm nhiệm vụ. Thời gian đó, ta lại được hậu phương Thanh Nghệ Tĩnh, của ít lòng nhiều, đã giúp cho một số lương thực cho nên vấn đề hậu cần không lo lắm.

Đêm 17, 18, 19 tháng 6, một phân đội của trung đoàn 18 cùng du kích địa phương liên tiếp bao vây và công kích đồn Sen Hạ.

Sáng hôm sau, 20 tháng 6, địch liền cho 5 xe chở đầy lính từ Đồng Hới theo đường số 1 chạy vào tiếp cứu cho Sen Hạ, nhưng vừa tới Trảng Thiệp đã bị trung đoàn 95 phục kích diệt gọn. Tiếp đó, địch lại cho thêm 15 xe chở quân vào. Cũng giống như số phận 5 xe trước, chúng vừa tới Thủy Liên bị quân ta tiêu diệt, 150 tên chết và bị bắt sống.

Ngày 21 tháng 6, im ắng không thấy gì. Ta vẫn bao vây đồn Sen Hạ. Sáng ngày 26 tháng 6, trinh sát cho biết, khoảng 200 xe cơ giới chở độ 2.000 quân vừa Âu Phi, vừa ngụy, đa số là Âu Phi chạy ra phía Sen Hạ. Trinh sát đứng ở xa cũng thấy rõ như vậy... Đúng như phán đoán của chúng tôi. Và chắc chắn chậm lắm là một tuần lễ bọn này phải trở về. Ta liền cho lực lượng của trung đoàn 101 và 95 thêm một đại đội bộ đội địa phương của Quảng Trị ra bố trí. Trận địa kéo dài hơn ba ki-lô-mét dọc theo đường quốc lộ. Ngay đêm đó, bộ đội tới ven đường đào hố như kiểu hố phòng không cá nhân. Cái khó là đào đất lên phải đi đổ tận xa không để vương vãi gần đường. Trong đêm nếu đào chưa xong, phải ngụy trang lại cẩn thận và xóa hết mọi dấu chân trên cát để ban ngày địch đi qua không phát hiện được, đêm sau lại đào tiếp. Mỗi hố đủ cho một người vừa khuất đầu có nắp phủ cỏ hoặc đất cát giống như địa hình tự nhiên ở đó.

Ở giai đoạn chuẩn bị thì cứ chập tối, bộ đội từ trong các làng rất xa đường ra xây dựng trận địa, mờ sáng lại rút về. Ở giai đoạn sắp chiến

đấu thì cứ mờ sáng, bộ đội mang cơm nắm ra ngồi ngoài hầm chờ địch. Đến tối, chưa có địch thì lại rút về.

Ai đi qua vùng này những trưa hè gay gắt mới thấm thía hết ý nghĩa câu thơ của Tố Hữu “Chang chang còn cát, nắng trưa Quảng Bình”. Người dân ở đây, những trưa nắng hè, có việc gì cần lắm phải đi qua thì mang toi đội nón, cởi áo ném ra trước mặt, chạy vài bước, đứng lên trên cái áo, lại ném áo, lại chạy, vì cát nóng bỏng như rang, chân không chịu nổi. Cái câu “Thương em, anh cũng muốn vô”, “Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang...” còn có ý nghĩa đó nữa. Hạ Cờ - Chấp Lễ nằm trong phạm vi truông nhà Hồ. Có phải chăng chàng trai sợ truông nhà Hồ vì xưa kia, đây là nơi rộng mênh mông và hoang vắng, có nhiều trộm cướp trốn tránh và vì một lý do nữa là sợ cát bỏng trưa hè? Cũng như sợ sóng nước cuộn cuộn ở phá Tam Giang?

Nói như vậy để thấy rằng, các chiến sĩ của ta ngồi dưới hầm lúc đó vào những ngày hè tháng sáu cũng nắng chang chang thì khổ biết chừng nào. Người thì nóng bừng bừng như ngồi trong hầm lửa, mồ hôi tràn trề như tắm, nhưng cũng không một ai dám lộ đầu lên khi chưa có lệnh.

:

Sự việc xảy ra và đúng như nhận định, sáng 27 tháng 6, đoàn xe đổ từ Đồng Hới trở về. Chúng vừa chạy đến Hạ Cờ thì ta giật mình phá chiếc xe đầu, thế là cả đoàn xe dồn lại. Lập tức, từng loạt mìn thi nhau nổ tung, xe cháy rần rật. Đất đá rơi tung tóe như trận động đất. Lốp lốp chiến sĩ ta nhảy lên khỏi hầm bắn xả vào quân giặc. Chúng nó cũng ra khỏi xe. Những xe không trúng mìn, chống cự kịch liệt. Một chiếc máy bay Mô-ran đến, sà thấp, ném lựu đạn yểm hộ cho đồng bọn liền bị bắn rơi tại chỗ. Bộ đội ta phấn khởi, hoan hô vang dậy, thúc trống thùng thùng, át cả tiếng súng nổ. Tôi đang ngạc nhiên với tiếng trống lúc này, thì anh Trần Văn Bành, chính ủy trung đoàn 95 đến nói cho biết, các phân đội trung đoàn 95 có xin phép mang

theo một số trống lệnh(1) mượn của dân để lúc xung phong cổ vũ sĩ khí của bộ đội và áp đảo tinh thần quân địch.

Trận chiến đấu đang diễn biến thì địch từ Đồng Hới ráo riết chở thêm quân vào. Ta không chặn lại được, nên chúng nó đã tạm thời tổ chức thành từng cụm đánh trả. Một số chiến sĩ của ta bị thương vong. Nhiều người giương lê lao xả vào quân địch diệt hết tên này đến tên khác. Địch ở mặt đường trống chỉ dựa vào số xe cộ làm vật cản nên số bị chết cũng tăng nhanh.

Do đó, sau hơn hai giờ chống đỡ, chúng phải tìm cách thoát khỏi trận địa của ta để chạy vào Huế, mang theo khoảng 300 tên Âu Phi bị chết và bị thương, bỏ lại hơn 40 xác xe nằm ngổn ngang trên đường.

Chiếc máy bay nằm chổng gọng trên đồi trọc còn bốc cháy. Bộ đội ta đi qua, vui chân, nhảy lên thân, lên cánh, đứng cười với nhau một lát. Anh em đều tiếc không có máy ảnh chụp một “pô” làm kỷ niệm. Trong máy bay chỉ có một khẩu súng 12 ly 7 bị hỏng. Các bánh ở chân cũng đã được anh em cắt về làm dép. Tôi cũng được tặng một đôi dép này, đi rất bền nhưng nặng.

Thắng lợi ở trận Chấp Lễ - Hạ Cờ do ta phán đoán chính xác hành động của địch và áp dụng chiến thuật “độn thổ” một cách sáng tạo trên một địa hình dài và trống trải, khiến quân địch hoàn toàn bị bất ngờ. Nhưng ta chưa diệt gọn được địch vì thực hiện kế hoạch hợp đồng chiến đấu không được chính xác. Theo kế hoạch đã định, ta cứ để đoàn xe đi qua đoạn đầu, chỉ chặn lại và tiêu diệt 40 xe sau cùng. Nhưng khi xe địch vừa tới đầu trận địa phục kích, đồng chí Lê Bá Vân, trung đoàn trưởng trung đoàn 95 đã ra lệnh nổ mìn, chặn toàn bộ đoàn xe của địch từ đầu. Nghe mìn nổ, đồng chí Lê Thuyết, trung đoàn trưởng trung đoàn 101, theo kế hoạch, nhanh chóng cho bộ đội ra chặn địch lại để tiêu diệt. Vì đoàn xe sau qua dài, bộ đội ta không thể khép gọn chúng vào trận địa đã bố trí. Vì vậy ta chưa tiêu diệt gọn quân địch như ý muốn.

Chiến thắng Chấp Lễ - Hạ Cờ có một ảnh hưởng sâu rộng trong vùng. Vì đó là trận đánh lớn nhất kể từ khi Pháp chiếm đóng Bình Trị Thiên. Quân địch rất khiếp sợ. Chúng không ngờ bộ đội ta dám phục kích của đoàn xe hàng trăm chiếc giữa ban ngày, trên đường số 1.

Chiến dịch vẫn tiếp tục, trung đoàn 18 tấn công đồn Sen Hạ bằng tăng cường tập với hai mục đích:

- Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch ở đồn. Nếu tình thế thuận lợi tiêu diệt luôn vị trí.
- Tập cho bộ đội là quen với cách đánh cường tập, rút kinh nghiệm để huấn luyện cho các đơn vị của mặt trận.

Địch xây dựng đồn Sen hạ từ tháng 3 năm 1947, khi chúng mới đánh chiếm Quảng Bình. Trong đồn có hai trung đội Việt binh đoàn và một trung đội lê dương. Quanh đồn có hàng rào dây thép gai. Bốn góc đều có bốn lô-cốt và một chòi canh cao 12m có đặt trung liên.

Về phía ta, quân số trung đoàn 18 không thiếu nhưng rất thiếu vũ khí công kiên. Cả trung đoàn chỉ có một khẩu cối 120 ly, một khẩu sơn pháo 75 ly cũ kỹ, không kính ngắm. Đạn cũng ít. Pháo thủ chưa được huấn luyện thành thạo và chưa lần nào được bắn tập đạn thật. Hỏa lực địch khá mạnh. Bộ đội ta chiến đấu rất dũng cảm nhưng không thể mở đột phá khẩu để đột nhập vào đồn. Cuối cùng ta phải rút.

Trận đánh không thành công nhưng đã giúp cho các đơn vị chủ lực mặt trận những kinh nghiệm thiết thực về cách đánh công kiên để tiến tới đánh những trận công đồn lớn và giành thắng lợi sau này.

Phải nói, để có những thắng lợi liên tục, không phải dễ. Nhiều đêm tôi suy nghĩ, để phối hợp với chiến dịch, thừa lúc quân ứng chiến địch tập trung đối phó với chủ lực ta, bộ đội địa phương và dân quân

du kích các tỉnh đã áp sát, uy hiếp địch làm cho chúng lo sợ và co lại, không dám ra khỏi vị trí và đã tiêu diệt hàng trăm quân địch.

Lần thứ hai, sau chiến dịch Lê Lai, mặt trận đã kết hợp chặt chẽ ba thứ quân hoạt động trong một chiến dịch, trên một phạm vi nhất định, trong một kế hoạch thống nhất, dưới sự chỉ huy thống nhất. Chiến dịch đã giành thắng lợi lớn, đã hoàn thành nhiệm vụ của Bộ Tổng tư lệnh giao cho. Nó đã phối hợp có hiệu quả với chiến dịch Lê Hồng Phong. 8 tiểu đoàn ứng chiến của Pháp đã bị tiêu diệt một bộ phận, số còn lại bị giam chân ở Bình Trị Thiên không rút ra tăng cường cho chiến trường Bắc bộ được

Đi đôi với việc tiêu diệt một bộ phận đáng kể sinh lực địch, chiến dịch Phan Đình Phùng đã mở thêm nhiều vùng căn cứ địa ở ba tỉnh Bình Trị Thiên. Nó đã đem lại nhiều kinh nghiệm thiết thực để xây dựng bộ đội chủ lực trong điều kiện tổ chức và trang bị cơ giới có hạn. Nó còn giúp chúng tôi có một khái niệm cụ thể hơn về chiến dịch và tổ chức thực hiện chiến dịch. Và, tôi cảm thấy cuộc kháng chiến của nhân dân nhích ở gần về phía ngày thắng lợi...

(1) Loại trống cỡ vừa, tang gỗ, hai mặt da, có dây đeo. Đồng bào miền Trung hay dùng khi cúng lễ ở chùa.

## XIX. HỆ THỐNG BỐT “ĐỜ-LA-TUA” VÀ KHẨU SÚNG “BÔ-PHO”

Sau chiến dịch, thực dân Pháp đã thấy rõ rằng con đường số 1 không còn là “hành lang an toàn” của chúng trên vùng đất Bình Trị Thiên này. Mạch máu giao thông thính thoảng bị ngừng trệ hay bị cắt đứt thì đời sống quân sự, kinh tế, chính trị của chúng sẽ ra sao? Tướng Các-păng-chi-ê, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương vội phái tướng Đờ-la-tua đến miền Trung cùng với tướng Lơ-bờ-rít chỉ huy quân đội ở vùng này, nghiên cứu tình hình và tìm biện pháp giải quyết. Tướng Đờ-la-tua trước đây là một kỹ sư cầu cống có tài của Pháp đã theo Đờ-gôn trong công cuộc giải phóng nước Pháp.

Sau khi nghiên cứu, tướng Đờ-la-tua cho xây một loạt tháp canh hình vuông, cao 3 - 4 mét, diện tích từ 25 đến 30 mét vuông, tháp canh này cách tháp canh kia độ một, hai ki-lô-mét, nối liền với các đồn địch đóng. Mỗi tháp canh có năm bảy tên lính gác. Như vậy hình thành một hệ thống dày đặc cắt đôi các tỉnh Bình Trị Thiên ra làm hai phần đông và tây dọc đường quốc lộ. Nhiệm vụ của các tháp canh này là làm tai mắt cho các đồn bảo vệ an toàn đường sắt và đường số 1, ngăn chặn nhân dân và bộ đội ta qua lại giữa hai vùng. Để có đủ quân số làm nhiệm vụ trong các tháp canh này, một mặt địch phải rút bớt quân cơ động ra làm quân chiếm đóng, một mặt chúng bắt ngụy quyền cung cấp lính cho chúng.

Xin nhắc lại rằng, từ khi thấy rõ chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” trên chiến trường Đông Dương đã bị hoàn toàn phá sản, thực dân Pháp đã tăng quân đổi tướng và dùng cả con bài chính trị “độc lập tự do” để thực hiện âm mưu mới “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Chúng đã đưa Bảo Đại về lập “chính phủ” bù nhìn. Lúc về nước, hấn trở lại Huế là nơi kinh đô của hấn trước đây. Hấn vào hoàng cung, định làm lễ tế Thế miếu, nơi



thờ phụng cha ông hần. Hần được đội quân tự vệ thành “tiếp đón” rất niềm nở: mấy quả súng cối 81 đặt ở Xuân Hòa rót sang nổ ầm ầm mừng hần làm gãy cột cờ trước cửa Ngọ Môn. Tên vua bán nước hoảng hốt nhảy vào chiếc xe bọc thép để sẵn trước sân rồng chạy vào đồn Mang Cá có địch đóng để ẩn náu và hôm sau chuồn mất.

Cái hệ thống bốt “Đờ-la-tua” này đã gây ra cho chúng ta nhiều khó khăn trong việc đi lại, tiếp tế. Bây giờ chúng ta qua lại chỗ nào trên đường quốc lộ và đường sắt, địch có thể phát hiện và bắn tới.

Chủ trương của ta là phải phá bằng được hệ thống tháp canh ấy. Nhưng làm cách nào để phá? Bao vây thì không giải quyết được. Súng trường và trung liên thì không đánh được. đã có lần, chúng tôi cho đánh thử bằng bộc phá. Nhưng vì xung quanh lô cốt chúng chất nhiều bao cát, rải nhiều dây thép gai dày vài ba chục mét. Cắt được bấy nhiêu dây thép gai không phải chuyện dễ. Một số chiến sĩ của ta đã phải hy sinh giữa bãi dây thép gai ấy...

Đây là một vấn đề lớn bắt chúng tôi phải suy nghĩ mãi.

Khoảng giữa tháng 10, tình báo quân sự của ta ở Huế cho chúng tôi biết, gần đây một số chuyến tàu Huế - Đông Hà có chở pháo Bô-pho 40 ly để trong các toa bọc thép.

Được tin ấy, chúng tôi mừng lắm, lập tức cho người đi nghiên cứu thật cụ thể và quyết định đánh một chuyến tàu có toa bọc thép để chiếm lấy vài khẩu pháo Bô-pho.

Khi đã nắm được chính xác, chúng tôi ra quân.

Lực lượng tác chiến gồm có tiểu đoàn 227 của Trung đoàn 95, tiểu đoàn 319 của Trung đoàn 101 và hai đại đội bộ đội địa phương của Thừa Thiên - Quảng Trị. Địa điểm phục kích ở điểm cao 28 trên đoạn đường sắt Huế - Quảng Trị, giữa hai đồn Mỹ Cảnh và Bến Đá.

9 giờ sáng ngày 24 tháng 10 năm 1950, đoàn tàu có hai tòa bọc thép từ Huế ra, lọt vào trận địa phục kích. Trúng bom, tàu dừng lại. Bộ đội ta lập tức nhảy lên tàu, đánh chiếm các toa theo kế hoạch đã định trước.

Địch có khoảng một đại đội bảo an và 20 lính Âu Phi. Tất cả đều bị giết và bắt sống. Ta chiếm được toa bọc thép có khẩu Bô-pho. Nhưng không biết cách tháo, ta phải bắt mấy tên lính Âu Phi đến tháo gỡ và đưa xuống đường. Ngoài khẩu pháo Bô-pho và rất nhiều đạn, ta còn thu được trên 50 súng bộ binh các loại.

Có Bô-pho rồi chúng tôi giao cho tiểu đoàn 436 nghiên cứu cách đánh thử một lô-cốt ở làng Căng trên đường Phú Ốc - Sịa để rút kinh nghiệm. Hôm đó có anh Hoàng Anh và tôi cùng đi để xem cụ thể tác dụng súng Bô-pho như thế nào. Đại đội trưởng Hải trực tiếp bắn. Hải vốn rất khỏe và là tay xạ thủ súng cối vào loại cừ. Nhưng vì chưa quen sử dụng pháo Bô-pho nên anh bắt trượt. Đạn lên cao khỏi lô-cốt mà cần cơ bấm cũng văng mất. Thế là tất cả pháo thủ, cán bộ tập trung vào mò mẫm tìm cơ bấm trong đếm tối. Khi tìm được thì trời đã rạng sáng. Chúng tôi phải rút về. Mọi người đều lấy làm tiếc và thối thía về trình độ khoa học, kỹ thuật còn kém cỏi của mình. Không có súng lớn thì không đánh đồn bằng cường tập được. Có súng lớn mà không sử dụng thành thạo cũng vẫn không đánh được đồn.

## XX. THANH HƯƠNG

Thanh Hương! Cái tên nghe mới êm dịu làm sao! Êm dịu, hiền lành như khuôn mặt các cô gái trên mảnh đất cổ đô này. Nhưng đây không phải là tên một cô gái đẹp mà là tên một chiến trường vô cùng ác liệt đã xảy ra năm 19541 sau những chiến thắng lớn ở Mặt trận Bình Trị Thiên trong những chiến dịch Lê Lai, Phan Đình Phùng năm ấy.

Năm ấy, đất nước ta có nhiều chuyển biến lớn. Trên chiến trường Bắc bộ, phong trào chiến tranh du kích phát triển rất mạnh ở vùng đồng bằng, trung du, và ta đã giải phóng được cả vùng Cao Bắc Lạng, biên giới phía bắc.

Chiến thắng to lớn này làm cho địch rất hoảng hốt. Chính phủ Pháp đã cách chức một loạt tướng tá tư lệnh các chiến trường, triệu hồi tướng Các-pang-chi-ê, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương về nước và cử tướng Đờ-lát Đờ-tát-xi-nhi, Tư lệnh lục quân khối Tây Âu, một viên tướng vào cỡ “thiên tài” của nước Pháp sang thay làm Tổng chỉ huy kiêm cả Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

Mặt khác, Pháp thấy rằng tự mình không thể đương đầu nổi với Việt Minh cộng sản, nên yêu cầu Mỹ viện trợ. Mỹ đang muốn hất cẳng Pháp để chiếm lấy Đông Dương vì vị trí quan trọng của đất nước này trên trường quốc tế, Đông Dương nằm ở giữa vùng Đông Nam - Nam châu Á cách Quảng Châu, Ma-ni-la, Xanh-ga-po, Gia-các-ta từ 1.000 đến 2.000 ki-lô-mét, ở ngã ba đường giữa Ấn Độ Dương và nam bắc Thái Bình Dương. Ta lại có nhiều hải cảng rất tốt như Cam Ranh, Đà Nẵng. Nếu Đông Dương rơi vào tay cộng sản là một việc rất nguy hiểm đối với Mỹ một khi Mỹ đang muốn làm bá chủ hoàn cầu.

Mỹ sẵn sàng viện trợ cho Pháp đô-la và vũ khí...

Có thêm tiền và vũ khí, tướng Đờ-lát Đờ-tát-xi-nhi đem thêm quân tăng viện sang và đề ra chủ trương “bình định gấp rút phản công

quyết liệt” để giành lại thế chủ động trên chiến trường. Tát-xi-nhi cấp tốc tập trung quân Âu Phi tinh nhuệ xây dựng thành một lực lượng cơ động mạnh, đồng thời phát triển nguy binh lên quy mô lớn để bổ sung cho quân đội chúng. Mặt khác, chúng tăng cường hệ thống phòng ngự ở trung du, đồng bằng Bắc bộ và ở các chiến trường khác. Về hoạt động quân sự, chúng ra sức càn quét, gom dân, lập vành đai trắng, tát cạn nước để bắt cá. Chúng tiến hành cái gọi là “chiến tranh tổng lực”, ra sức bình định các vùng tạm bị chiếm, các vùng du kích để tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta và để cướp bóc, vơ vét nhân lực, vật lực của ta phục vụ âm mưu chiến lược “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”.

Chiến trường Bình Trị Thiên đang bị một trận lụt rất lớn, chưa từng có suốt một trăm năm qua. Nước mênh mông trắng xóa ngập tất cả các cánh đồng. Có nơi nước lụt cả những lũy tre làng. Nhà trôi, người chết, những cánh đau thương, tang tóc hãi hùng... Nước ngập suốt bảy ngày đêm liền. Khi nước rút ra thì các cánh đồng nổi tiếng phì nhiêu chỉ còn dăm ba đám lúa non ngả màu vàng úa, bị một lớp bùn dày phủ kín lên trên. Mùa màng hư hỏng hết, một vụ đói khủng khiếp nhất định sẽ xảy ra không thể nào tránh khỏi. Dân lo, Đảng lo, chính quyền lo, bộ đội lo... Tất cả xô vào để cứu lấy mạng người. Tất cả bà con đổ ra đồng. Trâu, bò một số bị nước cuốn đi. Số còn lại còng vai làm việc suốt đêm, suốt ngày. Nơi nào không còn trâu, bò thì người kéo cày thay. Người khỏe đi trước, làm trâu, người già đi sau cầm cày. Đàn bà, trẻ con, cuốc xới, vun trồng... Tất cả các cánh đồng từ sáng tinh mơ đến tận đêm khuya tấp nập bóng người giành lại cuộc sống.

Trong lúc nguy nan như vậy, thì từng đoàn dân công từ nơi hậu phương Thanh Nghệ Tĩnh rầm rập vượt núi băng rừng, lặn lội qua

đèo qua suối vai kịu kịt từng bồ lúa nặng trĩu đưa vào giúp những người anh em ruột thịt ở tiền tuyến xa xôi...

Trời mưa to không lo ướt áo

Mà chỉ lo ướt gạo nuôi quân.

Rai đi làng xóm dặn rằng,

Nếu để ướt gạo thì không trở về...

Đại biểu Liên khu ủy, Ủy ban kháng chiến Liên khu IV, các đoàn thể cũng gánh gạo vào thăm, ủy lạo những người bà con đang lâm nạn. Bộ đội trước đây ở đồng bằng nay lại vượt lên núi chập tầng hom sắn, bứt từng ngọn khoai gồng gánh quảy về đồng bằng cho bà con trồng trọt. Tất cả mọi người già, trẻ, lớn, bé đều đổ xô vào giành giật với trời từng luống mạ, từng vòng khoai, cứu lấy cuộc sống ngày mai.

Giữa lúc ấy thì giặc điên cuồng lồng lộn bắn phá để thực hiện cái chúng gọi là “bình định cấp tốc, phản công quyết liệt”. Ngay khi nước đang còn mênh mông trắng xóa các cánh đồng, chúng đã cho máy bay đi bắn phá các làng mạc, cho ca-nô lội nước chở lính áp vào các thôn xóm trên đồi cao, bắt dân đi để lập vành đai trắng. Thâm độc hơn, chúng bắt tất cả trâu, bò còn sống sót. Chúng phá hết cả cuộc cày, để dân không còn công cụ làm mùa màng.

Biết bộ đội đang lúc gặp khó khăn về lương thực, chưa thể hoạt động được, chúng càng mặc sức tung hoành. Trong mấy tháng trời, chúng nống ra, đóng thêm nhiều đồn bốt, xây thêm nhiều lô-cốt, boong-ke, khống chế các vùng ven biển, ngăn chặn các đường lên chiến khu, xiết chặt hành lang ra vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh..

Lúa đã trở đòng đòng, cơn đói càng thêm thắt ruột. Đồng bào đói, bộ đội đói. Những thúng lúa cuối cùng khi nước rút hết, bà con đào lên đổ ra phơi đều bị quân giặc càn quét cướp hết rồi. Chỉ còn rau má, rau mung, bà còn phải giã cả xương rồng lấy bột nấu cháo. Hoặc

từng đoàn, lũ lượt kéo lên rừng kiếm củ khoai, củ sắn để ăn. Bộ đội, dân quân đêm ngày phải chặn những tốp phục kích của địch để cho bà con đi tìm nguồn sống...

Trước tình hình như vậy, Bộ chỉ huy mặt trận quyết định mở những cuộc tấn công mới để ngăn chặn bàn tay của chúng lại và bảo vệ đồng bào trong vụ mùa sắp tới. Một khó khăn lớn là nhân dân đang đói lấy đâu ra lương thực cho bộ đội ăn để đánh giặc. Qua nhiều cuộc thảo luận, Bộ tư lệnh quyết định cho bộ đội phân tán về gặp bà con xin lương thực, thứ gì cũng được miễn cho qua bữa, chỉ ăn trong bốn ngày để mở một trận đánh lớn...

Nhân dân thấy bộ đội về, xin ăn để đi đánh giặc, khóc ròng. Mẹ Bút, nhìn ra cánh đồng lúa dậy thì còn đang óng ánh, nước mắt rưng rưng: “Có còn chi mô! Gắng chờ mùa về con ạ!”.

Nhưng rồi, mớ tấm, mớ tôm, mớ tép, củ khoai, củ sắn còn non choét vẫn được đào bới lên đổ vào vạt áo anh bộ đội, có gì cho nấy, cho hết thì thôi. “Cực thì cực với chắc, sướng thì sướng với chắc. Kể chi, con!”. Ôi! Tấm lòng những người cha, người mẹ, người chị, người anh!

Năm hôm sau, tiếng súng rền vang trên con đường Phú Ốc - Sịa. Đồn An Gia nát vụn. Tiếp theo đó, đêm 9 tháng 3, tiểu đoàn 436 tấn công đồn Phổ Lại.

Đồn Phổ Lại là một đồn lớn án ngữ trên con đường này. Đồn xây bằng gạch tương đối chắc. Bốn góc đồn có bốn lô-cốt. Xung quanh đồn có ba lớp rào tre, hai lớp rào dây thép gai. Lực lượng địch thường ngày chỉ có một trung đội bảo vệ. Nhưng hôm ta đánh lại có thêm một đại đội hạ sĩ quan mới đến. Ta biết đám hạ sĩ quan này chỉ đi qua, ghé nghỉ tạm chứ không có nhiệm vụ chiến đấu nên kế hoạch tác chiến của ta không thay đổi.

2 giờ sáng, lính trong đồn đang ngủ thì một loạt Bô-pho, SKZ, súng cối 81 nổ rầm rầm. Các lô-cốt, công sự đều bị đổ sập. Số đông lính nằm ngoài công sự bị chết ngay từ loạt đạn đầu. Sau khi công binh phá được hàng rào, các mũi xung kích nhảy vào chiếm các căn nhà, góc hầm. Bọn địch sống sót xin hàng...

Tin chiến thắng vang dội khắp nơi. Bà con vui mừng...

Cùng lúc, địch cũng đang có âm mưu mở một cuộc càn quét lớn vào vùng này để thực hiện cái kế hoạch do tên tướng Đờ-lát Đờ-tát-xi-nhi đề ra.

Ngày 10 tháng 3, sau khi ta kết thúc trận đánh Phổ Lại, quân báo ta cho biết địch đã tập trung quân ở vùng Triệu Hải. Lực lượng địch gồm có hai cánh:

Cánh thứ nhất là binh đoàn của trung tá Bút-tin đóng ở thị xã Quảng Trị, quân số ước chừng trên 1.000 tên và một trung đội xe bọc thép lội nước. Lực lượng tham chiến gồm có tiểu đoàn bộ binh lê dương số 1, tiểu đoàn bộ binh lê dương số 4, tiểu đoàn bộ binh thuộc địa số 21, một đại đội lưu động ngự.

Cánh quân thứ hai là binh đoàn của trung tá Sốc-ken, quân số 1.250 tên và một đại đội xe bọc thép lội nước đứng chân ở Mỹ Chánh và Sịa. Lực lượng tham chiến gồm có tiểu đoàn bộ binh cơ giới Spa-hi, tiểu đoàn bộ binh An-giê-ri số 27, tiểu đoàn bộ binh cơ động Sê-nê-gan số 28 cùng một bộ phận tiểu đoàn chủ lực ngự số 7 và tiểu đoàn chủ lực ngự số 8.

Ngoài các thành phần cơ động ứng chiến trên, bộ chỉ huy Pháp còn huy động 14 đại đội của 14 đồn quanh vùng vào việc càn quét.

Chúng còn điều một số tàu chiến ở Đà Nẵng ra và một đại đội ca-nô chiến đấu để bao vây đường biển và phá Tam Giang, nhằm khép kín

bốn mặt, vây đánh vùng căn cứ của ta. Toàn bộ máy bay chiến đấu của địch ở hai sân bay Đông Hà và Phú Bài cũng được huy động vào cuộc càn này. Hai đại đội pháo 75 và 94 ly cũng được đưa từ Huế ra dàn trên đường số 1, hướng nòng xuống vùng căn cứ Triệu Hải.

Trên chiến trường Bình Trị Thiên, từ trước tới nay, địch chưa bao giờ huy động một lực lượng lớn với những đội quân Âu Phi tinh nhuệ nhất của chúng để đi càn quét. Chúng dùng chiến thuật hợp điểm, định dồn cán bộ, nhân dân ta vào một khu vực rồi bắt giết gọn. Nơi hiệp điểm của địch là Thanh Hương - Vĩnh Xương.

Tướng Ta-bút, chỉ huy miền Bắc Trung Việt đã huênh hoang tuyên bố trước khi xuất quân: “Trận càn này sẽ nghiền nát đối phương”. Ta-bút đã ra lệnh cho bộ máy tuyên truyền của hắn thảo sẵn những bản thông cáo để phát trên đài phát thanh Huế và in sẵn hàng vạn truyền đơn để cổ vũ cho cái “sức mạnh vô địch” của quân đội viễn chinh Pháp dưới sự chỉ huy của tướng Đờ-lát Đờ-tát-xi-nhi.

Sau khi nhận được tin các nơi báo về, Bộ chỉ huy ta đã phán đoán được âm mưu càn quét của địch và các đường tiến quân của chúng. Bộ chỉ huy liền ra lệnh điều trung đoàn 95 và trung đoàn 101 về các khu vực đã quy định ngay trong đêm 10 tháng 3. Lúc đó trung đoàn 95 đang đóng ở vùng chợ Cạn và trung đoàn 101 vừa đánh địch ở Phổ Lại, Quảng Điền.

Ngày 11 tháng 3, lúc trời chưa sáng, quân địch mở đầu cuộc càn bằng những trận pháo kích dồn dập từ trên đường quốc lộ bắn xuống và từ ngoài biển bắn vào. Sau đó, các cánh quân tiến về hướng Thanh Hương - Vĩnh Xương. Binh đoàn Sốc-ken từ Mỹ Chánh, Ủi Diềm tiến về phía tây. Cánh bộ binh cơ giới và xe bọc thép lội nước tiến theo đường Phố Trạch. Tiểu đoàn Xê nê gan và tiểu đoàn 8 ngự đi ca nô lên Đông Cao và Cổ Tháp bao bọc hướng đông.

Binh đoàn Bu-tin từ thị xã Quảng Trị, theo đường 68 đến Diên Khánh, chia thành nhiều mũi đánh vào phía bắc và tây bắc...



Thanh Hương - Vĩnh Xương nằm hoàn toàn trong vòng vây của địch.

:

Vùng đồng bằng Triệu Hải - Phong Quảng là một vùng căn cứ du kích của ta, đã bao năm quần nhau với giặc, phong trào cách mạng rất cao. Nhân dân, du kích rất dạn dày trong chiến đấu. Cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng vững vàng. Mỗi lần có báo động, nhân dân đã quen cất giấu của cải đi sơ tán, tránh hướng giặc đi. Giặc đi hướng nam, bà con đi về hướng bắc. Giặc đi hướng đông, bà con rẽ về hướng tây. Hôm đó, giặc đi cả bốn hướng. Vô hình chung, bà con từ bốn hướng đi vào một vùng Thanh Hương - Vĩnh Xương, nơi hợp điểm của giặc.

Từ sáng tinh mơ, nhân dân đã chuẩn bị lên đường. Tin giặc tập trung quân, bà con đã biết lúc nửa đêm và chuẩn bị đầu vào đây. Nghe súng giặc nổ, bà con gồng gánh ra đi, trừ đám dân quân ở lại đánh giặc giữ làng, không một ai ở lại thôn xóm. Vụ tàn sát thật khủng khiếp của giặc những năm ấy trong các trận càn. Ở chợ Cạn địch giết một lúc 1.200 người, thôn Mỹ Thủy trước có hơn 400, sau trận càn chỉ còn có 18 người, vừa già trẻ, lớn bé. Nhân dân thấy rõ tội ác dã man của giặc đã ghi sâu trong lòng một mối hận thù không bao giờ rửa sạch. Cho nên bà con cương quyết ra đi, có chết cũng đi, không khi nào muốn thấy bóng giặc. Đoàn nọ tiếp đoàn kia, làng này nối làng khác, dưới sự chỉ huy của các cán bộ ủy ban, đoàn thể địa phương, lũ lượt đi vào nơi trung tâm điểm.

Khi mặt trời lên khỏi ngọn tre, mặt đất còn phảng phất đôi chút sương mù, một chiếc máy bay bà già vò vè lượn đến. Tiếp theo đó, sáu chiếc máy bay oanh tạc đen thui ầm ầm lao tới. Rồi bom đạn trút xuống như mưa vào đám người đang đi tị nạn. Bà con nhiều lần bị máy bay giặc bắn phá nên cũng đã quen, tản ra các nơi có hầm hố, có ụ đất cao để ẩn náu. Máy bay đi qua, bà con lại tiếp tục lên đường.

Phía chân trời trước mặt từng đùn khói ùn ùn bốc lên là nơi địch đang đến. Trong đám đông một người mẹ trẻ ôm trong tay đứa con, thốt lên giọng náo nùng:

- Con ơi! Cha con ở mô, các chú, các bác ở mô mà không về bảo vệ mẹ con mình!

Rồi chị òa lên khóc. Ôi! Tiếng khóc sau nghe như xé ruột xé gan. Chị lại bế con lên đường, nhập vào một tốp mới đến...

Cả ba bốn phía, súng giặc vẫn nổ ầm ầm, cà-nông địch trên đường quốc lộ 16 bắn xuống, ngoài biển bắn vào, đạn cứ bay vèo vèo xé tai nhức óc. Chốc chốc máy bay địch lại đến, thả bom, bắn phá, khói lửa cứ bốc mịt mù... Bà con có người vẫn đi... có người dừng lại, ngồi phịch xuống đất mặt bơ phờ... Biết chạy đi đâu? Cả bốn phía giặc vây cả rồi. Có người nào đó nói:

- Thôi, ngồi lại đây, chờ xem sao!

- Chờ cái chi?

- Chờ anh em bộ đội đánh!

- Anh em bộ đội có mô ở đây! Có thì họ đã đánh rồi! Mới hôm qua, nghe nói họ đánh ở chợ Sịa. Chợ Sịa thì cách đây rất xa, đi gần một ngày đường. Mần rãng mà họ về kịp...

Những vụ giết chóc hãi hùng: chợ Cạn, Mỹ Thủy, Đồng Dương... mắt họ đã thấy, tai họ đã nghe... Nhìn trời, trời cao. Nhìn đất, đất rộng... Nhìn quanh, mọi người xao xác... Mặt ai nấy đều tái xanh, tái xám... Những xác chết đầy rẫy khắp các thôn xóm, các cánh đồng, máu me đỏ lôm hiện ra trong óc họ... “Trời ơi! Giặc! Giặc”. Có người òa lên khóc, nhiều người khóc theo...

Mặt trời gần đứng đỉnh đầu. Qua những đùn khói ùn ùn lên không, biết vòng vây giặc dần dần khép lại...

Bỗng một trận súng nổ vang rền, long trời dậy đất. Trận súng từ sáng đến đây chưa nghe thấy lần nào. Trận súng, như một kho đạn lớn bị châm lửa, nổ cùng một lúc, rền rền, kéo dài...

Có người đứng bật dậy:

- A, hình như bộ đội miềng đánh!

Mặt tất cả mọi người nghiêm hẳn lại. Họ lắng tai nghe. Họ đã quen rồi. Mỗi lần bộ đội mình đánh, tiếng súng khác hẳn lúc giặc đi lòng... Tiếng súng vẫn như một kho đạn bị nổ.

Thế là tất cả mọi người nhảy lên. Họ thét, họ la, họ nhảy múa:

- Đúng rồi! Bộ đội miềng đánh rồi! Anh em ơi! Bộ đội miềng đánh rồi! Bộ đội miềng đánh rồi!

Có người nằm lăn ra giữa cát, cười sằng sặc:

- A ha! Bộ đội miềng đánh rồi! Anh em ơi! Chị em ơi! Không chết nữa mô!

:

Trung đoàn 101 nhận được lệnh, cấp tốc hành quân...

Bốn ngày đêm rồi, họ đánh không nghỉ, hành quân liên miên... An Gia, Phổ Lại, Sịa, Phú Ốc... Gạo xin được đủ ăn bốn ngày. Hết! Ngày hôm sau, họ phải nhịn đói để chờ đánh quân tiếp viện... Bỗng có lệnh hành quân cấp tốc về vùng Thế Chí. Ba mươi ki-lô-mét đường dài, người đi bộ bình thường cũng phải mất một ngày mới đến. Thế mà họ phải đi trong vòng nửa đêm, khoảng 4 - 5 tiếng đồng hồ, sáng mai, lúc tỉnh mơ phải có mặt. Lệnh trên như vậy. Và như vậy họ phải vừa đi vừa chạy, trong lúc bụng đói cồn cào... Vì ai? Phải chăng vì những người đã cho họ khoai, sắn để ăn trong bốn ngày vừa qua? Phải chăng, trong bộ đội có chồng của người đàn bà bằng con nhỏ chạy tản cư, mắt nhìn về chân trời xa thẳm mong người thân về cứu lấy vợ con...

Trung đoàn vừa đi vừa chạy đến phá Tam Giang, vượt phá Tam Giang đến vùng Thế Chí Tây đúng giờ quy định, lại có lệnh tiến về Đại Lược, đến Đại Lược có lệnh đi về Kế Môn, đến Kế Môn có lệnh đi về Thanh Hương, đến Thanh Hương vừa gặp trung đoàn Bút-tin từ phía Quảng Trị một mũi tiến vào. Chúng đã bị du kích các địa phương chặn đánh suốt cả chặng đường từ Quảng Trị vào đến đây. Gặp đạo quân này, chúng rất bức bối, lính chết không nhiều, nhưng nghe tiếng súng phải dừng lại. Biết đâu gặp phải chủ lực Việt Minh đang tìm chúng. Nhưng chúng chỉ thấy cánh đồng bát ngát bao vây các lũy tre làng...

Đến rìa làng Thanh Hương lại nghe tiếng súng. Súng du kích hay là súng chủ lực? Nhưng chủ lực nào? 95 hay 101? 18 xa xôi ở tận ngoài Quảng Bình chắc không vào rồi! 101 thì theo tình báo quân sự cho biết đang ở vùng An Gia, Phổ Lại, thuộc huyện Quán Điền phía bắc Thừa Thiên, cách đây ba bốn chục ki-lô-mét, lại phải vượt qua phá Tam Giang, có cánh cũng không bay về kịp. Chỉ còn 95... Nhưng 95??? Theo đúng kế hoạch, binh đoàn Sốc-ken phải đến địa điểm này rồi, nhưng giờ đây vẫn chưa đến, mà còn rất xa. Sáng nay súng nổ rất nhiều ở vùng Vĩnh An - Mỹ Xuyên, nằm trên trục đường tiến quân của binh đoàn. Binh đoàn này cũng rất mạnh, quân số 1.520 tên, phần lớn là quân Âu Phi tinh nhuệ, thế mà bị ngăn lại, như là một con đê ngăn dòng nước lũ. Con đê đó phải là một trung đoàn chủ lực, chứ du kích địa phương làm sao ngăn nổi. Vậy trung đoàn chủ lực đó không phải là 95 thì còn ai?

Suy nghĩ như vậy, Bút-tin yên tâm thúc quân tiến...

Bỗng súng nổ liên hồi như một nồi bỏng rang bị đốt to lửa...

Bút-tin hoảng hốt: 95 hay 101?

Trong lúc các chiến sĩ trung đoàn 101, quên cả đói, quên cả mệt sau cuộc hành quân cấp tốc đường dài chạm trán với binh đoàn Bút-tin, thì phía tây, tây nam, đông, đông nam, các chiến sĩ trung đoàn 95 đã

quần nhau với giặc lâu rồi. Bộ chỉ huy mặt trận đã phân công trung đoàn 101 chặn đánh binh đoàn của Bút-tin từ Quảng Trị vào, Trung đoàn 95 đánh binh đoàn Sốc-ken từ Mỹ Chánh đến...

Binh đoàn Sốc-ken chia quân đi làm bốn mũi theo bốn hướng: Hướng tây, tây nam, tiểu đoàn Spa-hi và tiểu đoàn An-giê-ri theo tỉnh lộ Mỹ Chánh - Ưu Đàm, Vĩnh An, Vân Trình đánh xuống Thanh Hương, hướng đông, đông nam, toán bộ binh cơ giới có xe bọc thép lội nước từ Phổ Trạch về thôn Niệm. Tiểu đoàn Xê-nê-gan và tiểu đoàn 8 ngụy đi ca-nô lên Đồng Cao, tiến về Cổ Tháp, cùng thẳng đường đến Thanh Hương.

Thế là Thanh Hương - Vĩnh Xương nằm gọn cả bốn phương tám hướng trong vòng vây của địch.

Binh đoàn Sốc-ken ra đi từ lúc mờ sáng. Nhưng, cũng như binh đoàn Bút-tin, binh đoàn Sốc-ken bị dân quân địa phương các nơi ngăn đường, mãi đến 9 giờ mới đến Phong Lâu, gặp ngay đại đội đầu tiên của trung đoàn 95, đại đội 153 vừa cấp tốc hành quân tới. Đại đội này cùng dân quân địa phương nổ súng chặn địch. Nhưng thấy địch đông quá, sợ bị bao vây, đại đội rút lui về Vĩnh An.

Sốc-ken thúc quân tiến. Hai tiểu đoàn Âu - Phi tinh nhuệ của địch ào ào tràn tới Vĩnh An, gặp đại đội 9 của tiểu đoàn 227 và tiểu đoàn 302 chặn lại. Mấy lần Sốc-ken cho lính lùi xa, gọi máy bay, pháo binh bắn phá rất ác liệt vào làng, rồi cho quân tiến. Vẫn không sao vào được. Các chiến sĩ trung đoàn 95 đã bẻ gãy 7 đợt xung phong của địch.

Trời về chiều...

Chúng hẹn nhau đến trưa thì hai binh đoàn Bút-tin và Sốc-ken hội tụ ở Thanh Hương. Nhưng giờ đây, trời đã chiều mà Sốc-ken mới tới đây, còn cách Thanh Hương xa quá. Ta-bút, chỉ huy trưởng “miền Bắc Trung Việt” trực tiếp chỉ huy trận này, ngồi trên chiếc máy bay Mô-ran, lượn đi, lượn lại rất sốt ruột. Hắn ra lệnh cho mấy chiếc máy

bay khu trục B26 ở Đông Hà lao đến và tất cả các khẩu đại bác đã dờn xuống Ưu Đàm dội một trận bão lửa khủng khiếp xuống vùng Vĩnh An, để cho bộ binh Sốc-ken rút lui về Hòa Viện củng cố lại, mở đợt tấn công cuối cùng dứt điểm.

Nhưng Ta-bút đã tính toán sai lầm. Hắn vẫn chưa hiểu hết tinh thần anh dũng của đối phương đã từng chạm trán với hắn bao nhiêu năm qua. Đối phương của hắn lại hiểu hắn rõ ràng hơn. Ban chỉ huy trung đoàn 95 đã thấy rõ tình trạng xao xuyến của địch. Đợi cho trận bão lửa tạm yên, trung đoàn trưởng hạ lệnh phản công ngay:

Thế là các chiến sĩ, lười lê lấp ngay vào súng, nhảy lên khỏi chiến hào, đuổi đánh quân giặc. Tiết thét xung phong át cả tiếng bom đạn... Bọn lính Âu - Phi hoảng hốt chạy dài. Chiến sĩ ta đuổi theo sát nút. Trung đoàn tách quân làm ba mũi đánh thẳng vào trước mặt và hai bên sườn. Trên cánh đồng lầy Vĩnh An, địch chết như rạ...

Sốc-ken định cho quân lui về Hòa Viện củng cố để mở đợt tấn công mới, không ngờ bị quân ta phục kích dữ dội quá, phải bỏ Hòa Viện chạy thẳng về Ưu Đàm, nơi có nhiều đồn bốt làm chỗ dựa.

Bộ đội ta đuổi đến đây, thấy cánh đồng quá trống trải và gặp hệ thống đồn bốt giặc nên dừng lại xây dựng trận địa, chuẩn bị đánh tiếp. Binh đoàn Sốc-ken không dám tiến ra nữa. Thế là mũi tiến công phía nam này của địch hoàn toàn bị phá vỡ khi hoàng hôn phủ xuống các cánh đồng...

Chỉ còn trơ lại binh đoàn Bút-tin ở phía Thanh Hương đang chơi vơi cùng bóng đêm.

:

Binh đoàn Bút-tin đã gặp những sự cố gì trong buổi chiều nắng đầu hè gay gắt ấy?

12 giờ trưa, Bút-tin đến rìa làng Thanh Hương lại nghe tiếng súng như khi đi qua các làng mạc khác. Nhưng tiến súng ở đây nghe có vẻ dồn dập hơn. Bút-tin nghĩ mãi đây là dân quân du kích bộ đội địa phương hay là chủ lực? Chủ lực thì chủ lực nào? 18? 95? 101? 18 tận ngoài Quảng Bình xa xôi vào đây làm gì? 95 có lẽ đang ở phía bên kia, nơi binh đoàn Sốc-ken đang bị chặn đứng? Sai lời hội tụ! Chỉ có 95 mới ngăn nổi dòng thác lũ đó. Còn 101? Ở cách đây ba bốn mươi ki-lô-mét, không có lẽ có cánh mà bay?

Bút-tin yên tâm, thúc quân tiến vào làng... Bỗng sau các lũy tre xanh, đạn bay ra tua tủa. Bọn lính đi đầu ngã gục. Lớp thứ hai tiến lên, cũng bị ngã. Lớp thứ ba cũng bị ngã. Xác giặc ngổn ngang trên cánh đồng. Bọn đi sau hoảng hốt, thụt lùi. Bút-tin cũng hoảng sợ. Ai? Số còn lại của 95, 101? Bút-tin dồn tất cả lực lượng tấn công vào làng. Vẫn không vào được. Quân lính chết quá nhiều trên cánh đồng lúa sắp chín. Lúa không còn nữa, chỉ thấy xác giặc... Bút-tin hoang mang, đưa mắt nhìn khắp chiến trường. Hắn bỗng nghĩ ra một kế: cho một bộ phận nhỏ ở lại làm nghi binh, còn bộ phận lớn chia làm ba mũi vòng qua làng chiếm lấy ngọn đồi Vĩnh Xương trước mặt.

Đồi Vĩnh Xương nằm giữa hai làng Thanh Hương và Vĩnh Xương, là một ngọn đồi cát cao hơn các lũy tre làng. Ai chiếm được ngọn đồi cao đó, có thể khống chế toàn vùng và đối phương sẽ bị động. Ban chỉ huy trung đoàn cũng đang đứng quan sát trận địa. Thấy Bút-tin chuyển quân, trung đoàn trưởng Lê Văn Tri liền ra lệnh cho tiểu đoàn trưởng Triệu Huy Hùng đang giữ làng Thanh Hương dời một bộ phận quân lên chiếm ngọn đồi Vĩnh Xương trước. Các chiến sĩ ta lao như tên bắn lên ngọn đồi, hối hả đào công sự. Lực lượng không nhiều, chỉ một trung đội chia nhau giữ bốn mỏm cao trên ngọn đồi. Địch kéo đến. Chúng cho máy bay đến oanh tạc và pháo bắn dồn dập dọn đường, rồi mới tiến quân lên đồi. Các chiến sĩ ta đợi cho chúng tới gần mới nổ súng. Bọn đi đầu ngã gục. Lớp thứ hai cũng ngã gục. Bút-tin ngừng tấn công, gọi máy bay đến thả bom bắn phá. Một trận

ném bom vô cùng dữ dội trên một ngọn đồi hẹp, chu vi khoảng chừng hai ki-lô-mét. Lửa phụt lên rừng rực. Khói bom bốc mù mịt, phủ kín cả ngọn đồi hoang. Một số chiến sĩ ta hy sinh. Một số bị thương. Trung đội trưởng Dần bị một mảnh đạn xuyên qua ngực, máu đầm đìa cả khoang áo trước mặt. Chiến sĩ súng máy Nguyễn Cơ gãy một cánh tay.

Sau đợt ném bom, địch lại ào ạt tấn công lên đồi, lại bị đánh quật xuống. Địch tấn công lần thứ hai cũng không sao lên được. Địch tấn công lần thứ ba, mỏm đồi A gặp khó khăn các chiến sĩ hết đạn. Tiểu đoàn trưởng Triệu Huy Hùng, ngay từ phút đầu đã có mặt trên đó, liền điều động một số chiến sĩ ở mỏm B sang đánh bật địch xuống đồi. Địch lại lui quân, lại ném bom... Nhưng không ăn thua nữa rồi. Trung đoàn trưởng Lê Văn Tri đã điều tiểu đoàn 436 từ ngoài đánh thẳng vào đội quân đang tấn công của Bút-tin. Cuộc tấn công của tiểu đoàn 436 do tiểu đoàn trưởng Dương Bá Nuôi dẫn đầu vô cùng dũng mãnh làm cho quân địch hoảng sợ tan tác như kiến vỡ tổ, chạy tán loạn. Phía trên này, tiểu đoàn 319 của Triệu Huy Hùng lập tức đánh sang. Bọn địch cuống cuồng cầm đầu, cầm cổ chạy vào làng có nhà thờ tháp đôi. Chúng nhảy qua các hàng rào, chui vào các đồng rơm chuồng heo, chuồng gà để trốn. Một bộ phận nhỏ chạy vào nhà thờ. Quân ta ba bốn phía bao vây chúng lại và áp vào làng. Bọn địch không dám chống cự vất súng giơ tay đầu hàng...

Khi thấy bộ phận đánh đồi Vĩnh Xương hoàn toàn tan rã, Bút-tin sợ hãi điều lực lượng còn lại vào phía cuối làng tạo thành một tuyến phòng ngự lâm thời và đưa sở chỉ huy binh đoàn vào khu nhà thờ tháp một, bố trí cố thủ. Bộ đội ta đổ vào bao vây chúng lại...

Hoàng hôn đã phủ xuống.

Thấy bộ đội ta đã mệt mỏi. Bốn ngày đêm liên chiến đấu không nghỉ, lại thêm một ngày vừa hành quân vừa chiến đấu với dạ dày lép kẹp,



bộ chỉ huy mặt trận ra lệnh cho trung đoàn tạm nghỉ chuẩn bị cho cuộc tấn công mới đêm nay và ngày mai...

Một số chiến sĩ của ta trở về hậu tuyến để lấy thêm súng đạn và dẫn tù binh về phía sau. Nhân dân ta đứng đầy đường, đầy ngõ. Trận đánh cả ngày hôm nay, ai cũng biết. Thấy các chiến sĩ đi qua, bà con vui mừng, hoan hô ầm ĩ. Nhiều người nháy ra ôm chầm lấy anh bộ đội, nhất định kéo về nhà. Nhưng các đồng chí từ chối vì đang còn phải làm nhiệm vụ. Nhà nào nhà nấy bếp lửa sáng rực. Họ đổ tất cả những thứ gì có thể ăn được, nấu vội để đưa đi tiếp tế bộ đội, mặc dù không có ai yêu cầu. Dân vùng này đã biết cách đây mấy ngày bộ đội có thể về xin gạo ăn. Bây giờ thì chắc hết sạch cả rồi. Họ không hay rằng trong lúc chiến thắng, bộ đội ta truy kích địch thì một số dân quân, cán bộ địa phương đi thu dọn chiến trường, nhặt súng đạn và cũng không quên nhặt lương thực, phần nhiều là đồ hộp, thuốc lá của bọn lính địch và trao ngay cho bộ đội ăn đỡ đói lòng. Người nọ chia cho người kia nên anh em không đến nỗi đói lắm. Một số đồng bào đi tản cư đến đây dừng lại. Đi đâu làm gì nữa. Bộ đội đã chặn đứng bọn địch lại rồi. Thế là bao nhiêu lương ăn mang đi sơ tán đều trao cho bộ đội. Có đói một đêm cũng không sao... Người mẹ trẻ có con mọn cũng mở cái mo buộc ở sát lưng giao cho các chiến sĩ của ta. Chiến sĩ ta từ chối: "Chị để cho cháu ăn!". Người đàn bà nằn nì nhưng anh em nhất định không cầm.

:

Trong gian nhà nhỏ ở gần nhà thờ Thanh Hương, nơi quân địch đang bị bao vây bốn mặt, bộ chỉ huy mặt trận họp. Đồng chí tư lệnh trưởng Hà Văn Lâu nhận định tình hình địch. Tuy bọn địch còn đông nhưng tinh thần của chúng hoang mang dao động lắm rồi. Ta tích cực tấn công, nhất định sẽ tiêu diệt hoàn toàn chúng. Bộ chỉ huy mặt trận giao nhiệm vụ tiêu diệt binh đoàn Bút-tin cho trung đoàn 101 như cũ. Trung đoàn 95 cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích

hai huyện Phong - Quảng, vẫn tiếp tục ngăn chặn không cho binh đoàn Sốc-ken đến Thanh Hương cứu viện. Tiểu đoàn 328 cùng lực lượng địa phương sẵn sàng đánh chặn quân đổ bộ đường biển ở Hương Đồng, Bảo An, Gia Đăng, Mỹ Thủy.

Hội nghị hoàn toàn nhất trí. Các liên lạc viên tung bay đi các ngả.

Chiến sĩ Út mang mệnh lệnh đến đại đội trưởng Võ Phi Thắng đang làm nhiệm vụ bao vây nhà thờ tháp một, nơi bọn chỉ huy binh đoàn Bút-tin đang ẩn núp. Tron đêm tối, anh đi lạc đường, bọn lính canh gác phía ngoài bắt được. Anh nhanh tay đưa bản mệnh lệnh vào miệng, nhai, nuốt chửng rồi thản nhiên đi theo chúng. Vào trong nhà thờ, anh thấy một đám Tây to lớn đang ngồi ủ rũ trước bàn thờ chúa. Xung quanh, có hơn hai trăm đồng bào công giáo ở quanh nhà thờ, bị chúng bắt vào đây để bảo vệ cho chúng. Chúng đã biết rằng, bộ đội ta không bao giờ bắn vào đồng bào. Có đồng bào ngồi quanh, chúng sẽ yên tâm hơn. Út bị dẫn đến trước mặt tên võ quan râu xồm, khoảng bốn mươi, áo quần xộc xệch, ngồi bó gối, hai tay chống cằm, nét mặt đăm chiêu suy nghĩ. Thấy Út, đôi mắt hắc hình như sáng lên. Hắc nỏi, một tên thông ngôn dịch lại:

- Ngoài kia, bộ đội Việt Minh nhiều hay ít?
- Nhiều. Riêng chủ lực có sáu tiểu đoàn. Bộ đội địa phương rất đông.
- Súng đạn còn nhiều ít?
- Lúc chiều, bắn gần hết, nhưng bây giờ đã đem về đầy đủ, vì hôm tē đánh đồn Phổ Lại lấy được rất nhiều và cất giấu gần đây thôi.
- Chủ lực thuộc đơn vị nào?
- Trung đoàn 101.

Bút-tin cắt ngang lời Út:

- Trung đoàn 101? Hôm kia đang đánh ở Phổ Lại.

- Đúng. Hôm kia đánh Phổ Lại, hôm qua cũng đang ở đó, chờ phục kích, được lệnh, chúng tôi về đây.

Nét mặt Bút-tin trở lại trầm ngâm. Út nói tiếp:

- Ở đây, hiện giờ không phải chỉ có trung đoàn 101, mà có cả trung đoàn 95 ở Vĩnh An kéo về...

- Anh có biết, bên Vĩnh An thế nào không?

- Có, trung đoàn 95 đã đuổi các ông về Mỹ Chánh rồi.

Bút-tin thở dài và nói với người thông ngôn:

- Cho nó về!...

Sáng hôm sau, 12 tháng 3, lúc đang còn mở đất, bọn địch định tháo chạy qua đường 68, về thị xã Quảng Trị. Nhưng chúng làm sao thoát nổi lưới bao vây của trung đoàn 101? Tiểu đoàn trưởng 436 lập tức ra lệnh nổ súng. Cối 81, phóng bom và các cỡ súng của ta nổ vào toán địch đi đầu. Chúng hốt hoảng kêu la và chạy tán loạn. Đồng bào trong nhà thờ, nghe tiếng súng cũng chạy ra. Bọn quan quân ở trước nhà thờ chạy theo. Dân chạy đâu, chúng theo đấy. Kèn xung phong đã thúc lên rộn rã, nhưng anh em ngập ngừng không dám bắn sợ đụng vào dân. Đại đội trưởng Trị liền lớn tiếng hô to: “Đồng bào nằm cả xuống!”. Tất cả dân liền nằm rạp xuống. Các chiến sĩ ta lấp lưới lê vào súng, lao tới bọn địch. Một số ít cầm cự bị ta giết ngay tại chỗ, số còn lại tạt ra cánh đồng...

Cánh đồng Thanh Hương tương đối rộng, trải dài hai bên đường 68. Nắng ban mai qua màn sương mỏng, đỏ rực cánh đồng. Bọn địch lỗ nha lỗ nhố đứng như kiến cỏ, sì sà sì sụp chạy. Nhưng những đôi giày đinh nặng nề của chúng làm sao cho phép chúng chạy nhanh trên những mảnh ruộng lầy ngập nước! Tha hồ cho các khẩu súng của chúng ta nhả đạn... Anh em vừa bắn vừa hô to: “Hô lê manh!”. Bộ đội ta chỉ biết độc nhất có mấy tiếng Tây “Hô-lê-manh”. Anh nào chưa

biết thì gọi to “Giơ tay lên”. Giữa lúc đó một phóng viên báo “Vệ quốc quân - Mặt trận Bình Trị Thiên” xuất hiện trên đường 68 không biết tự bao giờ. Anh chụp hai bàn tay làm loa nói một câu tiếng Pháp rất dài đúng giọng Pa-ri: “Hỡi binh lính Pháp! Hãy đầu hàng đi! Quân đội Việt Nam dân chủ cộng hòa không bao giờ tàn sát những kẻ thù đã hạ súng!”. Giữa cánh đồng hàng trăm cánh tay vút súng giơ lên. Bọn lính còn lại trên đường 68 cũng vậy. Súng im dần rồi tắt hẳn.

Một cảnh tượng hiện ra trước mắt. Giữa cánh đồng rực rỡ ánh ban mai, xác giặc ngổn ngang đè rạp lên trăm ngàn cây lúa đang vào đống. Bên cạnh đó, vô số bọn giặc cao lênh khênh, lưng cúi lom khom, giơ thẳng hai tay lên trời, chơi vơi cầu xin tha cho tội chết. Trên đường cái và trên các bờ ruộng xung quanh đồng, bộ đội ta cầm ngang ngọn súng đi bao quanh như những dũng sĩ oai hùng. Đồng bào đổ ra xem. Trên trời, một chiếc máy bay bà già bay quanh, bay quần rồi rời xa... Chúng biết rằng có gọi phi cơ oanh tạc hay cà-nông đến cũng chẳng làm gì được nữa. Tất cả như đã chấm dứt. Anh nhà báo cũng đi rảo quanh, nói với các chiến sĩ:

- Lý thú quá! Có thể viết thành một cuốn sách hay!

Đại đội phó Nguyễn Ngọc Hòa đi qua, khuyến khích:

- Viết đi! Viết đi, ông nhà báo! Trận chiến thắng to nhất ở Bình Trị Thiên chúng ta từ trước tới nay đấy!

Vẫn chưa hết.

Ngày hôm sau, 13 tháng 3, binh đoàn Sốc-ken bị trung đoàn 95 đánh cho tơi bời phải chạy về Mỹ Chánh nay lộn lại phía Thanh Hương. Chúng định làm gì đây. Lợi dụng sơ hở của ta sau chiến thắng để gỡ đôi chút sĩ diện chăng?

Nhưng làm gì có chuyện ấy. Trung đoàn 95 đang chờ sẵn. Sốc-ken đến Mỹ Xuyên bị trung đoàn chặn đánh một trận kịch liệt. Trung tá

Sốc-ken, chỉ huy binh đoàn trúng đạn, cùng bọn lính tháo chạy ngay chiều hôm đó...

Bấy giờ, trận Thanh Hương - Mỹ Xuyên mới kết thúc.

1.500 tên địch bị loại ra khỏi vòng chiến, 125 tên khác bị bắt sống. Tiểu đoàn lê dương số 4 bị xóa sổ. Binh đoàn Bút-tin bị tiêu diệt. Binh đoàn Sốc-ken bị đánh thiệt hại nặng. Trung tá Bút-tin và một loạt sĩ cấp tá, cấp úy Pháp bị giết và bị bắt tại trận. Trung tá Sốc-ken bị trọng thương. Ta-bút chỉ huy trưởng “miền Bắc Trung Việt” bị cách chức. Quân ứng chiến Pháp - lực lượng thiện chiến nhất của Pháp, bị mất hai phần ba. Số còn lại hoang mang thất đảm. Bọn nguy quân càng thêm hoảng hốt, lan tràn tư tưởng đầu hàng...

Đó là nội dung bản báo cáo tóm tắt của Bộ chỉ huy Mặt trận Bình Trị Thiên gửi ra cho Bộ Tổng tư lệnh.

Ít lâu sau, quân dân Bình Trị Thiên hết sức vui mừng được đọc bức thư của Bác Hồ:

“Tôi thân ái gửi bộ đội và đồng bào Bình Trị Thiên đã thắng một trận khá. Thắng lợi đó là do sự anh dũng của bộ đội, lòng hăng hái của toàn dân và sức đoàn kết của quân - dân - chính. Nhưng quân và dân ta chớ vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch. Trái lại chúng ta phải cố gắng hơn, cẩn thận hơn nữa và phải nhớ rằng ở Liên khu IV vẫn là du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ, cộng nhiều thắng lợi to nhỏ thành thắng lớn và phải nhớ rằng: kháng chiến là trường kỳ, gian khổ rồi mới đến thắng lợi hoàn toàn”.

Cùng lúc, có bức điện của đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Trung ương Đảng:

“Trung ương vừa nhận được điện báo về chiến thắng của bộ đội ta và nhân dân Bình Trị Thiên trong trận tiêu diệt đồn Phổ Lại và trận

vận động đánh binh đoàn lưu động của địch ở Bắc Thừa Thiên... Lần đầu tiên trên chiến trường Bình Trị Thiên, quân ta tiêu diệt được nhiều sinh lực địch trong một thời gian ngắn như thế. Điều đó chứng tỏ các đồng chí đã cố gắng và quân ta ở Bình Trị Thiên đã tiến bộ.

Thay mặt Trung ương, tôi sung sướng gửi lời khen ngợi bộ đội và nhân dân ở Bình Trị Thiên cùng tất cả các đồng chí đã tham gia chiến dịch này và nhờ các đồng chí chuyển lời Trung ương Đảng an ủi các thương binh và các gia đình liệt sĩ...”.

Toàn mặt trận tung bừng mừng chiến thắng, đón Huân chương Quân công của Quốc hội, đọc các bức thư của Bác, của Trung ương Đảng, của Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, của Liên khu ủy, Ủy ban kháng chiến Liên khu IV và những bức điện chào mừng từ các mặt trận trong toàn quốc gửi đến.

Ở chiến khu Ba Lòng, nơi bộ chỉ huy mặt trận đóng, càng thêm náo nhiệt. Đoàn văn công của mặt trận trình bày những tiết mục rất đặc sắc. Mở đầu bằng bản đồng ca “Vì nhân dân quên mình” của Doãn Quang Khải, một chiến sĩ ở mặt trận. Tân Nhân cất lên giọng hát mà sau này cả nước quen thuộc. Đình Quang ngâm bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” của nhà thơ Minh Huệ ca ngợi Bác Hồ.

Trận Thanh Hương đã ghi lại trong đời sống chiến chinh của quân dân Bình Trị Thiên với những kỷ niệm vô cùng sâu sắc. Ngày 12 tháng 3 đã trở thành ngày truyền thống của quân dân Bình Trị Thiên của sư đoàn 325 sau này...

Thanh Hương, cái tên êm dịu, thơm tho như các cô gái đẹp nơi sông Hương núi Ngự và cũng là tên một chiến trường oanh liệt, hào hùng của quân dân Bình Trị Thiên và của cả đất nước chúng ta.

## XXI. Ô HỒ LƯỚI THÙNG

Trận Thanh Hương - Mỹ Xuyên nói riêng và những chiến thắng mùa xuân 1951 nói chung của quân dân Bình Trị Thiên đã đánh một đòn quá nặng vào tướng Đờ-lát Đờ-tát-xi-nhi, viên tướng thiên tài của nước Pháp đã từng làm tư lệnh lục quân khối Tây Âu.

Chiến lược của Đờ-lát là “bình định cấp tốc, phản công quyết liệt” ở khắp các chiến trường. Ở các chiến trường khác chưa nói tới, chỉ nói riêng ở Bình Trị Thiên, “bình định cấp tốc” cũng chẳng thấy, chỉ thấy những thất bại nặng nề, quân sĩ hao hụt, tinh thần binh lính hoang mang, dao động. Nếu cứ để thế chiến trường này dễ mất như chơi.

Đờ-lát đành phải điều quân ở chiến trường chính Bắc bộ vào, đó là điều hoàn toàn không muốn. Đờ-lát chỉ muốn ngược lại. Nhưng đành phải thế chứ biết làm sao!

Đờ-lát tăng thêm cho Bình Trị Thiên mấy nghìn quân trong đó có mấy tiểu đoàn Bắc Phi vừa ở Pháp sang. Đờ-lát hạ lệnh cho tướng Ê-tăng chỉ huy miền Trung thay thế cho Ta-bút vừa bị thải hồi sau trận Thanh Hương: Phải củng cố lại các đơn vị ứng chiến gồm các tiểu đoàn lính Âu Phi, An-giê-ri, Ma-rốc, Sê-nê-gan, Spa-hi, các tiểu đoàn lê dương... Đi đôi với việc củng cố các đơn vị ứng chiến, chúng ráo riết đồn quân, bắt lính, tăng cường phòng thủ vững chắc. Trong các cứ điểm, chúng xây thêm nhiều lô-cốt, boong-ke, thay lô cốt cao bằng lô-cốt thấp. Ở một số vị trí quan trọng, chúng xây cả hầm ngầm kiên cố để chống lại hỏa lực SKZ và các cuộc tấn công của ta.

Nhưng, mục đích chính của chúng vẫn là tìm cách tiêu diệt các lực lượng quân sự của ta. Đó là mối nguy cơ lớn nhất đối với chúng. Chúng tung tiền của, tung người để nắm cho được các hoạt động của ta, nhất là của các trung đoàn chủ lực, dù tốn bao nhiêu chúng cũng không tiếc. Gần cuối tháng 7, chúng đã biết được trung đoàn 101 về

đóng ở Mỹ Lợi, nơi mà đơn vị này đã về đây xây dựng cơ sở từ những ngày đầu.

Chúng liền tổ chức “cất vó”.

Mỹ Lợi là một dải đất mỏng hẹp nằm bên phá Cầu Hai. Ba bề đều sóng nước đứng xa trông như một hòn đảo nhỏ.

Đêm 24 tháng 7, chúng cho tiểu đoàn cơ động Tuy-ni-di bí mật về đóng ở Rằm, phía nam Mỹ Lợi.

Sáng 25 tháng 7, chúng cho 1 đại đội Âu Phi đến đóng ở cửa Thuận An, phía bắc. Đồng thời chúng cho hai thông báo hạm ở Đà Nẵng ra lớn vờn ngoài khơi. Tối 25, lúc gà vừa lên chuồng, chúng cho lính thủy đánh bộ đổ bộ vào Mỹ Á, đông nam Mỹ Lợi. Đồng thời 17 ca-nô chiến đấu chở đầy lính đến chốt ở Hà Thanh, Hà Úc, phía tây bắc.

Cùng với các đội quân chốt chặn, chúng cho hơn 100 ô-tô và xe bọc thép chở ba tiểu đoàn Âu Phi đến Hòa Đa. Sau khi đổ quân xuống, đoàn xe ô-tô và xe bọc thép này dàn đội hình thành tuyến chốt chặn đường số 1 về phía tây...

Như thế là địch đã chốt chặn cả bốn hướng.

Về lực lượng công kích chính diện, chúng dùng 3 tiểu đoàn Âu Phi trong đó có một tiểu đoàn mới ở Pháp sang và được sự yểm hộ của lực lượng không quân ở hai sân bay Phú Bài, Đà Nẵng cùng với trận địa pháo ở An Nông và các pháo hạm ở các tàu ngoài biển...

Tất cả mọi việc chuẩn bị chúng đều làm trong đêm tối để giữ bí mật, tạo thế bất ngờ...

Và tảng sáng ngày 26, chúng bắt đầu tiến công. Tin chắc rằng trung đoàn 101 đã nằm trong vòng vây và chúng sẽ rửa được mối hận Thanh Hương. Chúng có ngờ đâu...

Trung đoàn 101, sau những trận chiến đấu ác liệt được bộ chỉ huy mặt trận cho về vùng Phú Vang, nơi mà trung đoàn đã xây dựng



được cơ sở từ những ngày đầu để nghỉ ngơi và học tập chính trị... Trung đoàn định ở đây trong một tuần. Tinh thần cảnh giác vốn đã trở thành thói quen của cán bộ và chiến sĩ ở vùng địch hậu - một vùng đất dài và hẹp, đồn địch giăng khắp nơi, lại có đường quốc lộ chạy ngang, thêm vào đấy lắm sông, nhiều đầm phá nối liền với biển cả, ô tô, xe tăng, tàu chiến, ca-nô địch dễ dàng qua lại, nếu sơ hở một chút, sẽ bị địch tấn công tiêu diệt như chơi. Do đó, đi đến đâu, việc đầu tiên của đơn vị là phải đặt một lưới trinh sát khắp bốn phía từ xa. Hơn nữa, lại có nhân dân, quân dân như cá với nước. Nơi nào, quân đội cũng được nhân dân che chở vì đó là con em của họ. Các nơi khác đều vậy, huống gì đây, quân và dân đã từng sống chết ngay những ngày đầu. Dù đêm tối mênh mông, dù cố giữ bí mật đến đâu, những hoạt động của địch cũng không thể nào qua khỏi tai mắt của nhân dân, của lưới trinh sát đã dạn dày trong chiến đấu... Việc điều quân và lưới bố trí của địch, ban chỉ huy trung đoàn đều biết kịp thời.

:

Ban chỉ huy nắm chắc tình hình và biết rõ âm mưu của địch. Một hội nghị cấp tốc của các cán bộ chỉ huy quyết định trung đoàn phải chuyển ra khỏi cái túi này, sang bên kia phá Tam Giang mới tránh lưới bao vây của địch.

Trung đoàn chuyển quân ngay đêm đó. Nhờ sự giúp đỡ của cán bộ và nhân dân địa phương, toàn bộ trung đoàn đã vượt qua phá Tam Giang trước khi trời sáng. Sóng biển mông mênh nhắc lại cho cán bộ chiến sĩ nhớ bao kỷ niệm ba bốn năm về trước lúc kháng chiến mới mở đầu.

Trung đoàn đóng quân ở Thanh Lam Bồ trên đường tiến quân của địch, từ quốc lộ xuống, dàn thành một tuyến ngang dài hai ki-lô-mét như một bờ đê ngăn dòng nước lũ.

Cán bộ chỉ huy trong trung đoàn lại họp bàn kế hoạch tác chiến. Có hai cách:

Một là, chiếm các địa bàn có lợi, chặn đánh cuộc tấn công của địch, bảo toàn lực lượng, chờ trời tối sẽ vượt vòng vây chuyển sang địa bàn khác tiếp tục hoạt động.

Hai là, tìm cách tiến công, tiêu diệt gọn một bộ phận, đánh gục ý chí chiến đấu của địch, bắt địch phải bỏ cuộc càn, rút chạy khỏi chiến trường.

Toàn thể hội nghị quyết định chọn cách xử trí thứ hai.

Và chiến sự đã xảy ra như sau...

Cánh quân chính của địch gồm ba tiểu đoàn Âu Phi, do tên thiếu tá Ti-pha-nhơ chỉ huy, dàn hàng ngang, tiến thẳng một mạch về hướng nam, không cần quét dọc đường. Chúng muốn đi nhanh, rất nhanh về Mỹ Lợi. Chúng tin chắc rằng trung đoàn 101 đang nằm đó. Ở đó, chúng đã bao vây chặt chẽ cả bốn phía, cá đã trong lưới, khó lòng thoát khỏi. Nhưng cuộc tiến công của chúng không phải dễ dàng. Đến đâu, chúng cũng bị du kích chặn đánh. Đặc biệt tới Dương Mong, chúng bị trung đội quân ở đây đánh mạnh quá, tưởng là gặp chủ lực, phải dừng lại, gọi máy bay đến thả bom xuống làng. Đến lúc biết đó là du kích thì mặt trời đã đứng bóng. Dưới ánh nắng hè gay gắt, binh lính Âu Phi uể oải tiến về phía Thanh Lam Bồ.

Vùng Thanh Lam Bồ nằm giữa đồng bằng Phú Vang. Phía bắc nối liền với các làng mạc chạy dài,. Phía nam giáp phá Cầu Hai. Phía đông giáp phá Tam Giang. Phía tây giáp sông Cồn Quang. Địa hình rất phức tạp bao gồm nhiều xóm nhỏ nối tiếp nhau, xen giữa là các ruộng lầy, bãi mía, vườn cây rậm rạp, thuận lợi cho việc giấu quân. Từ tây bắc xuống đông nam có một con đập rộng ba mét chạy dọc theo phá Tam Giang và nhiều con đường liên hương nối liền các thôn

xóm. Vùng này, trung đoàn rất quen thuộc, nên việc chiến đấu không đến nỗi khó khăn.

Cánh quân của địch đến thanh Lam Bồ, lập tức súng rộ lên một loạt ầm ầm như trời giông bão. Tiểu đoàn 328 đã chờ sẵn ở đây. Tiếng súng của 328 trở thành hiệu lệnh. Các tiểu đoàn 319, 436 cũng ào ạt xông vào bọn lính địch đang đông đặc giữa các cánh đồng. Đại đội 136 đã dũng mãnh đánh xuyên qua đội hình của địch, tiến về chiếm cầu Thanh Lam Bồ để chặn đường rút lui của chúng. Thế là bọn địch đã nằm gọn trong vòng vây của ta... Cuộc chiến chiến đấu xảy ra rất ác liệt trong bốn tiếng đồng hồ liền. Các cánh quân khác ở các nơi đều bị đánh. Toàn binh đoàn của địch hoàn toàn bị rối loạn. Tinh thần binh lính Âu Phi hoang mang hoảng hốt. Máy bay địch lờng lộn trên trời không biết thả bom bắn phá nơi nào vì nơi nào cũng có ta có địch. Hàng đàn ca-nô chiến đấu suốt ngày quần lượn trên phá Tam Giang cũng trở thành vô dụng. Hai chiếc thông báo hạm rập rình ngoài khơi chẳng biết làm gì. Bọn lính chốt ở Rằm, ở Nam Trường, Mỹ Á, Hà Thanh cũng nơ ngác nhìn nhau... Đối phương còn đâu ở Mỹ Lợi nữa mà chốt với càn!

Gần tối thì trận chiến đấu kết thúc. Tiểu đoàn Ma-rốc số 1 bị tiêu diệt gọn. Tiểu đoàn Sê-nê-gan số 28 mất hẳn một đại đội. Tiểu đoàn Spa-hi bị thiệt hại nặng nề. Tên thiếu tá Ti-pha-nơ bị bắt sống. Một số sĩ quan khác chết hoặc bị bắt làm tù binh. Bọn còn lại bán sống bán chết chạy về phá Tam Giang nhờ ca-nô cứu thoát trở lại Huế. Thế là mộng “cắt vó” của tướng Ê-tăng trở thành mây bay khói tỏa. Đây là “chiến công” đầu tiên của hãn trên chiến trường xa lạ này.

Ít lâu sau, quân dân Bình Trị Thiên lại được Bác Hồ gửi lời khen:

“Một lần nữa, Bác vui mừng và thân ái gửi lời khen ngợi cán bộ, chiến sĩ đã thắng trận ở Phú Vang. Thắng lợi ấy chứng tỏ quân đội ta dũng cảm và tiến bộ. Thắng lợi ấy một phần là nhờ sức đoàn kết và

ủng hộ của nhân dân. Vậy các chú chuyển lời Bắc cảm ơn đồng bào.  
Bác dặn các chú nhớ hai điều:

1. Chớ vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch, phải luôn luôn cẩn thận và cố gắng để tranh thủ thắng lợi to hơn nữa.
2. Phải luôn luôn nhớ: du kích chiến tranh là chính. Vậy các chú phải giúp đỡ du kích chiến tranh phát triển và củng cố khắp mọi nơi...

Chào thân ái và quyết thắng!”:

## XXII. VÙNG GIẢI PHÓNG RỘNG MÊNH MÔNG

Đầu tháng 11 năm 1951, ở Bắc bộ, Tát-xi-nhi cho quân đánh chiếm Hòa Bình. Suốt mấy ngày liền, đài phát thanh của địch lái nhải đọc đi đọc lại bài diễn văn của Tổng tư lệnh kiêm Cao ủy này, với một câu nói tẻ ngắt; “Giai đoạn lúng túng phải kết thúc. Giờ hành động đã đến. Nước Pháp phải ở lại Đông Dương”.

Sau một năm củng cố và tăng cường lực lượng, Tát-xi-nhi muốn giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Ngày 24 tháng 11, Trung ương Đảng họp, quyết định phá cuộc tấn công này của địch. Bộ Tổng tư lệnh thực hiện quyết định đó, điều ba đại đoàn 308, 312, 304 lên rừng núi miền tây đánh vào chính diện, đại đoàn 320, 316 đẩy mạnh tiến công đánh phá kế hoạch “bình định” của địch, phát triển du kích chiến tranh ở đồng bằng Bắc bộ.

Và đại đoàn 325 cùng quân dân địa phương đẩy mạnh hoạt động ở đồng bằng Bình Trị Thiên sau lưng địch phối hợp với chiến trường chính.

Nhận được mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, chúng tôi bàn kế hoạch để thi hành.

Chúng tôi nhận định rằng: trên chiến trường chính, địch đang tập trung lực lượng lớn, tấn công Hòa Bình, lo đối phó với quân ta, địch sẽ sơ hở ở mặt trận này và ít khả năng tăng quân tiếp viện vào đây khi ta tấn công. Đây cũng là một cơ hội tốt để quân dân ta tiêu diệt sinh lực địch và mở rộng các căn cứ du kích của ta...

Về lực lượng địch, chúng tôi cũng đã thấy rõ. Sau các trận Thanh Hương, Mỹ Xuyên, Thanh Lam Bồ, quân ứng chiến của địch đã giảm sút nhiều về số lượng cũng như về tinh thần, sự hoạt động của địch bị thu hẹp và thận trọng hơn trước. Địch ít tổ chức những cuộc càn quét trên một phạm vi rộng rãi với một lực lượng ứng chiến tập

trung quy mô lớn. Hầu hết các cuộc càn quét của địch là dùng quân ứng chiến và chiếm đóng của tiểu khu, hoạt động trong một phạm vi bán kính vài ba ki lô mét với thời gian một buổi hay một ngày là kết thúc. Những hoạt động của địch trong thời gian này chủ yếu là nhằm bảo vệ an toàn các đường giao thông quan trọng và hệ thống chiếm đóng, đồng thời tiếp tục bắt lính và trấn an tinh thần của bọn nguỵ quyền ở xung quanh các vị trí của chúng.

Với những nhận định trên, Bộ chỉ huy mặt trận chủ trương mở một đợt tấn công vào hệ thống chiếm đóng của địch ở huyện Bồ Trạch, nơi lực lượng tại chỗ của địch tương đối yếu và phòng thủ sơ hở. Chúng tôi giao nhiệm vụ đó cho trung đoàn 95.

Tiếng súng tấn công của trung đoàn 95 cùng với bộ đội địa phương vang lên toàn huyện. Một số đồn bốt giặc ở Phúc Tự, Đồng Cao, chợ Cụt, Cồn Tuần nổi nhau sụp đổ. Chỉ trong vòng nửa tháng, trung đoàn 95 và bộ đội địa phương lập được chiến công lớn: loại khỏi vòng chiến đấu 1.000 tên địch, quét sạch gần 20 đồn bốt, giải phóng hầu hết các thôn xã thuộc huyện Bồ Trạch. Một phần đất rộng lớn phía bắc Bình Trị Thiên được sống tự do.

Sau khi giải phóng Bồ Trạch, chúng tôi quyết định giải phóng huyện Gio Linh, phía bắc Quảng Trị.

Lực lượng của địch ở đây tương đối lớn, lực lượng ứng chiến ở tiểu khu Quảng Trị có 4 tiểu đoàn. Chúng bố trí tại thị xã Đông Hà 2 tiểu đoàn, có nhiệm vụ trực tiếp ứng cứu các hệ thống chiếm đóng của chúng ở ba huyện Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh mỗi khi bị ta uy hiếp. Vì thế, muốn giải phóng Gio Linh ta phải tiêu diệt bọn ứng chiến này. Ngoài ra, phải tìm chân được các đơn vị ứng chiến ở Đồng Hới, Quảng Trị, Huế... Đó là một khó khăn.

Chúng tôi đặt ra kế hoạch:

Về hướng chính, trung đoàn 95 và bộ đội địa phương tổ chức bao vây đồn Nam Đông, nhử bọn ứng chiến ở Đông Hà lên để tiêu diệt.

Về hướng phụ, trung đoàn 18 hoạt động mạnh ở Quảng Bình và trung đoàn 101 tấn công ở Thừa Thiên để phối hợp với hướng chính kìm chân bọn ứng chiến ở Đồng Hới và Huế lại.

Nam Đông là một vị trí lớn của địch nằm gần sát ven núi phía tây Quảng Trị, cách đường số 1 tám ki-lô-mét, cách đường số 9 ba ki-lô-mét về phía bắc. Nó án ngữ con đường giao thông của ta. Tất cả cán bộ, bộ đội trong đi ra, ngoài đi vào, phải đi ngang qua Nam Đông trên dưới vị trí địch vài ba ki-lô-mét. Vị trí này xây dựng theo kiểu cũ, nhưng luôn luôn được gia cố hầm hào, công sự bằng gỗ, đất và nhiều lớp hàng rào dây thép gai. Ngoài vị trí chính còn có 4 vị trí xung quanh, mỗi vị trí cách vị trí chính, xa nhất là 2 ki-lô-mét, gần nhất là 500 mét. Lực lượng ở đây có một tiểu đoàn quân ngụy. Ban chỉ huy tiểu đoàn và 2 đại đội đóng ở vị trí chính. Đại đội thứ ba đóng ở các vị trí xung quanh.

Nam Đông lại nằm đúng nơi tiếp giáp ba con đường tỉnh lộ 74, 75, 76. Từ Nam Đông, theo hướng tỉnh lộ 75 lên phía bắc 30 ki-lô-mét sẽ gặp đường số 1 ở Tiên An; theo đường tỉnh lộ 76 xuống phía nam sẽ gặp đường số 9 ở Cam Lộ, theo đường 74 đi sang phía đông sẽ gặp đường số 1 Hà Thanh...

:

Phương án tác chiến của chúng tôi là “vây đồn, diệt viện”, vây đồn Nam Đông, nhử bọn tiếp viện lên để đánh. Nhưng viện binh của địch sẽ đi đường nào: 74? 75? 76? Nên chọn con đường nào để đặt bẫy phục kích? Làm thế nào để bắt địch phải đi con đường mình đã chọn? Điều này, chúng tôi thảo luận rất sôi nổi. Cuối cùng chúng tôi quyết định chọn con đường 74. Hai con đường 75, 76 chúng tôi cho dân quân phá hoại triệt để, không cho địch đi, bắt buộc địch phải đi theo con đường mình đã định.

Đường 74, trước kia hai bên có làng mạc xen giữa các ngọn đồi thấp, ruộng đồng, cây cối tốt tươi. Nhưng khi giặc về, tàn phá giết chóc, bà con đi sơ tán hết, nay đã biến thành rừng rậm hoang vu, làm nơi trú ngụ an toàn cho hổ báo. Những cán bộ, bộ đội đi lẻ tẻ ngang qua vùng này sợ hổ báo nhiều hơn sợ địch. Đã có lần bộ đội hành quân qua đây ban đêm, một chiến sĩ bị tuột dép, phải đứng lại bên đường xâu lại quai. Khi đơn vị vừa đi khỏi, đồng chí ấy cũng bị hổ bắt tha đi. Cả đơn vị phải dừng lại làm một cuộc càn trong đêm tối, nhưng không la hét ồn ào, không bắn súng là vì gần đồn địch. Cuối cùng, đơn vị cũng tìm được, nhưng đồng chí ấy đã chết.

Lực lượng của ta sử dụng trong trận chống càn này gồm có trung đoàn 95, tăng cường thêm một tiểu đoàn bộ đội địa phương của Quảng Trị và hai đại đội du kích của hai huyện Gio Linh và Vĩnh Linh. Bộ chỉ huy mặt trận trực tiếp chỉ huy trận đánh.

Tối 10 tháng 3 năm 1952, tiểu đoàn 310 và một đại đội du kích của huyện Vĩnh Linh do đồng chí Lê Đình Sum, tiểu đoàn trưởng, chỉ huy tiêu diệt hai vị trí đóng ngoài của Nam Đông. Một tiểu đoàn khác của trung đoàn 95 bao vây Nam Đông.

Sáng hôm sau, 11 tháng 3, toàn bộ lực lượng của ta - trừ tiểu đoàn bao vây Nam Đông - bố trí dọc đường 74, chiều dài khoảng 5 ki-lô-mét. Địa hình, địa vật ở đây rất tối. Lực lượng của ta bố trí rất kín đáo. Trinh sát của địch đi trên không bay đi trên đường 74 cũng không thể phát hiện được. Bộ chỉ huy mặt trận phán đoán khi địch hành quân giải tỏa Nam Đông, chúng sẽ dùng phi pháo bắn phá dữ dội hai bên đường. Do đó, lực lượng của ta phải bố trí xa đường để tránh thương vong.

Cả ngày 11, lực lượng ứng chiến của địch ở Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình đều yên tĩnh bất động.

Cả ngày 12, vẫn yên tĩnh. Địch ở Nam Đông vẫn cố thủ.



Tối 12, đồng chí Lê Văn Tri, trung đoàn trưởng trung đoàn 95 và đồng chí Cầu, chính ủy cùng chúng tôi hội ý. Có đồng chí cho rằng vị trí Nam Đông cô lập, chỉ có nguy quân, đường 74 rất nguy hiểm, Pháp có thể bỏ. Do đó, khả năng đánh viện không có nhiều. Nếu chờ đợi lâu ngày bộ đội ta sẽ mệt mỏi. Chi bằng, tập trung lực lượng tiêu diệt vị trí Nam Đông, chủ động hơn. Ý kiến đó bị gạt bỏ. Trong lúc này, Pháp không thể bỏ rơi một vị trí có một tiểu đoàn nguy đóng. Làm như vậy sẽ ảnh hưởng lớn đến tinh thần binh lính nguy, rất bất lợi cho chúng. Sở dĩ trì hoãn cuộc hành binh giải tỏa là vì chúng cho rằng vị trí Nam Đông không thể bị tiêu diệt ngay, chờ cho bộ đội ta mệt mỏi sẽ tự rút khỏi trận địa.

Tất cả đều nhất trí với ý kiến này nên đã động viên bộ đội củng cố quyết tâm, kiên trì chờ viện binh địch.

Suốt ngày 13, vẫn không thấy địch có hành động gì.

Đêm 13, trinh sát cho biết địch tập trung quân ở Huế và có thể ngày 14 chúng hành quân lên Nam Đông.

Màng lưới trinh sát của ta giăng từ Huế đến Gio Linh theo dõi địch chặt chẽ.

Sáng ngày 14, một đoàn xe trên 100 chiếc chở theo một tiểu đoàn Âu Phi, một tiểu đoàn nguy, một đại đội công binh và 8 khẩu pháo 75 ly từ Huế ra Gio Linh. Khi đến múi đường 74 đoàn xe dừng lại trên đường quốc lộ số 1 thành một hàng dọc dài trên một ki-lô-mét. Tất cả lính địch đều xuống xe. Tiểu đoàn nguy xếp thành hàng hai đi bộ trên đường 74. Chúng đi rất chậm chạp, mỗi giờ độ 2 ki-lô-mét. Hơn một tiếng đồng hồ tiểu đoàn Âu Phi và đại đội công binh lên xe đi tiếp theo. Khi quân địch đi trên đường 74 thì pháo của chúng đặt trên đường quốc lộ bắn dồn dập lên hai bên đường trước mặt quân chúng. Đến 12 giờ trưa chúng nối nhau thành mạch dài, đi đầu là tiểu đoàn nguy, súng cầm tay chia sang hai bên đường trông bộ thậm thà, thậm thụt như đến gần hang hổ. Tiếp theo là tiểu đoàn Âu Phi và đại

đội công binh ngồi trên 78 chiếc xe tải, bò chậm như rùa, lắc la lắc lư trên đường đá gồ ghề, lởm chởm. Chúng đi rất sát nhau. Cả đoàn quân dài khoảng 2 ki-lô-mét.

Bộ đội ta phục kích xa đường nên được an toàn trong khi phi pháo của địch bắn phá rất dữ dội.

Khi chúng bắt đầu đi vào trận địa phục kích của ta, quân ta cũng bắt đầu vận động ra đường. Đã ra đến gần đường mà quân địch không hay biết gì hết. Loạt súng đầu tiên của ta làm bọn địch bất ngờ. Tiểu đoàn ngự chỉ thương vong một số, số còn lại chạy tán loạn vào rừng. Tiểu đoàn Âu Phi và đại đội công binh bị thiệt hại nhiều hơn, nhưng cũng có một số không ít chạy vào rừng. Thế là một bộ phận địch bị tiêu diệt. Toàn bộ đoàn xe của chúng nằm phoir xác trên mặt đường.

Chúng tôi phán đoán: số quân ấy thế nào cũng sẽ tập hợp lại trên đường 74. Bộ đội ta được tổ chức lại, bí mật phục kích trên đường lần nữa, chờ địch.

Lúc này, phi pháo của địch cũng ngừng hoạt động. Chúng sợ bắn nhầm vào quân chúng đang ẩn náu trong rừng. Chỉ có chiếc máy bay bà già vè vè trên không, hình như ra lệnh cho quân lính chúng trong rừng ra tập hợp lại.

Đúng như dự đoán, lúc 4 giờ chiều hôm ấy, lính ngự cũng như lính Âu Phi, lần lượt từ trong rừng đi ra, mặt mày phờ phạc vì mệt, vì sợ. Khi trên đường đã có độ năm, sáu chục tên, yên tĩnh, không có gì xảy ra, bọn chỉ huy từ trong các bụi rậm mới thò đầu ra, đứng thẳng người huýt còi inh ỏi thúc giục bọn tàn quân tập hợp. Nào ngờ đâu, nơi tập hợp của chúng lại là nơi mồ chôn chúng. Giờ chết của chúng đã được định sẵn và sắp đến nơi mà chúng hoàn toàn không hay biết. Nửa giờ sau, quân lính tập hợp đầy đủ, xếp thành hai hàng dài gần nửa ki-lô-mét, ước chừng sáu, bảy trăm tên. Lập tức, ta nổ súng dồn dập từ ba hướng: trước mặt, sau lưng, và bên sườn địch. Đại bộ

phận địch nằm rạp trên mặt đường. Một số chạy thực mạng vào rừng. Độ 15 phút, trận đánh kết thúc. Cả hai trận đánh, trưa và chiều hôm ấy ta tiêu diệt gần 600 tên địch, bắt sống 180 tên khác vừa nguy, vừa Âu Phi. Ta phá hủy 78 xe.

Trời nhá nhem tối, ta thu quân và thu dọn chiến trường. Bọn địch sống sót chạy vào rừng, hôm sau, lần lượt tìm đường về Đông Hà, bộ đội địa phương và dân quân bắt thêm được mười mấy tên nữa.

Được tin viện binh bị diệt, bọn địch ở Nam Đông mất tinh thần, nháo nhác lo sợ. Thừa thắng, trung đoàn tập trung lực lượng tấn công tiêu diệt đồn Nam Đông luôn trong đêm ấy. Bọn địch trong đồn chống cự yếu ớt, hầu hết bị diệt và bắt sống. Một số ít chạy thoát.

Vị trí Nam Đông bị tiêu diệt là xóa bỏ được một chướng ngại trên hành lang Bắc - Nam. Chiến thắng ấy kéo theo sự tan rã một loạt tổ chức hội tề, hương vệ trong huyện Gio Linh. Đồng bào được tin chiến thắng reo mừng phấn khởi, từ nơi sơ tán lũ lượt kéo về làng cũ. Họ xây dựng lại chính quyền, đoàn thể. Dân quân, du kích chuẩn bị sẵn sàng đánh địch giữ làng. Cán bộ, bộ đội ra Bắc, vào Nam đến đây ăn ngủ an toàn, chuẩn bị vượt qua đường 9.

Sau đó không lâu, tôi có dịp đi qua đường 74 lại thấy đồng bào ở đây đông đúc, vườn tược được phát quang, khoai sắn, tiêu chè mọc lên xanh biếc. Hồ báo phải nhường chỗ cho trâu bò lui về rừng sâu núi rậm.

Chiến thắng Nam Đông - đường 74 lại thêm tiếng vang lớn. Trung đoàn 95 và các lực lượng vũ trang Quảng Trị, Gio Linh, Vĩnh Linh lại được đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi thư khen. Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu IV tặng cờ danh dự cho trung đoàn.

Cùng lúc trung đoàn 95 đánh Nam Đông, trung đoàn 18 ở Quảng Trị cũng lập nhiều chiến công xuất sắc ở Vạn Lộc, Hoàn Lão, và nhiều nơi khác. Ở Thừa Thiên, trung đoàn 101 và bộ đội địa phương, dân

quân du kích đã tiêu diệt các vị trí Hương Căn, La Khê, An Truyền, Tuyên Nam, Kiên Kiến, san phẳng cả một hệ thống cứ điểm gồm hơn 10 đồn, chốt địch xung quanh thành phố Huế, mở rộng vùng căn cứ du kích đến Bao Vinh, ngay sát cửa ngõ của Huế, cố đô xưa. Nhân dân trong thành phố ra vào thăm hỏi bà con ở khu vực tự do, bọn giặc cũng không dám cấm đoán.

Sau chiến thắng Nam Đông - đường 74, vùng tự do của ba tỉnh Bình Trị Thiên nối liền nhau thành một dải chạy dài dọc theo núi Trường Sơn, trên đường số 1. Vùng tự do ấy vắt ngang qua các huyện Hương Thủy, Hương Trà, Quảng Điền, Phong Điền ở Thừa Thiên; Cam Lộ, Hướng Hóa, Vĩnh Linh ở Quảng Trị; Lệ Thủy, Quảng Ninh ở Quảng Bình. Vùng tự do ấy tiếp giáp với các vị trí địch trên đường số 1, có một khoảng cách rộng hẹp khác nhau bằng những khu vực tranh chấp.

:

Mọi hoạt động ở vùng tự do gần như thật sự là tự do. Lâu lâu mới có vài chiếc máy bay của địch lướt qua rồi mất hút. Các cơ quan huyện hoạt động bình thường. Bộ đội tập luyện, canh gác ngày đêm có nền nếp. Công việc đồng áng, buôn bán, đi lại của nhân dân rất nhộn nhịp. Ở đây có trường học, có bệnh viện. Tối tối, các em nhỏ được các chú bộ đội tập hát, tập múa rất vui.

Địch thực sự đã co lại, không có những cuộc càn quét lớn ra vùng tự do. Chủ yếu, chúng mở các cuộc càn quét nhỏ xung quanh vị trí với lực lượng tại chỗ. Bọn nguỵ quyền ở gần vị trí địch hầu hết là hai mặt, vừa làm việc cho địch, vừa làm việc cho ta. Những tên hội tề phản động thật sự thì vào ở trong các đồn địch, không dám về nhà mặc dầu nhà ở gần vị trí.

Trước tình hình ấy, Bộ chỉ huy mặt trận chúng tôi đặt thành vấn đề giải phóng đất đai nhằm mở rộng vùng tự do của ta, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch.

Hướng chính là vùng Quảng Trạch ở phía bắc Quảng Bình và là nơi tiếp giáp với vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh.

Từ khi giặc đánh chiếm ba tỉnh Bình Trị Thiên, chúng đã xây dựng ở đây, dựa vào con sông Gianh, một hệ thống phòng ngự khá vững chắc, kéo từ bờ biển đến tận chân núi Trường Sơn, mục đích để bảo vệ vùng chiếm được, ngăn chặn lực lượng của ta tấn công từ Thanh Nghệ Tĩnh vào; khống chế, cắt đứt đường giao thông liên lạc Bắc - Nam của ta và sẽ làm bàn đạp mở các cuộc tiến quân ra vùng tự do Liên khu IV khi có điều kiện. Do địa bàn chiến lược đó, lực lượng của địch ở đây khá nhiều và các đồn bốt cũng được xây dựng kiên cố.

Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng, chúng tôi quyết định đánh vào hệ thống đó, chủ yếu là hai đồn quan trọng nhất Sen Bàng và Ba Đồn. Lực lượng của ta sử dụng trong các trận đánh này gồm có trung đoàn 95, trung đoàn 18, tiểu đoàn bộ đội địa phương Quảng Bình, 2 đại đội dân quân của hai huyện Bố Trạch, Quảng Trạch cùng với du kích quanh vùng.

Để đánh lạc hướng địch, Bộ chỉ huy chỉ thị cho trung đoàn 101 và bộ đội địa phương hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên đẩy mạnh mọi hoạt động để bọn địch không nghi ngờ gì việc ta tấn công ở phía bắc. trong lúc đó, trung đoàn 95, trung đoàn 18 bí mật hành quân ra tập kết ở vùng Ba Lùm, Ba Lò.

Tối 20 tháng 5 năm 1952, Bộ chỉ huy mặt trận cùng với hai ban chỉ huy trung đoàn họp bàn kế hoạch. Cuộc họp ấy xác định lại quyết tâm phải tiêu diệt đồn Sen Bàng và bọn viện binh của địch lên đấy. Sau đó, sẽ tập trung lực lượng đánh vào các vị trí và viện binh của địch ở Ba Đồn và bắc sông Gianh.

Lực lượng sử dụng đánh đồn Sen Bàng là trung đoàn 95, một đại đội dân quân của huyện Bồ Trạch và du kích vùng đó. Trung đoàn dùng tiểu đoàn 310, đại đội dân quân Bồ Trạch đánh đồn. Tiểu đoàn 227 bố trí đánh viện. Tiểu đoàn 302 làm lực lượng dự bị.

Sen Bàng là một làng cách đường số 1 về phía tây chừng 6 - 7 ki-lô-mét và cách chân núi Ba Rền về phía đông vài ba ki-lô-mét. Làng nằm trên một ngọn đồi không cao lắm. Đồng bào ở đây hầu hết là công giáo. Địch đóng ở Sen Bàng chủ yếu là để ngăn chặn cán bộ, bộ đội của ta ra Bắc, vào Nam. Số lượng của chúng ở trong đồn là một tiểu đoàn. Binh lính là giáo dân phần lớn từ các nơi đến. Sen Bàng là một vị trí độc lập và cô lập, không có sự chi viện của các vị trí khác nếu bị tấn công. Sở dĩ địch duy trì vị trí ấy cho đến bây giờ là vì chúng dựa vào đồng bào công giáo ở đó làm tai mắt cho chúng. Đồn đóng gần nhà thờ.

Tối 25 tháng 3, trung đoàn bí mật kéo đến làm công tác chuẩn bị. Bọn địch ở trong đồn không hay biết gì. Chúng rất chủ quan. Chúng cứ tưởng rằng đồng bào công giáo trong làng là tai mắt đáng tin cậy. Việt Minh không thể nào lọt qua được. Chúng có biết đâu đại đa số giáo dân đều có lòng yêu nước. Những tên đội lốt tôn giáo làm tay sai cho chúng không phải là nhiều. Trong lúc hàng nghìn bộ đội ta rộn rịp trong làng chuẩn bị đánh đồn, lẽ nào không có một người nào biết? Thế nhưng tất cả đều yên tĩnh. Hình như mọi người lặng lẽ theo dõi những gì sẽ xảy ra.

2 giờ sáng ngày 23 tháng 5, súng của ta nổ dồn dập. Bọn địch trong đồn hốt hoảng, rối loạn, không kịp trở tay. Đột phá khẩu mở, bộ đội ta ập vào. Địch chống cự một cách tuyệt vọng. Cuộc chiến đấu diễn ra rất giòn giã, không đầy nửa tiếng đồng hồ đã kết thúc. Địch bị tiêu diệt gọn. Thương vong của ta không đáng kể. Khi bộ đội ta đang thu dọn chiến lợi phẩm, đồng bào làng Sen Bàng đều thức dậy, kẻ thì đứng nhìn, người thì tham gia giúp bộ đội. Trừ những gia đình có

người đi lính cho địch bị chết, hầu hết đều thân nhiên không ai bọc lộ thương tiếc bọn địch trong đồn.

Sau khi đồn Sen Bàng bị diệt, trung đoàn tập trung lực lượng, bố trí sẵn sàng đánh viện binh địch. Nhưng suốt ngày 23, địch trên ba tỉnh Bình Trị Thiên không có sự điều động nào khác thường. Bộ đội ta rút về khu tập kết, chuẩn bị cho các trận đánh khác.

Vùng Sen Bàng hoàn toàn giải phóng. Vùng tự do Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Tuyên Hóa của Quảng Bình nối liền với vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh.

:

Trung đoàn kéo về phía bắc sông Gianh.

Địch đóng ở bắc sông Gianh gồm 4 vị trí: 2 vị trí chính và 2 vị trí phụ. Ba Đồn là một vị trí chính cách đường quốc lộ số 1 về phía tây độ hai ki-lô-mét, sát bờ bắc sông Gianh. Ở đây có chừng hai đại đội nguy. Vị trí phụ cách Ba Đồn 600 - 700 mét có khoảng 1 trung đội nguy, một bộ phận hành chính.

Vị trí chính thứ hai đóng ở làng Mỹ Hòa cách đường quốc lộ số 1 về phía đông khoảng 500 mét, cách bờ bắc sông Gianh độ 200 mét. Địch ở đồn Mỹ Hòa không đầy hơn một đại đội. Vị trí phụ đóng gần sông Gianh độ một trung đội.

Bờ nam sông Gianh có một đồn địch đóng gần đường số 1, sát bờ sông. Ở đây có một tiểu đoàn địch vừa Âu Phi, vừa nguy, có hai khẩu pháo 75 ly.

Địa hình ở bắc sông Gianh, khu vực địch đóng quân, toàn là những đồi cát, ruộng cát, rất trống trải. Có vài làng nằm bên bãi cát như làng Mỹ Hòa, làng Ba Đồn, Xóm Tuần... nhưng cũng không có cây cối gì. Những đồi cát, ruộng cát ấy chạy thẳng lên phía tây, tây bắc và bắc, sát dãy núi nằm chắn trước mặt gọi là núi Phụng Hoàng Sơn. Phía

đông giáp biển. Phía nam là sông Gianh. Vùng này không có chỗ giấu quân. Nếu cần vài tổ trinh sát để tiếp cận địch, phải ở lẫn với đồng bào trong các làng. Những cũng không bảo đảm lắm vì cơ sở của ta ở đó yếu. Cho nên, muốn đánh các vị trí địch phải hành quân từ xa đến bố trí công kích ngay mới có thể giải quyết kịp trận đánh trong một đêm...

Tối 28 tháng 5, bộ đội ta đến bắc sông Gianh và chuẩn bị đánh địch ở đó. Trung đoàn 95 do đồng chí Lê Văn Tri chỉ huy dùng hai tiểu đoàn 227 và 310 cùng với lực lượng địa phương được tăng cường tiêu diệt đồn Ba Đồn. Tiểu đoàn 302 đánh vị trí phụ gần đấy.

Trung đoàn 18 do đồng chí Vương Tuấn Kiệt chỉ huy dùng một tiểu đoàn và bộ đội địa phương đánh đồn Mỹ Hòa. Một tiểu đoàn khác đánh vị trí phụ. Còn một tiểu đoàn làm dự bị.

Tất cả các đơn vị của ta đều nổ súng đêm 28. Trung đoàn 18 giữ được bí mật bất ngờ nên giải quyết nhanh chóng cả hai vị trí chính và phụ ở Mỹ Hòa. Địch trong hai đồn bị tiêu diệt gọn. Nhưng trung đoàn 95 bị lộ bí mật, địch trong đồn biết và sẵn sàng đối phó. Cuộc chiến đấu diễn ra rất gay go quyết liệt. Rạng sáng ngày 29, không giải quyết được dứt điểm vị trí Ba Đồn. Bộ đội ta phải rút đi bố trí chọn đánh quân tiếp viện. Tiểu đoàn 302 đã diệt gọn vị trí phụ của địch ở đó.

Trưa ngày 29, địch dùng lực lượng của các vị trí ở nam sông Gianh độ một tiểu đoàn gồm ngụy và Pháp đi tiếp viện cho Ba Đồn. Chúng sang sông và đi ngược lên Ba Đồn. Trong lúc đó, bọn ở Ba Đồn bỏ đồn, hành quân đi xuống. Hình như địch đã có kế hoạch và đã liên lạc với nhau. Mục đích của chúng tiếp viện là để đón bọn địch ở Ba Đồn rút về. Âm mưu đó ngoài sự phán đoán của ta. Chúng ta nghĩ rằng: địch sẽ tăng viện và cố thủ Ba Đồn. Nếu ngày 29 không có viện thì tối 29 ta sẽ đánh dứt điểm Ba Đồn. Nếu có viện, ta sẽ diệt viện, rồi sẽ diệt điểm. Việc bố trí lực lượng của ta là chuẩn bị theo phương



hướng đó. Nhưng khi hai toán lính địch sắp gặp nhau cách vị trí Ba Đồn không đầy 1 ki-lô-mét về phía đông thì chính đó lại là trận địa phục kích của ta. Ở đây, địa hình trống trải, chỉ có nhà dân ở dọc bờ sông kéo dài lên đến Ba Đồn. Khi hai toán quân địch sắp gặp nhau, ta lập tức nổ súng. Địch bị đánh bất ngờ, chạy lung tung. Bộ đội ta tấn công mãnh liệt, một phần lớn địch bị giết, một số chết đuối vì nhảy xuống sông, một số chạy thoát.

Thế là trận đánh ở phía bắc sông Gianh kết thúc thắng lợi.

Lần đầu tiên, trên chiến trường Bình Trị Thiên, bộ đội ta đã dùng sức mạnh diệt luôn 5 vị trí địch trong một tuần lễ, trong đó có hai vị trí quan trọng là Sen Bàn Và Ba Đồn. Cũng lần đầu tiên, bộ đội ta diệt điểm, diệt viện, phá vỡ một hệ thống phòng thủ hai huyện Tuyên Hóa và Quảng Trạch. Do đó vùng tự do của Quảng Bình được mở rộng từ núi đến đường số 1 và nối liền với vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh. Đường giao thông trong ra, ngoài vào được bảo đảm an toàn, đi lại thoải mái không phải leo Liên U, Ba Rền như trước nữa.

Trong thời gian trung đoàn 95 và 18 đánh ở phía bắc sông Gianh, ở miền nam Bình Trị Thiên, trung đoàn 101 cùng các lực lượng địa phương cũng giành được nhiều thắng lợi lớn. Trung đoàn đã phá nhiều cuộc càn của địch ở Phú Vang, Phú Lộc, ở đồng bằng Triệu Hải. Đặc biệt ở đèo Lãng Cô, trung đoàn đã lật nhào xuống biển một đoàn tàu quân sự 43 toa, trong đó có 6 toa chở đầy lính, gây cho địch nhiều thiệt hại lớn. Sau đó lại phá tan cuộc tấn công của địch lên chiến khu Dương Hòa, loại khỏi vòng chiến đấu trên 500 lính Âu Phi, bắt sống 57 tù binh, thu được hàng trăm súng các loại.

Nhưng vào cuối tháng 8, trung đoàn phạm phải một sai lầm rất nghiêm trọng. Do thiếu cảnh giác, ta đã lọt vào đơn vị một tên gián điệp. Hắn nắm được giờ hành quân và địa điểm trú quân sắp đến của chúng ta, báo cho địch biết. Địch liền điều động cả quân ứng chiến từ

miền Bắc vào, dùng tàu đổ bộ đường biển chở gấp quân cơ động tác chiến Âu Phi và hơn 70 xe bọc thép lội nước vào Bình Trị Thiên phối hợp với các lực lượng tại chỗ gồm có 8 tiểu đoàn vây diệt trung đoàn 101. Tuy chúng không hoàn toàn thắng lợi nhưng đã gây cho trung đoàn những tổn thất nặng nề: nhiều cán bộ và chiến sĩ đã hy sinh, nhiều đồng chí khác bị thương.

Đây là bài học xương máu trung đoàn sẽ nhớ mãi.

### XXIII. XUÂN VỀ TRÊN NƯỚC BẠN

Tháng 9 năm 1953, tôi nhận được điện của Bộ Tổng tư lệnh gọi ra Việt Bắc để nhận nhiệm vụ quân sự Đông - Xuân.

Nhận được điện, tôi có rất nhiều suy nghĩ.

Sau bao nhiêu năm chiến tranh, hết thất bại này đến thất bại khác, thực dân Pháp đã đến giờ “hấp hối” đúng như tên cuốn hồi ký của Na-va viết sau chiến tranh (L'agonie de l'Indochine). Để cứu vãn tình thế ngặt nghèo, chính phủ Pháp đã phải đưa tướng Na-va, “nhân tài quân sự” bậc nhất của nước Pháp sang thay Sa-lăng làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

Na-va cũng muốn làm rạng danh nước Pháp, tìm “lối thoát danh dự” bằng những thắng lợi quân sự, cứu vãn tình trạng nguy ngập của quân đội Pháp trên chiến trường.

Theo tình báo cho biết thì kế hoạch của Na-va chia làm hai bước: trong Đông - Xuân 1953 - 1954 giữ thế phòng ngự chiến lược, tránh quyết chiến ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam. Vào Đông - Xuân sau 1954 - 1955, có khối chủ lực cơ động đã được tăng cường mạnh mẽ, sẽ tập trung toàn bộ lực lượng chuyển sang tiến công chiến lược trên chiến trường miền Bắc, giành thắng lợi quyết định, kết thúc chiến tranh.

Trước kế hoạch của địch, chắc Bộ Tổng tư lệnh đã có kế hoạch đối phó nên mới triệu tập cán bộ chỉ huy các chiến trường ra Việt Bắc để phổ biến cụ thể hơn.

Tôi vội vã lên đường. Từ chiến khu Ba Lòng vượt qua đường số 9 rồi đến vùng tự do Vĩnh Linh, Quảng Bình ra Đức Thọ. Lần này, tôi không phải trèo Liên U, Ba Rền nữa. Tôi nghỉ lại Khu ủy ở đóng ở Thanh Chương. Từ đó, đi xe đạp ra Thanh Hóa, lên Hòa Bình và cứ

theo đường dây liên lạc đến cơ quan Tổng Quân ủy. Đến đây, tôi gặp nhiều cán bộ ở các chiến trường khác cũng về để nhận nhiệm vụ.

Tối đến, trong lúc nằm nói chuyện với các đồng chí đến trước, tôi được biết vừa rồi Bộ chính trị Trung ương Đảng đã họp và đề ra chủ trương trong Đông Xuân 1953 - 1954, ta phải giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng địch. Cụ thể, trên mặt trận chính diện, ta sẽ sử dụng bộ đội chủ lực mở ba cuộc tấn công lớn nhằm mục đích:

- Tiêu diệt quân địch đang chiếm đóng Lai Châu, giải phóng hoàn toàn khu vực Tây Bắc, phối hợp cùng quân giải phóng Lào, giải phóng Phong-xa-lỳ, Ta sẽ đề nghị với bạn Lào và Cam-pu-chia phối hợp với bộ đội Việt Nam tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch ở Trung Lào, Hạ Lào, đông bắc Cam-pu-chia, mở rộng vùng giải phóng, đánh thông đường chiến lược Bắc - Nam.

- Đoạt lấy địa bàn chiến lược Tây Nguyên, trước hết là bắc Tây Nguyên, phá tan âm mưu củng cố và “bình định” miền Nam của địch.

Trên mặt trận sau lưng địch, phát triển mạnh chiến tranh du kích, thu hẹp vùng chúng kiểm soát.

Làm như vậy là trong khi Na-va tập trung lớn lực lượng cơ động chiến lược ở đồng bằng Bắc bộ để củng cố thế đứng chân của chúng ở đồng bằng, tránh quyết chiến ở miền Bắc thì ta đánh lên hướng tây với ba đòn chiến lược là Tây Bắc, Phong-xa-lỳ, Trung Hạ Lào, Tây Nguyên.

Hướng tây là hướng địch đang có nhiều sơ hở. Lực lượng tại chỗ của chúng yếu. Nhưng hướng tây lại là hướng chiến lược rất quan trọng, thậm chí có ý nghĩa quyết định tới chiều hướng phát triển của chiến tranh. Do đó, địch không thể nào bỏ được. Bắt buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta. Như thế, sẽ tạo ra cho chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi để tiêu diệt sinh lực địch.

Nếu làm như vậy ta sẽ đập tan được âm mưu củng cố miền Nam, bình định đồng bằng của địch, mở các vùng tự do của ta xuống đồng bằng mà không cần tập trung chủ lực lớn đánh vào đó. Âm mưu xây dựng lực lượng cho những trận quyết chiến chiến lược vào Đông - Xuân sau 1954 - 1955 của địch cũng sẽ bị đổ vỡ. Ta có điều kiện để đưa cuộc kháng chiến của ta đến thắng lợi hoàn toàn.

:

Nghe các đồng chí phân tích như vậy, tôi càng sáng tỏ vấn đề. Sáng hôm sau, tôi đến gặp anh Văn(1) Bí thư Tổng Quân ủy. Anh cũng cho tôi biết chủ trương của Trung ương. Và anh nói, đại ý: Đông Dương là một chiến trường. Pháp dùng Lào làm bàn đạp đưa quân đến chiếm đóng các tỉnh Tây Bắc chúng ta. Gần đây, cũng từ đó, chúng đổ quân xuống Điện Biên Phủ. Lào cũng là căn cứ tiếp tế cho quân chiếm đóng của Pháp ở Nà Sản, Sơn La, Điện Biên Phủ. Việc phối hợp giữa nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Pháp, kẻ thù chung của cả ba nước, là một yêu cầu tất yếu, khách quan. Vì vậy, nhiệm vụ của quân đội ta không phải chỉ đánh địch ở Việt Nam, mà phải phối hợp chiến đấu với quân và dân Lào, Cam-pu-chia.

Sau đó, anh giao nhiệm vụ cho chúng tôi, trong Đông - Xuân phải mở mặt trận Trung Hạ Lào và Đông Cam-pu-chia nhằm hai mục đích:

1. Phối hợp với chiến trường chính bằng cách tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, buộc địch phải kéo quân cơ động về chiến trường Bắc Bộ vào đối phó, đồng thời chống âm mưu địch đánh phá hậu phương ta, bảo vệ vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh.
2. Phối hợp với quân dân hai nước bạn, giúp bạn phát triển du kích chiến tranh, mở rộng vùng giải phóng và xây dựng các lực lượng vũ trang, các cơ sở kháng chiến của bạn.

Anh Văn bảo tôi sang Bộ Tổng tham mưu để bàn bạc cụ thể. Sau khi làm việc với Bộ Tổng tham mưu xong, tôi về nhà anh Văn ở trên đồi cọ, ở lại hai hôm. Anh Văn dặn thêm nhiều điều nhằm bảo đảm cho chiến dịch thắng lợi. Anh nhấn mạnh đến nhiệm vụ quốc tế của bộ đội ta, tinh thần hiệp đồng, đoàn kết chiến đấu và bình đẳng tương trợ giữa ta và bạn. Đó là một yêu cầu chính trị của quân đội ta.

Về nhiệm vụ quân sự, anh Văn nói kỹ về mũi vu hồi xuống A-tô-pơ. Mũi này sẽ có tác dụng lớn nhưng có nhiều khó khăn, phải chú ý giữ bí mật và an toàn. Cần chuẩn bị cho bộ đội thật đầy đủ, chọn cán bộ phụ trách bảo đảm đi đến nơi và hoàn thành nhiệm vụ. Anh dặn tôi bàn kỹ với Liên khu ủy Liên khu IV, tăng cường chỉ đạo Bình Trị Thiên. Bộ đội địa phương sẽ thay thế cho sư đoàn 325 khi đi vắng. Phải có kế hoạch phòng thủ Thanh Nghệ Tĩnh, đề phòng địch đánh vùng tự do của ta và là hậu phương của chiến dịch.

Để chủ động tình hình, sư đoàn 325 để lại một trung đoàn làm lực lượng dự bị của Liên khu. Bộ sẽ tăng cường cho chiến dịch trung đoàn 66 của sư đoàn 304. Về chỉ huy, anh Hoàng Sâm làm tư lệnh, tôi làm chính ủy và lấy cơ quan sư đoàn 325 làm cơ quan chiến dịch. Về hậu cần, Bộ đã giao cho Liên khu IV phụ trách. Điều quan trọng là thường xuyên liên lạc với Bộ.

Trong đời bộ đội, tôi cũng đã nhiều lần nhận nhiệm vụ đi chiến dịch. Nhưng chưa lần nào trong lòng cảm thấy phấn chấn, rạo rực như lần này. Tôi không nghĩ rằng đây là chiến dịch cuối cùng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhưng chắc chắn là một chiến dịch lớn mà thắng lợi sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với chiến trường cả ba nước Đông Dương.

Thời gian sắp rồi! Tôi về Nghệ An làm công tác chuẩn bị.

Lúc này, trung đoàn 18, trung đoàn 101 và cơ quan Bộ đã ra vùng Thanh Nghệ Tĩnh. Riêng trung đoàn 95 còn ở lại Bình Trị Thiên một thời gian.

Trong lúc chờ anh Hoàng Sâm vào, tôi tranh thủ báo cáo với Liên khu ủy chủ trương của Tổng quân ủy về chiến dịch Trung Hạ Lào và Đông Cam-pu-chia. Tôi nhắc lại lời anh Văn đã dặn. Sau đó, cán bộ sư đoàn họp để quán triệt mệnh lệnh của Tổng Quân ủy. Mọi người đều tin tưởng, phấn khởi trước tình hình tình hình mới và biểu lộ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của trên giao. Đồng thời, anh em cũng lo lắng:

1. Dịch có thể thọc ra Nghệ Tĩnh đánh phá hậu phương chiến dịch. Nếu trường hợp ấy xảy ra thì nhất định sẽ ảnh hưởng đến chiến dịch.
2. Khi chiến dịch phát triển xa, việc bổ sung quân số và tiếp tế cho bộ đội sẽ gặp khó khăn.

Anh em lo lắng hai vấn đề ấy là chính đáng. Hội nghị Liên khu ủy đã thảo luận hai vấn đề này.

Vấn đề thứ nhất, Liên khu ủy nhận định rằng, chiến trường chính vẫn là Bắc bộ. Đại bộ phận lực lượng cơ động địch đang tập trung ở đó. Nhưng chúng cũng phải dành một phần để củng cố cụm cứ điểm Điện Biên Phủ. Khả năng của địch mở cuộc hành quân ra Nghệ Tĩnh hay làm gì lớn ở Bình Trị Thiên không nhiều. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải cảnh giác và có kế hoạch sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Hiện nay, ở Bình Trị Thiên, mỗi tỉnh có một đến hai tiểu đoàn bộ đội địa phương. Mỗi huyện có một đến hai đại đội dân quân tập trung, có thể thay thế chủ lực đảm nhiệm chống càn và bảo vệ mùa được. Ở Thanh Nghệ Tĩnh, bộ đội địa phương và dân quân du kích cũng đã được xây dựng tương đối mạnh. Lại có trung đoàn 95 làm lực lượng cơ động của Liên khu thì cũng có thể bảo đảm đánh bại các cuộc hành quân của địch và bảo vệ an toàn vùng tự do.

Vấn đề thứ hai về công tác hậu cần cho chiến dịch. Liên khu đã có kế hoạch và đã giao cho một đồng chí ủy viên phụ trách. Khi bộ đội hoạt động trong đất bạn thì sẽ dựa vào nhân dân nước bạn. Việc này sẽ bàn với cán bộ của bạn.

Như thế là anh em yên lòng.

(1) Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Khi anh Hoàng Sâm vào, chúng tôi sắp xếp lại cơ quan. Anh Hoàng Minh Thi làm Chủ nhiệm chính trị. Anh Phùng Duy Phiên làm Tham mưu trưởng. Anh Trần Chí Cường làm Chủ nhiệm hậu cần.

Về kế hoạch của chiến dịch, chúng tôi chia làm ba đợt: đợt 1 đánh Trung Lào, đợt 2 đánh Hạ Lào. Đợt ba đánh xuống Đông Cam-pu-chia.

Về sử dụng lực lượng: đợt 1, chúng tôi dùng trung đoàn 101 và trung đoàn 66 vừa được bổ sung vào hướng đường số 12, trung đoàn 18 vào hướng đường số 9, tiểu đoàn 436 độc lập được tăng cường, đánh vu hồi hướng Hạ Lào.

Tháng 12-1953, sư đoàn xuất phát.

Ngày 12 tháng 12, chúng tôi cùng bộ đội vượt sông Nam Đàn. Ý định lúc đầu của Bộ chỉ huy chiến dịch là cho trung đoàn 66 từ La Khê thẳng lên biên giới diệt vị trí Ba-na-phào có một tiểu đoàn ngự, 2 tiểu đoàn của trung đoàn 101 vòng qua Ba-na-phào lên đường 12 đánh viện binh địch ở đó. Tiểu đoàn 319 thọc lên đường số 8 đánh địch ở Lạc Sao, Cam Cốt và vòng xuống đường 12 phối hợp với 2 tiểu đoàn 101. Nhưng khi nghe địch tăng cường Ba-na-phào và đường 12 bằng lực lượng Âu Phi, chúng tôi thay đổi kế hoạch: 66 tiến lên bao vây Ba-na-phào, 101 lại Châu Lễ, vượt qua mấy dãy núi xuống đường 12, vu hồi phối hợp với 66 tiêu diệt Ba-na-phào.

Tháng Chạp, ở Liên khu IV trời mưa phùn gió bắc, đường lầy lội rất khó đi. Lên đèo Mụ Giạ, mây núi âm u, gió lạnh. Nhưng nhìn xuống Ba-na-phào thì nhà cửa ruộng đồng vui trong nắng vàng rực rỡ. Qua



khỏi biên giới, thời tiết thay đổi hẳn, không khí khô hanh mát mẻ gần giống như trời xuân trên đất Việt.

Khi trung đoàn 101 vượt qua mấy dãy núi thành linh tổ trình sát của ta đi trước bắt gặp 3 thằng Tây. Anh em bắn một loạt và hô “hô-lê-manh” (giơ tay lên). Ba thằng Tây, một chết, một thoát, một bị thương, ta bắt. Tên tù binh đó chính là viên quan tư tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn B.T.A.27. Khi tên tù binh được đưa lên gặp đồng chí Hoàng Văn Thái, chính ủy trung đoàn, đồng chí Thái bảo hắn lột lon quan tư vứt đi. Hắn không lột và nói: “Chỉ có Chính phủ Pháp mới có quyền lột lon hắn”. Đồng chí Thái đánh một bạt tai và nói “Vứt lon đi! Mày khai thật sẽ được bảo toàn tính mạng, không khai thì chết”. Tên quan tư sợ hãi, vứt lon và khai: chúng từ chiến trường Bắc bộ mới vào đây hai ngày. Lực lượng của chúng gồm một GM2, một tiểu đoàn pháo đóng trên đường 12. Tiểu đoàn của hắn là B.T.A.27, và một tiểu đoàn pháo đóng ở Khăm He. Một tiểu đoàn nữa tăng cường cho vị trí Ba-na-phào. Cơ quan chỉ huy GM 2 và một tiểu đoàn đóng ở ngã ba Nhom-ma-rạt.

Kế hoạch chiến đấu của trung đoàn là dùng tiểu đoàn 328 nhanh chóng bí mật tiếp cận, tiêu diệt tiểu đoàn B.T.A.27 vào đêm sau. Tiểu đoàn thứ hai vòng lên phía tây Khăm He để chặn viện.

Lúc 3 giờ sáng ngày 22 tháng 12, tiểu đoàn 328 cách địch độ 40 - 50 mét phát hiện thấy chúng đang ngủ ngổ ngàng trên đường 12. Bộ đội ta nổ súng. Địch bị đánh bất ngờ, chống cự lại lẻ tẻ. Trong khi đánh nhau một xe đạn pháo của địch để gần đó trúng đạn nổ tung. Ta tưởng pháo của địch bắn. Địch cũng tưởng pháo của ta bắn. Trận chiến đấu chỉ nửa giờ là kết thúc. Tiểu đoàn B.T.A.27 bị tiêu diệt hoàn toàn. Gần 100 tên địch bị bắt sống, 60 xe của chúng bị phá hủy. Đại đội pháo của địch ở gần đó cũng bị tiêu diệt. Ta thu được toàn bộ vũ khí, đạn dược, trong đó có 4 khẩu pháo 105 ly còn nguyên vẹn. Rất nhiều rượu, thuốc lá và đồ hộp.

Bị mất liên lạc với B.T.A.27, lúc gần sáng ngày 22, một tên quan tư Pháp và hai lính ngồi trên xe gíp từ Ba-na-phào chạy lên Khăm Hẹ. Bộ đội ta ở đó bắt gặp, quét một loạt liên thanh, cả ba đều chết. Lục giấy tờ trong cặp tên quan tư, chúng ta biết hẳn là tiểu đoàn trưởng một tiểu đoàn Âu Phi mới tăng cường cho Ba-na-phào. Những giấy tờ xác nhận lời khai của tên tiểu đoàn trưởng BTA.27 là đúng. Chúng tôi lại biết thêm ở Lạc Sao, Cam Cốt cũng có hai tiểu đoàn Âu Phi mới được tăng cường.

Sau khi được báo cáo, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho trung đoàn 101 lập tức tiến vào Nhom-ma-rạt để tiêu diệt tiểu đoàn còn lại và bộ chỉ huy GM2 của địch. Nhưng sáng ngày 23, bọn địch ở Nhom-m-rạt đã bỏ chạy về Thà Khẹt. Chúng chỉ để lại đó một đại đội để ngăn chặn ta. Cũng trong đêm 22 sáng 23, được tin GM2 bị tiêu diệt, bọn địch ở Lạc Sao, Cam Cốt đốt phá xe cộ chạy bộ về Thà Khẹt. Bộ đội ta lên Nhom-ma-rạt chỉ gặp một đại đội địch ở đó. Ta tiêu diệt ngay. Tất cả bọn địch ở Thà Khẹt trong những ngày 24 và 25 đều rút chạy hết về Xa-va-na-khẹt.

:

Sáng ngày 24, trung đoàn 66 tấn công vào Ba-na-phào, nhưng địch ở đó đã rút chạy trước rồi. Trung đoàn chỉ để lại một bộ phận nhỏ, chiếm Ba-na-phào, còn đại bộ phận truy kích địch theo đường Tà Cui. Chiều 24, trung đoàn gặp địch và đánh nhau một trận quyết liệt trên đường Tà Cui - Thà Khẹt. Bọn địch bị tiêu diệt một bộ phận, còn lại chạy tán loạn. Trung đoàn tiếp tục tiến về hướng Nhom-ma-rạt.

Sáng ngày 27 tháng 12, trung đoàn trưởng Trần Văn Bành ngồi ô-tô cắm cờ đỏ sao vàng chạy vào Thà Khẹt không gặp một trở ngại nào. Thà Khẹt được giải phóng. Toàn tỉnh Khăm Muộn được giải phóng. Lần đầu tiên tên đất bạn, một tỉnh đã được giải phóng hoàn toàn. Nhân dân và cán bộ địa phương gặp bộ đội Việt Nam rất phấn khởi, tiếp đón niềm nở. Tối ngày đó, nhân dân và bộ đội đốt lửa múa lăm

vòng mừng chiến thắng trong thị xã Thà Khẹt. Bà con Việt kiều ở biên giới Thái Lan nghe tin bộ đội ta vào giải phóng Thà Khẹt cũng sang xem và cùng múa, hát chào mừng thắng trận. Đồng chí Khăm Phay, đại biểu của Pha-thét Lào cùng với chúng tôi, tham gia cuộc vui với các bạn Lào - Việt.

Mở đầu chiến dịch vào ngày 22 tháng 12, đúng ngày thành lập Quân đội ta, chúng ta đánh thắng giòn giã làm cho ngày hội mừng giải phóng Thà Khẹt càng thêm có ý nghĩa. Tình nghĩa quân dân, tinh thần đoàn kết Việt - Lào càng đậm đà, sôi nổi.

Sau giải phóng Thà Khẹt, bộ đội ta có thêm một số lừa ngựa dùng vào vận tải. Anh Hoàng Sâm, tôi, anh Hoàng Minh Thi khởi phải hành quân bộ vì có ngựa đi.

Trong 5 ngày chiến đấu, ta đã tiêu diệt được 2 tiểu đoàn Âu Phi, gần 2 tiểu đoàn ngụy, quét hết địch trên đường 8, đường 12 và toàn bộ hệ thống ngụy quân, ngụy quyền trong toàn tỉnh Khăm Muộn.

Chúng ta đã chia cắt địch giữa Thượng Lào và Hạ Lào.

Chúng tôi bắt đầu có kế hoạch phối hợp với bạn và giúp bạn xây dựng vùng giải phóng.

Bị thua to ở Lào, Na-va vội vã điều GM1, một số tiểu đoàn lẻ, 1 binh đoàn dù từ Bắc bộ và Nam bộ lên Xa-van-na-khẹt. Lực lượng cơ động của địch ở đây đã lên tới 16 tiểu đoàn, không kể 4 tiểu đoàn pháo và cơ giới.

Thế là Na-va bắt buộc phải phân tán binh lực và theo sự phân tích của Đại tướng Võ Nguyên Giáp “Xê-nô đã trở thành nơi tập trung binh lực thứ 3 của địch, sau đồng bằng Bắc bộ và Điện Biên Phủ”.

Chúng tôi rất vui mừng, vì cứ như đồng chí Bí thư Tổng Quân ủy nói “Kéo 5 tiểu đoàn ứng chiến của địch từ Bắc bộ lên Trung Hạ Lào là thành công”. Nay con số đó đã vượt quá ba lần.

Sau chiến thắng Thà Khẹt, chúng tôi định tranh thủ thời cơ địch đang hoang mang tháo chạy, phát triển chiến dịch xuống đường 9, giải phóng Xa-van-na-khẹt. Nhưng Tổng quân ủy chỉ thị: “Chưa nên đánh Xa-van-na-khẹt vì không chắc thắng. Chiến dịch còn dài, phải bảo toàn lực lượng!”.

Chấp hành chỉ thị ấy, chúng tôi dùng 2 trung đoàn 66 và 101 giải quyết những vị trí lẻ, đánh thẳng xuống đường số 9, kết hợp với trung đoàn 18 từ Quảng Trị đánh lên.

Trung đoàn 18 đã tiêu diệt một loạt vị trí từ Đông Hà đến Rào Quán, Khe Sanh, phá sập 17 cầu, 18 cống, trong đó có các cầu Rào Quán, Mai Lĩnh, Khe Sanh giải phóng cả huyện Hướng Hóa thuộc tỉnh Quảng Trị. Tiếp đó, trung đoàn đánh lên Sê-pôn. Trung đoàn 66 đánh Mường Phìn thắng lợi.

Hệ thống cứ điểm đường 9 của địch hoàn toàn bị tan vỡ. Địch ở Xa-van-na-khẹt bị cô lập. Địch ở Hạ Lào cũng bị uy hiếp. Chúng tôi cho một tiểu đoàn của trung đoàn 66 vòng xuống phía nam, cắt đường 13, bao vây Xa-van-na-khẹt.

Vì thắng lợi liên tiếp nên nảy sinh tư tưởng chủ quan trong các đơn vị. Việc lãnh đạo tư tưởng của Bộ chỉ huy chiến dịch và của các cấp ủy không kịp thời. Do đó, gây nên một số tổn thất.

Trong trận bản Pun, trung đoàn 101 bị tiêu hao nặng mà không diệt gọn được địch. Ở đó, có một tiểu đoàn lính ngự, gần đó lại có một tiểu đoàn pháo và đại bộ phận của GM1. Địch đã tạm thời củng cố vị trí chiếm đóng của chúng. Nhưng trung đoàn lại xem địch như kẻ thua trận rút chạy, dừng chân thôi. Vì thế, công tác chuẩn bị không đầy đủ, kết quả trận đánh, tuy địch bị thiệt hại, ta cũng bị tiêu hao.

:

Trung đoàn 66 cũng phải trả một giá rất đắt cho tư tưởng chủ quan đánh giá không đúng về địch. Bộ đội đã bao vây Tà Khống một tuần

lễ. Địch ở đây phòng thủ kiên cố, có công sự vững chắc. Một hôm, ta bắt được một tù binh. Nó khai: binh sĩ trong Tà Khố đang rất hoang mang, có nhiều hiện tượng chuẩn bị tháo chạy. Trung đoàn vội tin là thật, tổ chức tấn công Tà Khố ngay trong đêm 25 tháng 12. Địch đối phó rất mạnh. Bộ đội ta bị thương vong nhiều, không chiếm được đồn, phải rút. Trung đoàn 66 mất một thời gian chấn chỉnh.

Bài học đau xót ở hai trận bản Pun và Tà Khố đã được phổ biến ngay cho các đơn vị. Đối với cán bộ trong chiến dịch lúc bấy giờ, cái từ bản Pun, Tà Khố cũng gần như đồng nghĩa với chủ quan, khinh địch.

Sau đó, có lệnh của Bộ Tổng tư lệnh rút trung đoàn 66, cả anh Hoàng Sâm và anh Hoàng Minh Thi về nhận nhiệm vụ mới. Từ đó cho đến hết chiến dịch, chỉ còn lại lực lượng của sư đoàn 325 (thiếu trung đoàn 95), và tôi trở lại cương vị là Tư lệnh kiêm Chính ủy sư đoàn.

Chỉ trong hai tháng, ta đã giải phóng được một vùng rất rộng từ đường số 8 đến đường số 9. Bạn không có đủ cán bộ và lực lượng để bảo vệ và xây dựng vùng giải phóng. Chúng tôi phải giúp bạn mở lớp ngắn ngày cho cán bộ cơ sở của bạn. Lúc đầu, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn vì thiếu phiên dịch. Nhưng không bao lâu, do sự cố gắng của bạn và ta, cùng sinh hoạt, cùng học tập, trên tinh thần đồng chí anh em giúp đỡ nhau, những khó khăn đó cũng được giải quyết. Đồng chí Khăm Phay đã nói rất đúng: giải phóng đất đai là một việc khó, nhưng xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng càng khó hơn.

Để lại Trung Lào trung đoàn 18 cùng với bộ đội bạn ở đấy tiếp tục xây dựng và củng cố vùng mới giải phóng, chúng tôi tiến xuống Hạ Lào.

Khi bộ đội xuống dưới đường 9, việc tiếp tế từ Liên khu IV không thể tiếp tục vì đường xa, phương tiện thô sơ không thể bảo đảm. Chúng tôi phải khai thác tiếp tế tại chỗ. Chính phủ Trung ương Lào đã chỉ thị cho cán bộ và nhân dân Lào hợp tác và giúp đỡ bộ đội Việt Nam. Dựa vào chỉ thị ấy, chúng tôi cho đoàn cán bộ đi trước, xuống Hạ Lào gặp các cơ quan của bạn để giải quyết vấn đề tiếp tế. Bộ đội ta đi đến đâu thì gạo, lợn đã tập trung sẵn ở đó. Lúc mới gặp, nhân dân bạn thấy bộ đội ta thì đứng nhìn. Nhưng qua những câu chuyện thăm hỏi, dần dần rất thân mật. Chúng tôi thấy trong bà con vận tải có nhiều người từ huyện Tà Ôi, Mường Nòn đến. Họ rất nhiệt tình, nghe nói tiếp tế cho bộ đội Việt Nam đánh Pháp là tình nguyện đi. Họ không kể đường xa, trèo đèo, lội suối. Trong họ, già có, trẻ có, trai có, gái có. Người nhỏ, gầy nhưng rất khỏe. Có người gùi trên 30 - 40 ki-lô-gam lương thực, không có gì tỏ ra khó nhọc lắm.

Có lần tôi hỏi:

- Bà con đi có mệt lắm không?

Họ trả lời:

- Không. Bộ đội Việt Nam sang đây đánh Pháp không mệt, chúng tôi chỉ đi có mấy ngày, có gì đâu mà mệt.

Tôi thấy cảm động. Khi bộ đội ta tạm biệt, tiếp tục cuộc hành quân, họ xin đi theo phục vụ.

Lần đầu tiên, tôi được tiếp xúc rộng rãi với các tầng lớp nhân dân qua nhiều địa phương của nước bạn. Đi đến đâu, chúng ta cũng được tiếp đón niềm nở, thân mật. Họ coi chúng ta như người thân, thái độ đối xử rất chân thành và tin cậy. Họ sẵn sàng giúp đỡ chúng ta những gì có thể giúp được. Họ nói: cầu mong bộ đội mau chóng đánh hết giặc Pháp để người Lào, người Việt được độc lập, tự do.

Lực lượng chúng tôi xuống Hạ Lào trên 5.000, tiến theo hai đường: một là theo đường 23 xuống Xa-ra-van. Hai là theo mé đông đường

13 xuống Lào Ngăm. Trên đường hành quân, trời nắng, rất hiếm nước, bộ đội hái những quả me khô, nhấm cho đỡ khát. Đi dưới rừng cây khoóc, dẫm lên lá khô, nghe kêu lạo xạo. Tôi nói với một chiến sĩ đi bên cạnh: nếu thế này thì bộ đội ta phục kích hay tiếp cận địch vào lúc ban đêm rất khó giữ bí mật. Không khéo làm trò “lạy ông, tôi ở bụi này!”.

Khi bộ đội ta đến Xa-ra-van thì địch ở đó đã tổ chức phòng thủ khá chu đáo trong bốn bức thành kiên cố, có nhiều hàng rào dây thép gai. Địch ở Lào Ngăm đã rút về Thà Tăng. Bộ đội ta lập tức bao vây Xa-ra-van và tấn công tiêu diệt địch ở Thà Tăng. Địch ở Bát xoòng đến cứu nguy cho bọn chúng, bị ta diệt luôn một bộ phận. Tất cả bọn địch ở vùng này đều co lại. Xa-ra-van, Bát-xoòng, Pát-xế, Không-xê-dôn không dám ra ngoài.

:

Qua Lào Ngăm, Thà Tăng, chúng tôi thấy ruộng đất màu mỡ trải rộng mênh mông, cây cối tốt tươi. Nhiều vùng đất còn bỏ hoang, không người khai khẩn. Những đám cà phê chín đen dày đặc, không người hái. Những bãi ngô, mỗi cây hai, ba quả khô rục, không ai bẻ. Những quả bí to tướng nằm sòng sọt bên bờ rẫy không ai nhìn tới. Từ trong cổng vườn, các cụ già, các chị phụ nữ tươi cười hiền hậu, các em nhỏ ngây thơ đứng nhìn chúng tôi đi qua. Có người cất tiếng chào “Xam bay!” “Lào Việt Xa-ma-khi!”. Chúng tôi vui vẻ đáp “Xa-ma-khi! Xa-ma-khi!”.

Tôi nghĩ bụng, những người dân cần cù chất phác ấy rồi đây được làm chủ đất nước mình, làm chủ tài nguyên phong phú của mình thì không bao lâu sẽ xây dựng được một nước Lào văn minh và giàu mạnh...

Đến Xa-ra-van, chúng tôi gặp lại tiểu đoàn 436.

Tiểu đoàn 436 của trung đoàn 101 đã làm nhiệm vụ độc lập, ngay từ đầu chiến dịch, thọc sâu xuống vùng A-tô-pơ.

Lúc giao nhiệm vụ, anh Văn đã nói với tôi về tầm quan trọng của mũi này trong chiến dịch.

Trong kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954, Bộ chính trị Trung ương Đảng có đề ra một điểm: “Phải đoạt lấy địa bàn chiến lược Tây Nguyên, trước hết là bắc Tây Nguyên để phá tan âm mưu củng cố và bình định miền Nam của địch. Trung ương cũng đã chỉ rõ: “Lực lượng ta có phát triển vào Tây Nguyên thì mới giành được thế chiến lược quan trọng nhất miền Nam. Nếu khu chiến lược đó ở trong tay địch thì cục diện miền Nam rất khó cải biến”.

Tây Nguyên, Hạ Lào và đông bắc Cam-pu-chia nằm sát cạnh nhau. A-tô-pơ là một vùng cuối của Hạ Lào giáp ranh cả ba biên giới: phía đông giáp tỉnh Công Tum của ta, phía Nam giáp các tỉnh Xtung-Treng và Ra-na-ta-ki-ri của Cam-pu-chia. Trong lúc bộ đội ta ở Liên khu V đánh Công Tum, nếu ta mở mặt trận ở A-tô-pơ sẽ gây cho địch nhiều khó khăn lớn. Vì vậy, Bộ Tổng tư lệnh quyết định cho mũi thọc sâu đánh thật bất ngờ để tạo chiến thắng trên chiến trường miền Nam.

Mũi thọc sâu đó, Bộ Tổng tư lệnh giao cho sư đoàn 325 chúng tôi đảm nhiệm. Và Bộ cũng đã tính toán, cân nhắc thấy không cần nhiều lắm, chỉ một tiểu đoàn là đủ.

Chúng tôi chọn tiểu đoàn 436 có khả năng đánh công kiên khá nhất của trung đoàn 101. Tiểu đoàn này đánh phục kích, tập kích, vận động đều tốt, có thể hoàn thành nhiệm vụ trên giao.

Về cán bộ, chúng tôi chọn anh Lê Kích, trung đoàn phó xuống làm tiểu đoàn trưởng, anh Nguyễn Minh Đức, phó chính ủy trung đoàn xuống làm chính trị viên tiểu đoàn. Anh Kích và anh Đức trước kia có công tác ở Hạ Lào, nay đi làm nhiệm vụ đó càng thuận lợi. Anh Sơn



và anh Định, tiểu đoàn trưởng và chính trị viên tiểu đoàn xuống làm cấp phó.

Tiểu đoàn 436 được tăng cường một đại đội trợ chiến, một trung đội thông tin có đài vô tuyến điện 15 oát. Các đại đội đều được bổ sung quân số, trang bị đầy đủ. Trước khi lên đường, chúng tôi đến kiểm tra các mặt trong công tác chuẩn bị và động viên anh em khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ. Tất cả cán bộ, chiến sĩ của tiểu đoàn rất tin tưởng và phấn khởi.

Theo chỉ thị của Tổng Quân ủy, các tỉnh của Liên khu IV, Liên khu V phải tích cực sẵn sàng cung cấp lương thực, dân công, bảo đảm cho tiểu đoàn hành quân đến đích. Những ngày đầu đã có 1.500 dân công của Nghệ An, Hà Tĩnh mang vác súng đạn, lương thực cùng đi với tiểu đoàn. Đến Ba Lòng, có 1.500 dân công của Quảng Trị - Thừa Thiên chờ sẵn để thay thế cho dân công Nghệ Tĩnh.

Theo kế hoạch ban đầu, tiểu đoàn 436 hành quân đến Hướng Hóa thuộc Quảng Trị, lên đánh địch ở Xa-ra-van rồi tiến xông A-tô-pơ.

Nhưng kế hoạch ấy bị lộ, phải hủy bỏ. Tiểu đoàn phải quay trở lại, đi sâu dọc núi Trường Sơn vào Quảng Nam rồi rẽ sang A-tô-pơ. Đây cũng là một cuộc xẻ đường lần thứ 2 của bộ đội Bình Trị Thiên.

Chính con đường mòn này, năm năm sau, năm 1959, cán bộ chiến sĩ Đại đoàn vinh dự được vào tham gia phá phá, mở thành con đường mang tên Bác - đường Hồ Chí Minh - đường chi viện cho miền Nam chống Mỹ.

Anh em trong tiểu đoàn rất lo vì không xác định được thời gian đi đường. Nhưng nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời của Tổng Quân ủy, nên cán bộ tỉnh Quảng Trị và đồng chí Bí thư huyện ủy Hướng Hóa đã đến với tiểu đoàn, trực tiếp giải quyết các khó khăn về lương thực, dân công và cả người dẫn đường rất chu đáo. Dọc đường hành quân, thỉnh thoảng anh chị em lại gặp các bà con dân tộc đứng đón

bộ đội bên những gùi gạo đầy. Các cụ già nói: “Theo lệnh Bác Hồ, dân bản đem gạo đến giúp bộ đội ăn đánh Pháp”.

:

Đến tây Quảng Nam, có nơi đồng bào đang đói, họ vẫn gùi sẵn ra đường đón bộ đội. “Dân bản phải ăn củ rừng, chỉ đem giúp bộ đội ít sẵn thôi!”. Thật là cảm động! Anh em ta cảm ơn và san bớt lại cho đồng bào ít gạo, muối của mình.

Vừa đến biên giới Việt - Lào ở tỉnh Quảng Nam, tiểu đoàn đã gặp người của Ban cán sự Hạ Lào đến đón và đưa về chiến khu ở Bô-lô-ven. Đến đây, tiểu đoàn 436 có thêm một đại đội quân tình nguyện Lào và một đội đặc công phối thuộc.

Trong khi cho anh em nghỉ vài ngày lấy sức, ban chỉ huy tiểu đoàn tranh thủ nghiên cứu tình hình địch vùng này.

A-tô-pơ có một tiểu đoàn ngự do bọn Pháp chỉ huy và 4 lô cốt bảo vệ sân bay. Đồn tiền tiêu của chúng có một “đại đội xung kích” (Compagnie de choc) đóng ở bản Pui. Bọn địch ở đây rất chủ quan và có nhiều sơ hở vì chúng chưa bị đánh lần nào.

Trước tết âm lịch, bộ đội ta vượt sông Xê-kông để sang A-tô-pơ. Nhân dân Lào đem đến rất nhiều thuyền nan để cho bộ đội vượt sông trong đêm tối. Bộ đội qua hết, bà con mỗi người kéo một cành lá xóa hết dấu chân trên bãi cát để giữ bí mật hoàn toàn cho trận đánh.

Sáng 30 tết, tiểu đoàn 436 đánh trận đầu tiên trên đất bạn, diệt gọn “đại đội xung kích” của địch ở bản Pui, bắt sống 80 tên, đánh sập 2 lô cốt ở sân bay. Chiều 30 tết, tiểu đoàn tiến vào bao vây thị xã A-tô-pơ, địch ở đây rất hoang mang. Cán bộ cơ sở của ta phối hợp vận động gia đình binh lính ngự kêu gọi chồng con ra hàng. Trước khí thế của bộ đội ta, bọn chỉ huy Pháp khiếp sợ, rút chạy ngay trong đêm 30 tết.

Sáng mồng một tết, quân ta tiến vào thị xã giữa tiếng hoan hô nhiệt liệt của nhân dân địa phương. Bà con Việt kiều hân hoan mừng bộ đội ta chiến thắng giữa lúc đang tung bừng đón xuân trong hương trầm ngào ngạt.

Gặp bà con kiều bào, bộ đội ta rất mừng nhưng cũng chỉ kịp nói vài lời chúc tết ngắn ngủi thì phải chia tay ngay vì vội lên đường truy kích địch. Chiều mồng một tết, anh em đến Bô-lô-ven thì nhận được điện của Bộ Tổng tư lệnh quyết định tặng thưởng tiểu đoàn 436 Huân chương Quân công hạng ba về thành tích giải phóng A-tô-pơ. Anh em rất phấn khởi lại tiếp tục chạy đuổi kịp địch, giết tại chỗ thêm 30 tên, bắt sống 25 tên, có một tên quan ba phòng nhì của phân khu A-tô-pơ - Xa-ra-van. Bọn sống sót chạy tan tác...

Đến đây, tiểu đoàn 436 gặp lại trung đoàn 101. Toàn thể cán bộ, chiến sĩ rất hồ hởi, vui mừng như con một nhà đi xa, nay lại sum họp. Họ kể cho nhau nghe chặng đường chiến đấu vừa qua của họ: Đường số 8, đường 12, đường 6, Thà Khẹt, A-tô-pơ... Họ kể thêm cho nhau nghe những tin tức đã nhận được ở quê hương Bình Trị Thiên, ở Thanh Nghệ Tĩnh. Nơi đây, họ lại được ăn tết đầu xuân của đoàn quân Quang Trung ngày trước.

Ở Hạ Lào, cũng như ở Trung Lào, bạn đã có Ủy ban kháng chiến khu, có đồng chí Khu trưởng chỉ đạo dân chính và đồng chí Tư lệnh chỉ đạo công tác quân sự. Ta có ban cán sự và một đoàn cán bộ giúp bạn làm công tác dân vận. Anh Cầu, Bí thư Ban cán sự Hạ Lào và Đông Cam-pu-chia lên đây giúp bạn từ năm 1949, rất am hiểu tình hình địa phương. Tôi biết anh Cầu từ mùa thu năm 1945 trên đường đi dự đại hội toàn quốc của Đảng ở Tân Trào. Đã chín năm anh em lại được gặp nhau, rất mừng. Ở Bô-lô-ven tôi còn gặp nhiều đồng chí khác trong Ban cán sự. Chúng tôi lại họp Ban cán sự để thông báo tình hình cho nhau và trao đổi một số chủ trương công tác trong thời gian tới.

Trong một buổi họp do Ban cán sự triệu tập, tôi thấy nhiều đồng chí đóng khố, tóc dài, mình trần đen bóng, đến họp. Tôi cứ tưởng đó là cán bộ địa phương được mời đến tham dự. Nhưng khi nghe các đồng chí ấy phát biểu mới biết các đồng chí ấy là cán bộ Việt Nam sang công tác, lòng tôi rất cảm phục. Hầu hết các đồng chí ấy khi xuống cơ sở đều phải chan hòa với nhân dân địa phương về phong tục, sinh hoạt. Xây dựng được lòng tin cây lấy nhau giữa nhân dân ba nước Việt - Lào - Campuchia cũng khá gian khổ. Đã gần một trăm năm bọn thực dân Pháp thực hiện chính sách chia để trị, ra sức dựng lên bức tường ngăn cách, reo rắc nghi ngờ giữa các dân tộc anh em. Chúng khuyến khích, nuôi dưỡng những sự thù hằn giữa các dòng họ trong một nước mà lắm lúc chỉ do chuyện giành nhau một con suối, một đám rẫy... Những cán bộ dân vận Việt Nam đã cùng với cán bộ địa phương đến tận từng bản, từng nhà, giải thích cho nhân dân hiểu được ai là bạn, phải đoàn kết giúp đỡ, ai là thù phải tập trung sức đánh đuổi. Đối với một dân tộc bị kẻ thù kìm hãm, sống trong cảnh đói dốt làm cho họ hiểu được quyền con người, không phải là chuyện đơn giản. Nếu không phải là cán bộ cách mạng có tinh thần quốc tế cao cả, có tình cảm giai cấp vô sản sâu sắc thì không thể hy sinh cuộc sống riêng tư của mình, chịu đựng gian khổ như thế. Họ phải rời bỏ gia đình, xa nơi chôn nhau cắt rốn, cùng ăn, cùng ở với nhân dân bạn hết năm này qua năm khác để chống quân xâm lược, giành lại độc lập, tự do cho mỗi nước. Cuộc sống âm thầm ấy của anh em ít được ai biết đến, nhưng tinh thần yêu nước, tinh thần quốc tế cao cả của họ đáng khâm phục biết bao nhiêu.

Địa hình ở Hạ Lào, nhiều khe suối. Mưa một trận, nước đổ thành sông, nhưng đến mùa khô, chỉ còn sỏi đá. Thỉnh thoảng mới gặp một vũng nước đọng bên rừng cây khô, lá rụng. Các loài muông thú, ếch nhái và cả người cũng dựa vào các vũng nước thiên nhiên hiếm hoi, bắt thủy đó để sống qua mùa khô hạn. Bộ đội hành quân, mỗi người phải mang theo hai ống nước trên lưng dùng cho cả ngày. Trong

chiến đấu, có đồng chí bị lạc, cứ đi mãi không tìm thấy nước, chịu chết khát giữa rừng. Ở Hạ Lào có nhiều cây me chua, anh em hái quả cho vào ba lô, thỉnh thoảng lấy ra nhấm nháp cho đỡ khát. Rau xanh rất hiếm. Có một loại rau dại, trông tựa như rau muống, nhưng có cuống dài như rau khoai, một số anh em ăn, bị say ngaoắc ngoải. Anh em đã phải đặt câu về:

Cây rau muống, cuống rau khoai

Nhìn lành, ăn độc, xin ai chớ lầm.

Cao nguyên Bô-lô-ven có khí hậu mát như Đà Lạt. Bản nào cũng có vườn mít, xoài, cà phê... cây cối xanh tốt. Chăn-pát-xắc là vựa lúa của Hạ Lào. Nhân dân, nhiều người ở nhà sàn rất to, có nhà chứa được cả đại đội. Bà con sẵn sàng nuôi thương binh, bộ đội cả tháng không lấy tiền. Mỗi nhà đều có gian buồng hẹp giành riêng cho con gái không ai được tự tiện bước vào. Thế nhưng, trước ngày giải phóng, chính các cô gái ấy tự tay đưa anh em thương binh ta vào trong buồng để che mắt địch khi chúng đi lùng sục.

Nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình và sự hợp tác của nhân dân, ở đây, bộ đội ta cũng lập được một số chiến công mới: trận tập kích đồn Pa-xắc diệt gần 80 địch, trận đánh giao thông ở Xu-khu-ma bắt sống cả đoàn xe trên 30 chiếc chở đầy lương thực, vũ khí.

Bọn Pháp có một kho xăng và đạn ở Kỳ-nặc, cạnh đường 13. Trung đoàn 101 đã dùng cối, pháo, bắn vào phá hủy hoàn toàn. Xăng cháy, đạn nổ ùng oàng suốt ba ngày đêm. Trận này gây thiệt hại lớn cho địch, vì quân Pháp, ngụ ở Trung, Hạ Lào và cả ở Thượng Lào cũng dùng xăng ở kho này.

Ngoài ra, còn có một số vị trí nhỏ, lẻ, từng trung đội ngụ đều bị bộ đội ta diệt hoặc buộc phải rút hết. Hạ Lào đã được hoàn toàn giải phóng. Địch chỉ còn cụm lại ở Xa-ra-van và một số vị trí trên đường 13 lên đến Xa-van-na-khet.

Khi đại bộ phận quân ta xuống Hạ Lào và trung đoàn 66 về nước, địch quay trở lại chiếm Thà Khẹt. Lúc đó, chúng tôi muốn tập trung bộ đội về giải phóng lần thứ hai. Nhưng theo chỉ thị của Tổng Quân ủy, chúng tôi phải tiếp tục phát triển xuống Đông Cam-pu-chia để giam chân địch ở đó.

Thế là chúng tôi lại tiếp tục thực hiện kế hoạch đợt 3 của chiến dịch.

Vùng Hạ Lào - Đông Cam-pu-chia đất rộng, người thưa. Làng này sang làng khác phải đi mất nửa ngày. Nhiều vùng đất hoang, đồi là là, cây lúp xúp. Cũng có chỗ rậm rạp, um tùm. Từng quăng có những cánh đồng nho nhỏ, gần đó, có độ bốn, năm chục nóc nhà của dân ở. Nhân dân ở đây sống bằng nghề làm ruộng. Mỗi năm, họ chỉ làm một vụ là đủ ăn, vì ruộng nhiều và tốt. Những ngày rỗi rãi công việc đồng áng, họ đi bắn con chim trong rừng, bắt con cá, con cua dưới khe suối. Cuộc sống của họ đơn giản, thoải mái, tự cung tự cấp. Dọc sông Mê-kông có nhiều Việt kiều. Nghề nghiệp của họ chủ yếu là đánh bắt cá và cuộc sống tương đối đầy đủ.

Kế hoạch đợt ba của chiến dịch ở Đông Cam-pu-chia. Sau khi bàn bạc với Ban cán sự Hạ Lào - Đông Cam-pu-chia, chúng tôi bắt đầu cuộc hành quân. Nhiệm vụ của các đơn vị:

- Tiểu đoàn 319, do tiểu đoàn trưởng Dương Bá Nuôi phụ trách, vượt sông Mê-kông sang Chăm-pát-xắc. Sau khi quét hết địch ở đó, tiểu đoàn phải có kế hoạch giúp bạn xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng. Cần tranh thủ thời gian, hành quân xuống phối hợp với trung đoàn ở phía tây sông Mê-kông, giải phóng Xtung Treng.

- Tiểu đoàn 436 hành quân xuống Vôn-xai, bao vây địch ở đó. Nếu có điều kiện thì tiểu đoàn tiêu diệt địch và giải phóng Vôn-xai. Nếu giải phóng được Vôn-xai, tiểu đoàn tiến thẳng xuống Lam-phát, đánh địch, rồi vòng lên đường 13 phối hợp với trung đoàn giải phóng Xtung Treng.

- Tiểu đoàn 328 và các đơn vị trợ chiến, cùng cơ quan đoàn bộ đi dọc theo sông Xê-không xuống Xiêm păng đánh địch và tiến sang Xtung Treng, vì hai bên đường có bụi bờ ẩn nấp kín đáo.

Ngồi trên lưng ngựa, đứng đỉnh theo hàng quân, tôi lo lo, không biết tiểu đoàn 319 có đến nơi hợp điểm đúng thời gian không? Tiểu đoàn 436 có giải phóng được Vôn-xai không? Địch ở Xiêm-păng ra sao? Tôi cũng biết lo như vậy không giải quyết được gì, nhưng không sao cắt đứt được mối lo ấy trong đầu óc.

:

Đến Xiêm-păng, trinh sát cho biết địch ở đây mới được tăng cường thêm một đại đội. Vị trí của chúng có công sự vững chắc, có nhiều hàng rào dây thép gai. Chúng tôi thấy tiểu đoàn 328 đánh không chắc thắng. Chiến trường xa hậu phương, quân bổ sung khó, phải hết sức tránh những trận đánh có thể thương vong cao. Bộ đội phải giữ sức để đánh dài ngày. Chúng tôi để một bộ phận nhỏ bao vây Xiêm-păng, đại bộ phận tiểu đoàn 328 và các đơn vị trợ chiến phục kích đánh viện binh địch từ Xtung Treng lên.

Sau hai ngày, viện binh địch đến với 30 xe chở đầy lính, đi vào trận địa phục kích của ta. Một trận đánh quyết liệt xảy ra. Kết quả: bộ phận địch bị tiêu diệt và trên 20 xe bị phá hủy. Địch ở Xiêm păng hoảng sợ rút chạy. Tiểu đoàn 328 đuổi theo, tiêu diệt được một bộ phận của địch. Xiêm păng được giải phóng. Đường xuống Đông Miên được mở rộng.

Khi địch ở Xiêm păng bị đánh thì địch ở Lam Phát đưa một đại đội lên tăng cường cho Vôn xai. Tiểu đoàn 436 bắt gặp. Một cuộc tao ngộ chiến diễn ra. Kết quả đại đội địch bị tiêu diệt. Địch ở Vôn-xai hoang mang. Thừa thắng, tiểu đoàn 436 đánh chiếm Vôn-xai. Sáng ngày hôm sau, tiểu đoàn phát triển xuống giải phóng luôn thị trấn Lam Phát. Địch ở Lam Phát rút chạy. được lệnh trên, tiểu đoàn 436 nhanh chóng tiến thẳng xuống Kơ-ra-chi-ê đánh địch ở đó. Nhưng vì hết

gạo, phải trụ lại trên đường 13 giữa Kơ-ra-chi-ê - Xtung Treng. Ở đây, thỉnh thoảng có những đoàn xe năm, bảy chiếc đi qua. Tiểu đoàn phục kích đánh một trận giao thông diệt 50 tên địch, phá hủy 5 xe, bắt sống 25 tên khác. Không ngờ bọn này hầu hết là sĩ quan và hạ sĩ quan mới tốt nghiệp ở Pháp. Chúng đưa bọn này sang để tăng cường cho quân chiếm đóng của chúng ở Lào. Trận phục kích thắng lợi lớn, nhưng mục đích tìm gạo chưa đạt. Vừa lúc đó, có 2 xe gạo của một thương gia chạy đến. Bộ đội ta chặn lại và hỏi mua một số gạo. Họ liền vui vẻ biểu luôn cho anh em ta một xe ba tấn không lấy tiền. Có được gạo, tiểu đoàn lập tức hành quân xuống Kơ-ra-chi-ê. Địch ở đây đã mất tinh thần. Được tin bộ đội ta đến, chúng liền bỏ chạy. Ta đuổi đánh, diệt được một số và chiếm lĩnh Kơ-ra-chi-ê.

Xiêm-păng, Vôn-xai, Lam Phát, Kơ-ra-chi-ê được giải phóng. Xtung Treng bị cô lập. Lúc ấy, tiểu đoàn 319 cũng đã xuống đến phía tây sông Mê-kông, đối diện với Xtung Treng. Chúng tôi sử dụng tiểu đoàn 436 và tiểu đoàn 328 cùng các đơn vị trợ chiến tấn công Xtung Treng.

Khi bộ đội ta chưa đến nơi, địch ở đây đã rút chạy. Trung đoàn hoàng gia GM52 do Xi-ha-núc chỉ huy từ Phnôm Pênh lên để cứu nguy cho đồng bọn. Bộ đội ta đuổi địch ở Xtung Treng chạy, vừa gặp GM52. Không cho địch có thì giờ củng cố, đơn vị đi đầu của ta tổ chức tấn công ngay, làm cho địch hoảng hốt tán loạn. Cả địch ở Xtung Treng và GM52 chạy thẳng về Phnôm Pênh. Thế là toàn bộ tỉnh Xtung Treng được giải phóng.

Lúc này, chúng tôi tranh thủ chặn chính bộ đội, giải quyết vấn đề tiếp tế, tổ chức nuôi dưỡng anh em thương binh, chuẩn bị cho đợt tấn công mới.

Chúng tôi cũng đã góp ý kiến với các đồng chí cán bộ địa phương của bạn về việc xây dựng và bảo vệ vùng mới giải phóng.



Đi sâu vào nội địa Xtung Treng, tôi thấy đời sống của nhân dân ở hai bên bờ các con sông lớn: Mê-kông Xê-kông, Xê-năng... tương đối đầy đủ. Nhưng ở các nơi khác, nhiều gia đình lắm lúc phải ăn cháo hoặc ăn củ rừng. Tinh thần cách mạng của nhân dân khá cao. Mặc dầu nghèo khổ, thiếu ăn nhưng họ sẵn sàng góp gạo giúp bộ đội. Những nơi đang còn bị giặc Pháp kìm kẹp, họ vẫn tìm cách đến với anh em ta. Một hôm, bộ đội đang đóng ở trong rừng thì thấy một số dân địa phương từ trong vùng bị chiếm có cả đàn ông, đàn bà vác đòn càn đi đến. Người đàn ông cao tuổi nhất nói với anh em ta: “Dân bản thương bộ đội, đem gạo muối cho bộ đội”. Những người trong đoàn hạ đòn càn xuống, lúc lắc gạo trong ống tre rơi ra từ một khe nhỏ. Để hết gạo, bà con lại mở các mo côm, lấy ra từng gói muối đưa cho bộ đội và nói: “Địch nó khăm kỹ lắm, không đem đi nhiều được”. Mới gặp lần đầu nhưng tinh thần tương trợ, đoàn kết chiến đấu của quân dân hai nước biểu lộ rất chân tình, sâu đậm.

Được tin ở Liên khu V giải phóng Công Tum, chúng tôi cử cán bộ xuống liên hệ và đề nghị phối hợp giải phóng luôn Buôn Ma Thuột. Anh Nguyễn Chánh viết thư trả lời, Liên khu V đang gặp khó khăn về lương thực, không thể đảm bảo tiếp tế cho lực lượng chúng tôi. Vì thế, đề nghị của chúng tôi không thể thực hiện.

Chúng tôi tính đến chuyện phát triển xuống Công-pông-chàm, Công-pông-thom. Chúng tôi cho một tổ trinh sát đi trước xuống nắm tình hình ở vùng ấy và bắt liên lạc với bộ đội ta ở Nam bộ. Trong lúc đang chuẩn bị đột tấn công mới thì tin chiến thắng Điện Biên Phủ bay về. Vô cùng phấn khởi. Tiếp đó, chúng tôi lại được tin ngừng bắn và lui quân của Tổng Quân ủy vì hiệp định Giơ-ne-vơ đã ký kết. Chúng tôi chuẩn bị cho bộ đội về nước.

Chiến dịch Trung - Hạ Lào và Đông Cam-pu-chia đến đây kết thúc.

:

Chiến dịch ấy đã đánh dấu một bước phát triển mới về nghệ thuật chiến dịch và sự trưởng thành của bộ đội Bình Trị Thiên. Từ chiến dịch Lê Lai, Phan Đình Phùng đến chiến dịch, này, quy mô tổ chức, phạm vi hoạt động ngày càng lớn. ý nghĩa đối với chiến dịch ngày càng quan trọng.

Nhiệm vụ của chiến dịch đã hoàn thành tốt đẹp. Nó đã kéo một lực lượng cơ động lớn của địch từ chiến trường chính đến đây và đã tiêu diệt được một bộ phận. nó đã đóng góp xứng đáng vào sự toàn thắng của chiến cuộc Đông - Xuân năm 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Chiến dịch này cũng đã biểu thị tinh thần quốc tế cao cả của bộ đội ta đối với nhân dân hai nước Lào và Cam-pu-chia. Gần một năm trời, lực lượng vũ trang hai nước bạn chiến dịch chống kẻ thù chung là thực dân Pháp. Cuộc liên minh chiến đấu này đã giải phóng một vùng đất đai rộng lớn, từ Trung Lào đến đông bắc Cam-pu-chia, hàng chục vạn ki-lô-mét vuông. Gần một trăm năm, dân ở đó mới bắt đầu được hưởng độc lập, tự do. Qua đó, chúng ta đã giúp bạn xây dựng các lực lượng vũ trang, xây dựng vùng giải phóng vững mạnh, góp phần tích cực đưa cách mạng của nhân dân ba nước tiến lên giai đoạn mới.

Trước khi lên đường về nước, chúng tôi họp với Ban cán sự Hạ Lào - Đông Cam-pu-chia một số vấn đề giúp bạn sau khi bộ đội ta rút. Vấn đề đặt ra và thảo luận sôi nổi giữa chúng tôi là công tác trọng tâm sắp tới là thành thị hay nông thôn? Chúng tôi cho rằng cách mạng Lào và Cam-pu-chia sẽ có nhiều khả năng phát triển khác nhau, rất phức tạp. Nhưng bất cứ trong tình huống nào, vấn đề cơ bản vẫn do sự giác ngộ của quần chúng nhân dân quyết định. Vì vậy, việc tiếp tục củng cố, xây dựng các lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở trong vùng giải phóng nhất thiết không được coi nhẹ. Nhưng, trong tình hình mới, việc tuyên truyền phát động quần chúng, tập hợp các tầng lớp trong xã hội để đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ thì

công tác thành thị trở nên vô cùng quan trọng. Sự kết hợp chặt chẽ giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp nhân dân thành một sức mạnh tổng hợp thống nhất sẽ đưa cách mạng tiến tới giành những thắng lợi mới.

Được tin chiến tranh kết thúc, bộ đội sắp về nước, tất cả cán bộ, chiến sĩ đều hân hoan ca khúc khải hoàn. Anh em chia tay nhau đi chào nhân dân quanh vùng. Tối đến, đốt lửa trại liên hoan cùng bà con. Cuộc họp mặt rất vui. Khi chia tay, mọi người đều lưu luyến. Mặc dầu đêm đã khuya, bà con vẫn tiếp tục buộc chỉ vào tay cán bộ, chiến sĩ ta hết người này đến người khác. Bà con nói:

- Hết chiến tranh, bộ đội về nhà, nhưng đừng quên chúng tôi.

Sáng hôm sau, chúng tôi đến từ biệt nhân dân ở một bản gần nơi đóng quân, dân bản tiếp đón rất niềm nở và chúng tôi bị giữ lại mất nửa ngày. Bà con mổ lợn, ăn liên hoan với chúng tôi. Tất cả chủ và khách đều ngồi xuống sàn nhà quanh mấy mâm xôi thịt và mấy vò rượu nếp thơm phức. Bữa ăn, tuy không linh đình nhưng ấm cúng, thân mật. Tôi nhớ mãi câu nói của một cụ già trong bản:

- Giặc đi thì bộ đội về với cha mẹ, giặc đến thì bộ đội phải sang ngay, giúp chúng tôi đánh giặc.

Khi chia tay, kẻ ở người đi rất bịn rịn. Nhân dân bạn đối với bộ đội ta rất nồng nàn, thân thiết, chẳng khác gì nhân dân ta đối với bộ đội khi chiến đấu ở trong nước.

Chúng tôi gấp rút chuẩn bị cuộc hành quân sớm ngày nào hay ngày nấy để tránh mùa mưa lũ ở vùng Đông Cam-pu-chia và Trung Hạ Lào. Nhưng một cuộc hành quân đi bộ hàng nghìn ki-lô-mét phải giải quyết nhiều vấn đề. Những khó khăn lớn nhất của chúng tôi lúc bấy giờ là tiếp tế và thương binh.

Vấn đề tiếp tế, bảo đảm cho hơn 5.000 quân đi trên một con đường dài hàng tháng, có nhiều núi rừng, khe suối không phải chuyện dễ. Nhưng nhờ có nhân dân bạn hết lòng giúp đỡ, đi đến đâu, họ cho gạo ăn đến đó. Nhờ thế mà cuộc hành quân đi đến nơi về đến chốn.

Thương binh là vấn đề khó khăn nhất. Nếu để anh em ở lại chạy chữa cho lành mạnh rồi sẽ về nước thì không phù hợp với tinh thần Hiệp định Giơ-ne-vơ. Nếu tổ chức cho an hem cùng về thì đường xa, sợ trèo đèo, lội suối, đi không nổi. Nhưng nhờ có sự can thiệp của Bộ Tổng tư lệnh và sự đấu tranh của chúng tôi, buộc bọn Pháp ở Xa-ra-van phải nhận đưa gần 70 thương binh của ta về Đồng Hới bằng máy bay.

Cuộc hành quân của chúng tôi lên khỏi Xa-ra-van thì mưa to. Anh em cứ tiếp tục đi dưới trời mưa dầm dề như trút, hết ngày này sang ngày khác. Nếu dừng lại, chờ hết mưa thì sợ mưa không hết mà gạo lại hết. Gần đường 12, nước sông Xê-băng-phai lên cao, tràn ngập mênh mông như biển, không có cách gì đi được. Bộ đội phải dừng lại. Anh em công binh và những đồng chí trong đơn vị đã trở hết tài nghệ của mình nhưng không thể qua sông được. Trời vẫn tiếp tục mưa to, không ngớt. Gạo trên lưng bộ đội đã ăn hết. Vùng này, dân cư lại thưa thớt. Tình thế rất gay go. Chúng tôi phải cầu cứu lên Tổng Quân ủy. Anh Văn điện cho tôi Liên khu 4 tìm mọi cách tiếp tế cho đại đoàn 325. Đến ngày thứ ba, Liên khu IV đã đưa gạo lên đường 12, nhưng không thể đến tay bộ đội vì không qua sông Xê-băng-phai được. Các đồng chí bơi lội giỏi trong đơn vị lấy ống tre lội qua sông, cho gạo vào ống, nút kín miệng ống, đưa về từng ít một. Đến ngày thứ năm, nước rút, chúng tôi mới ra được đường 12.

Cuộc hành quân ròng rã gần một tháng rưỡi, vô cùng gian khổ. Có lẽ đây là cuộc hành quân lịch sử của bộ đội Bình Trị Thiên, trong thời kỳ chống Pháp.

Về đến Châu Phong (Hà Tĩnh) anh em nghỉ lại đó ít ngày để lấy sức rồi vào tập kết tại sân bay Đồng Hới. Đại đoàn về đến Đồng Hới vào giữa tháng 10 năm 1954. Anh em thương binh ở Lào cũng đã về đây từ cuối tháng 9. Trong thời gian chúng tôi chiến đấu ở Lào, trung đoàn 95 được Bộ Tổng tư lệnh điều động ra chiến đấu ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Phối hợp với đại đoàn 320 và các lực lượng vũ trang Liên khu III, trung đoàn đã tiêu diệt và bắt sống gần 2000 địch, đập tan tuyến phòng thủ của chúng trên đường số 10 và tham gia giải phóng các thị xã Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, trung đoàn 95 về Đồng Hới trước đó một thời gian ngắn. Đại đoàn 325 lúc này mới được tập trung đầy đủ. Với những thành tích đã đạt được ở Trung - Hạ Lào, Đông Cam-pu-chia và thắng lợi của cuộc hành quân vừa rồi, cán bộ, chiến sĩ gặp lại đồng bào, đồng chí trên dải đất thân yêu Bình Trị Thiên của mình, vừa vui mừng, vừa xúc động kể sao cho xiết.

Sau khi chấn chỉnh nơi ăn, chốn ở, các đơn vị bắt tay vào việc kỷ niệm ngày 22-12-1954, mừng Quân đội ta tròn mười tuổi.

## XXIV. VÀI DÒNG SUY NGHĨ

Trong những ngày còn đánh Mỹ, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã gợi ý cho tôi nên viết lại cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Trị Thiên. Tôi thấy cũng cần. Đáng tiếc là cả thời kỳ đánh Pháp ở Bình Trị Thiên, tôi không ghi nhật ký. Song những ấn tượng về cuộc đấu tranh gian khổ và anh dũng của quân dân Bình Trị Thiên trong thời kỳ đó vẫn còn in đậm trong ký ức tôi, không thể nào quên được.

Đã hơn 30 năm qua, mỗi lần có dịp nhắc đến cuộc kháng chiến chống Pháp, tôi lại nhớ đến những gì đã diễn ra trên chiến trường Bình Trị Thiên. Cũng ít thấy một chiến trường nào, đất hẹp, núi biển gần sát nhau, hai đầu hai ngọn đèo cao chặn lại, bị kẻ thù chiếm đóng, khủng bố, đánh phá ác liệt liên miên, mà lại có một sức sống, chiến đấu kiên cường, bền bỉ như thế!

Đầu năm 1947, sau khi mặt trận Huế vỡ, thế giặc đang thịnh, tràn đến đâu, chiếm đóng đến đó, tàn sát dân lành, đốt phá nhà cửa, xây đồn bốt, lập hội tề. Lực lượng kháng chiến bị dồn ép cùng cực. 2.500 đảng viên trước ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ chỉ còn non 1.000. Chính quyền cách mạng ở thôn xã đại bộ phận bị mất. Quần chúng hầu hết nằm trong vùng chúng kiểm soát. Mỗi tỉnh chỉ còn vài nghìn người chạy dạt lên núi, sống trong cái đói rét. Quân và dân gặp vô vàn khó khăn chồng chất, tưởng chừng không có cách gì vượt qua nổi. Anh Nguyễn Chí Thanh gọi đó là “thời kỳ tan rã”.

Thế nhưng cuộc kháng chiến khôn bị dập tắt, mà vẫn tồn tại, khôi phục và phát triển. Chỉ hai năm sau “thời kỳ tan rã”, số đảng viên đã lên tới ba vạn. Cơ sở chính quyền thôn xã khôi phục lại gần hết. Quần chúng trong vùng ta kiểm soát từ chỗ vài nghìn lên đến 5 vạn trong mỗi tỉnh.

Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân đều phát triển. Phong trào tự túc lương thực, tự túc vũ khí, xóa nạn mù chữ được đẩy mạnh khắp nơi.

Do đâu có được những thắng lợi to lớn ấy? Đại hội đại biểu Đảng ở Liên khu IV năm 1949 đã biểu dương phong trào kháng chiến Bình Trị Thiên và rút ra mấy bài học chính. Đó là tinh thần tự lực tự cường, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn và dũng cảm chiến đấu. Đúng. Ở một dải đất hẹp, kinh tế nghèo, hạn hán, lũ lụt thường xuyên đe dọa, địch o ép bốn phía, trong lúc sự chi viện của Liên khu IV cũng như của Trung ương còn hạn chế, quân và dân Bình Trị Thiên không còn cách nào khác là phải tự khắc phục để sống và chiến đấu. Những đức tính ấy vốn là bản chất truyền thống của quân dân Bình Trị Thiên. Nhưng làm cho bản chất và truyền thống ấy trở thành sức mạnh thực tế trong điều kiện chiến trường lúc bấy giờ trước hết phải nói là do sự lãnh đạo của Đảng ta. Đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng được các Tỉnh ủy của ba tỉnh Bình Trị Thiên xây dựng một cách tài tình và sáng tạo trong tình hình cụ thể của tỉnh mình. Do đó đã đoàn kết được mọi người, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, miền xuôi miền ngược, trong Đảng ngoài Đảng, chính quyền, quân đội thành một khối vững chắc tựa thành đồng. Sự đoàn kết nhất trí ấy đã giúp cho quân và dân Bình Trị Thiên, vượt qua mọi hoàn cảnh hiểm nghèo, tiến lên giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đó cũng chính là sự thể hiện một nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong việc xây dựng lực lượng cách mạng của nhân dân ta mà Hồ Chủ tịch luôn luôn nhắc đến.

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công.

Có nhân dân anh hùng mới có quân đội anh hùng. Và quân đội anh hùng lại làm vẻ vang thêm truyền thống cách mạng của quê hương. Đồng bào Bình Trị Thiên rất lấy làm tự hào về lực lượng vũ trang

mình. Anh bộ đội Bình Trị Thiên mang trong người đầy đủ phẩm chất cao quý của người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam mà đồng bào cả nước đã gọi một cách trìu mến “Anh bộ đội Cụ Hồ”.

Kinh tế của Bình Trị Thiên chưa phát triển. Những năm đầu kháng chiến bộ đội ở đây vẫn phải chân đất, mũ nan đi đánh giặc, cướp vũ khí của giặc để trang bị cho mình. Dù có lúc phải ăn đói mặc rách, bộ đội vẫn một lòng “trung với Đảng, hiếu với dân”. Trong đơn vị thì cán bộ, chiến sĩ trên dưới một lòng, lúc khó khăn cũng như khi thuận lợi luôn luôn chia ngọt sẻ bùi, nhường cơm xẻ áo, nhường nhịn, giúp đỡ nhau như anh em một nhà. Đối với kẻ thù thì cương quyết tấn công không lùi một bước. Đối với nhân dân thì kính yêu, thân thiết như người con, người em hiếu thảo.

Là quân đội chiến đấu và đội quân công tác, bộ đội Bình Trị Thiên biết cách đánh giặc bằng quân sự, lại biết các đánh giặc bằng địch vận, biết cách giúp cán bộ địa phương xây dựng cơ sở cách mạng, biết giúp đồng bào tăng gia sản xuất và biết dạy cho các em nhỏ học hành ca múa.

Hình ảnh cao quý “Anh bộ đội Cụ Hồ” cũng như kỷ niệm đầm ấm về tình quân dân đoàn kết chiến đấu luôn luôn là nguồn động viên sâu sắc với người dân Bình Trị Thiên. Điều đó đã giúp cho đồng bào tăng thêm lòng tin, tăng thêm sức mạnh, vượt qua muôn vàn thử thách, kiên trì đấu tranh với một tinh thần dũng cảm hy sinh không bờ bến suốt trong 3.000 ngày chống Pháp rồi đến 20 năm chống Mỹ, góp phần cùng với cả nước đưa sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc đến toàn thắng.

Bình Trị Thiên đã trở thành biểu tượng về một chiến trường gian khổ, ác liệt, giàu tinh thần chiến đấu bất khuất. Đồng bào cả nước đã dành cho Bình Trị Thiên những tình cảm thương yêu, quý mến.

Trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân



dân Bình Trị Thiên phát huy truyền thống của mình, đang cố gắng đóng góp nhiều nhất cho sự nghiệp cách mạng. Truyền thống đó là toàn quân một ý chí, quân với dân là một ý chí, không ngừng nâng cao sức mạnh và sẵn sàng chiến đấu, tích cực tham gia xây dựng kinh tế, làm tròn nhiệm vụ, mãi mãi xứng đáng với lòng tin yêu của Đảng, của nhân dân.

\*

\* \*

Với tập sách nhỏ này, tôi không có tham vọng kể lại toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Trị Thiên. Tôi chỉ muốn nêu lên một số chuyện về hoạt động của các lực lượng vũ trang nhân dân ở đó. Xin chân thành cảm ơn các đồng chí, các bạn trong và ngoài quân đội đã giúp tôi hoàn thành cuốn sách này.

Hà Nội, 1984

Cám ơn các bạn đã theo dõi đến cuối cuốn sách.

Sách được số hóa bởi thành viên: **Macbupda**

Tạo ebook bởi: Tô Hải Triều

Phát hành ebook: Tải Sách Hay

Website: <http://www.taisachhay.com>

*\*Lưu ý: Tải Sách Hay là website phi thương mại. Chúng tôi chia sẻ sách với cộng đồng Mê Đọc Sách và không thu về bất kì một khoản lợi nhuận nào. Sách được phát hành trên Tải Sách Hay do thành viên đưa lên.*